

Hướng Dẫn Đọc Tân Ước

Etienne Charpentier



Tác phẩm: Hướng Dẫn Đọc Tân Ước
Nguyên tác: Pour lier le Nouveau Testament của Etienne Charpentier, Les Editions du Cerf, Paris, 1990
Dịch giả: Linh mục Carôlô Hồ Bạc Xái

CHƯƠNG DẪN NHẬP

CHUẨN BỊ CHO CHUYẾN THAM QUAN

Trước khi đi tham quan một xứ lạ, ta phải tìm hiểu đôi điều về phong tục, tập quán, cách thức suy nghĩ và tiếng nói của người dân xứ ấy. Có thế mới khỏi bỡ ngỡ lúc tham quan và cuộc tham quan mới hữu ích nhiều. Chẳng hạn, ta có thể nghiên cứu bản đồ, tham khảo sách vở về hoàn cảnh chính trị, kinh tế và xã hội của xứ ấy.

Tân Ước, cho dù bạn đã biết vài đoạn, vẫn luôn luôn là 1 vùng đất lạ. Vậy để chuẩn bị tham quan Tân ước, việc đầu tiên chúng ta phải làm là đọc quyển Công vụ Tông đồ để biết được môi trường sống của các Kitô hữu đầu tiên.

Nhưng trước đó chúng tôi thấy cần phải nhắc sơ lại Tân ước là gì nó được sinh ra như thế nào.

Sau đây là những điều cần phải biết để chuẩn bị cho chuyến tham quan.

- Bài 1: 3 giai đoạn của việc hình thành Tân ước.

- Bài 2: Văn thể "Tin Mừng".

- Bài 3: Những văn thể trong các sách Tin Mừng.

BÀI 1

BA GIAI ĐOẠN CỦA VIỆC HÌNH THÀNH TÂN ƯỚC

I. GIAI ĐOẠN I: ĐỨC GIÊSU NAZARETH (năm 6 trước CN - 30 CN)

Đức Giêsu sinh ra dưới triều Hêrôđê, có lẽ vào năm thứ 6 trước công nguyên. Ngài đã sống ở Nazarét, như một người Do thái ngoan đạo, tuân giữ Luật theo tinh thần của những người biệt phái tức là những người đạo đức nhất trong dân Do thái.

Đến khoảng năm 27 - 28 Ngài xin lãnh nhận Thanh tẩy bởi tay Gioan Tẩy giả. Biến cố này khai mạc 2 hoặc 3 năm hoạt động công khai của

Ngài. Ngài chọn các môn đệ rồi cùng với họ đi rao giảng rằng Nước Thiên Chúa đã đến. Nhưng Ngài chỉ rao giảng bằng lời nói, việc làm và cách sống chứ không viết gì cả (ngoại trừ 1 lần Ngài viết trên cát).

Thế rồi Ngài bị các lãnh tụ tôn giáo kết án và bị quân Rôma xử tử đóng đinh có lẽ vào ngày 7 tháng 4 năm 30.

II. GIAI ĐOẠN II: CÁC CỘNG ĐOÀN (khoảng giữa các năm 30 và 70)

Việc Đức Giêsu sống lại và việc Thánh Linh hiện xuống vào dịp lễ Ngũ Tuần khiến các môn đệ bắt đầu khám phá mầu nhiệm của Đức Giêsu. Họ cũng vẫn là người Do thái, tuy nhiên ngay giữa lòng Do thái giáo họ hợp thành một nhóm lạ thường: nhóm những người làm chứng rằng Đức Giêsu đã sống lại.

Họ vừa phải trung thành với Đức Giêsu vừa phải đương đầu với rất nhiều vấn đề được đặt ra trong cuộc sống.

Để có lời giải đáp cho những vấn đề ấy, họ phải nhớ lại những kỷ niệm về Đức Giêsu. Nhưng họ nhìn lại những kỷ niệm ấy dưới ánh sáng của cuộc phục sinh. Đại khái, những kỷ niệm ấy được gọi lại nhằm phục vụ cho 3 công tác chính sau đây:

1) Rao giảng: nhằm loan báo cho những người Do thái và cũng cho những người lương biết rằng Đức Giêsu đã sống lại. Đây chính là lời tuyên xưng Đức tin của các Kitô hữu đầu tiên.

2) Cử hành phụng vụ: để tán dương Đức Giêsu phục sinh. Nhiều kỷ niệm về Đức Giêsu được nhắc lại trong những buổi cử hành này.

3) Dạy dỗ các tân tòng: để dạy dỗ những người mới vừa Rửa tội, người ta nhắc lại những lời nói và những việc làm của Đức Giêsu.

Thế rồi có thêm nhiều người khác gia nhập nhóm của các môn đệ, như Barnabê, 7 phó tế trong đó có Stêphanô và Philipphê, nhất là Phaolô. Ông này trở lại đạo vào khoảng năm 36, chính ông sau đó mang Tin mừng đến Tiểu Á, Hy Lạp... cho tới tận Rôma. Từ nay lương dân có thể

gia nhập Giáo hội mà không bị bó buộc trước đó phải thành người Do thái: đó là điều mà "công đồng" Giêrusalem quyết định vào năm 50.

Giữa những năm 51 và 63, Phaolô viết các thư gửi cho nhiều cộng đoàn.

Trong giai đoạn này, Do thái giáo chính thức dần dần khai trừ các Kitô hữu.

Năm 70, quân Rôma tàn phá Giêrusalem. Những người biệt phái tập hợp lại tại Jamnia (còn gọi là Jabné, ở phía Nam thành phố Telaviv) để tạo lại một sức sống mới cho dân Do thái giáo vẫn còn tiếp tục cho đến ngày nay.

III. GIAI ĐOẠN III: SOẠN SÁCH (giữa các năm 70 và 100)

Bốn nhà Thần học gom lại những truyền thống được viết trước đó để làm thành lời chứng của họ về Đức Giêsu:

- **Tin mừng theo thánh Marcô** có lẽ được viết khoảng năm 70, dựa theo lời rao giảng của Phêrô ở Rôma. Ông ghi lại những việc làm của

Đức Giêsu, nhất là những phép lạ của Ngài để chứng minh rằng chính Ngài là Đức Kitô, Con của Thiên Chúa.

- **Tin mừng theo thánh Luca** được viết khoảng năm 80 90 cho những cộng đoàn gồm hầu hết là trước kia là lương dân. Ông muốn chứng minh rằng trong Đức Giêsu là chính Thiên Chúa đến thăm viếng dân Ngài và biểu lộ lòng ưu ái Ngài với họ.

Luca cũng đã viết một quyển thứ hai, Công vụ Tông đồ, để cho thấy sự lan toả ra khắp thế giới của Lời Tin mừng mà các Tông đồ rao giảng dưới tác động của Thánh Linh.

- **Tin mừng theo thánh Matthêu** được soạn có lẽ khoảng năm 80 90 trong một cộng đoàn gồm những người trước kia là Do thái nay trở thành Kitô hữu. Matthêu có ý tranh luận với những người biệt phái ở Jamnia và chứng minh rằng Đức Giêsu đã hoàn thành sách thánh.

Trong cố gắng tìm hiểu về màu nhiệm của Đức Giêsu, Matthêu và Luca đã tìm ngược về tận thời thơ ấu của Ngài, và 2 ông đã trình bày quãng

đời thơ ấu đó dưới ánh sáng của quản đời công khai và sự Phục sinh của Ngài.

- **Tin mừng theo thánh Gioan** là một suy tư rất sâu sắc về Đức Giêsu trong tư cách là Lời của Thiên Chúa. Sách này được viết có lẽ khoảng năm 95 - 100 để chứng minh rằng Đức Giêsu tuy bị đóng đinh nhưng ngày nay vẫn còn sống và ban Thánh Linh cho chúng ta. Cần phải tin để có thể thấy được ý nghĩa đó qua những dấu chỉ mà Đức Giêsu đã làm.

Gioan - hay một người nào khác - cũng viết sách Khải huyền, trình bày Đức Giêsu là cùng đích của lịch sử.

Trong giai đoạn này, Gioan, Phêrô, Giacôbê, Giuđa và một số môn đệ khác cũng viết nhiều thư cho các cộng đoàn.

Năm 135, sau cuộc nổi dậy lần thứ 2 của dân Do thái, quân đội Rôma tàn sát họ. Thế là trong nhiều thế kỷ sau, những người Do thái không còn được vào Giêrusalem nữa. Phần những Kitô hữu thì đã rời Giêrusalem và đến nhập cư trong khắp vùng lòng chảo Địa Trung Hải.

Trên đây là sơ lược 3 giai đoạn của việc hình thành Tân ước. Chúng tôi xin đưa thêm những hình ảnh và những so sánh để giúp hiểu rõ hơn quá trình hình thành này.

Người đàn bà giết nhiều người nhất:

Một hôm tôi đã gặp được người đàn bà giết nhiều người nhất thế giới. Số là trong dịp đi thăm một khu khảo cổ ở Irak chúng tôi đã được bà vợ của nhà khảo cổ đón tiếp. Sau này chúng tôi mới biết bà ta tên là Agatha Christie, tác giả của biết bao quyển tiểu thuyết trinh thám. Nếu như biết được điều này sớm hơn thì khi đó chúng tôi đã nán lại với bà nhiều ngày hơn. Chứ còn bây giờ chúng tôi chỉ có cách là cố gắng nhớ lại một ít kỷ niệm nghèo nàn về bà: bà đã nói những gì, ăn mặc ra sao...

Chuyện tương tự như vậy chắc cũng xảy ra với bất cứ ai. Và với các môn đệ của Đức Giêsu cũng thế. Họ đã đi theo Đức Giêsu, đơn giản chỉ vì Thầy của họ là Gioan Tẩy giả đã giới thiệu. Khi đó họ chẳng hề biết Đức Giêsu thực sự là ai. Họ đã chăm chú nghe Ngài giảng như nghe 1 vị ngôn sứ. Thậm chí họ còn nghĩ rằng có lẽ Ngài là vị Ngôn sứ lý

tưởng, là Đấng Messia. Nhưng chỉ sau ngày lễ Ngũ tuần họ mới bắt đầu khám phá Ngài là ai: chính là con của Thiên Chúa! Thế là bao kỷ niệm trong những năm chung sống với Ngài đương nhiên mang lấy một tầm mức quan trọng mới, và họ cố gắng dựng lại những kỷ niệm ấy. Việc nhớ lại những kỷ niệm ấy đối với họ còn quan trọng hơn nữa khi năm tháng dần trôi. Vào khoảng cuối đời của Đức Giêsu, họ bắt đầu tin rằng cùng với Ngài là vương quốc Thiên Chúa đã đến, hoặc nói cách khác theo tin tưởng thời đó, là ngày tận thế sắp đến. Nhưng rồi tháng này năm nọ cứ tiếp tục trôi qua: họ cứ phải chờ hoài. Nhưng mà bất cứ xã hội nào muốn sống thì cũng cần những qui luật. Tuy nhiên Đức Giêsu đã không viết gì để lại cả.

Đức Giêsu chẳng viết gì cả:

Chỉ trừ một lần Ngài viết trên cát. Ngài chỉ có nói và sống thôi. Tuy nhiên đây mới là điều quan trọng. Hãy xem trường hợp của Socrate nhà hiền triết Hy Lạp và Platon đệ tử của ông. Chính Socrate cũng chẳng viết gì cả, và người ghi lại những lời dạy của ông là Platon. Ngày nay người ta đọc sách của Platon nhưng để tìm hiểu về Socrate.

Trường hợp của Đức Giêsu cũng vậy. Chính Ngài mới là nguồn gốc của Tin mừng, của Phúc âm. Nếu như Ngài đã có viết thì có lẽ chúng ta chỉ xem Ngài là một bậc hiền triết thôi. Nhưng vì Ngài dù không viết nhưng đã sống, sống một cách trọn vẹn, nên chúng ta phải chú ý tới cách sống của Ngài, phải tìm hiểu chính con người của Ngài. Chính con người ấy, cùng với những nét màu nhiệm của con người ấy, đã gây ấn tượng trên các môn đệ.

Một phòng rửa hình:

Các môn đệ đã có ấn tượng, đã bị in dấu bởi con người của Đức Giêsu. Kiểu nói này cũng được sử dụng trong nghề nhiếp ảnh: khi ta chụp hình một vật thì tấm phim bị in dấu, vật đó được in vào tấm phim. Thế nhưng chúng ta chưa thấy gì cả. Muốn thấy hình đã chụp thì phải nhúng tấm phim vào thuốc rửa.

Tương tự như vậy, các môn đệ đã bị in dấu con người của Đức Giêsu, bởi cách Ngài sống, bởi những lời nói và việc làm của Ngài. Nhưng khi đó thì họ chưa biết, tất cả chỉ còn là một tấm phim đen. Để cho hình ảnh

của Ngài hiện lên thì tấm phim đen ấy phải được nhúng vào thuốc rửa là cuộc sống của cá cộng đoàn.

Ta cũng biết cách rửa phim trong phòng rửa là quan trọng lắm: vì tùy thời gian phơi phim và tùy chất thuốc được sử dụng mà bức hình sẽ rõ nét nhiều hay ít, người ta cũng có thể làm biến đổi màu sắc, làm hiện rõ một chi tiết nào đó... cũng vậy, những hình ảnh về Đức Giêsu sẽ hơi khác nhau tùy loại thuốc rửa, tức là tùy theo những cộng đoàn và những vấn đề đặt ra cho những cộng đoàn ấy.

Như thế, trong những năm sau biến cố Lễ Hiện xuống, ta có thể so sánh xứ Palestine, Tiểu Á, Hy Lạp... như những phòng rửa hình, các cộng đoàn khác nhau đã rửa ra nhiều tấm hình khác nhau về Đức Giêsu. Có những cộng đoàn gồm các người trước kia là Do thái nay trở thành Kitô hữu, có những cộng đoàn trước kia những Kitô hữu là lương dân, có những cộng đoàn đa số là thành phần vô sản và nô lệ, và có những cộng đoàn đa số làm nghề buôn bán, làm thợ thủ công hay hành nghề tự do...

Cuộc sống là thuốc rửa hình:

Cuộc sống của các cộng đoàn là thứ thuốc rửa để làm hiện lên những bức hình về Đức Kitô. Điều này xảy ra chủ yếu là do *3 loại sinh hoạt chính sau đây*:

1) Rao giảng:

Ngay từ buổi đầu các môn đệ đã rao giảng đức tin của họ vào Đức Giêsu phục sinh. Họ rao giảng bằng những câu ngắn gọn tóm nội dung chủ yếu của Tin mừng. Các chuyên viên gọi công tác rao giảng này bằng một từ Hy Lạp là kerygma, nghĩa là tiếng hô của người dọn đường, hay của người đánh trống làng. Các môn đệ nói: Đức Giêsu mà quý vị đã đóng đinh đó, Thiên Chúa đã làm cho Ngài sống lại, đã tôn vinh Ngài lên, đã cho Ngài thành Chúa. Đây chúng tôi là những người làm chứng điều ấy. Ngài gửi đến chúng tôi Thánh Linh của Ngài. Quý vị hãy tin vào Tin mừng thì quý vị sẽ được cứu.

Người ta cũng gom góp những lời chúc phúc mà khi trước Đức Giêsu đã nói để công bố Tin mừng ấy: từ này về sau những người nghèo sẽ không còn nghèo nữa, bởi vì Thiên Chúa sắp lập Nước của Ngài.

Người ta cũng thuật lại những phép lạ mà Đức Giêsu đã làm, chứng tỏ Ngài chiến thắng sự dữ, đau khổ, bệnh tật và sự chết. Người ta cũng nhớ lại những dụ ngôn, tức là cách giảng dạy bằng những câu chuyện nói về hạnh phúc mà Đức Giêsu mang đến, và sự cần thiết phải chọn lựa có tin theo Ngài hay không.

2) Cử hành phụng vụ:

Các môn đệ cử hành lại bữa tiệc ly của Đức Giêsu, là bữa ăn giúp hiểu được ý nghĩa cái chết của Ngài. Lúc đầu vì chỉ có những môn đệ đầu tiên, ai cũng hiểu ý nghĩa của những lễ nghi này nên không cần giải nghĩa các chi tiết. Dù vậy trong nghi lễ này mỗi người cũng có thể phát biểu cảm tưởng của mình hoặc kể thêm vài chi tiết, thí dụ như Phêrô kể lại ông đã chối Thầy như thế nào, Gioan kể lúc ông đứng dưới chân thánh giá ra sao... Về sau trong cộng đoàn có thêm những người mới, họ chưa từng biết Đức Giêsu, nên cần phải giải nghĩa những cử hành của lễ nghi như bẻ bánh, nâng chén, uống v.v... Có lẽ chính như thế đó mà đã thành hình bài tường thuật đầu tiên về cuộc thụ nạn.

Nhưng mà các kitô hữu không tường thuật cái chết của một người chết mà là của một người đang sống. Đây chính là điểm thay đổi tất cả sự việc. Ta cũng biết rằng nói về cơn bệnh của một người thân, người ta tường thuật cách khác nhau: lúc người thân ấy còn nằm trong bệnh viện trong cảnh thập tử nhất sinh thì khác, và lúc người ấy đã khỏi bệnh và ra khỏi viện thì khác. Trong việc cử hành Thánh lễ tạ ơn, Đức Giêsu hiện diện sống động giữa cộng đoàn, vì thế các môn đệ tường thuật lại cái chết của Ngài như là cái chết của một người đang sống. Bài tường thuật Thụ nạn, và tất cả mọi tường thuật khác về Đức Giêsu, cũng đều được kể dưới ánh sáng của cuộc phục sinh.

Trong khung cảnh phụng vụ, các môn đệ cũng nhớ lại một số việc làm của Đức Giêsu có thể giúp họ hiểu rõ hơn ý nghĩa của lễ nghi họ cử hành, chẳng hạn việc Ngài hoá bánh ra nhiều để nuôi cả một đám đông dân chúng giúp họ hiểu Đức Giêsu trong thánh lễ cũng là thức ăn tuyệt vời ban cho loài người sự sống thật.

3) Dạy dỗ:

Sau khi được rửa tội, các tân tòng phải sống như môn đệ Đức Giêsu. Để dạy họ phải sống như thế nào, để trả lời cho biết bao vấn đề đặt ra trong cuộc sống hằng ngày, các cộng đoàn cũng gợi nhớ lại những lời nói và việc làm của Đức Giêsu. Họ nhắc lại những dụ ngôn của Ngài và thích ứng chúng vào hoàn cảnh của họ: phải tỉnh thức, phải là mảnh đất tốt vv... Họ cũng nhắc lại những phép lạ của Ngài: cộng đoàn cũng tự coi mình như một chiếc thuyền chòng chành giữa ba đào và chỉ đứng vững được nhờ Đức Giêsu phục sinh đứng lên dẹp yên bão táp theo lời cầu xin của Giáo hội "Chúa ơi xin cứu chúng con"... Các vị hữu trách phải cư xử thế nào? Người ta nhớ lại lời Đức Giêsu nói: chúng con phải phục vụ.

Người ta nhớ lại Đức Giêsu để lại 2 *qui luật* đó là **thương yêu** và **thứ tha...**

Như thế, bất cứ ở đâu có những cộng đoàn kitô là ở đấy các môn đệ gợi nhớ lại những hình ảnh về Đức Giêsu. Những tấm hình này sau đó được sắp xếp lại thành những chuỗi hình ảnh. Nhưng trước khi bàn đến

điều này, cần phải nhắc tới một biến cố quan trọng, đó là: một nhà Thần học Do thái tên Saoul (hoặc Phaolô) đã trở thành kitô hữu.

Nhà Thần học Phaolô:

Các môn đệ đầu tiên như Phêrô, Gioan vv... đều là những người không có nhiều văn hoá tôn giáo. Còn Phaolô là một rabbi, lúc còn trẻ ông đã học về sách thánh. Trên đường đi Damas, Đấng phục sinh đã "chộp lấy" nhà Thần học Do thái này để làm cho ông trở thành nhà Thần học Kitô giáo với những suy tư sâu sắc về mầu nhiệm Đức Giêsu và vai trò của Ngài trong chương trình của Thiên Chúa. Trong khoảng thời gian 15 năm (từ 36 đến 50), ông đã rao giảng và thành lập nhiều cộng đoàn, rồi trong khoảng 15 năm cuối đời, ông cũng viết gửi các cộng đoàn nhiều bức thư mà thực chất là những khảo luận Thần học. Điều này sẽ giúp cho các môn đệ khác giải thích lại một cách sâu sắc hơn những ký ức của họ về Đức Giêsu.

Dàn dựng một chuyện phim:

Vào những buổi chiều mùa đông, bạn có ý tưởng gom những tấm hình mà bạn đã chụp được trong kỳ nghỉ hè để dàn dựng thành một chuyện phim. Muốn tiến hành công việc này, bạn phải thực hiện những khâu nào?

1) Những tấm hình chụp:

Trong kỳ nghỉ hè, bạn đã đi nhiều nơi: bờ biển, cánh đồng, vùng núi vv...và bạn đã chụp nhiều tấm hình đủ loại: phong cảnh, nhà cửa, sinh hoạt gia đình vv... Khi những tấm phim ấy được rửa ra, bạn có được những tấm hình. Bây giờ nếu muốn dàn dựng thành một chuyện phim, trước hết bạn phải sắp xếp những tấm hình rời ấy thành những "chuỗi hình".

2) Những chuỗi hình:

Đến khâu này bạn hơi lưỡng lự: phải sắp xếp những hình rời ấy như thế nào đây? Xếp theo địa dư như những hình về biển chung nhau, những hình về núi chung nhau... hay là xếp theo loại như những hình về phong cảnh chung nhau, những hình về nhà cửa chung nhau, những hình về

sinh hoạt gia đình chung nhau... hoặc là xếp theo diễn tiến thời gian như hình nào chụp trước xếp trước, chụp sau xếp sau...

Cũng thế, những tấm phim chụp Đức Giêsu, được rửa trong phòng rửa của các cộng đoàn, bây giờ phải được sắp xếp lại thành những chuỗi hình. Có thể sắp xếp nhiều cách: những chuỗi hình về các phép lạ, những chuỗi hình về các dụ ngôn, những câu nói rời rạc của Đức Giêsu được gom lại thành chuỗi hình diễn từ. Cũng có thể xếp theo địa dư: những chuỗi hình về các lời nói và việc làm của Đức Giêsu ở Capharnaum, ở Giêrusalem vv... Ngày nay khi đọc Tin mừng ta có cảm tưởng rằng mỗi sáng Đức Giêsu tự hỏi "hôm nay mình sẽ làm gì đây?", rồi Ngài mở agenda ra xem "hôm nay phải làm phép lạ". Bởi đó ta thấy Mt ghi lại 1 loạt 10 phép lạ Đức Giêsu làm nối tiếp nhau. Ngày hôm sau trong agenda của Đức Giêsu có ghi "hôm nay phải giảng dụ ngôn", bởi đó ta thấy Mt ghi lại một loạt nhiều dụ ngôn liên tiếp nhau. Dĩ nhiên sự thực không phải là như vậy. Chính Mt đã sắp xếp các tấm hình thành những chuỗi hình: phép lạ, dụ ngôn, diễn từ. Xin thêm một thí dụ khác: khởi đầu Tin mừng Marcô, chúng ta thấy được điều mà các chuyên

viên gọi là "Một ngày ở Capharnaum" Đức Giêsu gọi 4 môn đệ đầu tiên, sau đó cùng với họ vào giảng trong Hội đường, Ngài trừ quỷ, chữa bệnh cho nhạc mẫu của Phêrô; đến chiều cả thành phố tuôn đến nơi Ngài cư ngụ, Ngài ra tay làm nhiều phép lạ; khi đêm xuống, Đức Giêsu tìm một nơi vắng vẻ để cầu nguyện, rồi Phêrô đi tìm Ngài và Thầy trò lại đi rao giảng... tất cả những tấm hình về những hoạt động của Đức Giêsu tại Capharnaum đã được Marcô sắp xếp chung lại thành một chuỗi hình.

Sau khi đã có được những chuỗi hình, bây giờ đến phần dàn dựng.

3) Dàn dựng:

Bạn ráp những chuỗi hình lại với nhau. Giữa những chuỗi hình đó bạn cũng có thể chen vào vài tấm hình đã chụp hồi năm trước hoặc vài tấm hình mua được ngoài chợ. Thế là bạn có được một chuyện phim. Hiển nhiên bạn có thể dàn dựng nhiều cách, và tùy cách dàn dựng bạn chọn mà người xem phim có thể thấy được bạn đã suy nghĩ gì về kỳ nghỉ hè

vừa qua. Cũng cùng với những tấm hình rời rạc đó, nhưng nếu chúng được dàn dựng bởi một người khác thì sẽ thành một chuyện phim khác.

Cũng thế, một hôm, vào những thời kỳ khác nhau và ở những cộng đoàn khác nhau, có 4 vị môn đệ (truyền thống gọi tên là Mt, Mc, Lc, Ga) bắt đầu thực hiện cuộc dàn dựng về Đức Giêsu. Để thực hiện việc này, họ đã gom góp những chuỗi hình đã có sẵn, họ thêm vào đó một số hình do họ thu thập riêng, và cuối cùng ráp nối lại thành cả một câu chuyện. Bốn câu chuyện được dàn dựng khác nhau cho thấy những suy nghĩ khác nhau về Đức Giêsu của các nhà dàn dựng và các cộng đoàn. Nói cách khác, 4 chuyện đều nói về Đức Giêsu, nhưng mỗi chuyện nói theo cách thức riêng và những suy nghĩ riêng.

Thí dụ sau đây sẽ giúp ta hiểu thêm điều ấy.

Hai quyển sách nói về Luther:

Ta thử đọc 2 quyển sách đều của công giáo viết về Luther, một quyển viết năm 1900 và quyển kia viết năm 1980. *Quyển thứ nhất viết đại khái như sau:* Luther là một thầy tu hồi tục và đã quyến rũ một nữ tu.

Do tính kiên cường ông đã đưa Giáo hội và châu Âu vào cảnh máu lửa... *Còn quyển thứ hai viết* Luther cũng có những yếu đuối như bất cứ ai trong chúng ta, nhưng trước hết ông là một tu sĩ rất đạo đức, nhiệt thành vì Chúa và vì phần rỗi loài người. Ông thấy rằng Giáo hội cần phải canh tân và trở về nguồn Thánh kinh. Nhưng Giáo hội đã phủ nhận ý kiến của ông và loại trừ ông... Trong 2 quyển sách này, ta biết được nhiều điều về Luther, chẳng hạn về ngày sinh của ông và nhiều việc khác, nhưng điều quan trọng mà ta khám phá là được biết tinh thần đại kết của những người Công giáo vào năm 1900 khác xa ngày nay như thế nào! Do đó những quyển sách ấy vừa cho chúng ta biết về Luther mà cũng vừa cho chúng ta biết về thời đại của chúng.

Cũng thế, các sách Tin mừng trình bày cho chúng ta về Đức Giêsu, nhưng chúng cũng đồng thời giúp ta biết được hoàn cảnh của cộng đoàn phát sinh ra chúng. Chẳng hạn khi đọc trong Tin mừng Mt những lời lẽ khùng khiếp mà Đức Giêsu nói với các người biệt phái, ta phải tự hỏi xem đó có phải thực sự là những Lời của Đức Giêsu vào những năm 30, hay là Lời của Đức Giêsu phục sinh đang sống trong cộng

đoàn của Mt vào những năm 80 90 đang kinh chống quyết liệt với những người biệt phái ở Jamnia.

IV. HƯỚNG ĐI CỦA QUYỀN "HƯỚNG DẪN ĐỌC TÂN ƯỚC" NÀY.

Chúng tôi đã trình bày 3 giai đoạn của việc hình thành Tân ước: Đức Giêsu - Các công đoàn - Các nhà soạn thảo. Giờ đây chúng ta sẽ tiến hành việc học tập ra sao? Có thể có 2 phương pháp: phương pháp truy cứu và phương pháp triển lãm.

Xin lấy thí dụ về một nhà khảo cổ: khi làm việc, ông khởi sự tìm địa điểm, rồi đào bới và khám phá ra nhiều nền văn minh chồng chất tiếp nối nhau ở địa điểm đó. Đó là con đường truy cứu. Sau đó ông tổ chức một buổi báo cáo. Khi đó ông đi con đường ngược lại: dựa vào những điều mà ông đã khám phá được, ông tuần tự trình bày diễn biến của dòng lịch sử từ đầu trở đi cho mãi tới hôm nay như thế nào. Đó là con đường triển lãm.

Ở đây cũng thế, ta có thể chọn phương pháp triển lãm: bắt đầu xem Đức Giêsu đã sống thế nào, tiếp đến là những "chuỗi hình" về Đức Giêsu được hình thành trong các cộng đoàn, và sau cùng là các sách Tin mừng và các sách khác trong bộ Tân ước.

Nhưng cũng có thể chọn phương pháp truy cứu: chúng ta đang có sẵn trong tay bộ Tân ước. Chúng ta sẽ nghiên cứu một số bản văn để cố gắng khám phá ra những "chuỗi hình" được thành lập trước đó, để rồi cuối cùng khám phá ra được Đức Giêsu.

Như vậy là bạn có thể sử dụng quyền "hướng dẫn" này theo 2 phương pháp:

- Nếu bạn chọn phương pháp truy cứu thì cứ theo thứ tự trình bày trong sách này.
- Còn nếu bạn chọn phương pháp triển lãm thì bạn phải đọc phần kết luận trước, tiếp đến đọc những bài phân tích các bản văn và cuối cùng đọc chính những sách Tin mừng và các sách khác của Tân ước.

VẤN ĐỀ NHẤT LÂM:

Nhất lâm là một quyển sách trình bày các Tin mừng thành nhiều cột để cho người ta có thể chỉ nhìn một lượt (syn - opse) là đọc được những bản văn giống nhau. Ba quyển Tin mừng đầu khá giống nhau nên có thể trình bày thành nhiều cột song song như thế, bởi đó chúng được gọi là các Tin mừng Nhất lâm: đó là Mt, Mc và Lc.

Sự giống nhau khiến người ta phải đặt câu hỏi: 3 bản ấy đều dựa theo 1 nguồn - viết (source écrite) chung hay là dựa theo nhiều nguồn - viết khác nhau?

Từ nhiều thế kỷ, các chuyên viên đã đưa ra nhiều giải đáp đôi khi cực kỳ phức tạp, nhưng tất cả chỉ là giả thuyết. Để trình bày cách đơn giản tối đa, ta có thể nói thế này: các soạn giả Tin mừng có sẵn 2 nguồn tư liệu trong tay.

o Nguồn thứ nhất là nguồn được Mt, Mc và Lc sử dụng, cho nên nó được gọi là nguồn 3 nhánh (triple tradition).

o Nguồn thứ hai là nguồn chỉ có Mt và Lc sử dụng thôi. Nguồn này được gọi là nguồn Q (do tiếng Đức Quelle có nghĩa là "nguồn"), hoặc còn được gọi là Logia (do tiếng Hy Lạp logion số ít, logia số nhiều, nghĩa là "lời nói", "câu nói").

Ta có thể tóm tắt trong sơ đồ sau đây:

Nguồn 3 nhánh Nguồn Q (Logia)

Mc - Mt - Lc

Riêng về nguồn 3 nhánh, không rõ Mt và Lc đã sử dụng nó trực tiếp hay là qua trung gian của Mc. Dù sao người ta cũng nhìn nhận rằng Mt và Lc có biết tới Mc, nhưng Mt và Lc độc lập nhau.

Người đầu tiên phát minh ra văn thể "Tin mừng" có lẽ là Mc. Ông đã đặt định một cái khung địa dư và thời biểu cho cuộc đời của Đức Giêsu. Sau đó Mt và Lc bắt chước theo.

Mt và Lc đã khai triển nguồn Q, theo những cách khác nhau: Mt thì "rải rác" tư liệu ấy xuyên suốt cả quyển Tin mừng của mình, còn Lc thì xếp

chúng thành 2 phần phụ rồi đưa vào cái sườn bố cục mà ông mượn nơi Mc.

Mt và Lc mỗi người cũng có những bản văn riêng của mình. Mc cũng có nhưng rất ít.

LÀM VIỆC TRÊN BẢN VĂN:

Dưới đây là một bản văn đơn giản về nhất lãm để tập cho bạn làm việc. Nếu muốn thì bạn có thể tập làm ngay bây giờ. Còn nếu chưa muốn thì bạn hãy bỏ qua, sau này sẽ làm việc lại.

1) Bản văn:

Đức Giêsu chữa bệnh cho nhạc mẫu của Phêrô.

Phép lạ này được ghi trong 3 Tin mừng Mt, Mc và Lc. Xin ghi ra dưới đây để bạn có thể đọc chúng một cách "nhất lãm":

Xem bảng trang 31

Việc đầu tiên là so sánh các văn bản bằng cách dùng bút màu gạch dưới các chữ. Trong thiên nhiên có 3 màu chính là đỏ, xanh, vàng. Nếu hoà chúng lại thì ra đủ thứ màu khác: xanh với đỏ thành tím, đỏ với vàng thành cam, xanh với vàng thành lục, đỏ với xanh với vàng thành nâu. Vì có 3 quyển Nhất lãm nên ta hãy cho mỗi quyển một màu chính.

Khi gặp chữ nào là riêng của Mt, bạn hãy gạch dưới màu đỏ, của Mc màu xanh, của Lc màu vàng.

Khi gặp chữ nào chung của Mt và Mc, bạn hãy gạch dưới màu tím, chung của Mt và Lc màu cam, chung của Mc và Lc màu lục, chung cho cả 3 màu nâu.

Việc làm này có vẻ học trò quá. Nhưng cứ thử, rồi bạn sẽ thấy nó giúp bạn nhiều điều lạ lùng, đồng thời nó bắt buộc bạn đọc bản văn một cách kỹ lưỡng.

2) Nhận xét toàn thể:

Ngay việc gạch các màu cũng giúp bạn có vài nhận xét. Rõ ràng là Mt ngắn nhất và Mc dài nhất, nhưng 3 bản xem ra giống nhau. Bạn thấy những màu nâu (chung cho cả 3) rất ít, nhưng những chữ màu đỏ, xanh, vàng lại nhiều, nghĩa là có nhiều chi tiết là riêng của Tin mừng. Màu lục cũng nhiều, nghĩa là giữa Mc và Lc có nhiều chi tiết chung nhau. Từ đó bạn có thể giả thuyết rằng đã có một cái nền chung rồi từng Tin mừng sử dụng cái nền chung ấy theo cách riêng của mình.

3) Nhận xét từng bản văn:

- **Mc là cụ thể nhất:** ta tưởng như nghe Phêrô đang kể chuyện. Những chữ riêng của Mc phải chẳng xuất phát từ một tường thuật nguyên thủy? hay là chúng được Mc khéo léo cho thêm vào? Thật khó nói. Dù diễn tả mộc mạc, nhưng Mc cũng là một nhà Thần học. "Đức Giêsu và các môn đệ Ngài", đó là kiểu nói đặc biệt của Mc. Kiểu nói "nâng dậy" có lẽ muốn gọi lên quyền năng của Đức Giêsu có thể làm cho người ta sống lại. Trong tiếng Hy Lạp "nâng dậy" và "làm cho sống lại" đều là một động từ. Và 2 lần Mc sử dụng công thức "cầm lấy tay" trong những tường thuật phép lạ (5,41; 9,26-27).

- **Lc tô điểm văn chương thêm cho tường thuật nguyên thủy.** Ông nhấn mạnh quyền năng của Đức Giêsu bằng kiểu nói "tức khắc". Ông dùng động từ "hăm dọa" cơn sốt. Đây là động từ được dùng trong những tường thuật trừ quỷ, và Lc đã dùng nó 3 lần chỉ trong vài câu (4,35.39.41). Ta sẽ trở lại điểm này sau.

- **Mt chỉ kể ra 2 nhân vật là Đức Giêsu và đương sự.** Đây là thói quen của ông trong những bài tường thuật phép lạ. Ông hay bỏ những chi tiết phụ để làm nổi bật vai trò của Đức Giêsu: chính Ngài có sáng kiến đi đến nhà Phêrô, và chính Ngài thấy nhạc mẫu ông bệnh... Rồi "bà chỗi dậy" (cũng có nghĩa là "làm cho sống lại", vì cùng động từ Hy Lạp), "Bà phục vụ Đức Giêsu", đó là hình ảnh của Giáo hội phục vụ Đức Chúa của mình.

4) Cách dàn dựng:

Bây giờ chúng ta hãy chú ý tới vị trí của câu chuyện này trong từng Tin mừng:

- **Mc** đặt nó trong khuôn khổ của "một ngày ở Capharnaum".

- **Lc** cũng có thu xếp một "chuỗi hình" về "một ngày ở Capharnaum", nhưng ông đặt ngày ấy vào một toàn thể rộng hơn bắt đầu từ 4,16 chấm dứt ở 4,44 để làm thành một bảng tóm lược về sứ vụ của Đức Giêsu và về sứ điệp đó (ban đầu thì hăng hái 4,16-22 nhưng sau đó thì thù nghịch 4,23-30). Trong diễn từ công bố chương trình hoạt động (4,16-21) Đức Giêsu loan báo Ngài mang đến sự giải phóng nhưng không nói rõ giải phóng cách nào. Khi viết rằng Đức Giêsu hăm dọa cơn sốt, Lc đổi dạng tường thuật chữa bệnh thành tường thuật trừ quỷ, giống với các tường thuật trước và sau đó. Như vậy, 3 tường thuật trừ quỷ này cho thấy Đức Giêsu giải phóng là giải phóng khỏi quyền lực ma quỷ.

- **Mt** đặt câu chuyện này trong một tổng thể gồm 10 phép lạ được xếp ngay sau bài giảng trên núi. Dàn dựng như vậy là Mt muốn cho thấy rằng Đức Giêsu là kẻ uy quyền cả trong lời nói lẫn trong việc làm.

BÀI 2

VĂN THỂ "PHÚC ÂM"

Chúng ta đã quá quen nói tới "các Tin mừng" nên chúng ta không còn nhận ra tính cách mới lạ khi thể loại văn chương này bắt đầu xuất hiện.

I. TIN MỪNG VÀ NHỮNG SÁCH VIẾT VỀ TIN MỪNG:

Ban đầu người ta chỉ biết có mỗi một Tin mừng mà thôi, đó là Tin mừng mà Đức Giêsu công bố: Nước Thiên Chúa đã đến và hạnh phúc được ban cho những người nghèo. Trong các thư gửi các tín hữu, Phaolô đã dùng chữ "Tin mừng" theo nghĩa vừa nói.

Thế rồi khi thánh Mc bắt đầu viết - có lẽ ông là người đầu tiên phát minh ra một thể loại văn chương mới, bởi vì thể loại này trước đó chưa từng có trong bất cứ nền văn chương nào khác - thì "Tin mừng" trở thành một thể loại văn chương mới: "Tin mừng" không còn là một biến cố vui mừng nữa mà đã trở thành một câu chuyện được viết ra để tường thuật những hoạt động của Đức Giêsu. Từ trước tới giờ, Đức Giêsu là người loan báo Tin mừng, nay Ngài trở thành Đấng được loan báo, Ngài chính là Tin mừng.

Chữ Hy Lạp Evangelion (chữ Pháp Évangile, Tin mừng) cũng được nhiều tác giả ngoài đời sử dụng với ý nghĩa là loan tin chiến thắng, hoặc loan báo những biến cố quan trọng trong đời của một vị hoàng đế. Chẳng hạn trên một bia đá được tìm thấy ở Priène thuộc Tiểu Á có khắc những dòng chữ sau đây đề năm thứ 9 trước Công nguyên để loan tin về ngày kỷ niệm sinh nhật của hoàng đế Auguste:

"Mọi người phải xem biến cố này là lẽ sống của mình... sự quan phòng đã sinh ra và điểm tô tuyệt diệu cuộc sống loài người khi kháng ban Auguste cho chúng ra... khiến Ngài trở thành kẻ làm ơn cho loài người, thành vị cứu tinh cho chúng ta và cho các thế hệ về sau... ngày sinh của thần (Auguste) chính là ngày thế giới bắt đầu nhận được những tin mừng nhờ ơn của ngài..."

Lời người dịch:

Như vậy chữ Evangelion ban đầu có nghĩa là một biến cố vui mừng, nhưng về sau mang thêm nghĩa những sách viết về biến cố ấy. Trong tập tài liệu này, khi nào chữ Evangelion có nghĩa biến cố thì được dịch

là Tin mừng (viết hoa), còn khi nào chữ đó có nghĩa những quyển sách thì được dịch là Phúc âm (hay sách phúc âm).

Nhưng Mc không viết về Đức Giêsu như một nhân vật quá khứ. Thật đáng ngạc nhiên khi chúng ta Mc rất ít khi dùng thì quá khứ, trái lại hay dùng thì hiện tại. Đây không phải vì ông viết dở, mà chính là vì ông có một xác tín Thần học: ông nghĩ rằng Đức Giêsu thực sự đang sống và đang hiện diện trong cộng đoàn, nhất là trong Thánh thể. Theo ông, viết về Đức Giêsu vừa là viết về một người đã khuất mặt (tiểu sử trần thế của Ngài đã thuộc về quá khứ), mà cũng vừa là viết về một người đang có mặt hôm nay trong cộng đoàn tin Ngài và cử hành phụng vụ tôn vinh Ngài. Đức-Giêsu-lich-sử (của những năm 30) vẫn tiếp tục sống trong Đức-Giêsu-phục-sinh dưới dạng Lời của Ngài được viết ra và được rao giảng. Ngang qua Đức-Giêsu-phục-sinh mà chúng ta tin, chúng ta đạt tới Đức-Giêsu-lich-sử.

II. CHẴNG CÓ TẤM HÌNH NÀO VỀ ĐỨC GIÊSU:

Ai trong chúng ta cũng đã từng mơ ước phải chi mình có được những tấm hình chụp về Đức Giêsu và những cuộn băng ghi những Lời Ngài nói. Chúng ta tưởng rằng nếu được như vậy thì chúng ta sẽ hiểu thật rõ về Ngài. Nhưng thực tế là chúng ta chỉ có những bài viết của các môn đệ Ngài. Chúng chỉ là những hình vẽ lại không trung thực 100 phần trăm. Tuy nhiên vậy mới là may mắn! Sao kỳ vậy? Bởi vì nếu chúng ta có những tấm hình chụp Ngài - và chỉ có những hình chụp ấy thôi - thì chúng ta không biết gì hơn về Ngài ngoài những tấm hình vô tri vô giác ấy. Thí dụ tôi thấy trong nhà bạn một tấm hình chụp một người đàn ông nhìn một người đàn bà. Tôi chỉ biết đó là một kỷ niệm, ngoài ra chẳng biết gì hơn: Tại sao cái nhìn của ông ta mông lung thế? Tại sao nét mặt của bà ta có vẻ buồn? Bà ta có yêu ông ta không? Nhưng rồi bạn giải thích cho tôi: Đây là hình chụp dịp lễ Đính hôn của Guy. Anh chàng làm bộ tỏ ra trang trọng. Còn cô nàng thì lòng đang nôn nao tới ngày cưới... Nhờ được nghe bạn giải thích, tôi mới hiểu ra tù tù, và tấm hình trở nên sinh động hẳn lên. Tất cả là nhờ bạn đã từng chứng kiến sự việc khi ấy và bạn giải thích cho tôi. Chứ nếu tôi chỉ nhìn tấm hình ấy thôi thì tôi chẳng hiểu gì và có thể còn sai nữa.

Về các sách Tin mừng cũng vậy. Chúng ta không hy vọng tìm gặp trong đó những hình chụp Đức Giêsu. Thế nhưng như vậy còn tốt hơn, bởi vì chính những người đã từng biết Ngài sẽ nói cho chúng ta Ngài là ai, họ đã dần dần khám phá mâu nhiệm của Ngài như thế nào, rồi cuộc sống của họ thay đổi ra sao...

Bạn vẫn còn thắc mắc: "nhưng mà...nếu có được cuộn băng ghi lại lời nói của Đức Giêsu thì sẽ biết chính xác hơn...". Có thực sự vậy chăng? Chắc ai trong chúng ta cũng có kinh nghiệm này: một người bạn nói ra một câu và bạn ghi vào máy nhưng lúc đó bạn không chú ý bao nhiêu. Mãi mấy tháng sau bạn mới chợt hiểu ra "À thì ra anh ta muốn nói thế này...". Bạn nói ra điều mà sau mấy tháng bạn mới khám phá ý nghĩa. Như vậy nghĩa là câu nói của bạn không chính xác là câu nói của anh kia, nhưng nó diễn tả đúng ý anh kia. Thì Tin mừng cũng vậy, chúng chỉ lặp lại những Lời của Đức Giêsu, lặp lại không chính xác, nhưng lặp lại do chính những môn đệ hiểu ý của Đức Giêsu, cho nên chúng vừa đúng vừa đầy ý nghĩa.

III. NHỮNG BỨC HÌNH KHẨM:

Nói cách khác, chúng ta không có những hình chụp về Đức Giêsu, mà chỉ có những bức hình khảm (tức là những mảnh kính màu ghép lại thành một hình dáng nào đó không hoàn toàn giống như hình chụp). Chúng ta chỉ có những Lời nói và việc làm của Đức Giêsu do các nhân chứng giải thích cho chúng ta.

Nhưng cuộc sống Đức Giêsu vẫn là một cánh cửa mở rộng. Giả như Ngài có viết lại những lời dạy và những qui luật thành văn bản rõ ràng thì ngày nay chúng ta chẳng thể làm gì hơn ngoài việc lặp lại chúng y như con vẹt. Vì các môn đệ đã hiểu ý Đức Giêsu theo ánh sáng cuộc sống của họ, cho nên ngày nay chúng ta cũng có thể hiểu được ý Đức Giêsu dựa theo hoàn cảnh môi trường chúng ta đang sống.

Nhưng với điều kiện là chúng ta phải tôn trọng những chứng từ của các môn đệ ấy. Chúng ta có 4 bức hình khảm cùng diễn tả 1 cảnh nhưng diễn tả 4 cách khác nhau. Nếu như ta có ý nghĩ rằng "tôi sẽ phá hết 4 bức này để làm lại một bức duy nhất diễn tả đầy đủ tất cả các chi tiết rải rác trong 4 bức kia", thì đó sẽ là một quái vật! Bốn sách Tin mừng khác biệt nhau, vì thế phải học từng quyển chứ đừng nuôi ảo tưởng phá huỷ

chúng hết để làm lại một quyển duy nhất về cuộc đời Đức Giêsu. Còn nếu như bạn muốn so sánh 4 quyển với nhau thì bạn hãy đọc chúng theo kiểu Nhất lãm, để có thể nhận ra rõ những chi tiết và những sắc thái riêng của từng quyển, để khám phá ra những ấn tượng riêng mà khuôn mặt Đức Giêsu đã in vào từng tác giả.

IV. ĐỨC TIN VÀ THÁNH LINH:

Bạn có thể hỏi tôi: "... nhưng có gì bảo đảm rằng các môn đệ ấy không sai lầm khi giải thích những ký ức của họ?"

Dĩ nhiên chúng ta muốn có những bằng chứng chắc chắn, vì đó là những sự kiện mà người tín hữu dựa vào để dẫn thân cả cuộc đời mình. Nhưng một mặt chúng ta có thể an tâm: những sử gia - dù có tín ngưỡng hay không - đã nghiên cứu về các Tin mừng đều công nhận các sách Tin mừng có rất nhiều điểm vững chắc khả dĩ bảo đảm được lịch sử (họ cũng ước gì các tài liệu khác về những nhân vật thời xưa cũng có được cơ sở vững chắc như thế). Mặt khác ta hãy tự hỏi: khi một tín hữu

cứ nằng nặc đòi các bằng chứng thì phải chẳng đơn giản chỉ là người đó đang so đo kỳ kèo với Đức tin và Chúa Thánh Linh!

Thực ra, có thể đưa bằng chứng về những gì thuộc về vật chất, chẳng hạn chứng minh rằng một vật gì đó có thật, nhưng không thể có bằng chứng về tương quan giữa các nhân vị. Chẳng hạn có bằng chứng nào để chắc chắn rằng tôi đáng yêu? Hay tôi được yêu? Chẳng có bằng chứng gì cả, tôi chỉ tin như vậy thôi. Việc gắn bó cuộc đời với Đức Giêsu Kitô luôn là việc thuộc lãnh vực Đức tin. Chúng ta tin rằng khi các vị môn đệ ấy giải thích những lời nói và việc làm của Đức Giêsu thì các vị được Chúa Thánh Linh tác động. Buổi tối tiệc ly, Đức Giêsu đã nói với môn đệ rằng: "Thầy sẽ gửi Thánh Linh đến với các con, Ngài sẽ nhắc lại cho các tất cả những Thầy đã nói với các con và Ngài sẽ dẫn dắt các con đến sự thật hoàn toàn" (Ga 16,13).

V. TỜ GIẤY ĐỒ:

Khi muốn trình bày một đồ hình phức tạp (đồ hình kiến trúc, đồ hình kỹ nghệ, đồ hình giải phẫu học về cơ thể con người v.v...), đôi khi ta sử

dụng tờ giấy đồ: đây là loại giấy trong suốt. Trên tờ thứ nhất ta vẽ hệ thống xương người chẳng hạn, trên tờ thứ hai ta vẽ hệ thống cơ bắp, tờ thứ ba hệ thống tim mạch v.v... Nhờ cách này ta có thể trình bày riêng từng hệ thống trên từng tờ giấy, ta cũng có thể trình bày toàn bộ cơ cấu con người khi xếp tất cả các tờ ấy chồng lên nhau.

Các sách Tin mừng cũng thế. Mỗi quyển là một xấp giấy đồ về khuôn mặt của Đức Giêsu: tờ thứ nhất là khuôn mặt của Giêsu Nazaret mà các môn đệ còn nhớ, tờ thứ hai gồm những nét của Đức Giêsu phục sinh mà các môn đệ bắt đầu khám phá sau biến cố phục sinh, tờ thứ ba là khuôn mặt vinh quang của Chúa Giêsu đang sống giữa cộng đoàn. Ngày nay khi ta đọc Tin mừng một cách quá ngây thơ thì ta thấy rằng tất cả đều đã quá rõ ràng: Đức Giêsu rõ ràng là con của Thiên Chúa, vì Phêrô và viên Đại đội trưởng đã tuyên xưng như thế. Thế rồi ta ngạc nhiên tại sao những người Do thái ngày xưa lại không nhận ra điều đó. Thực ra ngày nay ta thấy rõ là vì ta được xem tất cả xấp giấy đồ về Đức Giêsu. Còn ngày xưa đối với người Do thái thì Đức Giêsu là một câu hỏi, một lời mời gọi. Cần phải có Đức tin, phải có ánh sáng phục sinh, và phải

được Thánh Linh soi sáng nữa thì mới thấy được sự phong phú của
màu nhiệm Đức Giêsu.

Trong quyển "Hướng dẫn đọc Tân ước" này, có lúc chúng tôi đã cho
bạn xem toàn bộ những hình đồ về Đức Giêsu, có lúc chúng tôi phân
tích giúp bạn từng tờ riêng biệt. Như thế bạn sẽ thấy rõ hơn.

BÀI 3

NHỮNG VĂN THẺ TRONG CÁC SÁCH TIN MỪNG

Cũng cùng một tai nạn xe hơi, nhưng người ta không thuật lại như nhau
cho một người bạn hay cho một người chủ bảo hiểm: bởi vì "văn thẻ"
khác nhau. Nếu thuật cho ông chủ bảo hiểm thì phải thuật theo một
"khuôn mẫu": lý lịch của các đương sự, những người chứng kiến, hoàn
cảnh xảy ra tai nạn vv... Còn nếu thuật lại cho một người bạn thì người
ta kể lại sự việc một cách chừng mực, có kể tả sự việc như là một
chuyện quốc gia đại sự.

Thực ra phân biệt "khuôn mẫu" và "cú pháp" như trên có phần võ đoán, nhưng cũng ích lợi là giúp chúng ta không bị lạc lõng trong khi đọc các sách Tin mừng.

I. NHỮNG "KHUÔN MẪU" TIỀN CHẾ:

Hiện nay có sẵn một số khuôn mẫu mà người ta thường sử dụng khi nghiên cứu Tin mừng. Chúng tôi tạm liệt kê chúng ra đây; sau này chúng tôi sẽ giải thích rõ hơn về những khuôn mẫu chính.

1) Tường thuật phép lạ:

Khuôn này gồm 5 *điểm*:

- Giới thiệu hoàn cảnh.
- Lời kêu xin Chúa can thiệp. Lời kêu xin này biểu lộ lòng trông cậy của đương sự hoặc của những người ở chung quanh.
- Chúa ra tay can thiệp.
- Kết quả.

- Phản ứng của những người thấy phép lạ: sợ hãi, thán phục...

Thí dụ: hãy xem Mc 4,35-41. Mc đã sử dụng cùng một cách tường thuật và cùng những từ ngữ khi kể phép lạ Chúa Giêsu dẹp yên bão tố và phép lạ Chúa Giêsu trừ quỷ.

2) Dụ ngôn:

Cái khuôn này thường được dùng để đưa ra một bài học để hiểu, hoặc để đưa thánh giả tới chỗ tự phán đoán chính mình mà không ý thức.

3) Tường thuật ơn gọi:

Khuôn này thường ngắn gọn hơn: một lời nói (hay chỉ một cái nhìn), và sự đáp lời. Khuôn này theo mẫu những ơn gọi trong Cựu ước, cho nên ngụ ý rằng Đức Giêsu cũng kêu gọi môn đệ một cách uy nghi như Thiên Chúa.

4) Những diễn từ, đặc biệt là diễn từ già biệt một nhân vật quan trọng biết mình sắp chết nên trời trần lại những điều cần thiết cho các môn đệ.

5) Tranh luận:

Khuôn này được dùng để thuật những cuộc tranh cãi giữa các chuyên viên về một vấn đề chuyên môn. Nó có *dàn bài như sau*:

- Một cử chỉ hoặc một lời nói của Đức Giêsu làm cho thánh giả ngạc nhiên.
- Tiếp đó bắt đầu tranh luận: "bộ ông không tin rằng...?", "há ông không đọc thấy trong sách thánh rằng...?".
- Sau cùng mới xuất hiện vấn đề tranh luận thực sự. Khi đó cần phải chọn thái độ, thường là những người chứng kiến chia rẽ nhau.

6) Câu nói trong khung:

Đặt một câu quan trọng trong một bài tường thuật (về phép lạ, về một tranh luận hoặc về một giai thoại). Bài tường thuật này chỉ là một cái khung để làm nổi bật giá trị của câu nói kia.

7) "Những lời thả nổi":

Đây là một kiểu đặt tên ngộ nghĩnh của các chuyên viên cho những lời nói của Đức Giêsu mà tuy người ta còn giữ lại được nhưng đã quên mất

văn mạch khi Ngài thốt lên những lời đó, vì thế các Tin mừng đã tùy tiện ghép chúng vào một diễn từ hoặc một tường thuật nào đó.

II. NHỮNG CÚ PHÁP:

"Cú pháp" là một cách thức diễn tả nhằm gây ra một hiệu quả nào đó. Điều quan trọng là ấn tượng mà các tác giả muốn tạo ra, do đó tác giả sử dụng một văn thức hoặc hình ảnh làm ta ngạc nhiên. Sau đây là một vài cú pháp:

1) Cú pháp thần hiện:

(Style Théophanique, do 2 chữ Hy Lạp ghép lại: Théos là Thiên Chúa, Phainein là hiện ra).

Tác giả sử dụng cú pháp để cho độc giả hiểu rằng có Thiên Chúa đang hiện diện. Tác giả vay mượn những hình ảnh mà sách Xuất hành dùng để tả lúc Thiên Chúa hiện ra trên núi Sinai, như lửa, sấm chớp, đất động, núi rung và người ta khiếp sợ... Khi Phúc âm gia dừng lại những hình ảnh này thì chỉ có ý cho biết Thiên Chúa hiện diện chứ không nhất

thiết sự việc diễn ra đúng y như thế. Cũng như ngày nay chúng ta nói "thấy cảnh đó tôi muốn đứng tim". "Muốn đứng tim" chỉ là một hình ảnh có nghĩa là xúc động mạnh. Đừng ai nghe thế rồi vội đưa tôi đi bác sĩ! Tương tự như vậy, những cái lưỡi lửa trong lễ Hiện xuống, thiên thần trong cuộc truyền tin, hoặc ngôi mồ mở toang có thể là những hình ảnh muốn cho biết Thiên Chúa đang hiện diện vậy thôi. Và khi các nhân vật như Maria, các phụ nữ, các thánh giả nghe Đức Giêsu giảng mà "sợ hãi" thì cũng có nghĩa là họ đã ý thức rằng họ đang ở trước mặt Thiên Chúa.

2) Cú pháp Khải huyền:

Cú pháp này phát sinh trong những thời kỳ hoang mang, bách hại cho nên nó có mùi diêm sinh! Nó muốn biểu lộ niềm xác tín ngay giữa cảnh lo âu rằng: Chính Thiên Chúa là chủ tể của lịch sử và cuối cùng Ngài sẽ ra tay can thiệp, khi sự dữ đạt tới lúc hoành hành mạnh nhất của nó. Tinh tú rơi rụng, trái đất nứt ra, các bầu trời xé toang...tất cả đều là những hình ảnh để diễn tả những tình cảm nội tâm, cũng như khi chúng ta nói "tôi tưởng là trời sập".

3) Dùng câu chuyện để diễn tả ý tưởng:

Thay vì trình bày ý tưởng một cách trừu tượng thì tác giả kể một câu chuyện cụ thể để diễn tả ý tưởng ấy. Cách đây vài năm, một tu sĩ sống ở Palestine dùng xe Jeep đi tới Aqaba. Khi đến phía Nam biển Chết ông đã đụng chết một người Bédouin. Toà đã xử rằng người Bédouin có lỗi, nhưng vì người ấy đã chết, cho nên, theo truyền thống Bédouin vị tu sĩ phải trả "giá máu" cho bộ lạc của nạn nhân. Cha chính xứ Kérak lãnh trách nhiệm thu xếp công việc. Trước mặt các thủ lãnh của bộ lạc, Cha chính xứ kể lại sự việc như kể theo cách của Ngài, vị tu sĩ trả tiền, rồi ai nấy chia tay nhau cách vui vẻ. Khi đã đi rồi, vị tu sĩ hỏi cha chính xứ "Cha đã kể cho họ gì thế kia? Cha biết là sự việc đã không xảy ra như vậy mà!", "Đương nhiên tôi biết chứ", Cha xứ đáp, "Thế thì tại sao Cha lại nói như vậy?". Cha xứ hỏi lại: "Này nhé, có phải là người Bédouin có lỗi không?" - "Vâng" - "Thì tôi đã nói điều đó với họ...". Chúng ta là người phương Tây, quen trình bày ý tưởng đó cách trừu tượng: người Bédouin có lỗi. Còn cha chính xứ thì trình bày ý tưởng đó bằng một câu chuyện mà cha sáng tác ra; các thủ lãnh cũng biết rằng sự việc không

xảy ra đúng như chuyện kể nhưng họ hiểu ý của Cha kia. Cũng tương tự như vậy, khi chúng ta nói với một người bạn đến trễ rằng: "Tôi đã chờ anh 107 năm rồi", thì cũng chẳng khác gì cả: "107 năm" là một câu chuyện, chúng ta không quan tâm tới câu chuyện đó cho bằng tới ý tưởng là ông bạn đã đến trễ.

Cần phải nhớ điều ấy khi ta đọc một số tường thuật trong Tin mừng. Khi đó ta phải tự hỏi: đây là một chuyện thật hay là chuyện để diễn tả một ý tưởng?

4) Những tường thuật về thời thơ ấu của Đức Giêsu:

Chúng thuộc về một loại cú pháp khác mà ta đã gặp trong Cựu ước, đó là cú pháp midrash. Tác giả truy tầm (đây là nghĩa của chữ midrash) trong sách thánh để xem nó có liên quan gì tới ngày hôm nay, tác giả muốn hiện thời hoá sách thánh. Trong sách thánh, tác giả có thể khám phá ra những qui luật hành động hoặc những chuyện bổ ích. Một thể loại midrash đặc biệt là pescher cố gắng chứng minh rằng những sự việc và những nhân vật hiện nay thực hiện những điều ghi trong Cựu

ước ngày xưa. Chúng ta sẽ thấy các Kitô hữu cũng dùng thể loại này nhưng theo đường ngược lại: họ không bắt đầu từ Cựu ước mà bắt đầu từ Đức Giêsu để cho thấy vị trí của Ngài trong Cựu ước và trong kế hoạch của Thiên Chúa.

III. TÓM LẠI BẠN CẦN NHỚ ĐIỀU GÌ?

Tất cả những điều trên đối với bạn xem ra quá phức tạp! Đừng sợ, từ từ rồi nó sẽ sáng tỏ ra khi chúng ta làm việc trên những bản văn và có những thí dụ.

Điều thiết yếu nhất trong lúc này là bạn phải nhớ một việc hiển nhiên sau đây: đôi khi từ ngữ viết một đằng nhưng ta phải hiểu một nẻo khác! Đây là một sự hiển nhiên vì hằng ngày chúng ta vẫn dùng loại ngôn ngữ này. Khi một người nước ngoài nghe ta nói rằng "nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà", "râu thúi ruột" vv... người ấy chắc cũng chới với không biết đang rơi xuống hành tinh nào đó! Thực ra những câu nói trên đều đúng, nhưng đúng không phải ở điều chúng nói, mà đúng ở điều chúng

muốn nói. Chúng ta đều hiểu đúng điều chúng muốn nói, bởi vì đó là văn hoá của chúng ta.

Cái khó đối với Thánh kinh là nó không thuộc về văn hoá của chúng ta. Thế nhưng khi bạn đã quen với Thánh kinh thì bạn sẽ dễ dàng phân biệt đâu là hình ảnh và đâu là điều Thánh kinh muốn nói.

CHƯƠNG I

THẾ GIỚI CỦA CÁC KITÔ HỮU ĐẦU TIÊN

Bây giờ chúng ta hãy lên đường tham quan Tân ước. Trong giai đoạn thứ nhất này, chúng ta sẽ cố gắng làm quen với thế giới của các Kitô hữu đầu tiên. Để khỏi lang thang vô định, chúng ta hãy đi theo sự hướng dẫn của sách Công vụ Tông đồ (sau này ta sẽ học kỹ hơn quan điểm Thần học của sách này).

Mời bạn hãy đọc quyển Công vụ Tông đồ từ đầu chí cuối. Bạn sẽ gặp nhiều từ mới, nhiều định chế lạ, nhiều phong tục tập quán bạn chưa quen: bạn hãy cố gắng khám phá xem chúng muốn nói gì, các chú thích trong quyển Thánh kinh của bạn hoặc một bộ Atlas sẽ giúp bạn. Trong các trang sau, chúng ta sẽ trở lại vấn đề này một cách hệ thống hơn.

Để giúp bạn dễ đọc quyển này hơn, sau đây chúng tôi ghi ra dàn bài của nó cùng với một vài điểm cần lưu ý.

1) DÀN BÀI CỦA SÁCH CÔNG VỤ TÔNG ĐỒ.

Chương 1-5: Cộng đoàn ở Giêrusalem.

6,1-15,35: Hoạt động truyền giáo.

- Của những người "Hy Lạp": Stêphanô và Philipphê (**6-8**); Phaolô được Chúa gọi trên đường Damas (**9,1-31**).

- Của Phêrô (**9,32-11,18**).

- Của giáo đoàn Antioche (**11,19-15,4**) chuyển đi truyền giáo thứ nhất của Phaolô (**13,14**) "Công đồng" Giêrusalem (**15**).

15,36-28,31: Hoạt động truyền giáo của Phaolô.

- Chuyển đi truyền giáo thứ hai nào năm **50-52** (**15,36-18,23**).

- Chuyển đi truyền giáo thứ ba vào năm **52-58** (**18,24-20,38**).

- Bị bỏ tù ở Césarée năm **58-60** (**21,26**).

- Được dẫn độ đến Rôma năm **61-63** (**27-28**).

2) Vài điều cần lưu ý:

- **Về nơi chốn:** xứ Palestine trong đế quốc Rôma. Đây là những thành phố lớn? Có bao nhiêu cư dân ở Giêrusalem, Rôma, Antioche Tarse...?

- **Về đế quốc Rôma:** hãy tìm ra những câu ám chỉ các định chế (hoàng đế, các tỉnh trưởng tư pháp...), các phương tiện giao thông, hoàn cảnh tôn giáo, xã hội (công dân Rôma, nô lệ) kinh tế (nghề nghiệp, nạn đói, những cuộc đổi chỗ của cặp Aquilas và Priscille)...

- **Về Do thái giáo:** Các định chế (Đền thờ, Đại công nghị, Hội đường...), các hệ phái tôn giáo (pharisêu, sadđucêô...). Các Kitô hữu trong một thời gian dài bị coi là một nhóm bị khai trừ khỏi Do thái giáo.

- **Các diễn viên:** họ rất đông trong quyển sách này. Nếu bạn có được một bộ Thánh kinh để làm việc, bạn có thể gạch dưới bằng nhiều màu. Có những tác nhân thần tiên như Thiên Chúa, Đức Giêsu phục sinh xem ra vắng mặt nhưng lại có mặt khắp nơi, Chúa Thánh Linh, Lời... đôi khi xuất hiện như một người (hãy chú ý tới từ ngữ nói, rao giảng, tiếng v.v...). Có những môn đệ nữa: họ là ai? họ làm gì? (hãy chú ý tới

vai trò của những "giáo dân", của các phụ nữ). Và cũng có những kẻ đối lập như người Do thái, người lương...

- **Sinh hoạt của cộng đoàn Kitô:** tạm thời ta chỉ cần để ý tới một số phương diện của sinh hoạt này, về sau ta sẽ học kỹ hơn. Hoạt động rao giảng: để ý tới số lượng những bài giảng (của ai, giảng cho ai: Do thái, lương dân, môn đệ?); sinh hoạt phụng vụ: lễ bẻ bánh (Thánh lễ), rửa tội, cầu nguyện (ở những nơi nào?). Hoạt động dạy dỗ cho những người mới rửa tội. Sự đồng tâm hiệp nhất và chia sẻ của cải cho nhau...

BÀI 1

ĐẾ QUỐC RÔMA

Lúc bây giờ xứ Palestine chỉ là một tỉnh nhỏ của đế quốc Rôma rộng lớn. Người Rôma đã gọi Địa Trung Hải là "Mare Nostrum" nghĩa là "Biển của chúng ta", một vùng biển mà chung quanh đó họ đã bành trướng thế lực trong khoảng vài thế kỷ. Vào năm 63 trước công nguyên tướng Pompée chinh phục vùng Syrie-Palestine, khai mạc cho thời kỳ chiếm đóng mà cao điểm sẽ là việc tướng Titus chiếm thành

Giêrusalem vào năm 70 Công nguyên và phá huỷ nó vào năm 135. Kể từ triều hoàng đế Auguste về sau (30 trước Công nguyên đến 14 Công nguyên) là thời "ôhoành Rôma".

Trước khi đi xa hơn, bạn có thể đọc vài bản văn gợi lên một vài phương diện của sinh hoạt trong đế quốc Rôma: CV 10,12; 13,6-7; 14,12; 16,16-40; 17,6-16; 18,1-4.26-28; 19,9-24; 21,31; 22,25-28; 23,23-35; 24,22-23; 25,12; 27,1-44; 28,16 và Lc 3,1-3.

Khi đọc những bản văn trên, bạn hãy lưu ý tới các định chế, các chức vị và các hoàn cảnh.

I.MỘT ĐẾ QUỐC ĐANG TRÊN ĐƯỜNG XÃ HỘI HOÁ

Lúc đó Rôma đang tổ chức đế quốc rộng lớn của nó, phú túc và không có đối thủ. Sau 3 thế kỷ chinh phục, nó đang tìm cách thống nhất lại. Có nhiều yếu tố giúp thực hiện việc này:

1) Ngôn ngữ:

Tiếng Latinh vẫn là tiếng nói ở phía Tây của đế quốc (Italie, Gaule, Espagne...), nhưng ở phía Đông thì tiếng Hy Lạp (được gọi là Koinè nghĩa là "ngôn ngữ chung") đã thế chỗ của hầu hết các thổ ngữ và được hiểu ở toàn thể đế quốc. Còn ở Syrie-Palestine thì người ta vẫn tiếp tục nói tiếng Aram trong khi tiếng Hy Bá Lai chỉ còn được dùng trong phụng vụ.

2) Hành chánh:

Đế quốc được phân chia thành nhiều tỉnh với những liên hệ hoặc chặt chẽ hoặc lỏng lẻo với Rôma. Có những tỉnh được cai quản bởi một vị đại diện tổng tài (proconsul, chẳng hạn như Sergius Paulus hoặc Galkion), có những tỉnh do một khâm sai (légat, như Quirinius) cai trị, một số tỉnh được giao cho một tỉnh trưởng (préfet) hay một thái thú (procuraterr, như Ponce Philatô, Félix, Festus), vài tỉnh vẫn giữ được nét bề ngoài tự trị như Palestine với Hérode Cả và các con của ông.

3) Những đường giao thông:

Hệ thống giao thông dày đặc. Những tuyến đường bộ giúp có thể đi tới mọi nơi trong đế quốc một cách nhanh chóng. Nhưng chúng (cùng với những trạm nghỉ và những nhà nghỉ) được dành riêng cho những người đưa thư của đế quốc, cho quân đội và cho vài người có đặc quyền mà thôi. Rất nhiều tàu chạy trên các con sông và nhất là Địa Trung Hải (tuy nhiên biển này chỉ lưu thông được từ tháng 3 đến tháng 11 mà thôi. Xem 27,9). Những chuyến tàu ấy vận chuyển hành khách và hàng hoá (có tới 276 người trên chiếc tàu của Phaolô, 27,37).

4) Pháp luật được áp dụng bình đẳng cho mọi công dân. Bất cứ công dân nào cũng có thể khiếu nại lên César. Khi đó mọi thủ tục tố tụng lập tức đình chỉ và công dân ấy được đưa lên toà án của hoàng đế (25,12-26,32).

5) Thuế là bổn phận của mọi cư dân. Thuế trực thu được đánh trên con người và trên tư hữu (Mt 22,17), thuế gián thu, hải quan, tặng giữ được giao cho những cai thầu thuế thu, những người này lại thuê những nhân viên thuế vụ (gọi là publicain) đi thu.

6) Dân chúng thường hay đổi chỗ cư trú. Một thí dụ rất rõ là cặp Aquilas và Priscille: họ xuất thân từ Tiểu Á, sau đó tới Rôma rồi bị trục xuất bởi sắc chỉ của hoàng đế Claude năm 49-50 và đến cư ngụ tại Côrintô; Phaolô đã tạm trú ở nhà họ (18,2), nhưng 3 năm sau Phaolô gặp lại họ ở Êphêxô (18,26).

II. MỘT ĐẾ QUỐC TRÊN ĐƯỜNG ĐÔ THỊ HOÁ:

Khó xác định số lượng cư dân trong toàn đế quốc và trong những thành phố lớn. Người ta ước đoán toàn đế quốc có chừng 50 triệu dân. Đối với những thành phố lớn thì: Rôma và Alexandier mỗi nơi có chừng 1 hay 2 triệu, Antioche, Tarse, Côrintô, Êphêxô...mỗi nơi chừng nửa triệu; Giêrusalem có chưa tới 50 ngàn (nhưng vào những dịp lễ lớn thì dân số tăng gấp 3 hoặc 4 lần).

Mọi cư dân không có cùng một qui chế như nhau. Trong số những người tự do, có những người là công dân Rôma. Họ được hưởng quyền này do đặc quyền (ở Italie), hoặc do dòng tộc (chẳng hạn vì là con của các quan chức Rôma), hoặc do mua với một giá rất cao (như Lysiax,

22,28). Những công dân Rôma vừa được miễn một số thuế, vừa được luật pháp bảo vệ (16,37-39 22,25). Trong số những người tự do, còn có những ngoại kiều, họ cũng sinh sống trong đế quốc nhưng được hưởng ít quyền lợi hơn. Số lượng các nô lệ rất đông (trong vài thành phố lớn, tỉ lệ của họ chừng 2/3 tính trong toàn cư dân). Số phận của họ khác nhau tùy theo cá tính của chủ họ và tùy theo tình trạng của họ: nếu họ ở thôn quê thì cuộc đời họ rất vất vả, còn nếu họ ở thành thị thì đời sống dễ chịu hơn, nhất là đối với những nô lệ có nghề chuyên môn như thợ thủ công, đầu bếp, thầy thuốc... Họ có thể được phóng thích tự do bởi chủ của họ hoặc do họ trả tiền mua.

III. ĐI TÌM MỘT LỄ SỐNG:

Trong những tỉnh bị Rôma chiếm, người ta có cảm tưởng rằng các vị thần quốc gia của họ đã thất bại vì không đủ khả năng bảo vệ dân mình khỏi tay Rôma. Do đó hình thành một khuynh hướng "vô thần" ở khắp mọi nơi: người ta bớt tin tưởng các thần linh mặc dù vẫn còn giữ nhữn hình thức thờ tự thực ra chỉ còn là một sinh hoạt văn hoá. Mặt khác người ta đi tìm một ý nghĩa cho cuộc sống: hoặc tìm trong suy tư triết lý

về một lẽ khôn ngoan (17,16), hoặc tìm trong những tín ngưỡng bí nhiệm về một phương thức thực hành nào đó để đạt được ơn cứu độ.

Đủ mọi loại hội nhóm nhỏ phát triển, cả vì lý do tín ngưỡng lẫn vì lý do đơn giản là để khỏi bị mất nhân cách do tình trạng xã hội hoá gây nên.

IV. TÍN ĐỒ DO THÁI GIÁO VÀ KITÔ GIÁO TRONG ĐẾ QUỐC

Do thái giáo trước hết là Giêrusalem, trung tâm tôn giáo chính thức quanh Đền thờ. Do thái giáo trải rộng khắp "đất Israel", tức là khắp miền Giuđêa (chỉ sau năm 135 nó mới được gọi là Palestine tức là "đất của những người Philitinh"). Lãnh thổ này rộng bằng nước Bỉ hoặc vùng Bretagne, chỉ có chừng nửa triệu Do thái.

Do thái giáo còn là diaspora, nghĩa là "lưu lạc". Đã từ lâu có nhiều người Do thái sống ở nước ngoài: một số ở lại Babylone sau thời lưu đày, một số ở Alexandrie tạo thành 1/5 tổng số dân ở đây. Trong tất cả các thành mà Phaolô đi qua, ông đều gặp được những cộng đoàn Do thái đông đúc (thí dụ 13,14 14,1 16,13 17,2 18,4...). Người ta phỏng

đoán có tới 8 đến 10 phần trăm dân số đế quốc là người Do thái, tức là khoảng 7 tới 8 triệu. Ngoài ra còn có nhiều người thiện cảm với Do thái giáo và có lòng ao ước muốn theo Do thái giáo (19,13; Mt 13,15).

Những người Do thái được hưởng một qui chế đặc biệt trong đế quốc: được miễn nghĩa vụ quân sự, được nghỉ ngày Sabbat, được phép đóng thuế hằng năm cho Đền thờ. Như thế họ chính thức bị chi phối bởi 2 thẩm quyền pháp lý: quyền của Hoàng đế và quyền của Đại công nghị Giêrusalem.

Kitô giáo lúc ban đầu chỉ là một hệ phái bị Do thái giáo khai trừ, và cũng được hưởng cùng một quyền như Do thái giáo. Khi Kitô giáo tách khỏi Do thái giáo thì bị luật pháp Rôma coi như là một "tà giáo", một "thứ dị đoan" và do đó thường bị theo dõi gắt gao.

BÀI 2

XỨ PALESTINE

I. KINH TẾ:

Nhìn vào bản đồ Palestine ta có thể nhận ra những cánh đồng phì nhiêu (Ysréel, Saron, Shéphéla), những cao nguyên Galilêa, Samaria - Giuđêa dù đất lầy lội sỏi đá nhưng vẫn có thể trồng trọt được, và thung lũng sông Jourdain với thành phố Giêricô nổi lên như một ốc đảo tươi mát.

Mặc dù có những trận mưa lớn nhưng chỉ có mưa trong khoảng tháng 10 đến tháng 3, cho nên người ta phải cẩn thận trong những bồn chứa.

Nông nghiệp là nguồn sống chủ yếu. Thức ăn chính là lúa mì. Lúa mạch cũng được trồng khắp nơi. Người ta bắt đầu gieo hạt sau những cơn mưa đầu mùa. Mùa gặt lúa mạch là trước lễ Vượt qua, mùa gặt lúa mì là từ lễ Vượt qua tới lễ Ngũ tuần.

Cây ô liu cho rất nhiều dầu, được đưa từ Ai cập và Syrie về trồng. Trái vả được xuất khẩu tới tận Rôma, nho được trồng nhiều nhất ở vùng Giuđêa. Trong những vườn nho luôn luôn có một bồn ép nho và một tháp cao để canh chừng trộm cướp và sói dữ.

Bên cạnh những loại rau quả thông thường như: đậu lentille, đậu sicche và xà lách, cũng có những nông sản quý đã từng được dọn trên bàn ăn của hoàng đế như lựu, chà là xứ Giêricô hoặc Galilêa, nấm xứ Giuđêa, hoa hồng dùng chế dầu thơm của xứ Giuđêa là một loại hàng buôn bán với giá quý như vàng.

Nghề chăn nuôi cũng phổ biến. Dê và cừu sản xuất thịt, sữa, da, len. Những cuộc tế lễ ở Đền thờ tiêu thụ rất nhiều bò to. Người ta cũng nuôi lừa để cày đất hoặc để chuyên chở. Nhưng để chở đồ nặng thì phải dùng đến lạc đà. Còn ngựa thì dành riêng cho những người giàu.

Công nghiệp có một vài ngành khá thịnh vượng. Nghề cá phát triển trên các sông ngòi và nhất là trên hồ Tibériade. Cá được hun khói hoặc đem đi phơi rồi đem bán khắp xứ.

Nghề xây cất tiến triển tốt. Từ năm 20 trước Công nguyên đến năm 64 Công nguyên, có nhiều công trình tô điểm Đền thờ sử dụng tới 18.000 công nhân. Hêrôđê Antipas xây thành Tibériade và củng cố 2 thành

Sepphoris và Julias. Agrippa xây bức tường thành phía Nam Giêrusalem, và Ponce Philatô xây một hệ thống dẫn nước mới.

Nghề thủ công đáp ứng cho nhu cầu của sinh hoạt thường ngày: nghề làm quần áo (dệt, may, nhuộm...), nghề làm đồ gốm, nghề làm đồ trang sức v.v...

Đặc biệt Đền thờ là một công trình công nghiệp phức tạp thu hút đủ loại tay nghề: tư tế, lêvi, thợ đẽo đá. Hàng ngàn chiên bò được tế hiến mỗi năm, da của chúng (là sở hữu của các tư tế) được đem thuộc và chế rồi xuất khẩu. Đền thờ cũng sử dụng nhiều loại gỗ quý và dầu thơm. Lưu lượng khách hành hương đông đảo rất thuận lợi cho ngành buôn bán lương thực và đồ lưu niệm, vì khách hành hương phải dùng loại tiền tại chỗ với tỉ giá là 2 phần 10 đồng dime.

Thương nghiệp trong nội địa chủ yếu là trao đổi hàng hoá với nhau. Đối với ngành ngoại thương, người ta nhập khẩu những sản phẩm xa xỉ như tùng bách xứ Liban, trầm hương, thuốc thơm, vàng, sắt và đồng xứ Arabie, ngũ cốc và tơ sợi Ấn độ... Người ta xuất khẩu thực phẩm (trái

cây, dầu, rượu, cá...), dầu thơm, da và nhựa của Biển Chết. Thương nghiệp này nằm trong tay các thương gia lớn.

Tất cả những sinh hoạt trên làm cho xứ Palestine có thể trở thành một xứ "chảy sữa và mật" nếu như không có những sắc thuế và tình trạng của cái phân bố không đồng đều.

II. NGƯỜI GIÀU VÀ NGƯỜI NGHÈO:

Một thiểu số sống đời xa hoa. Đó là các quan chức triều đình, các tư tế Giêrusalem, những thương gia lớn, những cai thầu thuế và những địa chủ (cách riêng ở miền Galilêa).

Giai cấp trung lưu gồm các thợ thủ công, các tư tế làng và những tiểu nông. Họ thường mắc nợ và gần với dân nghèo hơn.

Túng thiểu nhất là những người làm công nhật và những kẻ thất nghiệp. Họ thường phải đi ăn xin. Dĩ nhiên trong giai cấp này cũng phải kể những nô lệ.

Những người bệnh (các chứng bệnh ngoài da, rất nhiều người phong cùi), và những người tàn tật đều sống nhờ của bố thí. Bố thí là một bổn phận tôn giáo quan trọng.

Cũng có nhiều người trộm cắp, rất đông.

III. NHỮNG NHÓM XÃ HỘI:

Sau đây chúng tôi lần lượt trình bày những nhóm xã hội, tôn giáo và chính trị. Thực ra không thể phân biệt rõ và họ lẫn lộn nhau.

Bên cạnh những người giàu, những giai cấp trung lưu và những người nghèo, ta có thể tách ra một vài nhóm đặc thù.

Bạn hãy đọc Cv 4,1-17; 5,17-42 và hãy tìm ra những nhóm ấy, họ gồm những ai?

1) Giới giáo sĩ:

Có cả một thế giới phân biệt giữa giới tư tế quý tộc ở đền thờ Giêrusalem với phần giáo sĩ còn lại.

Ở chóp đỉnh của hệ thống giáo sĩ là vị Đại tư tế. Ông chịu trách nhiệm về Luật và Đền thờ, chủ tịch của Đại công nghị, một mình ông có quyền mỗi năm vào nơi Cực thánh một lần, ông còn đương nhiên là lãnh tụ của toàn dân. Trước kia các Đại tư tế được chỉ định giữ chức vụ suốt đời. Nhưng về sau các vua Do thái, rồi tới người Rôma chỉ định họ và tùy ý cất chức họ: do đó vị Đại tư tế đương nhiên phải tìm cách lấy lòng các lãnh tụ dân sự. Và lại, chức này là một mối lợi to: được chia phần những lễ vật dâng cúng và tiền bán súc vật... Hơn nữa các Đại tư tế này là người thuộc 4 dòng tộc lớn, nên ta dễ đoán ra quyền uy của họ về mặt chính trị và kinh tế.

Những vị hữu trách của Đền thờ cũng thuộc giới tư tế quý tộc và thường cũng là bà con với nhau thuộc 4 gia tộc lớn nói trên. Tất cả họ đều theo phái Saducêô.

Các tư tế thôn quê có khoảng 7000. Họ rất gần gũi với dân đen, cùng chia sẻ với dân về nếp sống, nghề nghiệp và cảnh nghèo. Họ được chia thành 24 ban luân phiên lên phục vụ Đền thờ mỗi năm một tuần và vào dịp 3 ngày lễ lớn. Người ta rút thăm để chọn người dâng hương. Và bởi

vì không thể được chọn lại lần nữa khi tất cả chưa trúng thăm, cho nên được dâng hương là một dịp may mắn lớn trong đời (Lc 1,5-9). Một số trong họ có học thức hơn thì trở thành Ký lục. Nhiều người trong họ theo phái Pharisêu.

Các Lêvi là loại tư tế hạng thấp, đã mất quyền, họ là bà con nghèo của giới tư tế. Họ khoảng chừng 10.000 người và cũng được chia thành 24 ban, luân phiên mỗi năm một tuần lo những công việc thấp hèn trong Đền thờ như chuẩn bị lễ tế, thu thuế thập phân, ca hát, canh gác Đền thờ. (xem hình trang bên, tr 63).

2) Các kỳ lão:

Kỳ lão là một loại quý tộc giáo dân. Cũng có sự phân biệt lớn giữa các kỳ lão ở làng quê với các kỳ lão trong Đại Công nghị ở Giêrusalem (gồm những thương gia giàu và những địa chủ). Những kỳ lão nhóm sau vì tư lợi nên cấu kết với quân Rôma và các đại tư tế. Hình như họ theo phái Saducêô.

3) Những ký lục hoặc những tiến sĩ luật:

Họ là những chuyên viên về Luật và được công nhận như vậy sau nhiều năm học cho tới khoảng 40 tuổi. Họ có ảnh hưởng lớn trong tư cách họ là những nhà chú giải Thánh kinh chính thức, ảnh hưởng này vừa đối với cuộc sống vừa trước các toà án. Một số trong họ là tư tế, nhưng đa số là giáo dân và pharisêu. Dân xem họ là những bậc thầy đáng kính và họ thường chia sẻ cảnh nghèo của dân. Những vị nổi tiếng nhất thời đó là Hillel, Shammai (trước Công nguyên), Gamaliel (sư phụ của Phaolô, x.5,34 22,3), Lohannan ben Zakkai (hiệu trưởng trường Jamnia sau năm 70), Aqiba (bị người xứ Rôma xử tử năm 135).

Các Ký lục đã thực sự phong toả Luật bằng một hàng rào những qui định. Những qui định này trở thành cái ách quá nặng nề. Đúng ra chúng phải là một phương tiện giải phóng, bởi vì khi buộc toàn dân phải tuân giữ những qui luật về sự trong sạch mà ban đầu chỉ buộc riêng các tư tế thì lẽ ra phải giúp mọi người có thể tiến gần tới Thiên Chúa.

4) Những người thu thuế:

Họ không phải là những tay cai thầu thuế giàu sụ, mà chỉ là phụ tá cho đám kia mà thôi. Tuy là người Do thái nhưng họ lại thu thuế để giao nộp cho quân Rôma chiếm đóng. Vì lý do đó, và vì họ có khuynh hướng thu cao hơn định mức hầu làm giàu cho túi tiền riêng nên họ bị coi khinh và bị xem là những tên tội lỗi công cộng.

IV. NHỮNG NHÓM TÔN GIÁO:

Hãy đọc 4,1-17 5,17-42 18,24-48 22,2 23,6-9. Bạn thấy những hệ phái nào? Giáo thuyết của chúng ra sao?

1) Phái Pharisiêu:

Phái này bị người ta ác cảm. Thật đáng tiếc và bất công. Thực ra họ là những thánh nhân. Họ tách biệt (đó là nghĩa của chữ Pharisiêu) khỏi đảng Hasmon vì coi đảng này là bất trung với Chúa, họ cũng tách biệt khỏi tội lỗi. Quan tâm hàng đầu của họ là bảo vệ sự thánh thiện của Thiên Chúa và miệt mài suy gẫm Luật Ngài. Vì biết rằng khó có thể sống thường trực trước mặt Thiên Chúa thánh thiện, nên họ đặt ra cả một hệ thống những việc phải làm, chẳng khác nào một hàng rào bao

vây họ. Họ không giả hình đâu: khi người Pharisêu trong Tin mừng (Lc 18,9-13) tuyên bố quen ăn chay mỗi tuần 2 lần và đem 10% của cải bố thí cho người nghèo... là ông ta có làm thật!

Họ cũng là những chứng nhân đích thực của đức tin chân chính, Đức Giêsu cảm thấy gần gũi với họ vì Ngài đã được huấn luyện bởi họ và cầu nguyện giống như họ. Sai lầm duy nhất của họ là nghĩ rằng người ta có thể dựa vào sự thánh thiện của mình để tới gần Thiên Chúa và có thể lấy công nghiệp của mình để chiếm được Thiên đàng. Nếu Đức Giêsu cứng rắn chống lại họ, có lẽ là Ngài thất vọng khi thấy họ làm hư hại sự thánh thiện của họ, và cũng vì họ có ảnh hưởng lớn (một ảnh hưởng tai hại) trên dân đen vốn hằng ngưỡng mộ họ. Ảnh hưởng này họ có là nhờ sự thánh thiện của họ chứ không do số lượng: họ chỉ có khoảng 6000 người. Một vài người trong họ có thái độ cởi mở với Đức Giêsu và môn đệ Ngài (Ga 3; Lc 7,36 13,31; Cv 5,34 15,5 23,9). Chính họ là những người cứu vớt Do thái giáo sau biến cố năm 70.

2) Phái Saducêô:

Đây là phái quý tộc và hầu hết là tư tế. Ta không rõ lắm về giáo thuyết của họ. Hình như họ chỉ công nhận bộ Ngũ Thư (không nhận các sách ngôn sứ); họ không tin kẻ chết sống lại và thiên thần (23,8). Về mặt chính trị, họ là những kẻ xu thời, sẵn sàng cộng tác với quân Rôma để giữ được quyền lợi của mình. Họ sẽ rất cứng rắn với Đức Giêsu và các môn đệ Ngài. Nhưng thực chất đức tin tôn giáo của họ không mạnh, do đó họ đã tan rã sau biến cố năm 70.

3) Phái Essêni:

Họ là một loại đan sĩ sống chung trong cộng đoàn trên bờ Biển Chết. Giáo thuyết của họ đã được biết nhiều hơn từ sau cuộc khám phá những thủ bản Thánh kinh ở Qumrân năm 1947. Họ sống dưới sự hướng dẫn của một tư tế mà họ gọi là Đức thầy công chính. Họ tách biệt khỏi những người Do thái khác vì cho rằng những người ấy ít sốt sắng. Hằng ngày họ chuyên cần cầu nguyện và suy gẫm sách thánh để chuẩn bị chi Nước Chúa đến. Tu viện của họ sẽ bị quân Rôma tàn phá vào năm 70.

4) Những phong trào tẩy giả:

Giữa các năm 150 trước Công nguyên và 300 Công nguyên, có nhiều phong trào tẩy giả ở trong và ngoài xứ Palestine. Đặc tính của họ là coi trọng việc thanh tẩy (họ coi nghi lễ này là một hình thức khai tâm và để được tha tội) và chống lại Đền thờ cùng các thứ lễ tế. Nhóm Nasaréens (đừng lẫn lộn với nhóm Nazôréens sẽ nói dưới đây) phản đối mọi thứ lễ vật đổ máu. Phong trào của Gioan Tẩy giả cũng thuộc trào lưu này, nhưng có khác là Gioan không ly khai: ông cởi mở với mọi người và vẫn chấp nhận đức tin truyền thống. Sau khi Gioan chết, phong trào của ông hình như vẫn còn sống, bằng chứng là vẫn còn một nhóm hoạt động ở Êphêxô khoảng năm 54 (19,1-7).

5) Dân đen:

Đây là những người không thông thuộc Luật. Phái Pharisieu khinh miệt gọi họ là "dân của đất". Vì không thuộc Luật nên họ cũng không thể tuân giữ những qui định tỉ mỉ về Luật, và do đó họ bị coi là "ô ứ" (Ga 7,49; Cv 4,13).

6) Nhóm Nazôréons:

Đây là tên mà người Do thái đặt cho các Kitô hữu (24,5). Chẳng biết do đâu mà có cái tên này. Nhưng dù sao nó cũng cho thấy một sự kiện không chối cãi được, là trong một thời gian lâu dài các môn đệ Đức Giêsu chỉ được coi là một nhóm mới ly khai khỏi Do thái giáo.

7) Những người Samaria:

Họ không phải là một phái hay một nhóm đúng nghĩa mà là một thành phần dân tộc, do nhiều nguồn gốc pha trộn lẫn nhau. Những người Samaria đã tách khỏi Do thái giáo chính thức. Họ cũng nhìn nhận bộ Ngũ Thư như người Do thái, nhưng họ xây đền thờ riêng trên núi Garizim. Quan hệ giữa người DO thái với họ rất căng thẳng (Lc 9,52; Ga 4,9; 8,48). Cách Đức Giêsu đối xử với họ đã gây vấp phạm cho những người Do thái khác (Ga 4,5-40; Lc 10,13; 17,10-17). Sứ vụ truyền giáo đầu tiên của Kitô giáo là hướng tới họ (Cv 1,8; 8,5-25; 9,31; 15,3).

8) Lương dân tin theo Do thái giáo:

Do thái giáo chia người ta thành 2 hạng; hạng Do thái, có cắt bì và hạng dân ngoại không cắt bì (còn được gọi là chư dân, lương dân). Nhưng hạng thứ hai có thể gia nhập hạng thứ nhất.

Tân tông (tiếng Hy Lạp là prosélythes có nghĩa là "đến gần") là người ngoại nhưng chấp nhận đức tin Do thái, sẵn sàng tuân giữ Luật Do thái, chịu cắt bì và theo mọi qui định khác (2,11; 6,5; 13,43; Mt 23,15).

Người-kính-sợ-Chúa là người chấp nhận đức tin Do thái nhưng không cắt bì, vì thế họ vẫn còn thuộc hạng dân ngoại (10,2-22; 13,16-26; 43,50; 16,14; 17,4-17; 18,7).

V. NHỮNG NHÓM CHÍNH TRỊ:

Người Do thái chia thành nhiều nhóm hoặc hợp tác hoặc chống lại quân Rôma xâm lược.

1) Để duy trì đặc quyền đặc lợi của mình giới tư tế cao cấp sẵn sàng bắt tay với quân Rôma. Đảng Hêrôđê cũng thế, họ gồm những người của

Hérode Antipas. Họ sẽ rất thù nghịch với Đức Giêsu (Mt 22,16; Mc 3,6; 12,13).

2. Ngược lại "nhiệt tình" đối với Luật đã khiến những người sốt sắng nhất đã chống lại Rôma: chống đối một cách hoà bình là phái Pharisêu, còn chống bằng bạo lực là phái Zélotes (nghĩa là "cuồng nhiệt"). Trong phái "cuồng nhiệt" còn một nhóm nhỏ được gọi là Sicaires (do chữ Sica nghĩa là đoản kiếm, loại vũ khí để giấu dưới áo choàng). Những phái này là lực lượng chủ yếu tạo ra cuộc nổi dậy đưa đến thảm họa năm 70. Trước đó cũng có một số cuộc nổi dậy lẻ tẻ khác bởi những người tự xưng là "Messie" (5,36; 21,38).

VI. NHỮNG ĐỊNH CHẾ

Hãy đọc vài bản văn: 3,1-2; 6,1-15; 9,1-2; 13,13-15.44-52; 16,11-15.

1) Đền thờ:

Đền thờ Giêrusalem đã được Hérode cho tu sửa lại tráng lệ. Nó đứng sừng sững trên một mặt bằng gần 300 x 500 mét. Đây là nơi thánh cho

Thiên Chúa ngự, muốn đến đây phải tuân theo những qui định rất là nghiêm ngặt. Gian-cực-thánh là một gian trống có màn che kín, trong đó ngày xưa có chứa Hòm Bia, chỉ một mình vị Đại tư tế mới có quyền mỗi năm vào đây một lần vào ngày lễ Kippour. Tiếp đến là gian- thánh có đặt Bàn thờ. Rồi đến sân thứ nhất dành cho các tư tế. Kế tiếp là sân dành cho người Israel (người nam thôi), rồi sân cho phụ nữ. Có một lan can ngăn các sân phía trong với sân ngoài dành cho lương dân, ai vượt lan can này sẽ bị xử tử.

Xem hình trang 69.

1. Gian cực thánh 5. Sân Israel
2. Gian thánh 6. Sân phụ nữ
3. Bàn thờ 7. Khu người ngoại
4. Sân tư tế
 - a) Đại công nghị
 - b) Cửa Đẹp

Bàn thờ rất rộng: mỗi chiều 25m, cao 7m50. Hàng ngày sáng chiều đều có tế sát một con chiên, gọi là "tế lễ thường xuyên" và vô số lễ riêng của dân chúng. Đến các ngày lễ lớn thì tế lễ càng gia tăng, các tư tế và Lêvi bận rộn lo tế lễ, dân chúng thì chen chúc...

Con chiên vượt qua phải được đem tới Đền thờ để tế lễ trước khi đưa về gia đình để ăn thịt. Vì thế, từ khi Đền thờ bị phá huỷ năm 70, người Do thái mừng lễ Vượt qua nhưng không còn ăn thịt chiên nữa.

Là trung tâm của tôn giáo, Đền thờ còn là trung tâm của chính trị nữa vì ở đó có Đại công nghị, và cũng là trung tâm kinh tế cho cả nước do mọi hoạt động phát sinh từ Đền thờ.

2) Hội đường và việc thờ phượng:

Tiếng "hội đường" (synagogue) có nghĩa đầu tiên là "nơi hội họp". Hội đường là nơi người Do thái thường xuyên tới hơn là Đền thờ, vì Đền thờ vừa xa vừa chỉ tới trong những ngày lễ lớn mà thôi.

Việc thờ phượng ở Hội đường được tổ chức mỗi ngày 3 lần, gồm: (1) Giảng huấn: đọc một đoạn Luật, được soi sáng bởi một đoạn sách ngôn sứ, tiếp theo là một bài giảng. Tín đồ nào cũng có thể lên đọc và giảng (Lc 4,16t), nhưng thực tế việc này chỉ dành cho các ký lục, Pharisiêu mà thôi. (2) Cầu nguyện: đọc Thánh vịnh, cốt yếu là 3 lời chúc tụng bao quanh kinh Shema là kinh tóm lược đức tin của Israel. (3) Kết thúc bằng kinh 18-lời-tán-tạ ca ngợi những việc kỳ diệu Thiên Chúa đã làm cho dân Ngài.

3) Những ngày lễ:

Ba cuộc lễ hành hương có một tầm quan trọng đặc biệt và đó là việc tập hợp dân lại quanh Đền thờ và củng cố đức tin chung.

a) Lễ Vượt qua:

Lễ này tưởng niệm ngày giải phóng nhờ cuộc Xuất hành. Dịp này có chừng 200.000 khách hành hương về Giêrusalem. Chiều ngày 14 tháng Nisan có giết các con chiên tại Đền thờ để sau đó đưa về các gia đình mà ăn sau khi mặt trời lặn. Lễ này kéo dài 8 ngày. Vì lễ này rất lớn nên

chính quyền Rôma rất sợ người ta nổi loạn, bởi đó quan Thái thú vốn thường ở Cécarée đến dịp lễ này cũng phải đích thân đến Giêrusalem để giám sát.

b) Lễ Ngũ tuần:

50 ngày sau thì đến một lễ mà ban đầu để mừng mùa thu hoạch (còn được gọi là lễ Các tuần Xh 23,16; 34,22), và tới đầu Công nguyên thì để tưởng niệm việc Thiên Chúa ban Luật cho dân trên núi Sinai. Như thế nó là lễ tưởng niệm Giao ước và Lặp lại Giao ước hằng năm.

c) Lễ Lều:

Đây là lễ nhộn nhịp vui mắt nhất. Để tưởng nhớ giai đoạn lưu lạc trong sa mạc, mỗi gia đình lấy cành cây dựng một túp lều ở chung quanh thành. Có nhiều lễ nghi rất bình dân, chẳng hạn như các tư tế đi kiệu tới suối Siloé cùng với đám đông dân chúng cầm lá dừa đi theo (Ga 7,37t) và lễ nghi thả 4 trụ đăng chiếu sáng cho khắp thành phố (Ga 8,12).

d) Yôm Kippour hay Ngày xá tội:

Đây là một lễ sám hối. Đây cũng là lần duy nhất trong năm, vị Đại tư tế vào gian Cực thánh để dâng máu tế vật làm của lễ Đền tội (xem Thư gửi tín hữu Hy Bá Lai).

Lễ xá tội được chuẩn bị bởi lễ Rosh ha-Shana hoặc Năm mới. Lễ Cung hiến, hoặc Hannoukah tưởng niệm việc thanh tẩy Đền thờ vào năm 164 tr.CN bởi Judas Maccabée (Ga 10,22). Còn lễ Pourim hay Rút thăm là để tưởng niệm việc dân được cứu thoát nhờ Bà Esther; lễ này trở thành một dịp vui chơi tương đương với ngày hội hoá trang bên châu Âu.

4) Ngày Sabbat:

Cùng với việc cắt bì, việc giữ ngày Sabbat là một bổn phận thánh thiêng. Hôm đó phải hoàn toàn nghỉ việc, mục đích là để con người được nghỉ ngơi và tán tụng Thiên Chúa. Nhưng nó có thể thành một gánh nặng không thể vác nổi (Mt 2,27).

5) Đại công nghị:

Đại công nghị ở Giêrusalem (Sanhédrin tiếng Hy Lạp nghĩa là "nhóm họp") gồm 71 thành viên: các kỳ lão, các đại tư tế, (phái Saducêô) và một số ký lục (phái pharisiêu). Vị Đại tư tế là Chủ tịch. Cơ quan này được thành lập có lẽ một thế kỷ tr.CN. và họp trong Đền thờ mỗi tuần 2 lần. Nó có một quyền chính trị là bỏ thăm biểu quyết các khoản luật, có đội cảnh vệ riêng và có thể lên án tử, tuy nhiên vào thời Đức Giêsu nó không còn có thể thi hành án tử được nữa. Đây cũng là toà án tôn giáo tối cao có quyền xác định giáo thuyết, lập lịch phụng vụ, qui định sinh hoạt tôn giáo. Từ năm 70 nó không còn tồn tại như một quyền lực chính trị nữa. Nhưng nó được tái sinh như một quyền lực tôn giáo tại Jamnia.

Khắp nơi trong xứ đều có những Tiểu công nghị gồm 23 thành viên (Mt 10,17). Xem bảng trang 73

BÀI 3

HỘI NGHỊ JAMNIA HAY LÀ DO - THÁI - GIÁO SAU NĂM 70

Năm 66 dân DO thái nổi lên chống lại quân Rôma. Sau một cuộc chiến đẫm máu, tướng Titus, con của hoàng đế Vespasien và sẽ là người kế vị

ông này, chiếm được Giêrusalem vào năm 7,0. Đền thờ bị phá huỷ. Hàng ngàn người Do thái bị giết hoặc bị bán làm nô lệ. Phải chăng đây cũng là ngày tàn của Do thái giáo?

Một vài người Pharisieu, trong đó có ông Johanan ben Zakkai, trước ngày xảy ra thảm hoạ ấy, đã họp nhau tại Jamnia (nay là Jabné hoặc Javné, phía Nam Tel-Aviv). Họ đã thành công trong việc đem lại cho đạo một sức sống mới mà Do thái giáo ngày nay thừa kế. Những phong trào khác (saducêô, Êssêni) đều bị tan biến, còn pharisieu vẫn tồn tại, từ đó Do thái giáo nghĩa là Pharisieu. Nhưng trước mắt, họ phải đương đầu cả 2 mặt.

Về nội bộ, cần phải chấm dứt sự chia rẽ giữa người Do thái với nhau. Để đạt mục tiêu này họ lập ra một lịch phụng vụ duy nhất, thống nhất cách thờ phượng tại các Hội đường, nhất là ấn định "thư quy các sách thánh", tức là liệt kê một danh sách những quyển sách nào phải được coi là qui luật của đức tin (chữ Hy Lạp: canon nghĩa là "qui luật"). Trong thư quy này, họ chỉ giữ lại những sách viết bằng chữ Hy Bá Lai, trong khi những người Do thái ở Alexandrie công nhận thêm nhiều

sách khác nữa được viết bằng chữ Hy Lạp hoặc đang được lưu giữ với hình thức chữ Hy Lạp (đây cũng là sự khác biệt giữa bộ Thánh kinh Công giáo và Tin lành).

Về đối ngoại, họ phải đương đầu với Kitô giáo đã có cơ sở vững chắc ở Palestine (các Kitô hữu đã trốn khỏi Giêrusalem trước năm 70 để đến Pella phía Đông sông Jourdain và đến Galilêa), và còn lan sang Tiểu Á, Hy Lạp, Ai cập vv... Trong hội nghị Jamnia, những người biệt phái đề ra nhiều biện pháp cấm các Kitô hữu tham gia sinh hoạt cầu nguyện của người Do thái. Họ còn đưa thêm vào kinh "18 lời tán tạ" một lời cầu xin chống lại "những tên lạc giáo, chối đạo, kiêu căng" tức là các Kitô hữu. Thế là đứt đoạn hoàn toàn. Kitô trở thành một nhóm bị Do thái giáo khai trừ.

CÁC KITÔ HỮU VÀ HỘI NGHỊ JAMNIA:

Tân ước không bao giờ trích dẫn Hội nghị Jamnia. Tuy nhiên nhiều chi tiết trong Tân ước chỉ có thể hiểu nếu ta lưu ý tới ảnh hưởng của hội nghị này, đặc biệt là trong Tin mừng Mt là tác phẩm viết từ những

truyền thống của các cộng đoàn sinh sống tại miền Syrie - Palestine, tức là có va chạm trực tiếp với những người pharisiêu của Jamnia. Mt đã ghi nhận những điểm này làm cho 2 bên đối chọi nhau hoặc gần gũi nhau.

Sự đối chọi thì thấy rõ hơn. Đức Giêsu trong Mt rất cứng rắn đối với biệt phái pharisiêu (Mt 23); Ngài đối lập cách cầu nguyện của Kitô hữu với cách cầu nguyện của họ (6,5-6); "ách" của Ngài thì êm ái so với những bó buộc nhiều vô số của họ (11,29-30); quần chúng công nhận rằng Ngài có uy quyền chứ không như các ký lục (7,29)... Nhưng khi đọc Mt ta phải luôn tự hỏi xem ai đang nói: Đức Giêsu của những năm 30, hay là Đức Giêsu phục sinh của những năm 80-90 đang tấn công những người pharisiêu ở Jamnia?

Mt cũng ghi nhận có sự hoà hợp với thành phần ưu tú nhất của phái pharisiêu. Bài giảng trên núi được trình bày như một bài tổng luận giáo lý, song song với giáo huấn ở Jamnia và cũng dựa trên 3 trụ cột của Do thái là: đức công chính, những việc đạo đức thường làm, và việc thờ phượng. Có 2 lần Đức Giêsu của Mt (và chỉ của Mt) trích dẫn Hôsê 6,6

(Mt 9,13 12,7) đây chính là đoạn Thánh kinh ung ý nhất của Johanan Ben Zakkai người sáng lập ra Jamnia. Người ta thuật rằng một hôm có một đệ tử của ông đứng khóc trước Đền thờ đổ nát vì không còn dâng lễ để đền tội được nữa, thì Johanan đã khuyên rằng: "Con ơi, đừng buồn nữa, chúng ta có thể đền tội bằng một cách khác chẳng kém giá trị, đó là thực thi lòng thương xót, vì theo lời sách thánh, "Ta muốn tình thương chứ không phải lễ tế".

BÀI 4

CÁC KITÔ HỮU ĐẦU TIÊN

Trước tiên mời bạn đọc một số đoạn trong sách công vụ Tông đồ:

1,13-15 2,41-46 3,1 4,23-31.32-37 6,1-15 9,1-2 14,27 15,1-12

18,24-28 20,17-38 21,8-10. Bạn hãy cố gắng tìm trong đó xem các kitô hữu đầu tiên đã sống như thế nào.

I. MỘT NHÓM DO THÁI BỊ KHAI TRỪ:

Ban đầu và trong một thời gian dài, các môn đệ của Đức Giêsu - họ chỉ sẽ được gọi là Kitô hữu vài năm sau biến cố phục sinh, tại Antioche (11,26) - được coi là một nhóm trong lòng Do thái giáo: Phêrô và Gioan vẫn lên Đền thờ cầu nguyện; Phaolô vẫn giảng trong Hội đường và vẫn lên Đền thờ để thi hành một lời khấn (21,26)... Dĩ nhiên giữa họ có nhiều khác biệt về giáo lý nhưng cách sống đạo vẫn còn giống nhau.

Việc khai trừ bắt đầu khi những người "Hy Lạp hoá" - tức là những Do thái từ diaspora về sống ở Giêrusalem, nói tiếng Hy Lạp - đặt vấn đề về cách sống đạo ấy (quá đề cao Đền thờ và các lễ tế), và hồ ngấn cách sẽ được đào sâu thêm khi các Kitô hữu đón nhận dân ngoại vào Giáo hội ("cộng đồng" Giêrusalem).

II. SINH HOẠT CỦA CỘNG ĐỒNG:

Cộng đồng này là Giáo hội (Église), tức tập hợp những người đáp lại lời kêu gọi của Thiên Chúa, họp lại nhân danh Đức Giêsu là Đấng Kitô và là Chúa, và được tác động bởi Thánh Linh.

Theo Lc, Giáo hội có 3 nét đặc thù:

1. Các môn đệ chuyên cần với giáo huấn của các Tông đồ. Trong giáo huấn này cho những người mới lãnh nhận phép rửa, các Tông đồ giải thích sách thánh theo ánh sáng của Đức Kitô phục sinh; các ngài nhắc lại những lời nói và việc làm của Đức Giêsu để tìm ra một qui luật sống. Thế là dần dần tích tụ chất liệu sẽ làm thành các sách Tin mừng sau này.

2. Các môn đệ chuyên cần với tình hiệp thông huynh đệ, một sự đồng tâm nhất trí được thể hiện qua việc chia sẻ của cải cho nhau: trong họ không có người túng thiếu vì không ai coi cái thuộc về mình là của riêng mình, ai cũng đem ra cho mọi người cùng sử dụng.

3. Các môn đệ cũng chuyên cần với việc bẻ bánh, tức là Thánh lễ, và với việc cầu nguyện. Họ cầu nguyện ở Đền thờ, tại tư gia và nhiều nơi khác nữa (21,5).

III. THÁNH LINH VÀ CÁC THỪA TÁC VIÊN:

Đức Giêsu phục sinh đã ban Thánh Linh của Ngài cho cộng đoàn để tác động cộng đoàn. Ngài cũng ban cho cộng đoàn những thừa tác viên để

phục vụ các tín hữu. Nhiều thừa tác vụ dần dần được nảy sinh và phân biệt nhau.

Trước hết phải đặt riêng ra nhóm mười hai. Họ là những người sáng lập Giáo hội, và trong tư cách đó họ sẽ không được ai thay thế cả.

Nhóm 12 đã đặt tại Giêrusalem những Trưởng lão (presbytres là một chữ Hy Lạp, từ đó phát sinh chữ Prêtre ngày nay, "Linh mục"). Phaolô cũng làm như thế ở các giáo đoàn khác. Phaolô còn đặt ra những vị hữu trách làm giám sát (épiscopos, cũng là tiếng Hy Lạp, từ đó phát sinh chữ évêque ngày nay, "Giám mục"). Những người "Hy Lạp hoá" đã đặt ra tác vụ diaconie để lo việc phục vụ, đó là tiền thân của tác vụ Phó tế (khi đó họ không phải là Phó tế mà chỉ là những người có trách nhiệm trong Giáo hội). Rồi dần dần có thêm những Giảng huấn viên, những ngôn sứ và nữ ngôn sứ (21,9)vv...

Nhưng đừng tưởng rằng thời đó đã có đủ hệ thống phẩm trật như ta sẽ thấy từ thế kỷ thứ II về sau. Khi đó tất cả chỉ còn trong giai đoạn đang hình thành dần dần.

IV. MỘT CỘNG ĐOÀN THỪA SAI:

Các môn đệ tự thấy mình có trách nhiệm thông truyền cho mọi người điều mà họ đã khám phá: chúng tôi không thể không nói, Phêrô đã tuyên bố như thế tại Đại công Nghị (4,20). Được Thánh Linh thúc đẩy, giáo đoàn Antioche đã gởi Barnabé và Phaolô lên đường truyền giáo (13,1-3), và Apollos quá nhiệt thành đến nỗi dù chưa đào tạo xong cũng bắt đầu dạy giáo lý cho người khác (18,24-28).

V. MỘT CỘNG ĐOÀN VỪA HỢP NHẤT VỪA DỊ BIỆT:

Cộng đồng Kitô hữu là một Giáo hội hợp nhất, cho dù đó là giáo đoàn Giêrusalem, giáo đoàn Antioche, giáo đoàn Êphêsô vv... khuôn mặt riêng của giáo đoàn mang những nét riêng do môi trường lịch sử, kinh tế, quá khứ: do đó giáo đoàn những người Do thái trở thành Kitô hữu không giống hoàn toàn với giáo đoàn gồm những người trước kia là lương dân. Khi nghiên cứu các sách Tin mừng, chúng ta sẽ thấy dung mạo Đức Giêsu Kitô được tô điểm bằng những nét khác nhau do sinh hoạt khác nhau của các giáo đoàn.

Và các giáo đoàn ấy cũng hỏi chúng ta: giáo đoàn của chúng ta ngày nay đưa cho thế giới ngày nay một dung mạo cụ thể của Đức Giêsu Kitô như thế nào?

CHƯƠNG II

BIẾN CỐ PHỤC SINH

Trong quyển "Hướng dẫn đọc Cựu ước", chúng ta sẽ bắt đầu với biến cố Xuất hành, bởi vì biến cố ấy là nền tảng cho đức tin của Israel. Cũng một cách ấy, trước khi đọc những sách Tân ước, chúng ta hãy dừng chân trước một biến cố đã đặt nền cho niềm tin Kitô: đó là biến cố Đức Kitô phục sinh.

Chương này quan trọng cả về giáo thuyết lẫn sự phạm:

- Nó giúp chúng ta kiểm nghiệm rằng đức tin Kitô đặt nền trên biến cố này, một mâu nhiệm hết sức phong phú đến nỗi các môn đệ đã phải sử dụng rất nhiều hình ảnh để cố gắng diễn tả.
- Về mặt sự phạm, chương này chuẩn bị cho những chương kế tiếp, vì trong khi xem xét biến cố phục sinh, chúng ta cũng được dẫn lướt qua những giai đoạn hình thành Tân ước. Bây giờ chúng ta hãy xem các bài tường thuật được tạo ra như thế nào.

BẢNG TRẮC NGHIỆM VỚI CON TEM BƯU ĐIỆN:

Tập san Fêtes et saisons ngày kia đề nghị độc giả làm một trắc nghiệm: "Bạn hãy lấy một con tem và viết phía lưng của nó điều bạn tìm". Dù chọn một con tem lớn và cố gắng viết chữ nhỏ, ai cũng thấy thiếu chỗ cho nên đều bó buộc phải viết những điều thật chính yếu mà thôi! Vậy thì thử hỏi các Kitô hữu đầu tiên đã viết gì sau lưng con tem của họ? Họ cũng viết điều chủ yếu, tức là Tin mừng mà họ loan báo cho người khác để dẫn người ta tới đức tin.

Một sứ điệp chủ yếu, một lời loan báo, một tiếng hô lớn... Các chuyên viên đặt cho nó một cái tên Hy Lạp, đó là Kerygma, tiếng này có nghĩa là tiếng hô của người đi trước để dọn đường, hay của người rao mõ trong các làng.

CON ĐƯỜNG CHÚNG TA ĐI:

Chúng ta sẽ đi qua 3 giai đoạn:

1. Các môn đệ hô to niềm tin của mình, Kerygma. Dựa vào một vài bài giảng trong sách Công vụ Tông đồ, chúng ta sẽ cố gắng tìm xem tiếng hô to đó, kerygma đó là gì.

2. Các môn đệ cử hành đức tin của mình. Kinh Tin Kính. Các Thánh ca. Chúng ta sẽ nghiên cứu một bản kinh Tin kính và một bản Thánh ca do Phaolô trích dẫn và chúng ta sẽ thấy đó cũng chính là đức tin chủ yếu mà các môn đệ đã tuyên xưng hoặc đã hát lên khi họ nhóm họp với nhau.

3. Các môn đệ kể lại niềm tin của mình. Các bài tường thuật. Đến đây chúng ta có thể đọc những bản văn kể lại những cuộc hiện ra của Đức Giêsu và cuộc thăng thiên của Ngài. Chúng ta sẽ thấy chúng cũng chẳng nói gì hơn nội dung của kerygma hoặc những kinh Tin kính và những Thánh ca, thế nhưng cách chúng nói thì khác: nói dưới hình thức câu chuyện.

Nhưng trước khi vào bài, xin mời bạn, nếu muốn, làm thử một bài tập:

- Khi bạn thốt lên tiếng "phục sinh", thì những hình ảnh những so sánh nào hiện ra trước tiên trong đầu bạn? Bạn hãy trả lời ngay đừng chần chừ suy nghĩ (thí dụ: mùa xuân, ánh sáng...)

- Khi bạn muốn suy gẫm hoặc muốn cầu nguyện về biến cố phục sinh, trước hết bạn nghĩ tới sử dụng đoạn Tin mừng nào?

- Theo bạn nghĩ, điều gì là quan trọng nhất trong cuộc sống?

Bây giờ bạn có thể vào bài rồi đó, đừng bận tâm chi nữa về những câu bạn vừa trả lời. Sau này chúng ta sẽ trở lại với chúng.

BÀI 1

CÁC MÔN ĐỆ HỒ LỚN NIỀM TIN KERYGMA

Khi đọc sách Công vụ Tông đồ, bạn thấy có nhiều bài giảng: 8 bài của Phêrô, 9 bài của Phaolô, và 7 bài của nhiều người khác nữa. Nếu đọc kỹ vài bài, ta sẽ thấy được điều chính yếu mà các Kitô hữu ban đầu muốn loan báo.

I. BÀI GIẢNG CỦA PHÊRÔ... HAY CỦA LUCA?

Nhưng có một vấn đề đặt ra: Đây là tiếng của Phêrô, của Phaolô hay là của Luca? Chắc chắn một điều là những bài giảng ấy do Lc ghi lại bởi ông chính là tác giả sách Công vụ Tông đồ. Khi ghi lại, Lc cũng làm như những sử gia thời đó thôi, tức là không phải ghi lại nguyên văn với đầy đủ chi tiết, cũng không phải tóm ý chính, mà là soạn lại thành một "bài giảng mini" gồm có nhập đề, thân đề và kết luận.

Tuy nhiên các chuyên viên đều nhất trí rằng không phải Lc đã hoàn toàn sáng tác, mà ông soạn lại dựa vào những chất liệu ông thu thập được. Chẳng hạn có một số tước hiệu của Đức Giêsu (như Con, Tôi tớ...) đã không còn được sử dụng vào thời của Lc nữa; và kiểu nói Đức Kitô là một người đã được Thiên Chúa tạo uy tín bằng cách cho Ngài làm những phép lạ là dấu chỉ về một suy tư mới bắt đầu về mầu nhiệm của Đức Giêsu.

Như thế ta có thể dựa trên những bài giảng này để tìm hiểu xem những Kitô hữu đầu tiên đã công bố niềm tin của họ như thế nào.

Một vài bài giảng trong sách Công vụ Tông đồ là giảng cho các môn đệ, chẳng hạn bài giảng từ biệt của Phaolô nói với những vị hữu trách của giáo đoàn Êphêxô (Cv 20,17-35), nhưng đa số là giảng cho những người Do thái và lương dân để họ đến đức tin. Chính trong những bài giảng loại sau này, chúng ta sẽ khám phá được sứ điệp cốt yếu mà các Kitô hữu muốn loan báo: đây là kerygma.

II. KERYGMA TRONG CÁC BÀI GIẢNG:

Hãy đọc vài bài giảng cho người Do thái, 5 bài của Phêrô: Cv 2,14-41 (trong ngày lễ Ngũ tuần), 3,12-26 (sau khi chữa lành một người thọt), 4,9-12 và 5,29-32 (nói trước Đại công Nghị), 10,34-43 (giảng cho sĩ quan Corneille) và một bài của Phaolô: 13, 16-41 (trong Hội đường ở Antioche). Thêm vào đó ta cũng hãy đọc cuộc đối thoại giữa Cléophas và Đức Giêsu trên con đường Emmaus: Lc 24,19-27.

Khi đọc những bài giảng này, bạn sẽ thấy luôn luôn có *3 yếu tố*:

1) Biến cố Giêsu: bài giảng nhắc lại những việc xảy ra trong đời Đức Giêsu. Bạn hãy chú ý tìm xem những sự việc nào được nhắc lại, những sự việc nào bị bỏ qua và những sự việc nào được nhấn mạnh.

2) Biến cố ấy được giải thích bằng sách Thánh.

Trong quyển Thánh kinh của bạn, những câu trích dẫn Cựu ước chắc là được in bằng chữ xiên. Bạn thấy ngay rằng có rất nhiều câu như thế trong các bài giảng. Đó là để xác định vị trí cuộc đời của Đức Giêsu trong kế hoạch của Thiên Chúa hầu tìm ra một ý nghĩa của cuộc đời Ngài. Bạn cũng có thể lưu ý tới những danh xưng, những tước hiệu được gán cho Đức Giêsu: chúng đều xuất phát từ Cựu ước.

3) Biến cố ấy lên tiếng kêu gọi chúng ta.

Những bài giảng ấy không bao giờ chỉ là trình bày đơn thuần theo kiểu một thầy giáo giảng bài cho học sinh. Diễn giả cho thấy ông thực sự thiết tha với điều ông giảng và ông cũng thiết tha kêu mời người nghe phải chọn một thái độ đáp ứng.

*** Nếu bạn làm việc theo nhóm thì bạn có thể làm theo cách sau đây: Bạn vạch lên bảng hoặc lên giấy những cột dọc. Cột thứ nhất khá rộng, bạn ghi ra đại ý những chi tiết mà bạn đã khám phá ra. Còn trong 7 cột kia (7 bài giảng), bạn ghi ra số đoạn và số câu tương ứng. Mỗi thành viên của nhóm đọc kỹ một bài giảng và sau đó mọi người ghi ra những điều khám phá trên bảng (hay giấy) chung.

*** Khi các bạn đã làm xong việc trên, hãy suy nghĩ về bảng phân tích trên: Những chi tiết nào trong đời Đức Giêsu được các bài giảng nói tới? Những chi tiết nào chỉ được nói tới trong vài bài? Và những chi tiết nào không hề được nói tới? Sau đó bạn cố gắng làm một bài tóm lược về kerygma, tiếng hô lớn đức tin của các Kitô hữu đầu tiên. Có thể so sánh bảng tóm lược này với những gì bạn đã viết sau lưng con tem trắc nghiệm trước đây của bạn.

NHỮNG HÌNH ẢNH DIỄN TẢ BIẾN CỐ PHỤC SINH:

Việc nghiên cứu những bài giảng trong sách Công vụ, dù không lâu và không kỹ lắm, cũng đủ cho thấy rằng biến cố phục sinh nằm ngay trong trái tim của niềm tin Kitô.

Nhưng biến cố này-màu nhiệm này-các môn đệ đã diễn tả ra như thế nào? Ngày nay chúng ta đã quen dùng chữ "phục sinh", các môn đệ ngày xưa có thể không? Họ có dùng thêm vài hình ảnh nữa để diễn tả những khía cạnh khác nhau của biến cố quan trọng ấy không? Bảng tóm lược sau đây sẽ giải đáp những câu hỏi trên.

Bạn hãy đọc lại vài câu trong những bài giảng ấy: 2,2-24-32-33
3,13-15 5,30-31 10,40

Sau đây là tóm lược của vài sách khác:

- "Nếu bạn tuyên xưng ngoài miệng rằng Đức Giêsu là Chúa và bạn tin trong lòng rằng Thiên Chúa đã đánh thức Ngài dậy từ cõi những người chết, thì bạn sẽ được cứu" (Rm 10,9).
- "Đức Kitô đã chết và đã lấy lại sự sống" (Rm 14,9).

- "Thiên Chúa đã tôn vinh Ngài và đã ban cho Ngài một tên trỗi vượt mọi tên" (Pl 2,9).
- "Đức Kitô, kẻ sinh ra đầu tiên (premierné) trong số những người chết" (Cl 1,18).
- "Đức Kitô, bị giết chết trong xác thịt, nhưng được tái sinh bởi Thánh Linh" (1Pr 3,18).
- "Tại sao tìm người sống (le vivant) giữa những kẻ chết..."(Lc 24,5).
- "Chuyện có liên quan đến một cuộc tranh luận giữa Phaolô với những người Do thái về vấn đề một người nào đó tên Giêsu đã chết nhưng Phaolô quả quyết rằng đang còn sống (être vivant)" (Cv 25,19).

Bây giờ bạn nhận xét thử xem:

o Những hình ảnh nào đã được sử dụng?

Ngày nay chúng ta quen nói "phục sinh". Thực ra chữ này là dịch từ 2 chữ Hy Lạp là "chỗi dậy" (từ cái chết, từ một cái hố sâu), và "thức dậy"

(từ giấc ngủ của sự chết). Vậy là ta đã tìm được 2 hình ảnh. Nhưng còn nữa, hãy tìm tiếp.

o Những hình ảnh tìm ra được xếp thành 2 loại: loại thứ nhất diễn tả ý tưởng tìm lại được sự sống trước kia bị mất do cái chết, do đó lúc sau và lúc trước giống nhau; loại hình ảnh thứ hai cho thấy có thêm một cái gì nữa, thành ra lúc sau không như lúc trước.

Bạn hãy cố gắng xếp loại chúng lại.

o Một vài hình ảnh khiến bạn liên tưởng tới những câu hoặc những khuôn mặt trong Cựu ước. Đó là những câu nào? những khuôn mặt nào? những câu ấy và những khuôn mặt ấy có thể khiến bạn thấy thêm ý tưởng gì không?

o Hãy chú ý xem có những tác nhân nào can thiệp vào biến cố ấy.

o Sau cùng, bạn có thể lấy lại những hình ảnh tình cờ hiện lên trong trí bạn. Kiểm xem chúng có thuộc về 2 loại lớn ở trên không? nếu có thì loại nào?

HAI HÌNH ẢNH:

Các Kitô hữu đã cảm thấy rằng chỉ một hình ảnh duy nhất thì không diễn tả hết được mầu nhiệm phục sinh, vì thế mà họ dùng thêm nhiều hình ảnh mà ta có thể xếp lại đơn giản thành 2 loại sau đây:

Hình ảnh "trước/sau" hay là sự trở về cuộc sống cũ.

Người chết rơi vào một "cái hố" (âm ty, địa ngục) hoặc rơi vào "giấc ngủ"; phục sinh tức là "chỗi dậy" (từ cái hố đó), hoặc là "thức dậy" (từ giấc ngủ đó). Nghĩa là sau khi chết người ấy đã tìm lại được sự sống lúc trước.

Lợi điểm của loại hình ảnh này là định vị biến cố trong dòng lịch sử. Nó cho thấy rõ có một sự liên tục: người sống lại hôm nay cũng vẫn là con người khi trước. Ai trước kia đã biết người ấy thì hôm nay có thể nhận ra người ấy.

Nhưng loại hình ảnh này có điểm bất tiện là không nói gì về cuộc sống được tìm lại. Nói "Lazaro sống lại" (để rồi sau đó chết nữa) cũng không có gì khác với "Đức Giêsu sống lại" (dù sau đó không chết nữa).

Hình ảnh "dưới/trên" hay là cuộc tiến vào vinh quang.

Vì người ta quen nghĩ rằng Thiên Chúa ở trên trời, cho nên khi nói ai tức là nói người ấy được đưa tới gần Thiên Chúa, người ấy được nâng lên, được tôn vinh, người ấy lên trời. Chắc chắn loại hình ảnh này có được là do những suy tư về Con Người, tượng trưng cho những kẻ trung thành với Thiên Chúa cho đến tử vì đạo. Daniên đã mô tả Con Người ấy được đưa lên trên những đám mây tới trước mặt Thiên Chúa (Đn 7).

Lợi điểm của loại hình ảnh này là cho thấy rõ đây không đơn thuần là trở lại cuộc sống lúc trước, mà còn có cái gì hơn nữa.

Bất tiện của nó là nếu chỉ dùng hình ảnh này một mình thì sẽ gây ra cảm tưởng rằng chỉ một phần nào đó của con người (linh hồn, tâm trí) bay lên trời chứ không toàn thể người đó được tôn vinh.

Đức Giêsu phục sinh được tôn vinh:

Các môn đệ đã cảm thấy rằng phải dùng cả 2 loại hình ảnh: Đức Giêsu sống lại và đó cũng chính là một người mà trước kia họ quen nhưng nay vẫn còn sống, bạn hữu của Ngài đều nhận ra Ngài. Nhưng Ngài còn được nâng lên, được tôn vinh, được lên trời: cuộc sống bây giờ của Ngài không đơn thuần là cuộc sống lúc trước, nhưng là một cuộc sống mới, cuộc sống của chính Thiên Chúa.

BÀI 2

CÁC MÔN ĐỆ CỬ HÀNH NIỀM TIN CỦA MÌNH

KINH TIN KÍNH - CÁC BẢN THÁNH CA

Bất cứ nhóm nào cũng muốn cho người ta biết tới nhóm mình bằng cách dùng những công thức ngắn gọn để tuyên bố điểm chủ chốt của niềm tin mình.

Các môn đệ cũng thế, họ đã dùng Kerygma để hô to lên niềm tin của mình.

Ngoài ra, bất cứ nhóm người nào khi họp nhau lại cũng cần nhắc lại cho nhau nghe điều gì đã thành lập nhóm mình: chẳng hạn chương trình của các đảng chính trị, hiến chương của những đoàn thể... Các môn đệ cũng thế, khi họ họp nhau lại thì họ cử hành niềm tin của họ: họ tuyên xưng đức tin bằng kinh Tin kính, họ hát lên đức tin bằng những bản Thánh ca, họ suy gẫm đức tin bằng những bài giảng huấn.

I. MỘT BẢN KINH TIN KÍNH: 1Cr 15,1-11

Chúng ta may mắn có được một trong những bản kinh Tin kính cổ xưa nhất, đó là bản mà Phaolô trích dẫn trong thư gửi tín hữu Côrintô.

Trước hết mời bạn đọc bản văn ấy.

Vài nhận xét: Ta thấy có sự thay đổi cú pháp: đang viết theo cú pháp tường thuật bỗng chuyển qua vài câu ngắn theo một cú pháp khác (các chuyên viên nhận xét những câu này theo một cú pháp không phải của Phaolô). Hơn nữa chính Phaolô cũng nói rõ rằng những câu này không do ông viết mà ông chỉ truyền lại theo kiểu thế hệ môn đệ đầu tiên "nhận lãnh" bởi sự phụ rồi "truyền lại" cho thế hệ môn đệ kế tiếp.

Phaolô đã viết thư này cho tín hữu Côrintô vào khoảng lễ phục sinh năm 57. Ông nhắc họ nhớ điều ông đã nói vào năm 51 lúc ông thành lập giáo đoàn của họ. Nghĩa là từ biến cố phục sinh tới lúc đó đã chừng 20 năm trôi qua, một thời gian đủ dài để cho một bản kinh Tin kính được hình thành.

Phaolô nói rằng chính ông đã nhận lãnh bản kinh Tin kính này. Nhận lúc nào? Có lẽ nhận từ miệng của ông Anania khi Anania ban phép Rửa cho Phaolô ở Damas khoảng năm 36 chẳng? (Cv 9,10t).

Trong ngôn ngữ Hy Lạp, dạng thức các động từ cho thấy sắc thái của những hành động: thì hiện tại chỉ một việc gì còn kéo dài, thì quá khứ noristo chỉ một việc gì đã xảy ra trong quá khứ nhưng vẫn còn hậu quả ở hiện tại. Trong bản kinh Tin kính này, tất cả các động từ đều ở thì aoriste, chỉ có động từ "Ngài đã sống lại" là ở thì parfait: biến cố phục sinh đã xảy ra trong quá khứ nhưng hiệu quả vẫn còn kéo dài mãi. Như thế Đức Giêsu phục sinh vẫn hằng sống mãi.

Bây giờ xin bạn đọc lại lần nữa bản kinh Tin kính này, đọc kỹ.

Chú ý xem những sự kiện nào chỉ xảy ra một lần.

Chú ý phân biệt những sự kiện thuần túy lịch sử nghĩa là ai cũng có thể thấy) và những sự kiện mà chỉ người nào có đức tin mới thấy được.

Công thức "ngày thứ ba" là một sự kiện thuần túy lịch sử hay là một lời tuyên xưng đức tin?

Hình ảnh nào đã được dùng để diễn tả màu nhiệm phục sinh?

Bạn thử so sánh bản kinh Tin kinh này với bản kinh Tin kính của chúng ta hiện nay. Có những gì khác nhau?

"NGÀY THỨ BA THEO LỜI SÁCH THÁNH"

Trên đây là một công thức ta thường gặp trong Tân ước.

Các chuyên viên Thánh kinh đều nhất trí rằng khởi điểm của công thức này là Hôsê 6,1-2. Lời rao giảng của ngôn sứ Hôsê đã khiến dân Israel nao núng nên họ đã thốt lên lời nguyện sám hối. Bạn hãy đọc lời nguyện này và sẽ thấy kiểu nói "trong 2 ngày, trong 3 ngày" chỉ có nghĩa là "trong một thời gian ngắn".

Đến thời Đức Giêsu, công thức trên mang thêm ý nghĩa Thần học. Sau đây là lời giải thích của Targum về câu trên của Hôsê: "Ngài sẽ làm cho chúng ta sống lại vào ngày an ủi; vào ngày Ngài cho những kẻ chết sống lại, Ngài sẽ phục sinh chúng ta và chúng ta sẽ sống trước mặt Ngài".

Và một bài chú giải của các rabbi về đoạn St 23,3 có viết như sau "đến ngày thứ ba, tức là ngày sự sống được trả lại cho những kẻ chết, theo như được viết trong sách Hôsê rằng: ngày thứ ba Ngài sẽ làm cho chúng ta sống lại và chúng ta sẽ sống trước mặt Ngài".

Như vậy vào thời Đức Giêsu, khi người ta nói "ngày thứ ba theo lời sách Thánh " thì người ta không có ý xác định một thời biểu chính xác nhưng chỉ diễn tả một ý tưởng thần học về một tương lai tốt đẹp khi đó tất cả mọi người đều được sống lại.

Cũng thế, khi các môn đệ dùng công thức: Đức Giêsu sống lại "ngày thứ ba theo lời sách Thánh" thì họ cũng không có ý xác định một thời biểu (thực ra chẳng ai biết rõ Đức Giêsu đã sống lại ngày nào. Các bản

văn Tin mừng chỉ nói rằng sáng chúa nhật thì các phụ nữ đã thấy ngôi mồ trống rỗng), các môn đệ công bố niềm tin của họ. Niềm tin đó là: với biến cố Đức Giêsu phục sinh thì ngày phục sinh của mọi người (ngày thứ ba) đã điếm, chúng ta cũng sẽ sống lại theo Đức Giêsu.

II. MỘT BẢN THÁNH CA: PI 2,6-11

Ta thấy trong các Thánh thư, các Tin mừng và sách Khải huyền có nhiều bản Thánh ca do các giáo đoàn đầu tiên soạn tác. Phaolô đã nhắc cho tín hữu Philipphê một bản Thánh ca để khuyến khích họ sống khiêm tốn theo gương Đức Kitô.

Mời bạn đọc bản văn trên.

- Bản Thánh ca này mô tả biến cố phục sinh như thế nào? Nó có dùng hình ảnh phục sinh không? Nó dùng loại hình ảnh nào? Nó gọi Đức Giêsu bằng tước hiệu Đức Chúa (Seigneur). Nghĩa là vẫn có thể diễn tả mầu nhiệm này bằng một ngôn ngữ khác không cần dùng tới chữ "sống lại".

- Những diễn viên chính là ai? Vai trò của họ?

- Việc giải thích sách Thánh tuy không minh nhiên, nhưng tiềm ẩn trong bản Thánh ca này bằng cách đối chiếu: Đức Giêsu không như Adam đòi dành được bằng với Thiên Chúa (St 3,5), trái lại Ngài tự hạ như Người Tôi tớ trong Is 53. Hãy so sánh câu 7 "Ngài đã tự lột mình" với Is 53,12; so sánh câu 9 "Thiên Chúa đã siêu tôn Ngài" với Is 52,13. Bạn hãy xem 2 bản văn định vị số phận của Đức Giêsu trong kế hoạch của Thiên Chúa như thế nào, và cũng giúp định vị số phận của chúng ta liên kết với số phận của Đức Kitô như thế nào?

III. SUY GÃM MỘT THÁNH VỊNH: Ep 4,7-10

Phaolô muốn chứng minh rằng Thiên Chúa ban cho Giáo hội điều Giáo hội cần để chu toàn bốn phận sứ mạng xây dựng Thân Thể Đức Kitô: Thiên Chúa đã tặng cho các tín hữu nhiều thừa tác viên như Tông đồ, ngôn sứ, phúc âm gia, giáo lý viên, điều hành viên v.v... Để nói lên ý tưởng đó, Phaolô đã đưa vào Tv 68,19 như được người thời đó giải

thích (theo Targum). Ta hãy so sánh câu Thánh vịnh trên trong bản Hy Bá Lai và bản giải thích Targum:

Bản Hy Bá Lai:

- Người đã lên cao
- Người đã bắt được những tù binh
- Người đã nhận công vật là những con người, kể cả nhữn tên phản loạn.
- Để có một chỗ ở là Chúa Thiên Chúa.

Bản Targum:

- Hỡi ngôn sứ Môisen, người đã lên trời.
- Người đã đoạt những chiến lợi phẩm, nghĩa là đã học được những lời của Luật.
- Người đã bảo những lời ấy cho con cái loài người và cả cho những tên phản loạn nếu chúng hối cải.

- Hãy nghĩ yên trước nhan thánh của Thiên Chúa.

Như vậy nghĩa là theo giải thích của bản Targum, không phải Thiên Chúa lên trời để lập chỗ ở của Ngài, mà chính Môisen lên núi Sinai để nhận Luật rồi ban lại cho loài người.

Phaolô suy gẫm thánh vịnh này và ông đã thấy không phải Môisen mà chính là Đức Giêsu, Môisen mới, lên trời sau khi đã xuống trái đất và có lẽ xuống tận địa ngục. Như thế, tất cả màu nhiệm phục sinh được diễn tả bằng hình ảnh đi xuống rồi lại đi lên trong vinh quang.

(Chúng ta sẽ thấy Lc cũng dùng chính Thánh vịnh này để giải thích biến cố Đức Giêsu thăng thiên).

"NGÀI ĐÃ TỎ MÌNH RA"

Trong kinh Tin kính ở 1 Cr 15, nhiều lần ta gặp động từ "Ngài đã hiện ra", và chúng ta cũng quen nói về "những cuộc hiện ra" của Đức Giêsu phục sinh. Nhưng kiểu nói này rất mơ hồ, có thể làm ta hiểu lầm là ma

hiện ra, hoặc ngược lại chỉ là một sự có mặt thuần túy bằng hình bóng thôi.

Thực ra hình thức của động từ Hy Lạp được dùng ở đây có nghĩa là "tỏ mình ra cho người ta thấy": nó nhấn mạnh rằng chính Đức Giêsu có sáng kiến tỏ mình ra cho ai và lúc nào tùy Ngài muốn. Chính triết gia Philon, người đồng thời với Phaolô, đã chỉ rõ điều đó khi nói về việc Abraham được thấy Thiên Chúa, ông viết "Không phải Abraham thấy Thiên Chúa mà chính Thiên Chúa đã tỏ mình ra cho Abraham thấy".

Việc Thánh kinh sử dụng hình thức động từ này rất có ý nghĩa. Trong Cựu ước, nó được dùng trong những cuộc thần hiện của Thiên Chúa (chẳng hạn St 12,7 17,1 Tl 13,21...) trong đó điều được nhấn mạnh là sứ mạng mà Thiên Chúa giao chứ không phải là điều đã được thấy. Đây là một cách để nói rằng Đấng vô hình làm cho người ta cảm thấy Ngài.

Trong Tân ước, Mt, Mc và Lc dùng hình thức động từ này trong tường thuật biến hình: Môisen và Êlia "tỏ mình ra" cho các môn đệ thấy. Lc cũng thường dùng hình thức động từ này: một thiên sứ đã "tỏ mình ra"

cho các mục tử thấy (1,11) hoặc cho Đức Giêsu thấy trong lúc Ngài hấp hối (22,43), những lưỡi lửa đã "tỏ mình ra" trong lễ Ngũ tuần (Cv 2,3), và Đức Giêsu "tỏ mình ra" cho Phaolô thấy trên đường Damas (các bạn cùng đi với ông chẳng thấy gì cả! 9,17), hoặc trong một giấc mơ (16,9) v.v... Một bản Thánh ca xưa nói rằng Đức Giêsu tỏ mình ra cho các thiên sứ thấy (1 Tm 3,16)...

Tất cả những điều trên phải khiến ta cẩn thận: qua động từ này, các môn đệ không muốn nói rằng Đức Giêsu hiện ra một cách hữu hình bằng hình bóng, nhưng họ muốn nhấn mạnh sáng kiến từ phía Đức Giêsu.

BÀI 3

CÁC MÔN ĐỆ THUẬT LẠI ĐỨC TIN CỦA MÌNH NHỮNG BÀI TƯỞNG THUẬT

Chúng ta đã nghe các môn đệ hô to đức tin của mình cho những kẻ chưa có đức tin (kerygma), và họ cử hành đức tin ấy trong các giáo đoàn của họ (kinh Tin kính, các bản Thánh ca). Trung tâm điểm của

đức tin ấy luôn luôn là: Thiên Chúa đã phục sinh, tôn vinh và đặt làm Chúa Đức Giêsu mà người ta đã đóng đinh.

Họ cũng diễn tả đức tin trong một văn thể khác nữa: các bài tường thuật. Ở đây các môn đệ không xác nhận đức tin bằng những công thức ngắn gọn, nhưng họ kể lại cho người ta nghe. Loại văn thể này rất hợp với nhu cầu của một cộng đoàn đã thành hình nhưng còn muốn biết thêm về ý nghĩa của biến cố phục sinh. Chúng ta sẽ nói lại về điều này, nhưng cần phải nhấn mạnh trước khi bạn đọc chương này rằng: các tường thuật thực ra cũng chẳng nói gì hơn về biến cố phục sinh so với những công thức ngắn gọn của kerygma, tuy nhiên chúng nói một cách khác và chúng khai triển rộng ý nghĩa của biến cố ấy.

4 quyển Tin mừng đã truyền lại cho chúng ta nhiều bài tường thuật, có thể xếp thành 3 nhóm, nhằm đáp ứng với nhu cầu của một loại giáo đoàn.

- Nhóm thứ nhất cử hành đức tin trên chính nơi xảy ra biến cố phục sinh: đó là những tường thuật về ngôi mộ trống (Mt Mc Lc Ga).

- Nhóm thứ hai chứng minh rằng vì các Tông đồ đã có kinh nghiệm về Đức Giêsu phục sinh nên họ được trở thành nhân chứng chính thức: đó là những tường thuật về việc Đức Giêsu hiện ra cho nhóm 11 (Mt Mc Ga).

- Nhóm thứ ba nói về kinh nghiệm được sống trong phụng vụ hoặc trong lòng Giáo hội: đó là những cuộc hiện ra cho các môn đệ Emmaus (Lc) hoặc cho Maria Mađalêna (Ga).

Chúng ta sẽ khảo sát qua 3 loại tường thuật ấy.

I. NHỮNG TƯỜNG THUẬT ĐƯỢC CỬ HÀNH TRONG CUỘC HÀNH HƯƠNG. NGÔI MỘ TRỐNG

Khi các tín đồ hành hương đi Thánh Địa, họ muốn cử hành trên chính nơi xảy ra các biến cố: chẳng hạn như tại ngôi mộ Đức Giêsu; họ nhắc lại biến cố ấy, họ suy gẫm và họ cầu nguyện...

Các chuyên viên đã nghiên cứu kỹ những bản văn và đưa giả thuyết rằng những bài tường thuật về ngôi mộ trống được sinh ra cũng theo

cách ấy: các Kitô hữu đã hành hương đi viếng ngôi mồ của Đức Giêsu, một ngôi mồ trống, và tại đó họ cử hành đức tin của mình.

Từ đó sinh ra một bài tường thuật đầu tiên mà mỗi sách Tin mừng đều đã chép lại theo cách riêng của mình để diễn tả quan điểm Thần học của mình.

Sau đây chúng ta chỉ đọc bài tường thuật của Mc thôi.

Tường thuật ngôi mồ trống trong Mc 16,1-8

Bạn hãy đọc bản văn này. Hãy tìm ra các chi tiết về thời gian, nơi chốn các diễn viên và các hành động. Bạn hãy ghi ra những chi tiết ấy trên cột đồng thời lưu ý đặt đối diện nhau những chi tiết đối chọi nhau.

Từ đầu bài tường thuật đến cuối bài, có sự thay đổi nào không?

Những chi tiết về thời gian gợi cho thấy có một sự đi qua từ tối tăm đến sự sáng (buổi sáng, mặt trời, sự sáng), từ cũ sang mới, từ thời gian linh thánh và tôn giáo của người Do thái (ngày sabbat - chứ không phải

ngày thứ bảy - đã qua) sang thời gian vũ trụ và thể phàm (ngày thứ nhất trong tuần).

Những chi tiết về nơi chốn đã đặt đối chọi nhau một bên là ngôi mộ đóng kín (giam giữ kẻ chết) với bên kia là ngôi mộ trống mở ra cho sự sống; một bên là Giêrusalem (ở đây) tượng trưng (trong Tin mừng Mc) cho những kẻ cố chấp khư khư bám lấy ý kiến của mình và giết chết những người có ý kiến khác, bên kia là Galilêa tượng trưng cho vùng đất mở rộng cho cả thế giới.

Trong số những diễn viên, có một người vắng mặt: Đức Giêsu. Chi tiết người thanh niên gọi cho thấy đó là một cách hiện diện mới của Đức Giêsu bây giờ: người thanh niên ấy mặc áo trắng (đối chọi với bóng đen của ngôi mộ), ngôi bên phải giống như Đức Kitô vinh quang. Chính người thanh niên ấy (Đức Giêsu) đã làm thay đổi cuộc tìm kiếm của các phụ nữ. Các bà đến mộ để xúc dầu thơm cho xác Đức Giêsu nghĩa là để giữ Ngài mãi trong sự chết. Thế nhưng Ngài không ở đó nữa. Các bà và Tông đồ "sẽ thấy" Đấng phục sinh khi họ đã rao giảng về Ngài đến tận Galilêa, nghĩa là đến tận cùng trái đất và lịch sử.

II. NHỮNG TƯỜNG THUẬT VỀ VIỆC HIỆN RA, NHẪM TẠO RA NHỮNG NHÂN CHỨNG CHÍNH THỰC:

Mt, Lc và Ga kết thúc Tin mừng của mình bằng tường thuật về một hoặc nhiều cuộc hiện ra của Đức Giêsu. Trong đoạn này chúng ta cũng xem xét những cuộc hiện ra cho 11 Tông đồ thôi, đến đến đoạn sau chúng ta mới xem xét tới những cuộc hiện ra cho các môn đệ, vì chúng thuộc một loại khác.

Tin mừng theo Mc có lẽ kết thúc với chuyện các bà chạy ra khỏi mồ; những câu 16,9-20 được thêm vào sau này, đó cũng chỉ là một toát yếu của Mt và Lc thôi (hãy xem chú thích trong TOB và BJ).

Những bài tường thuật về cuộc hiện ra cho nhóm 11 muốn chứng minh rằng chính Đức Giêsu tạo ra những người làm chứng cho Ngài. Chúng ta sẽ không đọc hết tất cả những bài tường thuật, cũng chưa cần nghiên cứu kỹ. Bây giờ chỉ cần kiểm chứng rằng những bài tường thuật này cũng nói lại điều mà kerygma tuyên bố.

Tường thuật về việc 11 Tông đồ thờ lạy Đức Kitô vinh quang: Mt 28,16-20

Bạn hãy đọc bản văn. Hãy nhớ lại về 2 nhóm hình ảnh được dùng để diễn tả biến cố phục sinh, ở đây tác giả dùng loại hình ảnh nào?

Bạn chịu khó đọc lại bản văn lần nữa. Mười một Tông đồ ra đi, như đi kiệu, hướng về núi mà Đức Giêsu, Môisen mới, đã ban cho họ luật mới (Mt 5,1). Họ sắp mình xuống: đây là động từ ngày nay vẫn còn được dùng trong phụng vụ Hy Lạp để chỉ thái độ tôn thờ. Ngài đến với họ, chi tiết này lạ lùng bởi vì các môn đệ đã sắp mình dưới chân Ngài kia mà! Nhưng trong Thánh kinh, "Đấng đang đến" hay được dùng như một tước hiệu chỉ Thiên Chúa. Khi trưng dẫn một câu trong Daniel 7, Đức Giêsu tự cho biết Ngài giống như Con Người được đưa lên mây để tới cạnh Thiên Chúa. Thế nghĩa là Ngài đã được nâng lên, được tôn vinh. Và cũng chính vì thế mà Ngài có thể sai các môn đệ đi truyền giáo khắp thế giới.

Tóm lại, bản văn này sử dụng hình thức tường thuật nhưng cũng để nói lại điều mà các Kitô hữu đã dùng hình thức kerygma để diễn tả biến cố phục sinh: tức là lược đồ dưới/trên hay nâng lên. Chỉ có một chi tiết duy nhất thuộc về lược đồ kia (lược đồ sống lại) đó là sự hồ nghi (c,17), nhưng chi tiết này xem ra lạc lõng và có lẽ được thêm vào sau này (xem chú thích của TOB và BJ).

Tường thuật về việc Đấng phục sinh được nhận ra: Lc 24,36-53

Bạn hãy đọc các câu 36-43: Tường thuật này được xây dựng trên lược đồ nào? Tiếp đến hãy đọc các câu 50-53: xây dựng trên lược đồ nào?

Rõ ràng là Lc đã dùng loại hình ảnh sống lại. Chính Đức Giêsu có sáng kiến tỏ mình ra cho người ta thấy. Sự hồ nghi chứng minh rằng đây không phải là một ảo giác tập thể. Và Đức Giêsu chứng minh rằng Ngài cũng vẫn như trước: vì Ngài có xác, Ngài có thể ăn. Tất cả những chi tiết trên cũng có thể áp dụng cho Lazarô (dĩ nhiên trừ sự kiện Đức Giêsu không cần qua cửa mà vẫn hiện diện giữa các môn đệ).

Tiếp đến, Lc khai triển một chủ đề ruột của ông: người ta chỉ thực sự biết Đức Giêsu khi dùng sách Thánh để giải thích về Ngài, thế nhưng chỉ có thể hiểu Sách Thánh khi chính Đấng phục sinh giải thích cho ta (cc.44-49).

Sau đó Lc tường thuật cuộc thăng thiên (ngay buổi chiều ngày phục sinh!). Đây là một cách nói bằng hình thức tường thuật, rằng Đức Giêsu đã được nâng lên, được tôn vinh. Sau này khi nghiên cứu sách Công vụ, chúng ta sẽ thấy Lc cũng có một bài tường thuật khác về cuộc thăng thiên ít ra là 40 ngày sau cuộc phục sinh. Sự kiện cùng một tác giả viết 2 tường thuật về cùng một biến cố nhưng diễn ra ở 2 thời điểm khác nhau khiến chúng ta hiểu rằng ông không có ý viết đúng thời biểu lịch sử, mà là viết Thần học.

HAI MẶT CỦA MỘT ĐỒNG TIỀN:

Một đồng tiền có 2 mặt, nhưng ta không thể thấy một trật hết cả 2 mặt ấy. Muốn thấy thì buộc phải cưa đôi đồng tiền! Cũng thế, ta không thể một trật thấy cả 2 phía của một khuôn mặt. Do đó trong một số bức

tranh, Picasso đã "tháo tung" mặt người để khán giả có thể thấy được một trật tất cả mọi góc cạnh.

Phần nào Lc cũng làm như thế. Ông cũng biết là có 2 cách để diễn tả biến cố phục sinh: nói rằng Đức Giêsu sống lại, và nói rằng Ngài được tôn vinh. Đó là 2 mặt không tách lìa nhau được của cùng một màu nhiệm. Nhưng vì cả hai đều quan trọng không thể bỏ sót mặt nào, cho nên Lc đã chọn cả hai cách kế tiếp nhau: ông nói Đức Giêsu đã sống lại, rồi nói tiếp Ngài đã lên trời. Có lẽ là chúng ta tưởng là có 2 biến cố nối tiếp nhau trong lịch sử (cũng như tưởng là có 2 đồng tiền), nhưng thực ra đó chỉ là 2 mặt của cùng một màu nhiệm thôi

III. KINH NGHIỆM CỦA CÁC KITÔ HỮU. NHỮNG CUỘC HIỆN RA CHO CÁC MÔN ĐỆ:

Những bài tường thuật trong Ga về việc Đức Giêsu hiện ra cho Maria Mađalêna và trong Lc về cuộc hiện ra cho các môn đệ Emmaus thuộc một loại khác. Chúng không nhằm chứng minh rằng Đức Giêsu được sống lại hay đã được nâng lên, cũng không nhằm chứng minh rằng Đức

Giêsu đã tạo ra những người làm chứng cho Ngài một cách chính thức. Mục đích của nhóm tường thuật này là chia sẻ cho chúng ta cùng hưởng niềm vui của các môn đệ khi họ được thấy Chúa, cột chặt chúng ta lại với Ngài bằng những sợi dây yêu thương, và dạy rằng chúng ta ngày nay cũng có thể có cùng kinh nghiệm như các môn đệ ngày xưa.

Chúng ta sẽ chỉ đọc bài tường thuật về Emmaus (Lc 24,13-35) và so sánh nó với một bài tường thuật khác của Lc: Rửa tội cho một ông quan Ethiopie (Cv 8,26-40). Bạn hãy chịu khó đặt 2 bản văn cạnh nhau để dễ so sánh.

Lc muốn trả lời một câu hỏi: Ngày nay làm thế nào để gặp được Đức Giêsu? Lc đưa ra vai trò thiết yếu của 3 yếu tố: đời sống trần thế của Đức Giêsu - Sách Thánh - các Bí tích. Bạn hãy đọc các bản văn và cố gắng tìm 3 yếu tố ấy cùng với vai trò của chúng.

Cléophas và bạn anh biết rõ đời sống của Đức Giêsu. Họ trò chuyện với nhau (dịch sát chữ là: "họ giảng cho nhau nghe"), bài giảng của họ cũng đầy đủ và chính xác như bài của Phêrô. Chỉ khác một điều là họ không

tìm ra được ý nghĩa của cuộc đời Đức Giêsu. Muốn thấy được ý nghĩa của đời Ngài thì cuộc đời ấy phải được giải thích bằng Sách Thánh (Cựu ước). Thế nhưng việc giải thích này phải là do chính Đấng phục sinh. Khi đó người ta có thể nhận ra Ngài trong Bí tích. Và nếu Đức Giêsu biến mất ngay lúc họ vừa nhận ra Ngài thì nghĩa là từ nay chúng ta sẽ gặp lại Đức Giêsu đang sống trong Bí tích Thánh Thể. Khi viết rằng Đức Giêsu ban bánh cho họ (donnait "vẫn ban", chứ không phải donna, "đã ban") ở c.30, có lẽ Lc muốn nói rằng Đức Giêsu còn tiếp tục ban mãi như thế trong suốt dòng lịch sử Giáo hội.

Ông quan người Ethiopie thì ở trong một hoàn cảnh khác. Ông là người đã trở lại đạo Do thái (là tân tông) nên ông biết Sách Thánh nhưng chẳng hiểu ý nghĩa của Sách Thánh. Muốn hiểu được ý nghĩa này thì ông phải liên hệ với cuộc đời Đức Giêsu. Và ở đây cũng vậy, chỉ có Đấng phục sinh, thông qua các chứng nhân của Ngài mới có thể giải nghĩa cho ông. Rõ ràng Lc trình bày Philipphê như Đức Giêsu vậy: cả 2 đều xuất hiện và biến đi một cách lạ lùng, cả 2 đều giải nghĩa Sách Thánh (so sánh Lc 24,27 với Cv 8,35). Từ nay trong Giáo hội, không

còn phải là chính Đức Giêsu hành động, hay nói đúng hơn cũng vẫn mãi là Ngài thông qua trung gian các thừa tác viên của Ngài tiếp tục hành động dưới sự hướng dẫn của Thánh Linh (Cv 8,26-29-39). Ông quan này cũng được cảm nghiệm gặp gỡ cá nhân với Đức Giêsu trong Bí tích, đó là Bí tích Rửa tội (c.37 được đóng ngoặc bởi vì nó không có trong nhiều thủ bản. Có lẽ đây là một công thức Rửa tội được ghi thêm sau này vào bản văn).

Ta cũng cần lưu ý tới 2 kiểu chơi chữ không thể nào dịch ra được bằng một ngôn ngữ khác: có 3 động từ cùng một ngữ căn được dùng xen kẽ nhau, đó là ginoskein (biết, connaitre), épiginoskein (nhận ra, biết lại, reconnaitre), và anagonoskein (đọc).

Nhất là phải thấy được những sự thay đổi tình trạng từ đầu tới cuối. Ban đầu, mắt họ (các môn đệ) bị cản trở không nhận ra Ngài được (c.16) Nghĩa là không phải Đức Giêsu đã thay đổi: họ bị giam cứng trong niềm -hy-vọng-tuyệt-vọng của họ đến nỗi không còn khả năng nhận ra niềm hy vọng ấy đã được Đức Giêsu thực hiện nhưng theo một cách không như họ tưởng. Maria Mađalêna cũng thế (trong Tin mừng Ga):

nàng bị giam cứng trong mơ tưởng (thứ mơ tưởng của nàng) về Đức Giêsu đến nỗi khi Ngài hiện ra thật thì nàng không có khả năng nhận ra Ngài! Nhưng khi Đức Giêsu bẻ bánh thì mắt họ được mở ra: sự thay đổi tâm hồn này khiến việc họ nhận ra Đấng phục sinh không phải là do họ mà là do Đức Giêsu: mắt họ được mở ra bởi Đức Giêsu, chính Đức Giêsu mở mắt cho họ hiểu Sách Thánh.

Khi Phêrô đi đến mộ (c.24) thì ông không thấy Đức Giêsu. Nhưng ở khúc cuối thì tác giả viết: Đức Giêsu tỏ mình ra cho Phêrô (c.33). Cũng thế, các môn đệ không nhận ra Đức Giêsu lúc đi đường, họ nhận ra Ngài lúc bẻ bánh (c.31) và họ nói rằng Ngài đã tỏ mình ra cho họ (c.35). Đức Giêsu luôn là người có sáng kiến trước.

BÀI 4

VÀ BÂY GIỜ...?

Trong chương này chúng ta xác định được 2 mục tiêu chính: kiểm chứng rằng sự sống lại của Đức Giêsu là trung tâm của đức tin Kitô

hữu, và khám phá rõ hơn các bài viết trong Tân ước đã được hình thành như thế nào.

Thế nhưng có thể chừng này khiến bạn thắc mắc về một vấn đề khác: việc phục sinh của Đức Giêsu đã xảy ra như thế nào? và việc phục sinh của chúng ta sẽ xảy ra như thế nào? Đây quả là một thắc mắc quan trọng, tuy nhiên nó vượt quá phạm vi của tập sách này. Chúng tôi chỉ có thể đưa ra vài tiêu điểm giúp bạn tự suy nghĩ như sau:

I. MỘT SỐ TIÊU ĐIỂM CHÍNH:

- Thánh kinh không bao giờ nói thấy Đức Giêsu đang sống lại. Rồi tùy hoàn cảnh, có lúc họ nhấn mạnh khía cạnh này, có lúc họ nhấn mạnh khía cạnh kia, và cũng có khi nhấn mạnh cả 2 phía cạnh một trật: họ nhận ra Ngài, cũng vẫn là người mà họ đã biết trước khi Ngài chết; nhưng đây không chỉ đơn giản là trở lại cuộc sống cũ mà là đi vào một cuộc sống chung cục: Ngài được nâng lên, được tôn vinh, Ngài lên trời, ngồi bên hữu Thiên Chúa, Ngài thành Chúa...

- Chỉ có thể nhận ra biến cố này trong đức tin mà thôi. Người ta không thể thấy Đấng phục sinh bất cứ lúc nào người ta muốn cũng như người bạn hôm nay: chính Ngài tỏ mình ra cho người nào Ngài muốn và vào lúc nào tùy ý Ngài. Các nhân chứng đã hưởng được một kinh nghiệm rất thực cho dù chỉ có họ mới được hưởng kinh nghiệm đó. Vì thế, những người cùng đi với Phaolô nhận ra có một cái gì đó xảy ra cho Phaolô nhưng họ không thấy Đức Kitô. Cách dùng kiểu nói tỏ mình ra khiến ta hiểu đó là một kinh nghiệm thực nhưng hoàn toàn thuộc nội tâm.

- Xét cho cùng thì đức tin của chúng ta là dựa trên lời Thiên Chúa khẳng định với ta. Tin mừng Mc không có bài tường thuật hiện ra, chỉ có chuyện về Người thanh niên (tức là Thiên Chúa) xác nhận rằng Đức Giêsu đã sống lại: bấy nhiêu cũng đủ bảo đảm đức tin rồi.

- Sách Thánh (Cựu ước) là căn bản cho ta tin và cho ta hiểu ít nhiều về mầu nhiệm này. Chúng ta đã thấy điều đó khi xem xét những tường thuật về Emmaus và về ông quan Ethiopie; chúng ta cũng có thể đọc được điều đó trong câu chuyện Gioan kể về Phêrô và môn đệ kia chạy

đến mồ (Ga 20,3-9): "Người môn đệ kia bước vào mồ, ông thấy và ông tin, vì chung họ chưa hiểu lời Sách Thánh nói rằng Đức Giêsu phải sống lại từ trong kẻ chết" (cc.8-9): nếu họ đã hiểu Sách Thánh thì họ không cần phải thấy (bằng con mắt xác thịt) ngôi mồ trống rồi mới tin; đáng lý ra họ phải tin và thấy (bằng con mắt đức tin) Đấng phục sinh (Ga 20,29).

Sách Thánh giải nghĩa cuộc đời trần thế của Đức Giêsu, và cuộc đời này giải nghĩa Sách Thánh. Nhưng chỉ một mình Đấng phục sinh (Lc 24,27-45) hoặc qua các môn đệ Ngài (Cv 8,35) mới giải nghĩa được Sách Thánh.

- Những chuyện Emmaus và Ethiopie cùng nhiều chuyện khác khuyến cáo ta rằng: Người tín hữu của năm 80 hoặc của năm 1990 không thua thiệt gì so với những môn đệ đầu tiên: họ cũng có thể và cũng phải làm một cảm nghiệm về sự gặp gỡ với Chúa đang sống, bởi vì Ngài vẫn luôn thực sự hiện diện trong người anh em vô danh mà ta gặp trên đường và trong các Bí tích, nhất là Bí tích Thánh Thể.

- Điều đó có thể đặt cho ta một câu hỏi: cảm nghiệm của người Kitô hữu hôm nay trên căn bản có khác chẳng với cảm nghiệm của Tôma và các Tông đồ ngày xưa? Đối với câu hỏi này, có thể có nhiều câu trả lời khác nhau. Sau đây là một kiểu trả lời: Trên căn bản thì cũng cùng một cảm nghiệm. Nếu một người lương chẳng biết gì về Kitô giáo bước vào một nơi có các tín hữu đang tiến hành phụng tự, người lương ấy nhìn thái độ của các Kitô hữu và nhận ra rằng có một cái gì đó đang diễn ra. Khi người lương ấy hỏi thì các Kitô hữu trả lời: "Chúa Giêsu đang có mặt giữa chúng tôi, Ngài mời chúng tôi ngồi vào bàn và cùng ăn với Ngài, chúng tôi nghe Ngài nói và chúng tôi thưa chuyện với Ngài...". Câu trả lời này rất giống với những bài tường thuật Tin mừng.

- Tuy nhiên có một điểm khác biệt: trong các tường thuật, tác giả nói rằng các Tông đồ nhận ra Đức Giêsu. Vì họ đã từng biết Ngài trong cuộc đời trần thế của Ngài, cho nên họ có thể kiểm chứng bằng cảm nghiệm họ đang có về Đấng phục sinh cũng giống với cảm nghiệm trước đây họ đã có về Đức Giêsu trần thế. Để kiểm xem cảm nghiệm của chúng ta có đúng hay không thì chúng ta phải đối chiếu nó với cảm

nghiệm của các Tông đồ. Trên căn bản thì chính cái cảm nghiệm không khác, nhưng khác là sự đối chiếu với quá khứ để xem có đúng hay không: các Tông đồ đối chiếu với Đức Giêsu, còn chúng ta đối chiếu với các Tông đồ.

II. MỘT NHẬN ĐỊNH:

Chúng ta đã thấy rằng những Kitô hữu đầu tiên dùng 2 hình ảnh để nói về mầu nhiệm phục sinh: sống lại và nâng lên. Chúng ta cũng đã thấy lợi điểm và bất tiện của từng loại hình ảnh nếu được dùng một mình.

Phải chăng chúng ta thấy khó hiểu chỉ vì chúng ta đã tách lìa 2 loại hình ảnh đó ra?

- Đối với Đức Giêsu, thực tế là chúng ta quen dùng hình ảnh sống lại, do đó chúng ta thường đặt câu hỏi "thế nào?": khi sống lại rồi thì thân xác của Ngài thế nào? Ngài có thể ăn không?... Khi đó ta phải nghĩ thêm tới hình ảnh nâng lên thì mới tự giải đáp được rằng Ngài đúng thật là một người cũng có một thân xác như bất cứ ai, nhưng thân xác ấy đã

được nâng lên, nghĩa là có gì khác hơn trước. Nói theo từ ngữ của Phaolô, đó là một thân xác thiêng liêng.

- Còn đối với chúng ta thì thường khi chúng ta chỉ nghĩ một cách vô ý thức tới hình ảnh nâng lên: khi chết, xác chúng ta trở thành cát bụi nhưng hồn chúng ta được lên trời. Vì nghĩ như vậy nên ta thấy không cần có thân xác nữa. Khi đó, ta phải nghĩ thêm tới hình ảnh sống lại thì mới tự giải đáp được rằng chúng ta không thể tồn tại cách nào khác hơn những hữu thể có thân xác.

III. MỘT XÁC TÍN:

Sau khi sống lại rồi sẽ thế nào? Câu hỏi này vừa vô ích vừa không thể trả lời. Niềm xác tín duy nhất của người tín hữu là phải tin chắc 2 điều: Đức Giêsu đã sống lại/vinh quang; và chúng ta cũng sẽ sống lại với Ngài. Trong chương sau, khi đọc Phaolô, chúng ta sẽ chú ý tất cả những từ mà ông đã dùng hoặc đã sáng tác ra với giới tự với: chịu khổ với, chết với, sống lại với, được tôn vinh với, sống với v.v. Chúng ta sẽ mãi mãi với ngài.

CHƯƠNG III

PHAOLÔ VÀ CÁC THÁNH THƯ

Phaolô nổi tiếng là một tác giả khó đọc. Đúng thế, nhưng ông cũng thật hấp dẫn! Qua những bức thư mà ông viết, ông tự biểu lộ con người thật của ông, một vị thánh nhưng cũng còn đầy khiếm khuyết: ông luôn nói về mình là người đa cảm, ông cần có những người bạn trung thành ở bên cạnh, là người đã từng trọn vẹn tin theo Do thái giáo, nên sau khi trở thành Kitô hữu ông vẫn giữ cá tính đòi sự trọn vẹn như vậy, biết bao người sẽ phải "bầm mình" với ông vì cá tính đó: chẳng hạn Phêrô ("tôi đã thẳng thừng phản đối ông vì ông không cư xử thẳng thắn" Gl 2,11), Barnabê cũng bị Phaolô phản đối khi ông muốn dẫn đưa em bà con là Gioan Marcô đi theo truyền giáo nhưng Phaolô không chịu ("đôi bên quá bất bình nên đã lìa nhau" Cv 15,39), giáo dân Côrintô cũng bị Phaolô hăm dọa là sẽ trở lại sửa dạy bằng roi (1Cr 4,21 x.11,16). Đồng thời Phaolô cũng là một người hoàn toàn hết mình với sứ mạng, chỉ quan tâm đến mỗi một điều là tình yêu Chúa và phục vụ các giáo đoàn, những đứa con thân yêu mà ông đã mang nặng đẻ đau...

Nhiều đoạn thư của ông rất tối nghĩa (chính tác giả thư 2.P cũng đã xác nhận thế: 2.P 3,16). Tạm thời bây giờ chúng ta hãy bỏ qua những đoạn đó, bạn có thể đọc lại chúng sau này. Mục tiêu chương này là chúng ta khám phá ra những nét lớn trong Thần học của ông và chỉ sẽ đọc vài đoạn tuyệt vời viết về đức tin Kitô giáo trong thư ban đầu và qua đó ta sẽ thấy khả năng tuyệt vời của ơn Chúa trong con người của Phaolô.

Cuộc đời Phaolô chia thành 2 giai đoạn gần bằng nhau: trong 30 năm đầu (ông sinh ra có lẽ khoảng năm thứ 5 công nguyên, lên đường đi Damas khoảng năm 36) ông là một người pharisêu; trong 30 năm sau (ông tử đạo tại Rôma khoảng năm 67) ông là một người Kitô hữu, một vị thừa sai không hề biết mỗi một thành lập rất nhiều giáo đoàn ở khắp vùng lòng chảo Địa Trung hải và viết rất nhiều thư cho tín hữu.

I. PHAOLÔ PHARISIÊU:

Sinh tại Tarse, thủ phủ của vùng Cilicie bên Tiểu Á, một thành phố chủ nghĩa với khoảng hơn 300.000 cư dân, Phaolô ở ngay giao lộ của 2 nền văn minh.

Là người Do thái, Pharisiêu, ông học ở Giêrusalem với một trong những rabbi nổi tiếng nhất vào thời đó là ông Gamaliel (Cv 22,3 và 5,37). Ông trở về Tarse trong những năm Đức Giêsu rao giảng cho nên có lẽ ông không biết Ngài. Ông đã học nghề dệt những tấm lều cứng bằng lông dê, loại lều cilice do xuất xứ cilicie. Có lẽ ông cũng là rabbi và cũng có vợ.

Đồng thời Phaolô cũng thừa hưởng từ cha mẹ trước hiệu công dân Rôma mà sau này đôi lần ông đã hãnh diện sử dụng (Cv 22,25-28). Chắc ông thường xuyên lui tới trường đại học thành phố cho nên ông sử dụng thành thạo những cách hành văn và thỉnh thoảng cũng trích dẫn các thi sĩ (Cv 17,28). Hai tên của ông, Saoul (tên Do thái) và Paulos (tên Hy Lạp) chứng tỏ ông thuộc về 2 nền văn minh.

Là một người pharisêu chân thành, Phaolô chỉ có mỗi một đam mê là phụng sự Thiên Chúa bằng cách tuân thủ Luật một cách tỉ mỉ. Ông có thể nói: "Lẽ sống của tôi chính là Luật". Khi trở lại Giêrusalem khoảng năm 36, ông đã nổi khùng khi thấy Phêrô và nhiều người khác rao giảng. Vì là Thần học gia cho nên ông đã thấy rõ - có lẽ còn hơn cả

Phêrô - rằng những bài giảng của các Tông đồ có nguy cơ làm sụp đổ Do thái giáo: một người như Giêsu đã bị các lãnh tụ kết án rất đúng là lộng ngôn phạm thượng, thế mà họ dám đặt Giêsu đó lên ngang hàng với Thiên Chúa. Phaolô quyết định lao vào cuộc chiến chống lại hệ phái mới này. Ông đồng ý với án tử của Stêphanô và lên đường đi Damas để lùng bắt những đồ đệ của ông này.

II. TRÊN ĐƯỜNG ĐI ĐAMAS:

Đức Chúa vinh quang đã hiện ra với Phaolô, Ngài chính là kẻ chết trên thập giá đáng nguyên rủa: thật là một cuộc đảo lộn, nhưng toàn thể Thần học của Phaolô dựa trên sự đảo lộn này. Đức Giêsu đã bị kết án bởi Luật mà các nhà lãnh đạo tôn giáo nắm giữ, Ngài là kẻ đã bị Thiên Chúa nguyên rủa vì Thiên Chúa đã chẳng làm gì để giải thoát Ngài, như lời Sách Thánh viết "kẻ bị treo trên cây gỗ là kẻ bị Thiên Chúa nguyên rủa" (Đnl 21,23 Gl3,13). Thế nhưng Thiên Chúa đã tôn vinh "kẻ bị nguyên rủa" ấy! Tức là Thiên Chúa tuyên bố đồng ý với Đức Giêsu. Và Luật đã lên án Đức Giêsu nay bị Thiên Chúa lên án. Luật chẳng còn là cái quái gì nữa cả. Theo Phaolô, đây mới chính là ý nghĩa của cuộc

sống ông đang trên đà sụp đổ... Đến đây ta mới hiểu được tại sao Phaolô phải bỏ ra 3 ngày ở lại Damas trong tình trạng suy sụp, mù loà để nhận định lại tất cả. Nhưng trong cái khoảng trống mênh mông ấy, ông đã thấy được Đức Giêsu đứng đây. Từ đó Phaolô sẽ nói "Lẽ sống của tôi chính là Đức Kitô".

Toàn thể thần học của ông bây giờ chỉ mới manh nha như một mầm non, và ông sẽ dùng cả quãng đời còn lại để triển khai nó. Chúng ta sau đây sẽ xem xét vài điểm quan trọng chính yếu.

1) Được nên công chính nhờ đức tin:

Khi còn là pharisiêu, Phaolô vốn nghĩ rằng người được trở nên công chính nhờ trung kiên thực thi Luật, rằng tất cả những gì ông đã làm, những nỗ lực của ông, hay nói bằng chính từ ngữ của ông là "những công việc", những điều đó sẽ làm cho ông nên công chính trước mặt Thiên Chúa. Nhưng bây giờ ông mới khám phá ra rằng chỉ một mình Đức Kitô mới làm cho người ta nên công chính được thôi. Người ta không làm ra ơn cứu độ, nhưng phải đón nhận ơn cứu độ một cách

miễn phí từ tay Thiên Chúa, do đức tin. Do tin vào Thiên Chúa, do hết lòng gắn bó với Đức Kitô, do trọn vẹn trông cậy Ngài, thì ta mới được Ngài cứu, mới trở nên công chính. Như thế hiển nhiên không có nghĩa là chỉ cần tin thôi rồi sống thế nào cũng được. Nếu ta tin, nếu ta yêu thì ta phải cố gắng sống theo lòng tin yêu ấy; nhưng những công việc mà ta làm đó không phải là làm để buộc người khác yêu ta, mà là làm vì ta biết ta được người khác yêu.

2) Ôn sủng của Thiên Chúa:

Tiếng này trở thành một từ-chìa-khoá của thần học Phaolô. Ông khám phá ra rằng ông được Thiên Chúa yêu thương, một cách miễn phí, một cách nhân từ. Thiên Chúa không yêu thương chúng ta bởi vì chúng ta tốt, nhưng để cho chúng ta trở nên tốt. Đây chính là nguồn vui và nguồn an tâm của Phaolô và của bất cứ tín hữu nào không dựa trên những gì mình làm hoặc những gì mình là nhưng chỉ dựa trên tình yêu thương của Thiên Chúa là Đấng chân thành.

3) Đức Giêsu Kitô chịu đóng đinh:

Kẻ bị nguyên rủa trên thập giá nay đã được tôn vinh... Phaolô cố gắng tìm hiểu: nếu Thiên Chúa tôn vinh Đức Giêsu thì chính vì cái chết của Ngài đã nằm trong kế hoạch của Thiên Chúa, vì vậy phải đọc lại Sách Thánh, nhất là những bài thơ về Người Tôi tớ đau khổ, và Phaolô đã tìm ra được giải đáp: Đức Giêsu đã không bị kết án vì tội của chính Ngài, mà "Ngài đã bị nghiền nát vì tội của chúng ta, trong những vết thương của ngài có sự cứu chữa cho chúng ta" (Is 53,4-5). Từ nay, thập giá, luôn được soi chiếu bởi ánh sáng phục sinh, sẽ là trái tim của Thần học Phaolô.

Chính ở dưới chân Đức Giêsu chịu đóng đinh mà Phaolô biết ông là tội nhân, nhưng là một tội nhân được ân sủng. Gặm nhấm những tội lỗi của mình thì chỉ đưa tới tâm trạng áy náy vô ích mà thôi; phải nhìn vào mặt người khác thì ta mới thấy được tội của mình nhờ nhận ra điều dữ mình đã làm cho người khác. Phaolô đã nhìn vào Đức Giêsu oằn oại trên thập giá để thấy được tội của ông. Nhưng điều ông thấy trước hết, đó là sự tha thứ. Từ nay mỗi khi chúng ta ý thức mình có tội tức là chúng ta tạ ơn Thiên Chúa đã thanh tẩy chúng ta nhờ Đức Kitô .

4) Giáo hội, thân thể của Đức Kitô:

"Tại sao người bách hại ta?" Đức Giêsu đã hỏi thế với kẻ bách hại các Kitô hữu... Ở đó Phaolô thấy được sự hiệp nhất thân thiết giữa Đức Giêsu và các môn đệ Ngài: họ tạo thành một thân thể duy nhất là Giáo hội. Từ nay nền tảng khoa luân lý của Phaolô sẽ là: nhờ đức tin và phép Rửa, bạn đã mặc lấy Đức Kitô và trở thành thân thể của Ngài, vậy bạn phải cố gắng dao cho xứng đáng.

5) Bước vào một truyền thống:

Phaolô có đủ mọi thứ cần có để trở thành thủ lĩnh của một hệ phái: thông minh, đam mê, được chính Thiên Chúa trực tiếp chọn... Tuy nhiên ông được rửa tội là nhờ tay của Annaia một người bề ngoài chẳng có gì sáng chói cả về kiến thức lẫn lòng can đảm (Cv 9,13). Ôn gọi của ông ở Damas, dù đặc biệt đến đâu đi nữa, cũng phải đưa ông khiêm tốn bước vào truyền thống của Giáo hội. Chính lúc ông lãnh nhận phép Rửa của Giáo hội là lúc mắt ông mở ra.

Ta sẽ làm nếu nghĩ rằng ở Damas Phaolô đã nhận được toàn bộ Thần học soạn sẵn và sau này ông chỉ cần khai triển ra. Lúc đó Chúa đã "chộp lấy" ông, hay nói theo một hình ảnh ta đã dùng ở đầu tập sách này, lúc đó Chúa đã "in dấu" trên ông. Muốn cho hình ảnh ấy của Đấng phục sinh hiện rõ lên, ông còn cần phải trải qua cuộc sống hằng ngày với nhiều giáo đoàn, chính họ đặt ra nhiều câu hỏi buộc ông phải đào sâu thêm hiểu biết của ông về Đức Kitô. Chúng ta sẽ thấy quá trình này trải qua 4 giai đoạn chính. Nhưng trước khi tìm hiểu 4 giai đoạn đó, bây giờ chúng ta hãy đọc thư của ông viết cho tín hữu Philipphê, đây là bức thư Phaolô cởi mở tâm lòng của ông.

THƯ GỎI TÍN HỮU PHILIPPHÊ:

Những thư của Phaolô thường là những bức thư viết tùy hoàn cảnh: trả lời cho những câu hỏi của một giáo đoàn, hoặc chống lại một vài xáo trộn, nghĩa là chúng có tính cách giáo thuyết và luân lý. Riêng thư gửi tín hữu Philipphê (có lẽ là gom lại 3 bức thư khác) hình như được viết không gì lý do nào cả, mà chỉ vì Phaolô rất thương mến các tín hữu Philipphê, họ là những người duy nhất mà ông nhận sự giúp đỡ tiền

bạc: vì ông tin tưởng vào tình thương bất vụ lợi của họ nên ông biết sẽ không bị ràng buộc gì bởi sự giúp đỡ đó. Trong bức thư này Phaolô cởi mở cõi lòng, ông nói về niềm vui và những đau khổ của ông (Phaolô bị người Rôma cầm tù và đã cảm nghiệm bệnh tật, thất vọng), ông cho thấy tình thương đăm đuối của ông đối với Đức Giêsu và ý nghĩa mà Ngài ban cho đời sống của ông. Thư này được viết có lẽ ở Êphêxô khoảng năm 57.

1) Philipphê:

Bạn có thể bắt đầu đọc chương III này trước.

Phaolô đang bị tấn công bởi những người Do thái, hay đúng hơn bởi những Kitô hữu "Do thái hoá", nghĩa là những người quay trở lại với cách sống đạo Do thái vì cho rằng có sống như thế thì mới an tâm trước mặt Thiên Chúa (3,1-3 và 18-19).

Phaolô có những lý do để tự tin vào chính mình (3,4-7): ông thấy những lý do đó thế nào? Ta có thể dùng ngôn ngữ thời nay để diễn tả c.9 thế nào?

Hãy lưu ý điều diễn tả tính thụ động (chính Đức Kitô làm tất cả) và tính chủ động của người Kitô hữu (điều mà Kitô hữu phải làm): hai khía cạnh này ráp lại như thế nào?

Hãy tìm những kiểu nói diễn tả sự hợp nhất với Đức Kitô. Theo Phaolô đức tin là gì?

2) Đọc trọn bức thư:

Bức thư này không có những khó khăn lớn. Cách tốt nhất để đọc nó là đọc trọn bức thư từ đầu tới cuối đồng thời gạch những màu khác nhau dưới những chữ (hoặc những kiểu nói tương đương) như: Giêsu (bạn hãy chú ý tới những giới từ đi liền theo đó như cho, để, với, trong v.v...), Tin mừng, niềm vui, đau khổ v.v...

- Đức Chúa Giêsu. Một tâm tình yêu mến dạt dào bao trùm cả bức thư này đối với Đấng đã "chộp lấy" Phaolô (3,12) và ông gọi Ngài là duy nhất, là Giêsu Chúa của tôi (3,8). Bản Thánh ca nguyên thủy (2,6-11) mà chúng ta đã học (phía trước) tóm lại tất cả màu nhiệm ấy.

- Đời sống người Kitô hữu là công trình của Thiên Chúa (1,6; 2,13), và nó là đời sống trong Đức Kitô. Sự hiểu biết này (3,8: hiểu biết về cái gì?) không thể tách rời khỏi sự thông hiệp với đau khổ và cái chết của Đức Kitô (bạn hãy chú ý tới những thuật ngữ diễn tả ý tưởng này đối với Phaolô, đối với Epaphrodite và đối với các tín hữu), và với sự sống của Đấng phục sinh, cuộc sống Kitô hữu là công trình của Đức Kitô bởi vì chính Ngài làm mọi sự trong người tín hữu; những việc làm của chúng ta chẳng có ích gì cả (3,4t).

Nhưng cuộc sống Kitô hữu ấy phải được biểu lộ ra bên ngoài bằng những "việc làm" như: cầu nguyện (4,6...), tôn vinh Thiên Chúa trong thân xác chúng ta (1,20; 3,21...), tình hiệp nhất giữa các Kitô hữu với nhau (2,1-4), và bằng một thứ tâm trạng được tóm lại trong chữ "vui mừng" (bạn hãy để ý đến những lý do phát sinh vui mừng).

Sau cùng, niềm vui mừng của Kitô hữu là được vinh dự loan báo Tin mừng vừa bằng lời nói vừa bằng cách sống, đồng thời xả thân phục vụ tha nhân. Vì sự kết hợp với Đức Giêsu phải tạo nên sự thông hiệp giữa

anh em với nhau (hãy để ý tới tình thương tha thiết của Phaolô đối với các Kitô hữu).

BỐN GIAI ĐOẠN:

Có thể chia các thư của Phaolô thành 4 nhóm đánh dấu 4 giai đoạn của tư tưởng ông:

- **1 và 2 Thessalonica (năm 51):** Phaolô lặp lại những chủ đề lớn của kerygma; ông sống trong hy vọng về ngày Đức Kitô sắp đến.
- **1-2 Côrintô, Galata, Philipphê, Rôma (năm 56-58):** có một câu hỏi trung tâm: "Làm thế nào để được nên công chính, được cứu độ?" Không phải nhờ những việc người ta làm (việc lành, thực thi Luật); mà chỉ nhờ đức tin vào Đức Kitô. Nhất là Phaolô thấy rõ vai trò của Đức Kitô trong Giáo hội.
- **Côlôssê, Êphêxô, Philêmon (năm 61-63):** Vì Phaolô viết những thư này lúc đang ở tù tại Rôma, cho nên chúng được gọi là "ngục trung thư". Phaolô trình bày vị trí của Đức Kitô trong lịch sử và trong vũ trụ.

- **Titô, 1-2 Timôthêô:** Những lá thư mục vụ này được viết bởi Phaolô trước năm 67 hoặc bởi một đệ tử đã nhận di chúc của ông rồi viết lại sau khi ông chết. Có một mối quan tâm: tổ chức các giáo đoàn và giữ cho kho tàng đức tin được tinh tuyền.

BÀI 1

THƯ I VÀ II THESSALÔNICA

Những bức thư này được gởi từ Côrintô vào các năm 50-51 và là những bản văn viết đầu tiên của Tân ước. Chúng giúp ta biết một giáo đoàn hoàn toàn non trẻ sinh ra tại đất ngoại giáo, một giáo đoàn nhỏ tí teo giữa một thành thị rộng lớn có khoảng 300.000 cư dân. Trong những bức thư này ta còn khám phá lòng hăng hái và lòng tin hoàn toàn còn mới mẻ, lòng hy vọng hơi lệch lạc, và lòng yêu thương tha thiết do lời rao giảng về Đức Giêsu Kitô khơi lên.

Phaolô bàn về vấn đề cánh chung (tức là về lúc cùng tận của thời gian). Ông vẫn còn nghĩ rằng ngày Đức Kitô đến đã rất gần. Từ đó một số tín hữu Thessalônica kết luận rằng: Thế thì làm việc làm chi nữa? Cũng

như các Kitô hữu khác, Phaolô còn cần có thêm thời gian mới đi tới chỗ chấp nhận được khoảng thời gian trước cuộc quang lâm này - thời gian của Giáo hội - có thể kéo dài (mãi đến nay. Ngày ấy vẫn chưa đến!). Trong những thư này có nhiều đoạn rất khó hiểu (bạn hãy xem những chú thích trong bộ Thánh kinh của bạn), chúng ta chỉ lấy ra những điểm trọng yếu. Sự chờ mong không được làm tê liệt người tín hữu: phải sống như thời gian vẫn còn vô tận trước mặt ta nhưng đồng thời phải ý thức rằng Chúa rất gần. Những câu hỏi về Ngày ấy sẽ thế nào chỉ là những câu hỏi vô ích: chỉ cần biết rằng sau khi ta chết, ta sẽ mãi mãi với Chúa (1 Tx 4,17). Để nói về Ngày Đức Kitô đến, Phaolô mượn kiểu nói mà người dân Thessalonica rất quen: Parousie (tiếng Hy Lạp có nghĩa là cuộc giá lâm trọng thể của một hoàng đế vào thành).

Trong những thư này chúng ta còn thấy một suy tư phác thảo về sứ vụ Tông đồ: chủ yếu của sứ vụ này là rao giảng Lời Chúa; cần phải tự tin và trung thành, và lòng trung thành được nhận ra nhờ 2 dấu chỉ là xác thực và không vụ lợi. Phaolô sẽ nói lại những chủ đề này trong thư 2 Côrintô.

CUỘC SỐNG KITÔ HỮU:

Ta có thể xem xét cách thức Phaolô trình bày cuộc sống Kitô hữu. Cuộc sống này hệ tại việc ta phải bước vào dự định mà Thiên Chúa đã dự tính từ muôn đời để rồi thực hiện qua Đức Giêsu Kitô. Trong Đức Giêsu chúng ta được Thánh Linh thánh hoá để làm thành Giáo hội.

Sau đây là một vài điểm mà bạn có thể nghiên cứu.

- Thiên Chúa có một kế hoạch yêu thương. Bạn hãy tìm những thuật ngữ diễn tả lời mời gọi (tiếng Hy Lạp là klésis), sự chọn lựa, tuyển chọn. Thiên Chúa mời gọi để làm chi?

- Kế hoạch ấy, Thiên Chúa thực hiện nhờ Đức Giêsu Kitô. Con người được mời bước vào kế hoạch ấy khi Lời Chúa được loan báo cho họ.

Bạn hãy chú ý tới những thuật ngữ cho thấy năng động và sức mạnh của Lời Chúa đang hoạt động trong người tín hữu. Nội dung Lời ấy là gì? Bạn hãy so sánh nó với kerygma. Lời được loan báo này buộc người nghe phải chọn lựa, hoặc theo hoặc chối từ (hậu quả sẽ thế nào?).

- Đón nhận Lời Chúa tức là Tin, Cậy và Mến. Ba nhân đức này nối kết nhau, bạn hãy tìm những động từ và những tính từ đi theo 3 nhân đức ấy.

o Đức tin là đón nhận Lời Chúa (1 Tx 2,13; 2 Tx 2,13). Đây là vai trò của Thánh Linh và của con người? Hãy thử mô tả đức tin ấy. Đức tin thường được đi kèm bằng những động từ diễn tả sự bước đi: không phải chỉ "có" đức tin mà còn phải bước đi và tiến tới trong đức tin. Do đó tin thì đương nhiên phải ảnh hưởng tới cách sống.

o Đức cậy là sự mong chờ: chờ gì? Bạn hãy chú ý tới 2 nét đặc thù: nhẫn nại và tỉnh thức. Vai trò của đức cậy thế nào đối trước "giác ngủ" của sự chết?

o Đức ái. Cuộc sống Kitô hữu là yêu thương, hay nói cách khác đó là sống trong Đức Kitô. Bạn hãy tìm lại những thuật ngữ diễn tả sự kết hợp này với Đức Kitô (cả trong hiện tại lẫn trong tương lai).

- Chính Thánh Linh là Đấng thánh hiến chúng ta, thánh hoá chúng ta. Bạn hãy tìm những đoạn nói về Ngài. Vai trò của Ngài thế nào?

- Giáo hội (tiếng Hy Lạp là Ekklesia) là một cộng đoàn tập hợp những người đáp lại lời mời gọi (klésis). Đây không phải là một nhóm những người tu chọn nhau, mà là những người được Thiên Chúa chọn và đáp lại lời mời gọi của Ngài. Tác giả diễn tả ý tưởng này thế nào? Và những điều này có ảnh hưởng gì đến những cộng đoàn chúng ta ngày nay?

- Tất cả những điều ấy là công trình của ơn sủng Thiên Chúa và khơi dậy trong người tín hữu tâm tình tạ ơn. Tác giả diễn tả ý tưởng này thế nào? Tác giả mô tả cầu nguyện như thế nào?

- Cuộc sống Kitô hữu, tóm lại, là một tương quan liên vị với mỗi Ngôi trong Thiên Chúa Ba Ngôi: bạn hãy tìm xem liên hệ giữa từng Ngôi với người tín hữu và giữa người tín hữu với Ba Ngôi như thế nào?

SƠ ĐỒ CÁC THƯ CỦA PHAOLÔ:

Phaolô cũng viết theo cách thông dụng thời đó. Mỗi bức thư thường gồm các phần sau:

- **"Địa chỉ"**: bắt đầu thường là một người nào đó viết cho một người nào đó và lời chào. Phaolô xưng tên mình, nêu tên những cộng sự viên của ông, gọi tên người nhận thư, và chào họ.

Bạn hãy đọc hết các "địa chỉ": cách thức Kitô hữu chào nhau thế nào?

- **Cầu nguyện**: tiếp đến là dâng một lời cầu nguyện lên thần linh. Bạn hãy đọc tất cả các lời nguyện trong các thư Phaolô: Phaolô cầu nguyện thế nào? Tạ ơn Thiên Chúa ra sao? Tạ ơn về điều gì?

- **Thân bài**: thân bài trong các thư Phaolô thường gồm 2 phần:

o **Phần giáo thuyết**: Phaolô khai triển một điểm giáo lý quan trọng hoặc bị các Kitô hữu hiểu sai.

o **Phần khuyên dụ (parénèse)**: Phaolô rút từ giáo thuyết ra những áp dụng thực hành. Luân lý hoặc cách sống của Kitô hữu phải dựa trên giáo lý.

- **Lời chào cuối thư.** Phaolô kết thúc thư bằng cách thông báo tin tức về những cộng sự viên của ông và chào các Kitô hữu. Chấm dứt bằng một công thức tán tạ.

BÀI 2

NHỮNG BỨC THƯ LỚN CÔRINTÔ, PHILIPPHÊ, GALATA, RÔMA

Giữa các năm 53 và 58, Phaolô lưu lại 3 năm ở Êphêsô: ông viết nhiều thư cho các tín hữu ở Côrintô, Galata và có lẽ cho cả các tín hữu ở Philipphê. Trong mùa đông năm 57-58 ông lưu lại Côrintô và viết thư cho các tín hữu Rôma.

Lúc ấy có một câu hỏi ám ảnh Phaolô: "Được cứu độ bởi Đức Giêsu Kitô" nghĩa là gì? Phaolô đào sâu vai trò của Đức Kitô trong lịch sử cứu độ, giữa lòng cộng đoàn tín hữu là nơi Đức Giêsu Kitô hiện diện bằng Lời, bằng các Bí tích và bằng mạng sống của Ngài được dùng làm của lễ tế hiến.

ĐỨC KITÔ TRONG LỊCH SỬ CỨU ĐỘ:

Khi còn ở trong Do thái giáo, Phaolô nghĩ có thể đạt được ơn cứu độ bằng cách thực thi Luật. Thế mà Luật dù thánh thiện vì do Thiên Chúa ban nhưng đã bị kết án trong Đức Giêsu Kitô! Để hiểu được điều này Phaolô đã đọc lại lịch sử cứu độ theo cách của ông.

Với Abraham, nghĩa là trước cả Môisen, Thiên Chúa đã ký một giao-ước -một-chiều: chỉ có Ngài cam kết và chẳng đòi điều kiện nào về phía con người (St 15). Nếu Thiên Chúa là Dấng công chính, tức là trung tín, thì Ngài phải ban hạnh phúc cho Abraham và hậu duệ ông, bất chấp họ cư xử thế nào đi nữa.

Và rồi dân đã cư xử xấu. Khi đó Thiên Chúa ban cho họ Luật Sinai, một giao-ước-hai-chiều: Ngài cam kết ban hạnh phúc cho dân với điều kiện là dân phải tuân giữ các lệnh truyền của Ngài (Xh 19-20). Vì dân tội lỗi nên Thiên Chúa mới ban Luật cho họ, giống như một dây cương: họ đã không thể vâng phục Ngài bằng tình thương thì họ buộc phải vâng phục bằng Luật. Thiên Chúa cư xử như một người cha đối với đứa con: giữa

họ chẳng có hợp đồng nào cả, người cha tín nhiệm con và con tuân phục cha vì tình thương, nhưng khi đứa con không còn tình thương thì người cha sẽ hướng dẫn con bằng bàn tay sắt, sẽ dùng Luật để bó buộc nó cho tới khi nó trở lại với những tình cảm yêu thương. Thế nghĩa là sở dĩ Luật được ban là để giữ dân trong tình yêu thương Chúa. Luật là thánh vì nó do Thiên Chúa ban. Nhưng thực ra nó cũng gây thêm tội vì nó chỉ buộc phải làm cái này cái nọ mà không ban sức mạnh cho ta thực hiện những cái đó. Bởi vậy vì có Luật nên dân đã phạm tội một cách có ý thức. Thế là Thiên Chúa thấy khó xử: ví công chính và trung thành với giao ước đã kết với Abraham, Ngài phải ban hạnh phúc cho dân, nhưng cũng vì công chính và trung thành với giao ước Sinai, Ngài phải để cho dân đi tới cái chết xứng với những việc làm của họ...

Thế rồi Thiên Chúa khám phá ra một giải pháp tình thương: bởi vì cuối con đường mà Luật vạch ra là cái chết, cho nên chính Thiên Chúa sẽ chịu chết trong Con của Ngài: cái chết của Đức Giêsu Kitô cũng là tất cả mọi tội nhân đều chết trong Ngài. Thế là Thiên Chúa vẫn trung thành với hợp đồng ở Sinai. Nhưng phải mở đường cho sự chết dẫn tới

sự sống; trong Đức Kitô phục sinh, tất cả mọi người có thể đạt đến sự sống và hạnh phúc. Thiên Chúa trung thành với Lời Ngài đã hứa cho Abraham.

Vậy thì điều quan trọng đối với con người là phải ở trong Đức Kitô: kết hợp với BNgài bằng đức tin và phép Rửa, người tín hữu cùng với Ngài thực hiện cuộc vượt qua cái chết để tới sự sống; người tín hữu tìm gặp ơn cứu độ không phải do những việc họ làm mà là trong Đức Giêsu.

Thế là đối với người tín hữu, Luật đã thành lỗi thời: chỉ có mỗi một điều đáng kể, là được tái tạo trong Đức Giêsu Kitô và ngoan ngoãn để cho Thánh Linh Ngài tác động.

I. THƯ I CÔRINTÔ:

Côrintô là một hải cảng sinh động, một thành phố quốc tế có chừng 600.000 cư dân trong đó có 2 phần 3 là nô lệ. Côrintô cũng gây tai tiếng: "sống theo kiểu Côrintô" nghĩa là sống tự do thoải mái, muốn làm gì cũng được... Vậy, chính trong thành phố này và cùng với cộng đoàn Kitô hữu nhỏ bé nghèo nàn nhưng thiết tha gắn bó với Đức Giêsu

Kitô, Phaolô sẽ "sáng chế" ra một kiểu sống Kitô hữu. Bức thư ông viết cho họ cố gắng khám phá xem đức tin vào Đức Giêsu Kitô và phép Rửa sẽ giúp người ta sống những trạng huống đời người một cách mới mẻ như thế nào. Sau này chúng ta sẽ nói lại về điểm quan trọng này.

Bạn hãy cố gắng đọc ít là vài đoạn văn sau đây: Thánh thi ca tụng tình thương (13), Bài tường thuật cổ xưa nhất về bữa tiệc ly (11.17-34) và bản kinh Tin Kính cổ mà chúng ta đã nghiên cứu rồi (15,1-11); niềm tin vào sự phục sinh của Đức Kitô và của chúng ta (15).

II. THƯ II CÔRINTÔ:

Liên hệ giữa Phaolô với giáo đoàn Côrintô nhiều khi gặp sóng gió, do đó uy quyền của ông và theo đó là đức tin chân thật cũng bị nguy hại. Trong bức thư này Phaolô tự biện hộ cho mình và phần lớn là nói về sứ vụ Tông đồ theo quan điểm của ông (1,11-7,16). Ông thấy trách nhiệm Tông đồ của ông rất to lớn vì ông biết rằng khi ông giới thiệu Lời Chúa cho người ta thì thánh giả của ông bị buộc phải chọn lựa hoặc theo hoặc chống lại Đức Kitô (2,14-4,44). Có một đoạn trong đó Phaolô viết rằng

nhờ Đức Giêsu mà các Kitô hữu đọc Sách Thánh theo một cách thức mới nên hiểu được ý nghĩa thực sự. Đoạn này hơi phức tạp, nhưng ít ra bạn sẽ khám phá trong đó lời xác nhận rất đẹp này: người Kitô hữu đón nhận Đức Kitô thì được biến hình nhờ vinh quang Thiên Chúa chiếu tỏ trên mặt Đức Giêsu, và người ấy được chiếu sáng như vậy là để soi sáng cho anh chị em mình (3,5-4,6).

Đức Giêsu đã gánh lấy tội lỗi nên đã chết vì tội lỗi (5,21). Nhưng nhờ thế mà trong Ngài Thiên Chúa giao hoà lại với chúng ta: từ nay, trong Đức Kitô chúng ta là một tạo vật mới (5,11-21).

Nếu bạn muốn biết, những đau khổ mà Phaolô đã chịu và những ân sủng mà ông được hưởng, bạn có thể đọc 11,16-12,10.

Sau cùng ở 13,13 bạn sẽ gặp một lời tán tạ mà phụng vụ Công giáo đã sử dụng lại: đây là lời xác nhận rõ ràng đầu tiên vào Ba Ngôi Thiên Chúa.

III. THƯ GALATA:

Dân Galata hăng hái, nhiệt tình nhưng không bền bỉ. Họ đã hăng hái nghe lời Phaolô rao giảng và nhiệt tình tin theo Đức Kitô. Sau đó có thêm nhiều người khác cũng tới đó rao giảng thì họ bắt đầu "Do thái hoá" đức tin của mình, nghĩa là gán thêm vào niềm tin Kitô hữu những cách sống đạo kiểu Do thái. Trước kia họ là lương dân, vậy mà bây giờ họ lại đặt mình dưới ách của Luật Do thái. Họ tưởng làm như thế là đúng, nhưng Phaolô thấy thế là nguy hiểm: nếu cần phải ghép thêm một cái gì đó vào đức tin Kitô thì chúng tỏ đức tin vào Đức Giêsu chưa đủ để cứu độ ta. Phaolô đã lao vào chống lại sự nguy hiểm này với tất cả đam mê, tất cả Thần học... cho nên tất cả các ý tưởng của ông rất phức tạp làm ta khó hiểu! Nhưng sau cùng ông chỉ hỏi các tín hữu của ông một câu: "Anh chị em hãy nhớ lại xem nhờ gắn bó với Đức Giêsu Kitô mà anh chị em được trở nên thế nào. Vậy anh chị em có còn trung thành với những cam kết ngày anh chị em lãnh nhận phép Rửa không?".

Sau phần vào đề rất hăng hái, Phaolô bênh vực cho Tin mừng mà ông rao giảng. Phần này có 3 ý tưởng lớn:

- Tin mừng của ông xuất phát từ đâu? Trục tiếp từ Đức Kitô trên đường Damas (1,11-2,21).

- Tin mừng ấy chứa đựng những gì? Phaolô đọc lại lịch sử dân Thiên Chúa, ông chứng minh rằng Luật chỉ như một quản giáo để dẫn chúng ta tới Đức Kitô. Nhưng bây giờ chúng ta đã tới rồi thì chúng ta không cần đến nó nữa (3-4). Khi đọc những đoạn này, bạn sẽ gặp nhiều công thức tuyệt đẹp nói về niềm tin vào Đức Kitô (2,16-20), về Abraham (3,6-14), về sự bình đẳng của mọi người trong Đức Giêsu Kitô (3,26-29), về tinh thần làm con (4,6-7).

Tin mừng ấy dẫn đến đâu? Dẫn đến tự do (6-6). Đối với Kitô hữu thì không còn giới răn nào nữa cả mà chỉ còn mỗi một Luật nội tâm là Thánh Linh. Chính Thánh Linh ngự trong lòng mỗi tín hữu sẽ nói cho người đó biết phải làm gì. "Trong Đức Kitô anh em là một tạo vật mới. Vậy anh chị em hãy sống như những người tự do" (5).

Bức thư Galata là một bài bút chiến cho nên có nhiều đoạn tối nghĩa, nhưng chứa đựng một sự sinh động lạ lùng vì được Phaolô viết trong

một lúc đam mê. Bạn cứ đọc hết nhưng đừng quá bận tâm đến những câu khó hiểu: sau này rồi từ từ bạn cũng sẽ hiểu thôi.

Vài tháng sau, Phaolô lặp lại những ý tưởng ấy trong một bức thư khác, dài hơn và cũng là một trong những đỉnh cao của tư tưởng ông, đó là thư Rôma.

IV. THƯ RÔMA:

Nhiều người đã đưa ra nhiều sơ đồ khác nhau về bức thư Phaolô gửi tín hữu Rôma. Sau đây chúng tôi cũng đưa ra một sơ đồ hy vọng giúp bạn dễ nắm vấn đề hơn.

- Phần giáo thuyết (1,11): Phaolô triển khai cùng một tư tưởng dưới 4 hình thức khác nhau:

o Trong tư cách một nhà thống kê, Phaolô trình bày một thống kê: tất cả mọi người dù là Do thái hay không Do thái đều là tội nhân cho nên tất cả mọi người đều cần được cứu độ bởi Đức Giêsu Kitô (1,18-5,11).

o Trong tư cách một tín hữu, Phaolô suy nghĩ từ tình trạng chúng ta được trở thành thế nào khi lãnh nhận phép Rửa: phép Rửa đã hợp nhất chúng ta vào Đức Giêsu, Đấng đã chết và sống lại, Adam mới, nguyên tổ mới. Vậy nên trong Ngài chúng ta là những tạo vật mới (5,12-7,6).

o Trong tư cách một nhà tâm lý, Phaolô chứng minh rằng trong nội tâm con người bị phân chia giữa điều lành nó muốn làm mà không làm còn với điều ác nó không muốn làm mà lại làm (7,7-25). Nhưng Thánh Linh đã tái thống nhất người tín hữu (không còn bị phân chia như thế nữa) bằng cách giải hoà nó với Thiên Chúa mà từ nay nó có quyền gọi là "Abba, Ba ơi", giải hoà nó với những người khác, và với vũ trụ (8).

o Trong tư cách một sử gia, Phaolô nhìn lại lịch sử Israel để cho thấy sự khốn khổ mà Israel phải chịu khi từ chối Đức Kitô. Phaolô loan báo Israel; sẽ được cứu độ khi mà toàn thể dân này biết nhìn nhận Đức Giêsu là Đấng Messia (9,11).

- **Phần luận lý (12-15):** Từ những điểm giáo thuyết trên, Phaolô rút ra những áp dụng thực hành cho cuộc sống hằng ngày.

Nếu không thể đọc hết các bức thư, bạn hãy cố đọc ít ra là các chương 6-8 và chú ý dừng lại những câu quan trọng.

1) Phép Rửa (6,1-7,6)

Phaolô muốn trả lời cho một vấn nạn có thể nảy sinh từ những điều ông nói phía trước. Ông chứng minh rằng Kitô hữu không được phạm tội nữa. Như thói quen, ông dựa vào giáo lý để chứng minh điểm luân lý này.

Bạn hãy tìm một số chữ quan trọng làm cho bản văn này có được một màu sắc đặc biệt, như: Thanh tẩy (tiếng Hy Lạp có nghĩa là "dìm vào") phục vụ, người phục vụ (hay "tôi tớ", "nô lệ" 6,6.19; 1Tx 1,9), tự hiến mình (chữ này trong bản Thánh kinh Hy Lạp thường có nghĩa là dâng chính bản thân làm lễ vật cho Thiên Chúa trong việc phụng tự, thí dụ Đnl 10,8; 17,12; 18,5-7; 21,5 và trong thư Rm 6,13 (2 lần) 6,16-19; 12,1), vâng phục 6,12-16 (3 lần) 19 (động từ này đôi khi được dùng để định nghĩa Kitô hữu Rm 10,16; 1Pr 1,2-14,22).

Hãy lưu ý tới những sự đối nghịch: xưa kia/bây giờ; mới/cũ (6,4; 7,6); chết/sống; tiền công/miễn phí (ta có thể đòi hưởng thiên đàng như đòi tiền công không?).

Bạn hãy tìm những so sánh giữa số phận của Đức Kitô và của các tín hữu. Đặc biệt hãy chú ý tới những thuật ngữ diễn tả sự giống nhau: như, với, tương tự, giống v.v... Đức Kitô được làm cho sống lại bởi ai? (6,14; 8,11; Cl 2,12).

Cũng phải để ý tới thì của những động từ: động từ nào ở quá khứ? ở thì tương lai?

Từ tất cả những nhận xét trên, bạn thấy đoạn này hiểu ý nghĩa phép Rửa như thế nào?

Nếu còn có giờ, bạn có thể xem vài hình ảnh khác về phép Rửa trong các thư của Phaolô:

o Sự tắm rửa: 1Cr 6,11; Lp 5,26; Tt 3,5.

o Được mai táng với Đức Kitô: Gl 3,27; Cl 3,9.

o Được đóng ấn, được đóng dấu sở hữu: 1Cr 1,21t; Ep 1,13; 4,30.

o Soi sáng: Ep 5,14.

2) Sống trong Thánh Linh (8)

Rm 7 đã cho thấy con người bị phân chia: dù một vài đoạn tội nghĩa (nói về địa đàng và lề luật) nhưng chúng ta cũng thấy được hướng chính. Có hy vọng nào không? (chú ý tới chữ "xác thật" trong các thư Phaolô: nó không có nghĩa là tính dục, mà là con người trọn vẹn trong tư cách nó từ chối Thiên Chúa, con người cũ, cái tôi cũ xấu xa).

Rm 8 cho thấy Thánh Linh tái thống nhất người tín hữu thế nào. Bạn hãy xem Ngài làm cho tín hữu hiệp thông thế nào với Thiên Chúa, với chính mình, với tha nhân và với cả vũ trụ.

Bạn có thể nghiên cứu bản Thánh thi ca tụng tình thương Thiên Chúa kết thúc cả phần này (8,31-39).

Hãy để ý tới văn mạch tổ tụng: ta phải dựa vào ai để có thể thắng kiện: dựa vào ta hay dựa vào Thiên Chúa?

Vai trò của Thiên Chúa? của Đức Kitô?

Đâu là bảo đảm cuối cùng của người tín hữu?

BÀI 3

NGỤC TRUNG THƯ CÔLÊSÊ, ÊPHÊXÔ, PHILÊMON

Giữa các năm 58 và 63, Phaolô phải ngồi tù 4 năm ở Césarée rồi tiếp đó ở Rôma. Ông có nhiều thời giờ để nghiên ngẫm đào sâu màu nhiệm Đức Kitô. Một cơ hội đưa đến cho ông là các tín hữu Côlossê bị cám dỗ muốn xếp Đức Kitô ngang hàng với các thần linh trên trời mà họ nghĩ là một giới ở giữa Thiên Chúa trên cao và loài người dưới thấp. Phaolô sửa sai quan niệm đó và cho rằng Đức Kitô chính là trung tâm của vũ trụ và của Giáo hội. Tư tưởng này được ông trình bày trong thư gửi tín hữu Côlossê, Êphêxô và thư riêng gửi ông Philêmon.

I. THƯ RIÊNG GỬI ÔNG PHILÊMON:

Đây là bức thư mang tính cách riêng tư nhất trong các thư Phaolô vì trong đó ông biểu lộ tất cả con người của ông. Trong đó ta cũng có thể

thấy hình ảnh của một giáo đoàn được sinh ra trong một thế giới ngoại giáo. Người ta ngạc nhiên vì Phaolô không đòi huỷ bỏ chế độ nô lệ. Nhưng thực ra Phaolô còn làm nhiều hơn điều đó: vì khi dạy rằng tất cả mọi người dù chủ hay nô lệ đều bình đẳng nhau và đều là anh em với nhau thì Phaolô đã đưa nguyên tắc tiêu huỷ tận gốc chế độ nô lệ ấy.

II. THƯ CÔLÔSÊ:

Trong thư này, nhờ khám phá trong Sách Thánh về vai trò của sự Khôn ngoan của Thiên Chúa, Phaolô đã đặt Đức Kitô trong tương quan với Thiên Chúa-Ngài là Con của Thiên Chúa, và trong Ngài có đầy đủ thiên tính -và trong tương quan với thế giới: chính bởi Ngài và cho Ngài mà thế giới được dựng nên. Nhờ vậy cuộc sống nhân loại của chúng ta có được một ý nghĩa mới: vì không có gì thoát ảnh hưởng của Đức Kitô cho nên khi chúng ta xây dựng thế giới trần gian này tức là chúng ta cũng xây dựng vương quốc của Thiên Chúa một cách mâu nhiệm vậy. Từ nay chúng ta phải sống như là chúng ta đã được sống lại cùng với Đức Kitô (3,1-4).

***** Đức Chúa của thế giới: Cl 1,15-20**

Cấu trúc của đoạn này rất khéo và gồm 2 ý: ý thứ nhất được tóm trong cc.16d-17a; ý thứ hai được tóm trong cc.17b-18a. Và nhóm cc.16d-1a chính là cái bản lề của cả đoạn văn này.

Trước tiên bạn hãy tìm những thuật ngữ tương ứng nhau, những giới từ đã được Phaolô sử dụng (trong, bởi, cho vv...), những tước hiệu Phaolô gọi Đức Kitô: một số tước hiệu từ Cựu ước, đó là những tước hiệu nào?

Nhóm câu diễn ý thứ nhất trình bày vị trí và vai trò của Đức Kitô trong vũ trụ: trình bày thế nào? Nhóm câu diễn ý thứ hai trình bày vị trí và vai trò của Đức Kitô trong nhân loại đã được giao hoà lại với Thiên Chúa và trong Giáo hội: vai trò và vị trí ấy thế nào?

III. THƯ ÊPHÊXÔ:

Thư này là một tổng luận hài hoà của tư tưởng Phaolô. Nó không đến nỗi khó đọc lắm. Bạn sẽ gặp trong đó nhiều câu rất hay, chẳng hạn như: Bài Thánh thi về dự định của Thiên Chúa muốn gom tất cả lại trong

Con của Ngài (1,3-14); việc giao hoà tất cả mọi loài trong Đức Giêsu Kitô (2), lời nguyện xin cho được bám rễ trong tình yêu của Đức Kitô (3,14-21), việc tổ chức Giáo hội (4,11-16), Giáo hội là vợ của Đức Kitô và hình ảnh đám cưới (5,21-33).

HAI HÌNH ẢNH VỀ GIÁO HỘI:

Phaolô sử dụng 2 hình ảnh bổ sung nhau để trình bày Giáo hội, cả 2 đều cần thiết.

- Giáo hội là mô thân thể Đức Kitô là đầu (chú thích của TOB cho Cl 1,18 và của BJ cho 1Cr 12,12). Lợi điểm của hình ảnh này là giúp ta thấy rõ liên hệ giữa Giáo hội với Đức Kitô.

- Giáo hội là vợ của Đức Kitô (chú thích của TOB và BJ cho Ep 5,23-25). Lợi điểm của hình ảnh này là cho thấy Đức Kitô và Giáo hội vẫn còn là 2: Giáo hội không thánh thiện như Đức Kitô, nhưng tình yêu của Giáo hội không ngừng được khơi dậy nhờ tình yêu của Đức Kitô.

NHỮNG BỨC THƯ MỤC VỤ

Chúng được viết bởi Phaolô hoặc bởi một đệ tử của ông sau khi ông chết. Chúng cho thấy rất rõ nỗi bận tâm của Phaolô vào khoảng cuối đời: đó là giữ cho tinh tuyền Đức tin vào Đức Kitô mà các Tông đồ đã truyền lại. Trong những bức thư này ta thấy Giáo hội đã có một cơ cấu tổ chức với nhiều thừa tác vụ, đặc biệt là "Giám mục" (épiscopie) và Phó tế (diacre). Chúng cũng giúp ta tham dự vào những lời tán tạ của Giáo hội thời xưa nhờ chúng trích rất nhiều bản Thánh ca như 1Tm 2,5-6; 3,16; 6,15-16; 2Tm 2,8-13 vv...

BÀI 4

THƯ HY BÁ LAI VÀ NHỮNG THƯ CÔNG GIÁO

I. THƯ GỎI GIACÔBÊ:

Vào một chiều thứ bảy trong một nhà thờ miền quê, một giáo dân tiến lên đọc bài Thánh thư trích từ một đoạn của thư thánh Giacôbê nói về sự giàu có. Tưởng chẳng cần phải giải thích gì thêm nữa vì đoạn thư này đã quá thực tế. Tác giả (khoảng năm 60 hoặc 80?) tuyên bố: "Bạn tin ư. Nhưng hãy cho tôi thấy đức tin của bạn. Hãy cho tôi xem đức tin

của bạn đã trở sinh những việc gì, nhất là bạn có tôn trọng và thương yêu những người nghèo không. Nếu không, đức tin của bạn không phải là đức tin thật...".

II. THƯ GỎI TÍN HỮU HY BÁ LAI:

Đúng ra đây không phải là một bức thư mà là cả một bài giảng do một đệ tử của Phaolô giảng, khoảng năm 70, cho những Kitô hữu lầm lạc. Là Do thái, họ đã nhiệt tình gắn bó với Đức Kitô nhưng bây giờ thì họ chán và tiếc nuối những lễ nghi phụng vụ của Do thái giáo. Là Kitô hữu, họ đã chịu khổ nhiều vì đức tin và còn sẽ gặp nhiều khó khăn nữa. Do đó tác giả an ủi họ: Anh chị em chịu khổ nhiều hơn tương; đã qua rồi thời kỳ anh chị em như những trẻ thơ còn cần được cho bú "sữa" giáo lý, nay là lúc phải đào sâu đức tin. Anh chị em cảm thấy bí lối trước đà biến chuyển và những khó khăn hiện nay? Ta hãy dăm dăm nhìn vào Thủ lãnh đức tin của ta, Đức Kitô, vị Thượng tế của ta".

Bằng bút pháp luôn luôn giáo huấn và khuyến dụ, tác giả suy gẫm những Thánh vịnh 2 và 110, và đưa vào một lễ nghi rất quen thuộc với

độc giả của ông, đó là lễ Yom Kippour (Lễ xá tội), đây là ngày duy nhất trong năm mà vị Thượng tế được vào gian cực thánh có Thiên Chúa ngự trị để dâng máu làm lễ vật xin ơn tha tội.

Đó là một hình ảnh: Đức Kitô cũng là Thượng Tế, vậy để có thể thực sự bước vào nhà của Thiên Chúa thì Đức Kitô phải ra mắt Thiên Chúa với chính máu của Ngài, nghĩa là hiến dâng chính sự sống của Ngài. Vị Thượng tế Do thái năm nào cũng phải dâng lễ vật lại; còn Đức Kitô chỉ cần vào nhà Thiên Chúa một lần là đủ mở cửa cho chúng ta vào theo. Vì vậy bây giờ chúng ta phải chăm chăm nhìn Ngài để tiến bước về miền Đất hứa, trong niềm tin tưởng và hy vọng không gì lay chuyển nổi.

Ít ra bạn hãy đọc vài đoạn: Nhân tính của Đức Kitô (5,1-10), chỉ có Đức Giêsu mới là tư tế thật (7,20-28), giao ước mới (9-10), tiến bước trong đức tin (11).

III. THƯ I PHÊRÔ:

Thư này có lẽ được viết tại Rôma khoảng năm 64. Ngày nay người ta ít đọc thư này thật đáng tiếc, vì ngoài một vài giáo huấn đã lỗi thời, thư

này vẫn hoàn toàn rất hợp với thời nay. Phaolô viết cho các Kitô hữu lưu lạc khắp thế giới (nghĩa là ở diaspora). Họ không làm thành một nhóm có tính quốc gia hay chủng tộc, mà là một công đoàn huynh đệ sống giữa thế gian (5,9), kết hợp với nhau do cùng một đức tin, một tác phong xã hội và đạo đức trỗi vượt hẳn những người đương thời.

Phần giáo thuyết (1,1-2,10) khai triển vài đề tài lớn trong Sách Thánh giúp sống tình trạng trên, như: Xuất hành, Người Tôi tớ đau khổ trong Isaia hiện thân vì phần rỗi mọi người, viên đá bị thợ xây loại bỏ nhưng được Thiên Chúa đặt làm đá góc, hình ảnh Đức Giêsu bị dân Ngài từ bỏ nhưng được Thiên Chúa tôn vinh và đặt làm đá tảng mà trên đó Thiên Chúa xây dựng toà nhà Giáo hội, mỗi Kitô hữu cũng là một viên đá sống.

Phần thứ 2 rút từ giáo lý trên ra vài áp dụng thực hành: cần phải có một hạnh kiểm tốt đẹp khi sống giữa những người không tin. Phêrô cũng đưa ra một định nghĩa rất hay về sự làm chứng (3,15).

Dân mới của Thiên Chúa được sinh ra ở diaspora. Dù đang sống giữa chư dân và đang thuộc về chư dân nhưng họ được Thiên Chúa kêu gọi từ giữa chư dân. Đây là một dân đang xuất hành tiến đến mục tiêu là cho mọi người biết - nhờ lời ca tụng và cách sống của họ - những kỳ công của Đấng đã kêu gọi họ từ chốn tối tăm vào miền ánh sáng tuyệt vời của Ngài (2,9).

IV. THƯ CỦA GIUĐA:

Thư này được viết khoảng năm 80-90. Nội dung thư hơi lạ kỳ vì tác giả sử dụng nhiều văn bản Do thái đương thời. Tác giả khuyến cáo các Kitô hữu hãy coi chừng lạc thuyết.

V. THƯ 2 PHÊRÔ:

Thư này được viết dưới bút hiệu của Phêrô, vào khoảng thế kỷ II. Tác giả kêu gọi Kitô hữu trung thành với ơn gọi của mình, mặc dù có nhiều kẻ rao giảng những điều sai lạc, và mặc dù ngày Đức Kitô quang lâm có tới chậm. Có 2 điểm đáng ta ghi nhớ: cách tác giả giải thích sự kiện

biến hình (1,16-18) và cách tác giả định nghĩa ơn linh hứng các sách thánh (1,20-21).

BÀI 5

ĐỨC KITÔ CỦA PHAOLÔ

Sau mỗi chương chúng tôi sẽ cố gắng trình bày quan niệm về Đức Kitô của Phaolô, của Mc, của Luca...

Làm vậy cũng liêu lĩnh vì những tổng hợp như thế chắc chắn có tính cách chủ quan. Nhưng ít ra chúng cũng cho ta thấy được rằng Tân ước không công hiến cho chúng ta một bức chân dung duy nhất về Đức Kitô: bản thân Ngài quá phong phú nên không thể nào diễn tả hết trong một bức chân dung. Vì thế mỗi tác giả trình bày cảm nghĩ riêng từ những gì ông đã sống. Ngày nay, mỗi Kitô hữu, mỗi cộng đoàn cũng trình bày một bức chân dung của Đức Kitô. Hi vọng rằng tất cả những chân dung ấy giúp ta hiểu được ít nhiều về Đấng vẫn còn mãi là vô hình đối với chúng ta.

Trong đời Phaolô, có một giai đoạn trước và một giai đoạn sau: Damas là ngưỡng cửa giữa 2 giai đoạn ấy. Trong giai đoạn trước Phaolô là người pharisiêu, do niềm tin của mình mà hăng say bắt bớ Đức Giêsu trong các môn đệ Ngài. Trong giai đoạn sau ông hoàn toàn tận tâm với Đấng đã chộp lấy ông trên đường Damas. Phêrô, Gioan và các môn đệ đầu tiên đã dần dần khám phá bản thân của Thầy mình, và chỉ sau lễ Phục sinh, lễ Hiện xuống họ mới bắt đầu cảm thấy Thầy mình chính là Con Thiên Chúa. Họ cũng giống như các Kitô hữu ngày nay: được Rửa tội từ lúc mới sinh, các Kitô hữu cũng phải dần dần khám phá đức tin của mình. Còn Phaolô thì giống như những người trở lại đạo, chỉ trong một sớm một chiều, cả cuộc đời đã bị đảo lộn.

Khác với các Phúc âm gia khác, Phaolô đã không viết một tác phẩm trình bày quan niệm của mình trong giai đoạn cuối cùng. Ông viết nhiều bức thư tùy theo hoàn cảnh đẩy đưa và qua đó chúng ta thấy được tư tưởng của ông về Đức Kitô chuyển biến dần dần.

I. KẺ BỊ NGUYỄN RỬA NHƯNG ĐÃ ĐƯỢC TÔN VINH:

Đức Kitô là kẻ mà người ta tưởng đã bị Thiên Chúa nguyên rủa bởi vì Ngài bị kết án bởi chính các lãnh tụ tôn giáo và Luật. Thế nhưng Ngài đã hiện ra cho ông trong tư thế được Thiên Chúa tôn vinh. Đây chính là nguồn phát sinh tư tưởng của Phaolô. Phaolô đặt cuộc hiện ra này ngang hàng với những lần Đấng phục sinh hiện ra cho các môn đệ. Nhờ biến cố này ông đã trở thành Tông đồ như các Tông đồ kia (hãy xem "nhiều lời địa chỉ" mở đầu thư, Phaolô xưng mình là Tông đồ do ơn gọi và 1.Cr 15,9; 9,1; Gl 1,1...).

Phaolô có lẽ đã không được biết Đức Giêsu trong những năm Ngài còn sống ở trần gian. Thế rồi đột ngột ông gặp Ngài trong tư thế đã sống lại, được tôn vinh, là Đức Chúa.

II. ĐỨC CHÚA ĐANG ĐẾN:

Phaolô coi kinh nghiệm của mình trên đường Damas là một sự mạc khải (Gl 1,16). Giai đoạn đầu trong đời Kitô hữu của ông là cả một sự say mê hăng hái vì được Đức Kitô chộp lấy. Ý thức của ông về sức sống của Đức Kitô trong ông và về tính cách mới mẻ của thế giới mà

Phép Rửa đã dẫn ông vào khiến cho ông không còn ước mơ nào khác hơn là mong cho ngày Chúa đến. Ngày quang lâm mau tới để kết thúc lịch sử đời này. Phaolô khởi đầu sứ vụ Tông đồ bằng cách sống và làm cho các Kitô hữu sống trong niềm mong chờ rằng Đức Chúa sắp đến.

III. ĐÁNG BỊ ĐÓNG ĐINH LÀ ĐÁNG BAN ƠN CỨU ĐỘ:

Nhưng ngày quang lâm chậm đến... trong khi đó ta cũng phải sống. Phaolô hiểu rõ nét hơn về tư tưởng Hy Lạp, về khát vọng của người Hy Lạp muốn tìm một sự khôn ngoan của loài người (1.Cr 1,2). Có lẽ nhờ thất bại ở Athènes (Cv 17) mà Phaolô càng ngày càng hiểu sâu hơn về thập giá. Một tư tưởng mà ban đầu còn rất mù mờ: "Tôi đã quyết định rằng, trong anh em tôi không muốn biết gì khác hơn là Đức Giêsu Kitô, và Đức Giêsu Kitô bị đóng đinh" (2.Cr 2,2). Phaolô ý thức rõ hơn về tất cả những gì chúng ta làm đều không có giá trị: chúng ta được cứu độ là nhờ ơn sung, nhờ gắn bó vô điều kiện với Đức Kitô bởi đức tin và Phép Rửa, Đức Kitô là Adam mới, là nguyên tố mới của một thế giới mới.

Xuyên đọc những bức thư Corinto, Philipphê, Galata và Rôma. Phaolô trình bày cho ta thấy một cách cụ thể thế nào là cuộc sống hàng ngày với Đức Kitô trong Đức Kitô. Cuộc sống đó chính là được cứu độ nhờ thập giá.

IV. ĐỨC CHÚA CỦA THẾ GIỚI VÀ CỦA LỊCH SỬ:

Những suy tư trong 4 năm ngồi tù, những lúc suy gẫm về sách thánh nhất là suy gẫm những đoạn viết về sự khôn ngoan và cuộc khủng hoảng của giáo đoàn Côlôxê, tất cả những yếu tố ấy đã giúp Phaolô thấy được vị trí đích thực của Đức Kitô trong vũ trụ. Ngài không phải là Đấng cứu độ của riêng giáo đoàn nào, Ngài là Đức Chúa của cả lịch sử là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình, là con đầu lòng của tạo vật, là tạo hoá của vũ trụ, chính bởi Ngài và vì Ngài mà mọi sự đã được tạo nên. Trong Ngài Thiên Chúa muốn tập hợp mọi sự lại. Ngài là Đức Chúa cho vinh quang của Cha.

BÀI 6

CÁCH SỐNG KITÔ HỮU HAY LÀ LUÂN LÝ KITÔ HỮU

Cách sống của Kitô hữu (còn có thể gọi là luân lý Kitô hữu) không được trình bày trong Tân ước dưới hình thức những lệnh truyền và những lệnh cấm. Xuyên qua các bức thư và những sách Tin mừng, ta thấy được một giáo thuyết chung: do hợp nhất với Đức Giêsu bằng đức tin và bằng Phép Rửa chúng ta đã trở thành một con người mới; vì vậy từ nay chúng ta phải sống cho ra con người mới: phải bắt chước Cha, vì trong Con chúng ta đã trở thành con của Ngài; phải để cho Thánh Linh dẫn dắt chúng ta. Chính khi sống như vậy trong sinh hoạt hàng ngày, là chúng ta tôn thờ Thiên Chúa một cách thiêng liêng vậy.

I. GIÁO LÝ VỀ PHÉP RỬA:

Hình như trong thời Giáo hội sơ khai, ngay sau khi người tân tòng lãnh nhận phép Rửa thì họ được dạy thêm về giáo lý, đây là những bài huấn giáo nhằm khai triển những hệ quả của Bí tích Rửa tội trong sinh hoạt hàng ngày. Thực vậy người ta đã thấy cùng một sơ đồ nói, cùng những đề tài như nhau trong nhiều văn bản khác nhau và trong cùng một bối cảnh Phép Rửa. Sau đây là vài thí dụ.

*** Nếu bạn có giờ xin hãy đọc 1.P 2,1-10: tác giả trình bày phép Rửa như một cuộc tái sinh mới (c.2); tân tòng là những người mới sinh, họ được xây dựng trên Đức Kitô là đá tảng sống động, và họ hợp thành một cộng đoàn: từ nay họ có thể dâng lên Thiên Chúa sự thờ phượng thiêng liêng (c.5) sau đó tác giả khai triển vài khía cạnh của việc thờ phượng thiêng liêng ấy mà chủ yếu là phải có một hạnh kiểm tốt ở giữa những người lương (c.11): thái độ phải có trước những kẻ cầm quyền (2,12-17), thái độ của tôi tớ đối với chủ (2,18-25), của vợ đối với chồng và của chồng đối với vợ (3,1-7), của anh chị em sống chung trong cộng đoàn với nhau (3,8-12)...

Giacôbê cũng dạy như vậy: Phép rửa là một sự sinh ra mới (Gc 1,17-18); phép Rửa sinh những hệ quả trong sinh hoạt hàng ngày (1,26-27).

Trong thư Côlôê Phaolô nhắc lại rằng Phép rửa là chết và sống lại với Đức Kitô (Cl 2,20 và 3,1). Do đó người được rửa tội phải sống sao cho xứng đáng (3,5). Điều này Phaolô bắt đầu nói cách tổng quát (3,5-17) rồi sau đó nhắc lại cho mỗi loại tín hữu (3,18-4,1).

Trong thư Êphêso tác giả sau khi nhắc lại Phép rửa (Ep 5,14) đã nói về cách sống (5,15) và cũng triển khai triển cùng những đề tài như trên (5,21-6,9).

*** Nếu bạn không có nhiều thì giờ thì chỉ cần đọc 1.P 2,1-5 và Rm 12,1-2. Trong Rm 6 Phaolô đã nhắc lại giáo huấn của ông về Phép rửa, Đức Kitô, tiếp theo ở Rm 7-8 ông nói cuộc sống Kitô hữu được Thánh Linh tác động như thế nào. Trong Rm 12 ông khai triển những hệ quả thực tiễn của cách sống đó như: sự thờ phụng đích thực mà ta phải dâng lên Thiên Chúa là dâng chính bản thân mình làm của lễ. Đó cũng là sinh hoạt thường ngày mà thôi nhưng được ta sống cách mới và trong một tinh thần mới. Phần còn lại của chương 12 phác họa những nét lớn của một cách sống Kitô hữu đích thực.

II. NHỮNG NGUYÊN TẮC SỐNG CỦA KITÔ HỮU:

Đối với Kitô hữu thì không còn Luật nữa. Họ phải để cho một mình Thánh Linh hướng dẫn mà thôi, phải sống như một người đã hợp nhất với Đức Kitô bằng cách bắt chước Cha.

1) Thánh Linh là "Luật" của Kitô hữu:

Giêrêmia đã từng loan báo rằng Thiên Chúa sẽ tái lập giao ước bằng cách đặt Luật vào tận đáy lòng mỗi tín hữu (Gr. 31,31-34). Còn Êdêkiên đã đặt tên cho Luật ấy là "Thánh Linh" (Ed 36,26-27). Phaolô lấy lại giáo huấn trên và khai triển thêm, đặc biệt là trong thư Galata: Đức Kitô đã giải phóng anh chị em, anh chị em hãy để cho Thánh Linh dẫn dắt (Gl 5, nhất là các câu 1.3.18.22.25).

2) Sống trong Đức Kitô:

Luân lý Kitô hệ tại trong đời sống mình như một con người mới mà mình đã trở thành khi đức tin và Phép rửa hợp nhất mình với Đức Kitô. Hãy trở nên điều mà anh chị em là: câu này có thể dùng để tóm ý tưởng mà Phaolô lặp đi lặp lại bằng rất nhiều cách. Ta có thể thấy được nó trong rất nhiều đoạn văn. Để đơn giản ta sẽ chỉ đọc thư 1 Côrintô thôi.

Có thể nói là Phalô đã cùng với các tín hữu Côrintô "sáng chế" ra nền luân lý Kitô. Trước kia là lương dân nhưng rồi đã nhiệt thành gắn bó với Đức Kitô. Thế nhưng không phải trong một sớm một chiều mà

người ta có thể thay đổi cách sống cũ ("sống theo kiểu Côrintô" có nghĩa là sống tự do thoải mái, muốn làm gì thì làm để có được cuộc sống mới trong Đức Kitô).

Vì thế Phaolô đã cùng với họ tìm hiểu xem cuộc sống mới ấy phải đem lại sự thay đổi gì trong cách cư xử của họ. Bởi vậy Phaolô không bảo họ: "anh chị em phải... tôi cấm anh chị em...". Ông chỉ nhắc họ: "Do đức tin, anh chị em đã trở nên thế nào? hệ quả điều ấy là gì?". Như thế bức thư này là một chuỗi liên tiếp những trường hợp cụ thể.

*** Bạn hãy đọc một vài đoạn rồi tìm xem trường hợp cụ thể là gì và Phaolô đã dựa vào cái gì để xây dựng nền luân lý.

o Tranh chấp, bè phái (1.Cr 1,10-4.21): tín hữu Côrintô tự tìm cho mình những vị thầy rồi đem những vị thầy ấy ra đối chọi nhau (1,11-12). Phaolô đã dựa vào đâu để đem lại sự đoàn kết? Hãy xem 1,13; 3,16-17.

o Một tín hữu loạn luân chung sống với kẻ mẫu của mình (5). Phaolô dựa vào đâu để lên án chuyện này? hãy xem 5,7-8.

o Các Kitô hữu lôi nhau ra kiện ở toà đời (6,1-11) Phaolô dựa vào đâu? xem 6,11.

o Các Kitô hữu tự coi mình ở trên luân lý (6,12-20). Phaolô đã dựa vào đâu để dạy về ý nghĩa của thân xác? xem 6,15.19-20.

o Kitô hữu có buộc phải sống khép kín không? (8-10). Đằng sau vấn đề ăn thịt đã cứng cho thần ả tàng một câu hỏi thời sự nóng bỏng: Kitô hữu phải sống thế nào giữa thế giới? Thời đó phần dư của những thịt cứng cho thần trong các đền chùa được đem bán ngoài chợ; như thế mọi Kitô hữu đều có thể mua nhằm những thứ thịt đó. Để tránh việc này, có nên cử ăn thịt hay là lập ra một chợ riêng cho các Kitô hữu? Có nên tạo một kiểu sống khép kín bằng cách tại ra những định chế riêng cho Kitô hữu không? Theo Phaolô nghĩ, nguyên tắc duy nhất là tình thương (8,1-3) "Mọi sự Thiên Chúa tạo dựng đều là tốt miễn ta dùng nó trong tâm tình tạ ơn" (1Tm 4,4-5). Thế là ta được tự do ăn những thứ thịt đó và sử dụng những định chế dân sự chung với mọi người. Thế nhưng đứng trên quyền lợi là tình thương: nếu làm thế mà gây vấp phạm thì thà đừng làm (1Cr 8,9-13).

3) Như Cha:

Vì đức tin và phép rửa hợp nhất ta với Đức Giêsu, vì Thánh Linh làm cho ta thành con của Thiên Chúa, cho nên qui luật duy nhất là phải "nên thánh như Cha là Đấng thánh". Tin mừng Mt cũng nhấn mạnh điều đó.

*** Bạn có thể đọc "Bài giảng trên núi" (Mt 5,7) chú ý gạch dưới những chữ nói về Cha. Điều này đem lại ý nghĩa gì cho tất cả các "Luật"?

Bạn cũng hãy đọc "dụ ngôn về người tôi tớ bất hảo" (Mt 18,23-25). Kitô hữu noi gương ông chủ (Thiên Chúa) thì phải cư xử thế nào? Phải biết tha thứ bởi vì chính mình đã được tha thứ: đó là thái độ nền tảng của Kitô hữu.

III. DƯỚI ÂN SỦNG

"Anh chị em không còn ở dưới Luật nữa mà là dưới ân sủng" (Rm 6,14). "Người không biết xót thương bạn người như Ta đã xót thương

người sao?" (Mt 18,33). Đây là nền tảng của luân lý đối với các tín hữu đầu tiên.

Vấn đề không phải là làm để rồi đòi ơn cứu độ như một thứ tiền công, mà là phải đón nhận ơn cứu độ trong tâm tình biết ơn. Và bởi vì ta biết mình được Thiên Chúa yêu thương và ban ơn một cách miễn phí, rằng mình đã được Thiên Chúa tha thứ, cho nên ta cũng phải yêu thương Thiên Chúa đáp lại và yêu thương tha nhân, tha thứ cho họ, chia sẻ với họ điều ta đã lãnh nhận. Ta thực thi luân lý không phải vì ta là Kitô hữu mà vì ta là người. Ta cố gắng làm những "việc lành" không phải để được ơn cứu độ mà vì ta đã được ban cho miễn phí. Những việc ta làm không giống như một bó hoa mà đưa con dâng cho mẹ nó để mẹ nó cho phép nó đi chơi với bạn, mà là một đoá hoa ta dâng cho mẹ trong ngày lễ Hiền Mẫu bởi vì ta biết mẹ yêu ta và ta muốn biểu lộ điều ấy ra. Khía cạnh Kitô của luân lý không hết ở điều ta làm mà ở ý nghĩa ta gán cho việc làm đó: người vợ ủi áo cho chồng không nghĩ rằng nàng ủi tốt hơn hay xấu hơn cô thợ ủi ngoài tiệm mà chỉ nghĩ rằng đó là chiếc áo của chồng mình.

Sửng sốt thấy mình được yêu thương, được tha thứ và được ban ơn miễn phí dường ấy, người Kitô hữu - trong Đức Giêsu và được Thánh Linh tác động - ao ước được như Cha trên trời và mong muốn chia sẻ với mọi người niềm vui mà Cha đã ban cho mình.

CHƯƠNG IV

TIN MỪNG THEO THÁNH MARCÔ

Marcô có vinh dự được người ta coi là người có sáng kiến tạo nên một văn thể mới: văn thể Tin mừng. Đức Giêsu đã loan báo rằng nhờ Ngài mà nước Thiên Chúa đến. Đây quả là một Tin mừng. Marcô viết một quyển sách để trình bày Tin mừng ấy liên quan tới Đức Giêsu. Như thế kẻ loan báo trở thành điều được loan báo: nghĩa là chính những lời nói và việc làm của Ngài được coi là Tin mừng, là Phúc âm. Và nhãn đề được đặt cho loại sách này từ thế kỷ II cũng rất có ý nghĩa: sách Tin mừng theo Marcô, theo Luca... nghĩa là chỉ có một Tin mừng duy nhất, một Phúc âm duy nhất do Đức Giêsu loan báo, còn các tác giả Marcô, Luca... chỉ là những người trình bày cái Tin mừng duy nhất ấy theo như mỗi vị đã khám phá được, họ chỉ là những người làm chứng.

Chắc chắn Marcô không phải hoàn toàn sáng tác ra tất cả. Trước ông, những lời nói và việc làm của Đức Giêsu đã được ghi nhớ; trước hết

bằng truyền khẩu và sau đó bằng chữ viết. Có nhiều sưu tập về lời nói của Đức Giêsu (còn gọi là logia), một tường thuật về cuộc thụ nạn từ lúc Ngài bị bắt cho tới lúc an táng Ngài, và chắc chắn cũng có nhiều chuyện khác nữa. Marcô là người đầu tiên viết thành sách để gom lại những sưu tập đó, ông đã đặt ra một cái khung thời biểu và địa dư cho cuộc đời của Đức Giêsu. Cái khung này về sau cũng được Matthêu và Luca sử dụng lại (Gioan thì không). Khung này thật tiện lợi. Nhưng, như sau này ta sẽ thấy nó có tính cách Thần học hơn là lịch sử. Marcô không có tham vọng dựng lại những sự việc một cách chính xác, mà chỉ muốn trình bày một cái nhìn nào đó về sứ vụ Đức Giêsu theo quan điểm của ông và của cộng đoàn mà ông là người phát ngôn.

I. CỘNG ĐOÀN CỦA MARCÔ:

Ngày nay hầu hết các chuyên viên đề nhất trí rằng quyển Tin mừng thứ nhất được viết tại Rôma, khoảng năm 70 ghi lại nội dung rao giảng của Phêrô. Khoảng năm 110, Papias đã viết: "Đây là điều mà vị trưởng lão quen nói: "Marcô - viên thông ngôn của Phêrô đã viết một cách chính xác nhưng không thứ tự tất cả những gì ông nhớ về những lời nói và

việc làm của Chúa". Vì Marcô chưa từng nghe hoặc đi theo Chúa. Nhưng về sau như tôi đã nói, ông có đi theo Phêrô. Chính Phêrô đã giảng nhiều bài tùy nhu cầu của hoàn cảnh nhưng không sắp xếp thứ tự như sấm ngôn của Chúa".

Những chi tiết chỉ dẫn ta gặp được trong tác phẩm của Marcô rất ăn khớp với lời trên của Papias. Cộng đoàn của Marcô gồm những người trước kia là lương dân, do đó không phải là tình cờ mà tác giả đã đặt lời tuyên xưng đức tin vào miệng của viên sĩ quan Rôma dưới chân thập giá.

Cộng đoàn này đang bị đe dọa bởi những cơn bách hại. Đức tin mà Marcô trình bày không phải là một đức tin bình thản nhưng là một đức tin đang bị tấn công bởi những nghịch cảnh và gặp nhiều hiểm nguy. Tình hình này ăn khớp với những gì ta biết về Giáo hội dưới triều hoàng đế Nêrôn: Phêrô đã bị giết năm 64.

Tóm lại: đây là một cộng đoàn lưu lạc giữa chư dân như lời chính Phêrô viết trong thư của ông.

II. TÁC GIẢ:

Hầu chắc tác giả chính là chàng thanh niên tên Gioan Marcô được nói trong sách Công vụ (12,12). Ông đã theo truyền giáo với người cậu là Barnabê và Phaolô nhưng rồi đã "bỏ rơi" họ khi xuống tàu đi Tiểu Á để trở về với mẹ (Cv 13,5.13). Vì thế mà trong chuyến đi truyền giáo lần thứ hai, Phaolô sẽ không cho Marcô đi theo, và đó cũng là việc khiến Marcô phải chia tay với Barnabê (Cv 15,36t). Thế nhưng họ lại hoà giải với nhau, bởi vì ta lại thấy Marcô ở bên cạnh Phaolô khi ông này bị cầm tù ở Rôma (Cl 4,10) và Phêrô đã viết trong thư rằng: Marcô, con của ông, đã cùng ở với ông tại Rôma (1 P 5,13).

BÀI 1

ĐỌC TRỌN TÁC PHẨM

Thường chúng ta chỉ biết vài đoạn lẻ tẻ trong một quyển Tin mừng. Do đó chúng tôi đề nghị bạn khởi sự đọc trọn quyển sách từ đầu tới cuối (chỉ cần 1 giờ là đủ). Rồi bạn sẽ ngạc nhiên vì thấy được thêm nhiều điều rất hay ho.

Nếu bạn có nhiều thời giờ xin bạn cầm lấy quyển Tin mừng của Marcô rồi thông thả đọc. Sau khi đọc xong bạn hãy tóm lại những cảm tưởng của bạn: cái gì làm bạn thích, cái gì khiến bạn ngạc nhiên, cái gì bạn mới khám phá ra... nếu có điểm nào đánh động bạn (chẳng hạn những tước hiệu gán cho Đức Giêsu, những cái nhìn của Ngài...) thì bạn có thể đọc lại đoạn đó một lần nữa để thưởng thức kỹ hơn.

Còn nếu bạn không có nhiều giờ nên muốn làm ngay chuyến tham quan quyển sách này thì sau đây là một vài cái mốc.

I. ĐỊA DƯ:

Marcô đưa ra một cái khung rất đơn giản về cuộc đời Đức Giêsu. Sau khi lĩnh nhận phép thanh tẩy ở sông Joudain (1,1-13), Ngài đi rao giảng ở Galilêa (1,14-9,50), Ngài lên Giêrusalem (11,1-16,8); sau khi Ngài sống lại một thiên sứ báo tin Ngài sẽ tập họp môn đệ tại Galilêa (16,7).

Nhưng ta phải nhớ rằng các sách Tin mừng không phải là những bản đồ khoa học; những chi tiết địa dư trong đó trước hết có ý nghĩa Thần học.

Bằng chứng là khi ta so sánh cách trình bày địa dư trong các sách ấy thì ta sẽ thấy rất khác nhau.

Trong Tin mừng Marcô, Galilêa đối chọi với Giêrusalem.

Thời đó người ta quen nói: Galilêa của chư dân, Galilêa của dân ngoại, bởi vì vùng này nhiều lần bị xâm lược và do đó đức tin ở đây bị các nhà chức trách tôn giáo coi là không tinh tuyền lắm: từ đó chẳng thể phát sinh ra cái gì tốt cả chứ đừng nói chi tới việc phát sinh ra một ngôn sứ (Ga 1,46; 7,52). Thế nhưng Isaia (8,23) đã từng loan báo rằng sẽ có một ngày Thiên Chúa tỏ mình ra cho dân ngoại ở đây. Thế là Galilêa trở thành biểu tượng của hi vọng và cởi mở. Chính trong vùng này Đức Giêsu đã được dân chúng nồng nhiệt đón nhận. Đây là vùng đất mở rộng cửa vì từ đây Đức Giêsu đi đến các dân ngoại ở Tyr và Sidôn (7,24-31).

Còn Giêrusalem thì ngược lại, nó được coi là một thành khép kín, là chôn ản thân của những bậc trí thức tự mãn với chân lý của mình nên không chấp nhận bị ai tranh cãi. Ngay từ buổi đầu sứ vụ của Đức Giêsu

ở Galilêa, những trận tấn công Ngài mạnh nhất là phát xuất từ Giêrusalem (3,22).

Hồ Tibériade cũng không trung lập: bờ Tây của nó là Do thái, bờ Đông là dân ngoại. Rất nhiều lần, bất chấp phong ba bão táp, Đức Giêsu đã đưa môn đệ qua phía bờ dân ngoại, bằng cách đó Ngài chuẩn bị trước cho họ lãnh một sứ mạng mà họ sẽ phải khó khăn lắm mới hiểu nổi.

II. MÀU NHIỆM VỀ ĐỨC GIÊSU:

Ngay từ những chữ đầu tiên, Marcô đã đặt độc giả trong màu nhiệm: "Tin mừng về Đức Giêsu - Kitô - Con của Thiên Chúa". Bên cạnh tên của Ngài, Giêsu cho thấy Ngài là người, Marcô còn sử dụng hai danh hiệu khác nữa là "Kitô" (Messia) và "Con của Thiên Chúa". Mc đã mô tả Gioan Tẩy giả như một vị tiên hô cho đấng Messia và Cha công bố rằng Đức Giêsu là Con của Ngài (1,1-13). Với cách trình bày như thế tác giả mời chúng ta theo chân các môn đệ để khám phá dần dần màu nhiệm Đức Giêsu. Và tác giả đưa ta qua 2 giai đoạn:

- Trong phần thứ nhất (1,14 - 8,26) Đức Giêsu công bố rằng Nước Thiên Chúa đã gần kề và Ngài cho những dấu chỉ, tức là những phép lạ. Thế nhưng Ngài không chịu nói Ngài là ai và cấm không cho quí nói ra điều đó: nghĩa là có một sự bí mật mà người ta gọi là "Bí mật Messia". Danh hiệu duy nhất mà Đức Giêsu tự xưng đó là một danh hiệu có tính cách mâu nhiệm: Con của người (Con người).

- Phần thứ hai (8,27 - 16,8) bắt đầu với lời tuyên xưng của Phêrô: "Thầy là đấng Messia" ta có cảm tưởng Đức Giêsu thở phào nhẹ nhõm: vì đây là giai đoạn quan trọng phải vượt qua, các môn đệ đã phần nào thấy được mâu nhiệm của Ngài. Nhưng đồng thời Ngài cũng lo lắng vì rất có thể chính các môn đệ cũng hiểu sai về Messia khi xem Ngài như một nhà giải phóng sử dụng sức mạnh chiến tranh để thành lập vương quốc Israel. Chính vì thế Ngài cấm không cho Phêrô nói cho người khác biết điều ông đã khám phá và lập tức Ngài kéo các môn đệ sang giai đoạn 2: Con người sắp chịu khổ và bị giết!

Trong một loạt những tranh luận ở Giêrusalem (11-13), Đức Giêsu đánh tan một danh hiệu khác cũng nguy hiểm, đó là "con của Davit".

Nhưng dù vậy các chức trách tôn giáo càng kinh chống Ngài hơn. Đến đây chúng ta ở ngay trung tâm tấn thảm kịch. Các nhà chức trách tôn giáo ấy vẫn mong chờ đấng Messia, một đấng Messia theo quan điểm của họ. Vì vậy khi Đức Giêsu tự trình bày như đấng Messia nhưng không giống quan điểm ấy thì họ chống. Sự kinh chống giữa 2 quan điểm đã quyết liệt đến nỗi phải có một bên chịu chết: hoặc là các chức trách ấy chết cùng với quan điểm của họ để họ buộc phải chấp nhận Đức Giêsu chính là Messia; hoặc là họ cứ khẳng khẳng với quan điểm của mình và Đức Giêsu phải chết! Trong phiên xử trước đại công nghị, vì Đức Giêsu biết người ta đã định sẵn bản án cho Ngài rồi và cũng chẳng còn nguy hiểm bị người ta nghĩ lầm Ngài là một Messia kiêu trần thế, nên Đức Giêsu tuyên bố rõ ràng Ngài là Kitô. Thế là Ngài bị lên án tử.

Nhưng dưới chân Thập giá, một người ngoại đã nhập cuộc và nói lên lời công nhận sau cùng: Đức Giêsu là Con của Thiên Chúa. Một kẻ đã bị đại công nghị lên án và nay chỉ còn là một thi thể trên thập giá, thế mà viên sĩ quan Rôma ấy công nhận Ngài là Con Thiên Chúa. Ông dạy

cho chúng ta biết cần phải qua giai đoạn nào thì lời tuyên xưng đức tin của Kitô hữu mới có giá trị thật.

Xuyên qua thảm kịch này, Mc tiếp tục tra vấn chúng ta: Giêsu là một kẻ lạ lùng như thế! Bạn có sẵn sàng chết cùng với ý tưởng bạn có về Ngài để có thể đón nhận Ngài đúng theo bản chất thực của Ngài không?

*** Đang khi đọc, bạn có thể dùng nhiều màu khác nhau gạch dưới những danh hiệu được đặt cho Đức Giêsu và những nhân vật đã nhận ra Ngài.

III. MỘT VỞ KỊCH MÀ AI CŨNG PHẢI ĐÓNG:

Đức Giêsu không cho ai dừng đứng ngoài cuộc. Ngay khi Ngài xuất hiện là nhiều nhóm người được thành hình: nhóm thì thân thiện, nhóm thì đối nghịch. Ngay từ đầu Ngài đã chọn các môn đệ và đặc biệt là nhóm 12 để cùng ở với Ngài, đây là nhóm thứ nhất, thế nhưng nhiều khi vì không hiểu mà nhóm này gần như tan rã. Nhóm bà con của Đức Giêsu ít khi xuất hiện nhưng không thân thiện lắm. Nhóm quần chúng thì thường xuyên hiện diện, Đức Giêsu thương yêu họ và dạy các môn

đệ phải phục vụ họ, nhưng họ hay thay đổi. Nhóm đối thủ xuất phát từ Giêrusalem, họ xuất hiện ngay từ đầu và không hề buông vũ khí.

*** Bạn có thể sử dụng một màu để gạch dưới mỗi nhóm và xem các nhóm ấy gặp nhau, chống nhau thế nào... cũng như xem người ta có thể đổi từ nhóm này sang nhóm khác thế nào.

Trong khi đọc bạn có thể phân biệt 6 giai đoạn:

- **1,14 - 3,6:** mỗi nhóm xác định chỗ đứng.

- **3,7 - 6,6:** hoàn toàn đứt đoạn giữa Đức Giêsu với các đối thủ và bà con của Ngài. Các môn đệ được kéo ra khỏi quần chúng để được huấn luyện riêng (các dụ ngôn và các phép lạ).

- **6,6 - 8,26:** bắt đầu có một sự rạn nứt giữa Đức Giêsu và các môn đệ: họ không hiểu sứ mạng của Ngài và của họ. Ngài sai họ đi thi hành sứ mạng, cho họ thấy bàn ăn của Ngài sẵn sàng mở rộng đón tiếp mọi người (phép lạ hoá bánh ra nhiều), dạy họ phục vụ quần chúng, đưa họ

sang bờ lương dân của hồ. Thế nhưng họ vẫn điếc vẫn đui (đó là ý nghĩa của 2 phép lạ: Đức Giêsu chữa một người điếc và một người mù).

- **8,27 - 10,52**: các môn đệ không hiểu Ngài đang dẫn họ đi trên con đường đau khổ nào (**10,32**).

- **11,1 - 13,37**: tại Giêrusalem Đức Giêsu chạm trán với các đối thủ (dụ ngôn những người làm vườn nho); chuyện cây vả bị khô là biểu tượng cho tình trạng của họ.

- **14,1 - 16,8**: Đức Giêsu chuẩn bị cho các môn đệ tham dự vở kịch, nhưng vô ích, Ngài phải chết một mình. Nhưng sau biến cố Phục sinh, thiên sứ bảo họ lên đường; chỉ khi nào họ đã đến Galilêa (nghĩa là đến tận cùng thế giới và tận cùng lịch sử) là nơi Đức Giêsu đến trước và hẹn họ, thì họ sẽ mới được "thấy" đấng Phục sinh. Phần cuối (16,9-20) là phần được thêm vào về sau (xem chú thích của TOB và BJ).

VÀI NÉT VỀ MARCÔ:

- Cú pháp của Mc rất bình dân. Ông thường tùy tiện thay đổi những liên từ nối các mệnh đề với nhau bằng chữ "và" hoặc "lập tức". Có những câu viết chưa đúng chẳng hạn "người mù bắt đầu thấy và nói: tôi thấy người ta như cây cối biết đi" (8,24). Ông sử dụng nhiều từ bình dân (thí dụ "cái chõng"). Ông không ngại lặp đi lặp lại.

- Mc có biệt tài kể chuyện. Trong Tin mừng Mc ít có diễn từ. Các bài tường thuật thì cụ thể và đầy những nét sinh động. Các động từ thường ở thì hiện tại khiến cho bài tường thuật như là đang xảy ra, ông cũng hay pha trộn các thì. Một số những chữ "vì" khiến ta không hiểu ông theo kiểu logic nào ("... vì cô bé đã 12 tuổi" ở cuối bài tường thuật cứu sống con gái ông Giairô 5,42).

- Mc khéo gây xúc động, không phải bằng cách viết gợi cảm cho bằng cách đặt liên hệ tàn bạo giữa các sự kiện. Cách này càng dễ thấy rõ trong tường thuật thụ nạn.

- Mc được gọi là "Tin mừng trước ngày Phục sinh" ông giúp chúng ta khám phá Đức Giêsu bằng cặp mắt của Phêrô nhìn theo Thầy mình trên

những nẻo đường Palestine. Nhưng Mc cũng là một nhà Thần học sâu sắc và dưới ánh sáng Phục sinh mà ông đã đọc lại cuộc đời Đức Giêsu.

BÀI 2

VÀI BẢN VĂN CỦA MARCÔ

Chúng ta đã đọc hết quyển Tin mừng của Mc bây giờ chúng ta hãy đọc lại vài đoạn để nghiên cứu kỹ hơn một chút.

I. TỰA ĐỀ: 1,1

Trong một câu rất gọn gàng, Mc tuyên xưng đức tin Kitô hữu, và cũng loan báo những giai đoạn mà người môn đệ phải đi qua để tới được đức tin ấy. Lời đề tựa này cũng như tiền ngôn của Tin mừng Gioan và những tường thuật thời thơ ấu của Đức Giêsu trong Tin mừng Matthêu và Luca, cho ta thấy được chiều sâu Thần học mà các Kitô hữu đã đạt tới 40 năm sau biến cố Phục sinh.

- "**Khởi đầu**": sứ vụ của Đức Giêsu khánh thành một cái gì mới trong lịch sử, một cuộc tạo dựng mới (đây là chữ đầu tiên trong sách Sáng

thế); một sự bắt đầu khai mở tất cả thời gian của lịch sử chúng ta, một nhiệm vụ phải làm.

- **"Tin mừng"**: chữ này có nghĩa là "một sứ điệp vui mừng" làm ta nghĩ tới lời loan báo trong đệ nhị Isaia. Bạn hãy so sánh Tin mừng này trong Phúc âm Mc với Tin mừng của Đức Giêsu (Mc 1,14-15): sự khác biệt thật hiển nhiên: Đức Giêsu công bố Tin mừng rằng: Nước của Thiên Chúa đến; Mc công bố Tin mừng về Đức Giêsu. Đáng công bố trở thành điều được công bố. Từ nay sự kiện Nước Thiên Chúa đến có liên kết chặt chẽ với con người Đức Giêsu.

- **"Đức Giêsu"**: cái tên đơn giản này cho ta thấy khía cạnh nhân loại của "bác thợ mộc con của bà Maria và anh em của Giacôbê, Giuse, Giuđa và Simon" mà người ta còn biết cả các chị em nữa (Mc 6,3) đây là một người như mọi người, nhưng khác hẳn mọi người...

- **"Kitô"**: Đức Giêsu là đấng Messia mà sách thánh đã loan báo, là đấng mà Thiên Chúa đã xức dầu để trao sứ mạng thành lập nước của Ngài. Ta đã thấy Đức Giêsu trong Mc không quan tâm đến tước hiệu

này và đã cấm không cho người ta gọi Ngài bằng tước hiệu này ("bí mật Messia"). Ở Césaréa Phêrô đã gọi tước hiệu này, nhưng Đức Giêsu buộc ông im rồi báo trước những đau khổ của Ngài (8,29-30) Ngài chỉ chịu nhận tước hiệu này khi Ngài bị kết án (14,61-62).

- **"Con của Thiên Chúa"**: vào thời Đức Giêsu, tước hiệu này tương đương với tước hiệu "con của Đavít". Sau lễ Hiện xuống, tước hiệu này dần dần mới có "nghĩa mạnh" như chúng ta hiểu ngày nay. Mc giao nhiệm vụ cho một người ngoại dưới chân thập giá công bố tước hiệu này.

II. ĐỨC GIÊSU CHỊU THANH TẮY: 1,9-11

- Thanh tẩy chỉ được nói tới bằng một chữ (Mt và Nc nói tới trong 1 câu, còn Ga thì không nói gì cả).

Như vậy điều chủ yếu không phải là việc thanh tẩy mà là việc Thiên Chúa hiển lộ ra trong những việc làm và lời nói.

- Trời mở ra: đây là một chủ đề trong các sách Khải huyền. Trời đã bị "đóng lại" từ hồi không còn ngôn sứ nữa. Thánh Linh không còn xuống hướng dẫn dân nữa. Nghĩa là lịch sử đã bị đóng lại. Nhưng người ta vẫn mong rằng đến thời cùng tận thì trời sẽ mở ra (xem tài liệu trong khung dưới đây). Khi viết "mở ra" (hay "xé ra"), có lẽ Mc thấy đây là câu trả lời cho tiếng kêu xin tha thiết trong Is 63-64. Bạn hãy đọc đoạn Isaia ấy, đặc biệt là 63,10-13.19. Đoạn Isaia soi sáng cho cảnh thanh tẩy của Đức Giêsu như thế nào?

- Biểu tượng "chim bồ câu" vẫn còn chưa rõ ý nghĩa (xem TOB và BJ chú giải Mt 3,16). Hs 11,11 và 4 Esdra (một tác phẩm Do thái đã có thời được nhận vào bộ Thánh kinh Latin) so sánh dân với chim bồ câu. Như thế nghĩa là việc Thánh Linh đến trên Đức Giêsu sẽ thành lập dân mới của Thiên Chúa.

- Tiếng phán từ trời gom nhiều đoạn sách thánh lại với nhau. "Con của Ta" trích từ Tv 2; "yêu dấu" trích từ St 22,2.12.16 (cuộc tế sát Isaac). Đây là lần duy nhất trong Cựu ước chữ "yêu dấu" được gán cho "Con";

"đẹp lòng Ta" trích từ Is 62,4; 42,1 (được trích trong Mt 12,17) dưới ánh sáng Cựu ước, tiếng từ trời này có nghĩa gì?

Hình như chuyện này là một cảm nghiệm riêng của Đức Giêsu; Ngài được tấn phong làm Messia, và có lẽ là một Messia sẽ chịu tế hiến như Isaac.

"Các tầng trời sẽ mở ra và từ trong Đền thờ vinh quang, sự thánh hoá sẽ đến trên vị tư tế mới với một giọng nói đầy tình phụ tử như giọng Abraham nói với Isaac. Vinh quang của đấng Tối cao sẽ chiếu toả trên Ngài và Thánh Linh Khôn ngoan và Thánh hoá sẽ ngự trên Ngài" (Chúc thư của Lêvi 18,6-8).

"Khi ấy sẽ có một người từ dòng dõi ta sẽ trỗi dậy như Mặt trời công chính, tiến bước với con cái loài người trong dịu hiền và công chính. Trong Ngài sẽ chẳng có tội lỗi. Các tầng trời sẽ mở ra trên Ngài để tuôn Thánh Linh xuống. Và Ngài sẽ tuôn Thánh Linh ân sủng xuống trên các người và sẽ trở thành con cái trong sự thật" (Chúc thư của Giuđa 24,1-6).

Chúa thư của Lêvi và của Giuđa thuộc về một tổng tập các Khải huyền mang tên "Chức thư của 12 tổ phụ". Có lẽ những tài liệu này có trước thời Kitô giáo nhưng đã được các Kitô hữu điều chỉnh lại.

III. NĂM CUỘC TRANH LUẬN: 2,1 - 3,6

Tổng thể này gồm 5 cuộc tranh luận giữa Đức Giêsu với các đối thủ của Ngài. Nó giúp ta làm quen với văn thể "tranh luận". Chúng ta chỉ nghiên cứu kỹ 2 cuộc tranh luận thôi.

1) Đức Giêsu chữa một người bất toại 2,1-12:

Hãy tìm các diễn viên: họ làm gì, họ nói gì? chú ý các sự đối nghịch: nằm, ngồi/đứng...

Bài tường thuật này rất lạ: người bất toại không chờ đợi câu Đức Giêsu nói ("tội con đã được tha" c.5). Như vậy bài tường thuật này là một công trình dàn dựng của Mc từ một bài tường thuật phép lạ phối hợp với một bài tranh luận. Hãy cố phân biệt 2 bài ấy.

- Phép lạ (3,5a và 11-12): bạn hãy tìm các yếu tố của phép lạ. Từ một người đang nằm phải được người khác khiêng đi, Đức Giêsu đã làm ra một người đứng thẳng và tự đi được. Chi tiết này được ám chỉ thế nào tới việc nước Thiên Chúa đến? Trong tiếng Hy Lạp, động từ: chỗi dậy đồng nghĩa với: sống lại. Đối với Kitô hữu, làm cho người khác đứng dậy cũng là một cách thực hiện việc sống lại của Đức Giêsu trong ngày hôm nay.

- Cuộc tranh luận (5b-10): các ký lục thì ngồi, nghĩa là họ đã cố định trong lập trường của họ. Điều mà sau này họ sẽ trưng dẫn ra trong phiên xử Đức Giêsu thì nay họ đã có sẵn: "ông ta phạm thượng". Đối với người Do thái, câu nói: "tội con đã được tha" có nghĩa là "được tha bởi Thiên Chúa". Nhưng Đức Giêsu khi nói câu ấy cũng hé cho thấy rằng ơn tha thứ của Thiên Chúa được liên kết với hành động của chính Đức Giêsu, tức là Ngài tự trình bày là Con người, của Đanien 7 một kẻ được Thiên Chúa trao cho mọi quyền, đặc biệt là - theo truyền thống Do thái - quyền xét xử.

- Công trình dàn dựng: có 2 cuộc chữa bệnh: chữa bệnh phần xác và chữa bệnh phần hồn. Hai cuộc chữa bệnh ấy soi sáng cho nhau thế nào? chúng dạy ta bài học gì về ơn cứu độ do Đức Giêsu mang đến? phải chăng đó chính là Lời mà Đức Giêsu muốn nói (câu 2).

2) Kêu gọi Lêvi: 2,13-17

Mc ghi nhận rằng Đức Giêsu giảng dạy quần chúng. Nhưng việc giảng dạy này được thực hiện chủ yếu bằng việc làm.

Điểm xuất phát cuộc tranh luận là một tường thuật kêu gọi. Loại văn thể này thường gồm 3 yếu tố: một cái nhìn của Đức Giêsu - Lời kêu gọi: "Hãy theo Ta" - Nghe theo.

Lêvi là một người thu thuế nên bị coi là kẻ tội lỗi, để ăn mừng việc được Đức Giêsu kêu gọi, ông đã mở một bữa tiệc: đây là khởi điểm của cuộc tranh luận, bởi vì Đức Giêsu ngồi cùng bàn với những kẻ tội lỗi.

3) Việc ăn chay và chàng rể: 2,18-22

Cuộc tranh luận được mở rộng thành một bài giảng dạy bằng hai dụ ngôn nhỏ. Marcô trình bày Đức Giêsu như một chàng rể, người đóng vai Thiên Chúa trong việc ký Giao ước mới. Việc ăn chay phải nhường cho rượu của tiệc cưới.

4) Chủ ngày sabbat: 2,23-28

Đây là cuộc tranh luận rất cổ điển dựa vào sách thánh. Đức Giêsu đặt một nguyên tắc rất cách mạng: ngày sabbat - và sau đó là mọi định chế cả tôn giáo lẫn nhân loại - được lập ra là để phục vụ con người...

5) Chữa bệnh trong ngày sabbat: 3,1-6

Hãy tìm những diễn viên: Đức Giêsu/các đối thủ; người bệnh chỉ đóng vai phụ để làm một thí dụ thôi. Hãy ghi nhận cách tác giả xếp những câu đối xứng nhau (1-6; 2-5; 3-4). Hội đường là nơi của luật, cho nên các vị chức trách tôn giáo ở đây cũng như ở nhà họ. Ban đầu Đức Giêsu bước vào, sau cùng thì họ bước ra.

Đây là một cuộc đối đầu quyết liệt, điểm tranh luận là ý nghĩa của Luật: các đối thủ cố chấp trong quan điểm của họ (họ "cứng lòng" sau này các môn đệ cũng bị trách là "cứng lòng" như vậy 6,52; 8,17). Đối với Đức Giêsu cái tuyệt đối không phải là giữ một khoản luật, mà là con người. Trong cuộc đối đầu này ai chiến thắng? Nhưng chi tiết "để hại Ngài" (cuối câu 2) chỉ như một án treo và chỉ sẽ có được thực hiện trong cuộc thụ nạn ("kết tội" 15,3-4). Khi "đánh thức" (làm cho sống lại) Đức Giêsu, Thiên Chúa sẽ phán quyết rằng Đức Giêsu đích thực là chủ của Luật.

Chuyện này có ý nghĩa gì cho ngày hôm nay?

IV. NGƯỜI MÙ THÀNH GIÊRICÔ: 10,46-52

Hãy tìm những diễn viên, những việc làm và những lời nói. Hãy để ý tới sự thay đổi từ đầu đến cuối: một người mù - ngồi - bên vệ đường. Anh ta đã thấy - đi theo Ngài - trên đường. Sự thay đổi này là gì (có phải cùng một "con đường" không?) và sẽ được thực hiện ra sao?

Hãy tìm những yếu tố thường có trong một bài tường thuật phép lạ; lời cầu xin Đức Giêsu cứu giúp trong đoạn này dài hơn thường lệ (cc 47-50); không thấy phản ứng sau cùng. Như thế bài tường thuật này phải nhằm một mục tiêu khác chứ không phải chỉ là một phép lạ.

Hãy xem văn mạch phía trước (10,32-34): các môn đệ đang trên đường hướng về Giêrusalem, đó là đường nào? các môn đệ có thấy con đường đó không? 10,35-45 phải chăng Giacôbê và Gioan cũng mù? Hãy lưu ý đến sự tương cận giữa tường thuật này với tường thuật tiếp theo (cùng một câu hỏi ở câu 36 và 51).

Hãy xem văn mạch phía sau (11,1t): đã đến Giêrusalem, Đức Giêsu được chào đón như con vua Đavít (c.10). Nhưng phải chăng quần chúng hiểu rõ về tước hiệu này, một tước hiệu sẽ gây tranh luận ở Mc 11-13?

Theo bạn, tường thuật này có ý nghĩa gì đối với riêng câu chuyện này? và đối với văn mạch của toàn thể tác phẩm của Mc?

Đến đây ta tới một khúc ngoặt trong Tin mừng Mc. Đức Giêsu biết con đường lên Giêrusalem sẽ dẫn Ngài tới đâu, vì thế 3 lần Ngài khuyên cáo các môn đệ (8,31-33; 9,30-32; 10,32-34). Nhưng họ chỉ sững sốt và vẫn mù loà. Sự không hiểu của Giacôbê và Gioan đã quá rõ ràng: họ hiểu sai về đấng Messia. Theo Mc, phép lạ này là một cố gắng của Đức Giêsu để mở mắt các môn đệ. Barthimê trở thành gương mẫu cho người tín hữu thật. Anh "thấy" và không phải chỉ thấy bằng con mắt phần xác, anh còn theo Đức Giêsu trên "con đường" mà thực ra chẳng có ý nghĩa địa dư cho bằng ý nghĩa Thần học: đường lên thập giá. Trước lời xin của anh "xin cho con được thấy" Đức Giêsu đã không trả lời giống như trong Lc "hãy thấy" (Lc 18,42) nhưng Ngài nói: "hãy đi". Vậy chính đức tin đã ban ơn cho anh đi theo Đức Giêsu.

Về điều này anh đã dám làm điều mà chàng thanh niên giàu có đã không dám làm (10,17-31), tức là bỏ tất cả mọi sự. Còn anh ngay khi vẫn còn mù (phần xác), anh đã "quẳng bỏ áo choàng (sở hữu độc nhất của anh), nhảy lên và đến với Chúa Giêsu" (c.50).

Đối với người ta thì Đức Giêsu chỉ là "người làng Nazareth" (c.47), nhưng đối với anh mù thì Ngài là "con vua Đavít", không phải theo kiểu mà Giacôbê và Gioan vẫn còn mơ tưởng, nhưng đúng như Đức Giêsu sẽ tự biểu lộ Ngài là đấng Messia - Tôi tớ đau khổ.

V. NGÔI MỘ TRÔNG: 16,1-8

Đây là phần kết thúc Tin mừng của Mc (cc.9-20) được thêm vào về sau, xem chú thích của TOB và BJ);

Hãy thử xếp thành 2 cột những điểm đối nghịch nhau (được tác giả ghi rõ hoặc chỉ ngụ ý) về thời gian: "ngày sabbat đã qua" (thời gian tôn giáo), "ngày thứ nhất trong tuần" (thời gian thế phàm), tối tăm/sự sáng; bình minh... về nơi chốn: đóng/mở, ở đây (Giêrusalem)/Galilêa... về hoạt động: xúc thuốc thơm cho một thi hài/nghe một sứ điệp... về các diễn viên: thi hài, trong đêm tối, nằm, trần trụi, người thanh niên, áo trắng, ngồi bên phải, mặc áo... những điểm đối nghịch ấy gợi cho bạn ý gì? Từ đầu tới cuối có sự thay đổi gì? thay đổi do ai?

Tin mừng kết thúc với bài tường thuật này. Nghĩa là: để tin vào cuộc Phục sinh của Đức Giêsu không nhất thiết cần phải "thấy" Ngài, chỉ cần tin vào Thiên Chúa đáng đã nói điều đó là đủ.

Các phụ nữ đến xúc thuốc thơm cho một thi hài nhưng rồi họ lại ra đi với một sứ điệp. Họ muốn giam mãi Đức Giêsu trong sự chết, nhưng rồi họ phải loan báo rằng Ngài còn sống. Đức Giêsu không còn là một thể xác mà người ta có thể đụng chạm, Ngài đã trở thành Lời phải được công bố ra. Một trong những cách làm cho Ngài vẫn luôn hiện diện cách mầu nhiệm trong lịch sử. Đó là rao giảng. Bây giờ Ngài ngự bên hữu Thiên Chúa giống tư thế của người thanh niên cho thấy. Và chỉ khi nào các môn đệ đã đến tận Galilêa (nơi Ngài đã đến trước họ), nghĩa là khi nào họ đi đến tận cùng thế giới và tận cùng lịch sử thì khi đó họ sẽ mới được "thấy" Ngài. Mt sẽ nói với chúng ta rằng: việc sống lại của Đức Giêsu là cùng tận của thời gian, mọi sự đã hoàn tất. Phần Mc thì nhấn mạnh tới một phương diện khác: mọi sự vẫn còn phải làm!

Nếu bạn đã đặt những điểm đối nghịch nhau thành 2 cột bạn đã thấy rằng tất cả những gì thuộc thế giới cũ (tối tăm, thi hài, ngày sabbat và

thời gian Do thái, ngôi mộ đóng kín giam hãm những kẻ chết...) đã bị thải hồi hết. Bây giờ là bước vào một thế giới mới: đây là lúc bắt đầu của một cuộc tạo dựng mới (Mc 1,1).

NHỮNG ĐOẠN KHÁC ĐƯỢC PHÂN TÍCH:

Mc 1,29-31: nhạc mẫu của Phêrô.

Mc 4,35-41: dẹp cơn bão tố.

Mc 12,1-11: những thợ vườn nho sát nhân.

Mc 14,22-25: phép Thánh thể.

BÀI 3

CUỘC THỤ NẠN THEO MARCÔ

Từ rất sớm đã có một bài tường thuật về cuộc thụ nạn của Đức Giêsu bắt đầu từ chuyện Đức Giêsu bị bắt cho tới chuyện táng xác Ngài. Bốn sách Tin mừng đã dùng lại bài tường thuật ấy, nhưng mỗi quyển tô điểm thêm bằng một sắc thái riêng.

Mc viết Tin mừng cho những người không tin hoặc tin sai, ông muốn đưa họ tới chỗ cùng với người ngoại dưới chân thập giá tuyên xưng rằng: Đức Giêsu quả thực là Con Thiên Chúa.

Khi thuật các sự kiện mà không cần trau chuốt cho đẹp, Mc hầu như muốn cho chúng ta bị đụng chạm. Thật vậy ông muốn cho ta thấy rõ hơn rằng việc thực hiện kế hoạch của Thiên Chúa thật là kỳ lạ đối với con người. Thập giá là một cố vấp phạm, nhưng chính trên thập giá ấy mà Con Thiên Chúa tỏ mình ra!

Thái độ im lặng của Đức Giêsu: suốt cuộc thụ nạn rất đáng ta chú ý. Đức Giêsu im lặng bởi vì Ngài biết rằng người ta đã bung tai bịt mắt trước màu nhiệm của Ngài, họ rất dễ hiểu sai về Ngài.

Bởi thế trong thời gian sứ vụ Ngài đã luôn không chịu nói Ngài là ai. Bây giờ khi đã bị kết án, chẳng còn nguy hiểm bị người ta giải thích những tước hiệu của Ngài như một ước muốn quyền lực, thì Ngài chấp nhận vén tấm màn lên một tí. Kể từ lúc Ngài bị bắt trở đi, mặc dù Ngài bị hỏi nhiều điều, Ngài chỉ mở miệng có ba lần: trước vị thượng tế Ngài

tuyên bố mình là: Messia/Kitô và là Con Người; trước Philatô Ngài tự nhận là Vua người Do thái; trên thập giá Ngài đọc bài thơ về Người tôi tớ đau khổ của Isaia mang vào mình mọi đau khổ và lo âu của thế giới: "Lạy Thiên Chúa, sao Ngài bỏ Con?!"

Sự cô độc của Đức Giêsu trong Mc hiện rõ với tất cả những nét phũ phàng: Ngài tiến bước một mình trong đêm tối của thập giá, bị mọi người bỏ rơi, bị Phêrô chối. Chỉ khi nào dám chấp nhận theo Ngài tới mức đó thì người môn đệ mới có thể tuyên xưng: Ngài là Con Thiên Chúa.

Cuộc mưu hại Đức Giêsu (14,1-2) đã đưa tình trạng đối nghịch giữa Ngài với các thượng tế lên tới cao điểm: ngay từ bây giờ Đức Giêsu đã bị kết án tử, Ngài biết thế. Trong bữa ăn tại nhà ông Simôn (14,3-9) một phụ nữ đổ dầu thơm lên đầu Ngài: Đức Giêsu coi như đây là cử hành việc táng xác Ngài. Thế nghĩa là Ngài bước vào cuộc thụ nạn với tất cả sự sáng suốt.

Tường thuật về bữa tiệc ly (14,22-25) được đóng khung bằng lời loan báo Giuđa phản bội (14,17-21) và Phêrô chối Thầy (14,26-31). Từ lâu Đức Giêsu đã biết tất cả những diễn biến, chính Ngài điều động cuộc thụ nạn (14,10-16). Trong bữa tiệc ni Ngài hiến Mình và Máu Ngài, trong tư thế hoàn toàn từ bỏ tất cả, nhưng vẫn biết rằng người ta sẽ chẳng biết ơn mà cũng chẳng trung thành với Ngài... tường thuật Đức Giêsu lập Bí tích Thánh thể rất gần với tường thuật của Mt sử dụng lại bản văn phụng vụ trong những buổi lễ của các giáo đoàn Palestine.

Trong vườn Giết-sê-mani, Đức Giêsu rơi vào tình trạng lo âu, suy sụp (14,32-42), Ngài tỏ ra đầy tính cách người, Ngài cũng sợ chết. Tiếng Ngài kêu lên Thiên Chúa: Abba "Ba ơi" là một chút tia sáng loé lên trong màn kịch bi thảm này. Đến khi Ngài bị bắt thì mọi người đều bỏ Ngài (14,43-52), ngay cả chàng thanh niên có ý muốn theo Ngài lúc đó cũng bỏ chạy, mình trần. Chữ "mình trần" này ở cuối bài tường thuật mô tả rất chính xác sắc thái của câu chuyện: Đức Giêsu chìm sâu vào cuộc tử nạn, hoàn toàn trần trụi. Trong phép rửa, khi người môn đệ

mình trần bước vào giếng nước, người đó phải biết đó cũng là con đường mà mình phải theo.

Trong phiên xử tại toà án Do thái (14,53-54) lần duy nhất trong Tin mừng Mc Đức Giêsu tuyên bố Ngài là Messia, Con Người vinh quang. Thế nhưng mọi vẻ bề ngoài đều trái ngược với lời xác nhận đó: quân lính chế nhạo Ngài (14,65), Phêrô chối Ngài (14,66-72), Đức Giêsu im lặng.

Trong phiên xử tại toà án Rôma (15,1-15) Đức Giêsu tự nhận là Vua người Do thái và các thượng tế Do thái đòi xử tử Ngài... vua của họ mang vương miện bằng gai... (15,16-20).

Màn kịch Núi Sọ (15,21-41) lấy lại chủ đề của 2 phiên xử: tước hiệu "Vua người Do thái" được nhắc lại giữa 2 lần nói tới việc đóng đinh (25.27) và các thượng tế nhạo báng Ngài tự phụ xưng mình là "Kitô". Rồi Đức Giêsu chết trong sự bỏ rơi của mọi người, ngay cả Cha xem ra cũng bỏ Ngài, nghĩa là Ngài đã gánh vào mình hết mọi đau khổ nhân loại y như Người tội tó. Nhưng chính lúc đó và như thế đó Đức Giêsu

tự biểu lộ cho thấy Ngài chính là Kitô và là Vua. Viên sĩ quan ngoại đạo mời chúng ta cùng ông nhìn nhận Ngài là "Con Thiên Chúa". Và Mc bằng cách đánh mốc bài tường thuật theo những giờ cầu nguyện của Kitô hữu (giờ thứ ba, giờ thứ sáu và giờ thứ chín cc.33.34) mời gọi chúng ta phải đọc bài tường thuật này trong đức tin.

Tường thuật về cuộc táng xác (15,42-47) mang vẻ thanh thản. Người ta lo cho Ngài những nghi lễ cuối cùng. Và đêm tối của ngôi mồ trở thành đêm tối của sự chờ đợi.

BÀI 4

ĐỨC GIÊSU CỦA MARCÔ

I. MỘT NGƯỜI:

Đức Giêsu của mọi ngày, một người như chúng ta, đó là hình ảnh Đức Giêsu mà Mc trình bày với chúng ta. Ta tưởng như khám phá ra Ngài từ ngày này sang ngày khác bằng cặp mắt của Phêrô. Trong 2 năm chung sống với Ngài, Phêrô thấy Ngài sống trên những nẻo đường Palestine,

đã tiếp đón Ngài vào nhà ông ở Capharnaum, đã thấy Ngài ăn, Ngài ngủ, nói năng và cầu nguyện. Ông đã thấy Ngài nổi giận ở Hội đường hoặc ở Đền thờ; thấy Ngài bực tức với một người cùi hoặc với các môn đệ; thấy Ngài động lòng thương xót đám đông; thấy Ngài ngạc nhiên vì ở Nazareth người ta không tin Ngài. Ngài đã sống một cuộc đời phiêu bạt của một nhà giảng đạo rong đến nỗi đôi khi không còn giờ để ăn. Phêrô cũng đã thấy Ngài mệt lả và ngủ say giữa cơn phong ba bão táp...

Phêrô đã bị "in dấu" bởi cái nhìn của Đức Giêsu, cái nhìn giận dữ, cái nhìn tra tấn, cái nhìn thương yêu. Ông sẵn sàng vì màu nhiệm của Ngài, như cái đêm đầu tiên Ngài trọ tại nhà ông, ông đã thấy Ngài thức dậy trước lúc bình minh để đi cầu nguyện ở một nơi vắng vẻ (1,35).

Marcô không ngại thuật lại một số nét có thể khiến thánh giả phải ngạc nhiên vì đã quá quen coi Đức Giêsu là con Thiên Chúa: Đức Giêsu không biết hết về mọi sự, Ngài không biết các môn đệ nói gì nên phải hỏi họ (9,16.33), Ngài không biết ngày tận thế (14,33), Ngài khiếp sợ trước cái chết của Ngài (14,33), và Ngài chết trong nỗi thất vọng

(15,34). Thật không thể ngờ chính bà con của Ngài cũng không tin vào Ngài, họ nói "ông ta mất trí rồi!" (13,21).

II. MỘT "NGƯỜI VỚI" - MỘT NGƯỜI CÔ ĐỘC.

Đức Giêsu của Marcô trước hết là Đức Giêsu-với-các-môn-đệ-của-Ngài. Việc làm đầu tiên của Ngài là kêu gọi họ và tiếp đó là chọn ra 12 người trong số họ "để ở với Ngài". Các đối thủ tìm cách phá hoại nhóm này bằng cách tấn công Đức Giêsu gần các môn đệ và tấn công các môn đệ gần Đức Giêsu (2,18 - 27). Ngài chuẩn bị các môn đệ cho sứ vụ tương lai bằng cách tập cho họ phục vụ quần chúng, một sự phục vụ được coi trọng hơn cả nghỉ ngơi và ăn uống (6,31t) và bằng cách kéo họ về phía lương dân...

Chính vì Đức Giêsu là một "người - với" cho nên sự cô độc của Ngài lại càng bi thảm hơn. Ngài cô độc bởi vì Ngài không làm cho ai hiểu được mầu nhiệm của Ngài cả, kể cả các môn đệ Ngài, họ đã bị "đóng kín" (6,52; 8,17), họ vẫn hồ nghi, và khi Ngài bị bắt thì họ bỏ Ngài, chối Ngài.

III. MỘT NGƯỜI RAO GIẢNG

Vừa lãnh nhận phép rửa xong là Đức Giêsu bắt đầu rao giảng ngay "Nước Thiên Chúa đã đến gần". Đối với Marcô, Đức Giêsu là Đấng rao giảng cho quần chúng (chừng 20 lần). Khi Ngài thấy quần chúng theo Ngài vào hoang địa và không có gì để ăn thì Ngài động lòng thương... và bắt đầu giảng dạy họ, điều này cho thấy Ngài coi việc rao giảng còn trọng hơn cơn đói phần xác của họ (6,34).

Nhưng nghịch lý thay, Tin mừng Marcô có rất ít bài giảng! Có lẽ Marcô muốn cho thấy rằng Đức Giêsu giảng nhiều hơn bằng việc làm và cách sống. Trong Tin mừng Marcô, các phép lạ rất nhiều và chiếm một vị trí rất quan trọng, chúng cho thấy, bằng hành động, rằng Nước Thiên Chúa đã đến và Đức Giêsu "mạnh thế" hơn sự dữ (3,27).

IV. Đấng MESSIA BỊ ĐÓNG ĐINH:

Đức Giêsu không cho người ta nói Ngài là Đấng Messia (hoặc Kitô), và đối với những người biết Ngài là Đấng Messia thì Ngài buộc họ im lặng: đây là điều mà người ta gọi là "bí mật Messia". Lý do là nhiều

người đang chờ mong Đấng Messia tái lập vương quốc Israel ở trần gian cho nên Ngài không muốn người ta hiểu sai về Đấng Messia. Quả thật Ngài là Đấng Messia, nhưng theo nghĩa khác. Ngài chỉ nhận tước hiệu này khi không còn sợ bị hiểu sai nữa, tức là khi Ngài bị lên án tử: chính bằng đau khổ và sự chết mà Ngài sẽ thành lập một vương quốc thiêng liêng. Và Đức Giêsu cố gắng dẫn các môn đệ đi trên con đường ấy (8,34 - 38).

V. CON NGƯỜI:

Tước hiệu Ngài thường dùng nhất (14 lần) là Con Người. Đức Giêsu thích tước hiệu này có lẽ vì nó vừa vén màn vừa che dấu màu nhiệm của Ngài. Thực vậy, tước hiệu này chỉ có nghĩa là "người" thôi; nhưng khi ta qui chiếu nó về thị kiến trong Daniel 7 thì nó mang một ý nghĩa rất mạnh, là "một Đấng thuộc thiên giới" được chính Thiên chúa trao quyền xét xử.

VI. CON THIÊN CHÚA:

Tước hiệu này rất ít được dùng nhưng lại là đỉnh cao của Đức tin mà Marcô muốn dẫn độc giả đi tới. Ông đã dùng tước hiệu này ngay từ câu tựa đề (1,1), và lại đặt nó vào miệng của viên sĩ quan dưới chân thập giá (15,39), như một tiếng vang của chính tiếng Chúa Cha phán ra lúc Đức Giêsu chịu phép rửa và lúc Ngài biến hình.

BÀI 5

CÁC PHÉP LẠ VÀ TRIỀU ĐẠI CỦA THIÊN CHÚA

"Thời gian đã mãn và triều đại của Thiên Chúa đã gần, các ngươi hãy sám hối và tin vào Tin mừng" (Mc 1,15) Đây là lời của Đức Giêsu sau khi Ngài chịu phép rửa và đây là nội dung chủ yếu của lời Ngài giảng dạy. Nghĩa là nhờ sứ vụ của Ngài mà triều đại Thiên Chúa đến.

I. TRIỀU ĐẠI CỦA THIÊN CHÚA:

Vào thời mà khắp nơi đều theo thể chế quân chủ ta dễ hiểu tại sao dân Israel dùng hình ảnh "Vua" để gọi lên uy quyền của Thiên Chúa. Thiên Chúa là vua độc nhất, vị vua trần thế chỉ là đại diện của Ngài mà thôi.

Niềm tin này sẽ càng phát triển khi dân đã có kinh nghiệm về sự thất bại của vương quyền trần thế. Trong thời lưu đày bên Babylone, sách đê nhị Isaia loan báo rằng sau cùng Thiên Chúa sẽ tỏ mình ra như một vị vua.

Trải qua nhiều thế kỷ, niềm mong đợi Messia lại càng phong phú thêm hi vọng trên. Người ta tin rằng Thiên Chúa sẽ lập vương quốc của Ngài qua trung gian của Đấng Messia. Đấng này thường mang khuôn mặt của "Con vua Đavít", "Mục tử" của Israel (2.Sm 7; d 34; Gcr 9,14; T 2). Các sách Khải huyền với khuôn mặt "Con người" của Daniên 7 lại góp thêm vào một yếu tố nữa: vương quốc ấy là phổ quát và cho đến cùng tận của thời gian.

Người ta thường gán hai nhiệm vụ chính cho vua và nhất là cho Vua-Thiên-Chúa.

- Vua phải đảm bảo sự tự do của dân mình: Ngài là thủ lĩnh chiến tranh đê bẹp quân thù. Vào thời Đức Giêsu tư tưởng trên đã nuôi hi vọng cho một số người Do thái: họ hi vọng rằng khi Thiên Chúa thành lập vương

triều thì Ngài sẽ giải phóng Israel khỏi ách thống trị của Rôma (Lc 24,21). Một điều rất đặc biệt là không bao giờ Đức Giêsu lặp lại khía cạnh này.

- Vị vua đích thực phải làm cho công bình ngự trị trong lòng dân: Ngài trước hết phải là vua của những người nghèo, những người áp bức, những người thấp cổ bé miệng. Và sách đệ nhị Isaia công bố Tin mừng ấy: "Thiên Chúa sẽ ngự trị! Phúc cho những người nghèo nàn, bệnh tật, bị áp bức, vì từ nay đau thương của họ đã chấm dứt rồi" Và Đức Giêsu cũng loan báo chính Tin mừng ấy. Ngài loan báo vừa bằng lời nói, vừa bằng việc làm: trong chương sau chúng ta sẽ nghe những lời nói của Ngài trước hết là những lời chúc phúc. Còn ở đây chúng ta hãy xem những việc làm của Ngài.

II. ĐỨC GIÊSU CÔNG BỐ TRIỀU ĐẠI CỦA THIÊN CHÚA:

Để bắt đầu bạn có thể xem Gioan tẩy giả đã công bố Tin mừng nào (Lc 3,18; Mc 1,2-8; Mt 3,1-12; Lc 3,1-18), và các sách Tin mừng đã lược

tóm nội dung rao giảng của Đức Giêsu như thế nào (Mc 1,14-15; Mt 4,17; Lc 4,16-21).

1) Câu hỏi của Gioan tẩy giả:

Gioan đã loan báo rằng Đấng Messia sẽ thành lập triều đại của Thiên Chúa bằng cách thanh luyện dân và tiêu diệt những kẻ tội lỗi. Ông tưởng đấng Messia kiểu đó chính là Đức Giêsu. Nhưng Đức Giêsu lại tiếp đón những kẻ tội lỗi và không muốn phán xét ai, để mặc cho Gioan, vị tiên hô của Ngài phải héo mòn dần trong tù và chắc chắn có ngày sẽ chết... như thế ta hiểu ta hiểu tại sao Gioan hồ nghi và hỏi Đức Giêsu. Mời bạn hãy đọc Lc 7,18-23 (ss Mt 11,2-6).

- Đức Giêsu làm gì trước khi trả lời (c.21)? xin bạn cũng đọc Lc 7,11-17 là đoạn liền trước đoạn này.

- Khi trả lời Đức Giêsu đã nhắc lại những lời của ngôn sứ nào (hãy đọc những chú thích và những quy chiếu trong quyển Thánh kinh của bạn)?

- Câu trả lời này ngược lại mang ý nghĩa gì cho những phép lạ và những lời chúc phúc của Đức Giêsu "Phúc cho những người nghèo"?

Đây là điều quan trọng, đặc biệt để hiểu các phép lạ. Đối với chúng ta ngày nay, phép lạ trước hết là những sự việc khác thường nên chúng ta đặt câu hỏi "chuyện gì đã xảy ra thế? Nó có thật trong lịch sử không?" nhưng đối với Đức Giêsu và những người đương thời với Ngài các phép lạ là những dấu chỉ: chúng nói lên một điều gì đó. Chúng nói về một kẻ nào đó. Việc chuyển câu hỏi như thế là một điều chủ yếu. Ta hãy lấy một thí dụ thô thiển: một giáo sư khoa học đưa cho học trò xem một bông hoa, nhưng đương nhiên câu hỏi sẽ là: "đây là cái gì?" nhưng khi một thanh niên tặng cho một thiếu nữ cũng bông hoa đó thì câu hỏi được chuyển thành: "Anh ta làm thế có ý gì?" Trong trường hợp thứ nhất người ta chú ý tới thực tại của sự việc; trong trường hợp thứ hai người ta chuyển chú ý sang sứ điệp của sự việc. Còn thực tại của sự việc thì lùi lại vị trí thứ yếu. Đây là điều quan trọng và sau này ta sẽ nói lại nữa.

Nếu bạn có thời giờ bạn có thể tìm trong các sách Tin mừng những chỗ nói về vương quốc (nước) hoặc triều đại của Thiên Chúa hay tìm xem các dụ ngôn trong Mt 13 nói gì?

Sau đây chúng ta sẽ học kỹ một tường thuật phép lạ, phép lạ dẹp yên bão táp, để thấy được văn thể tường thuật phép lạ có cấu kết ra sao và có ý nghĩa gì?

2) Tường thuật phép lạ: phép lạ dẹp yên bão táp:

Phép lạ này được tường thuật trong cả 3 Tin mừng Nhất lãm: Mt 8,18-27; Mc 4,35-41; Lc 8,22-25. Bạn hãy cố gắng chép lại thành 3 cột song song để dễ đối chiếu nhau.

Trước tiên hãy đọc các bản văn và so sánh chúng với nhau. Dùng nhiều màu khác nhau để gạch dưới các chữ.

Chú ý xem những chi tiết nào mà mỗi bản có hơn hoặc không có so với những bản kia, vị trí thay đổi của câu 40 trong Mc, những từ khác nhau...

Một bài tường thuật phép lạ thường nằm trong một "cái khuôn" đúc sẵn với 5 yếu tố (xem lại nơi các phần trước). Bạn hãy tìm 5 yếu tố đó. Câu 40 của Mc có nằm trong cái khuôn đó không?

Hãy đọc bài tường thuật:

- Marcô: hãy tìm những nét về Mc đã được nói ở các phần trước). Tại sao Đức Giêsu lại hăm dọa cơn bão tố như hăm dọa quỷ dữ? Xem chú thích của TOB và BJ về sách Giob 7,12 và Kh 21,1. Chữ "sợ" ở đây chỉ được dùng 4 lần trong Tân ước (Ga 14,27; 2 Tm 1,7; Kh 21,8). Đây là loại sợ gì? chiếc thuyền đang hướng về phía bờ nào? sau tường thuật này là tiếp đến đoạn văn nào trong 3 Tin mừng? Những chi tiết trên có thể giải thích được cái sợ của các môn đệ không? Phải chăng họ sợ quỷ dữ nổi loạn? Tại sao Mc thuật chuyện này? Ý nghĩa của phép lạ này nếu bài tường thuật có câu 40? và nếu không có câu 40?

- Luca: Luca chú ý tới chiếc thuyền hay tới các môn đệ (xem cuối c.23). Phía trước chuyện này Luca đã viết chuyện gì? Thầy-uy-quyền

(Maitre-puissant) là kiểu nói riêng của Luca (5,5; 8,45; 9,33.49; 17,13), ý nghĩa của nó thế nào?

- Matthêu: những câu được Mt thêm vào có làm thay đổi ý nghĩa câu chuyện không ("theo" ở c.19.21.23, "các môn đệ" ở c.21)? Mt chú ý tới gì (xem cuối c.24)? chữ Séisme đã một lần được dùng trong các Tin mừng như một dấu chỉ về lúc tận thế (Mc13,8; Mt 24,7; Lc 21,11) Mt lại dùng chữ đó ở 21,10; 27,51.54; 28,2.4 như thế chữ đó làm cho bài tường thuật có ý nghĩa gì (xem bài: vài nét về Mt trong chương sau)? Kurie sôzon ("Chúa ơi xin cứu") là một lời kêu xin trong phụng vụ. Mt đã đặt nó ở trung tâm bài tường thuật c.28: lời trách cứ các môn đệ tuy đã tin nhưng chưa đủ. "Người ta" (les hommes) ở c.27 trong Tin mừng Mt thường chỉ những kẻ không tin (4,19; 5,13; 10,17; 10,32...) từ nhận xét trên bạn thấy bài tường thuật này có ý nghĩa gì?

III. Ý NGHĨA CỦA PHÉP LẠ:

Phép lạ là một dấu chỉ nhưng là dấu chỉ cho ai? Ta hãy lấy một thí dụ thô thiển: tôi thấy bên đường có một tấm biển tam giác trong đó vẽ hình

dấu thập chéo X. Nếu tôi chẳng biết gì về luật giao thông thì tôi sẽ hỏi: "cái gì thế"? còn nếu tôi rành luật giao thông tôi sẽ nói: "coi chừng, đây là chỗ có 2 con đường giao nhau". Cũng thế phản ứng của người tin và người không tin sẽ khác nhau trước một biến cố và cách tường thuật biến cố ấy cũng khác nhau.

o Đối với người không tin, một sự việc lạ thường là một câu hỏi: người ấy là ai mà làm được việc đó?

o Đối với người tin - và chỉ với người tin mà thôi - sự việc ấy là một "phép lạ", nghĩa là một sứ điệp, một sự việc mà trong đó ta nhận ra một lời Thiên Chúa muốn nói với ta.

Có lẽ trong cộng đoàn Kitô sơ khai, trước khi soạn thảo các Tin mừng thì bài tường thuật đẹp yên bão táp được sử dụng hai cách:

Hãy lấy bài tường thuật của Mc. Nếu ta đọc nó không có c.40 thì nó hoàn toàn nằm trong cái khuôn "tường thuật phép lạ". Nó muốn nói với các môn đệ trước ngày Phục sinh, họ chưa khám phá ra mầu nhiệm Đức Giêsu. Nó cũng muốn nói với những kẻ không tin. Bài tường thuật dẫn

người ta đến câu hỏi về căn tính của Đức Giêsu: "Ông ấy là ai mà..." còn nếu đọc nó với c.40 thì nó trở thành một bài Giáo lý dạy cho những người đã tin: họ đã biết Đức Giêsu là ai rồi, thế tại sao còn sợ? đức tin của người ở đâu?

Cách sử dụng một bài tường thuật như một Giáo lý giúp người ta có thể khai triển thành cả một bài giáo huấn. Chẳng hạn Mt nói với các môn đệ, tức là những người đi theo Đức Giêsu trên chiếc thuyền (chỉ có mỗi một chiếc thôi). Chiếc thuyền này bị phủ ngập bởi Séisme (sự nổi loạn của các quyền lực gian tà vào lúc tận thế) nên có nguy cơ bị chìm. Giữa chiếc-thuyền-Giáo-hội ấy các môn đệ đã kêu cứu: Kurie Sôzon: Đức Giêsu trách cứ nỗi sợ của họ, đây là nỗi sợ "tông đồ" khi phải ra khơi để đến với lương dân. Ngài cũng trách sự kém tin của họ: họ đã có đức tin, nhưng tin chưa đủ. Bây giờ thì chính "người ta" (les hommes những người không tin) đặt câu hỏi: do đâu mà con thuyền Giáo hội vẫn đứng vững trước sức tấn công ào ạt của sự dữ?

Chúng ta hãy rút ra vài kết luận.

Phép lạ là một dấu chỉ. Điều mà các người đương thời của Đức Giêsu quan tâm không phải là chính sự kiện - thời đó có những sự kiện tương tự như vậy (thường quá nên dư luận rất dễ chấp nhận sự khả dĩ của phép lạ - mà ý nghĩa của phép lạ: nó muốn nói điều gì? nó được thực hiện nhân danh ai: nhân danh thủ lãnh của các quỷ dữ (Mt 12,24) hay là bởi Thánh Linh của Thiên Chúa (Mt 12,28)? Nếu là nhân danh Thiên Chúa thì nó là dấu chỉ rằng triều đại Thiên Chúa đã đến (Mt 12,28).

Vậy thì câu hỏi quan trọng không phải là tìm cái gì đã xảy ra (ta vẫn có thể tìm nhưng đó chỉ là việc phụ, và nếu tìm không ra thì cũng không sao) mà là tìm xem ý nghĩa của nó là gì?

Các Phúc âm gia thường khai triển ý nghĩa đó cho những người tin: đây mới là điều mà ta phải cố gắng tìm trước hết.

IV. CON NGƯỜI NGÀY NAY VỚI PHÉP LẠ:

Ngày nay phép lạ làm cho người ta khó chịu. Ngày xưa người ta tin vì chúng nhưng ngày nay người ta tin mà không cần chúng. Nhưng như

thế có lẽ chỉ vì ta quan niệm sai về phép lạ chăng? Chúng ta hãy xem lại vài điểm sau đây:

1) Phép lạ là một dấu chỉ:

Tấm bảng chỉ đường chỉ là một vật thể (sắt, xi măng), một hình dáng (tròn, tam giác). Vật thể và hình dáng có thể thay đổi nhưng cũng không sao, điểm chủ yếu là sứ điệp của nó, cho biết sắp tới chỗ ngoặt, sắp có giao lộ. Cũng thế phép lạ là một thực thể lịch sử: một sự việc hơi ra ngoài sự kiện thông thường khiến người ta phải chú ý. Nhưng điểm chủ yếu là sứ điệp của nó, là điều nó loan báo. Nó loan báo điều gì?

2) Phép lạ là dấu chỉ chỉ cho riêng người tin mà thôi:

Một món quà bạn bè tặng cho nhau chỉ là "quà" nếu trước đó họ là bạn bè của nhau; một món đồ do một kẻ xa lạ đưa cho ta ngoài đường không phải là dấu chỉ, mà là một câu hỏi. Để nhận ra sự việc gì đó là "phép lạ" thì trước đó phải có đức tin. Phòng y khoa ở Lộ Đức gồm các bác sĩ có đạo và vô thần, chỉ tuyên bố việc khỏi bệnh này không thể giải thích bằng khoa học được. Nhưng người có đức tin thì bạn có thể nói

thêm "đây là một phép lạ" và muốn là một phép lạ thì sự việc phải xảy ra trong một bối cảnh nào đó, phải có liên hệ với những sự việc khác và những lời nói nhất định. Lộ Đức trước tiên là một nơi cầu nguyện, và chính trong bối cảnh cầu nguyện ấy việc khởi bệnh mới có ý nghĩa. Những phép lạ của Đức Giêsu luôn liên kết với giáo huấn của Ngài.

3) Đối với người không tin, phép lạ là một dấu hỏi:

Không bao giờ nó là một "bằng chứng". Nếu tôi không hề biết gì về luật giao thông thì cái vật lạ lùng ở trên trụ bên đường đặt cho tôi câu hỏi; nhưng tôi không cần xem xét nó mà chỉ cần hỏi ai đó rành luật giao thông. Người này giải thích cho tôi ý nghĩa và tôi chấp nhận.

Cũng thế một sự kiện chưa được giải thích có thể đặt câu hỏi cho người không tin: đó là cái gì thế? khi đó người ta đưa ra giải thích đó là một dấu chỉ của Thiên Chúa tôi. Người không tin sẽ chấp nhận lời giải thích và cũng tin theo, hoặc là sẽ bác bỏ lời giải thích ấy để đi tìm một cách giải thích khác. Phép lạ không phải là một "bằng chứng". Người ta trở

lại đạo không phải vì phép lạ - phép lạ chỉ gọi lên một câu hỏi thôi - mà vì ý nghĩa do những người tin giải thích.

4) Phép lạ là một dấu chỉ có liên quan tới một thời đại:

Có những sự việc có thể rất "lạ lùng" đối với một thời đại nhưng không còn lạ lùng nữa đối với một thời đại khác. Phòng y khoa Lộ Đức tuyên bố việc khỏi bệnh này hiện nay không thể giải thích bằng khoa học được. Một ngày nào đó có thể là sẽ giải thích được, nhưng không quan trọng gì cả. Nếu phép lạ là một bằng chứng thì Thiên Chúa quả là xảo diệu vì đã lợi dụng sự ngu dốt của chúng ta để "dụ khi" ta, cũng như một nhà thừa sai chứng minh Thiên Chúa bằng cách cho người ta nghe máy ghi âm. Nhưng nếu phép lạ là dấu chỉ thì sự kiện chống đỡ nó không quan trọng, vì người ta tin giáo lý trong đó chứ không tìm sự kiện lạ lùng. Ngày nay hình như một số phép lạ của Đức Giêsu có thể giải thích được.

Vì thế ta sẽ lạc đường nếu ta cố công dựng lại sự kiện y như nó đã xảy ra. Hãy lấy một thí dụ: một số người da đen theo đạo Linh vật báo cho

tôi hay rằng: thần linh đang nổi giận và đang phun lửa trên đỉnh núi. Đó là anh đưa ra giải thích của người tin. Nhưng thực ra sự kiện xảy ra thế nào? vì tôi mù mịt về xứ sở của anh nên tôi chỉ có thể biết có một điều gì đó đang xảy ra, chứ tôi không xác định rõ đó là núi lửa đang phun hoặc có một cuộc cháy rừng hay một cơn bão. Thời Đức Giêsu, phép lạ là chuyện thông thường nơi dân Do thái và có rất nhiều đền chùa Hy Lạp diễn ra các "phép lạ" chẳng hạn Pergame và Epidaure, ở đây cũng có nhiều "bệnh viện" như ở Lộ Đức bây giờ. Thời đó người ta sẽ chẳng coi Đức Giêsu là một nhân vật tôn giáo nếu như Ngài không làm phép lạ.

Vậy điều chủ yếu không phải là kiểm chứng xem phép lạ này hay phép lạ kia có xảy ra thực hay không mà là tìm hiểu xem ngày nay điều gì có thể là "phép lạ" đối với người thời nay.

Ngày nay, ý nghĩa của việc "lạ lùng" đã biến đổi. Nó không thuộc lĩnh vực vật chất (khoa học đã dạy rằng người ta có thể hoặc sẽ có thể giải thích tất cả) cho bằng thuộc lĩnh vực thiêng liêng: chẳng hạn việc "lạ lùng" ấy có thể là một cử chỉ tha thứ. Trong một thế giới cứng cõi, tàn

bạo và đẩy dấy những cuộc tranh sống với nhau, thì một cử chỉ vô vị lợi - nhất là một cử chỉ tha thứ - quả là điều lạ lùng và có thể khiến người không tin đặt câu hỏi: Tại sao anh làm thế?

Những bài tường thuật phép lạ trong Thánh kinh phải dẫn ta tới câu hỏi: cái gì đã xảy ra thế? mà là câu hỏi sau đây: ngày nay tôi có thể là một "phép lạ" như thế nào (nghĩa là: tôi trở thành một dấu chỉ khiến cho người khác nhìn vào mà phải đặt câu hỏi về niềm tin của tôi).

Trong tương quan vợ chồng, tất cả đều trở thành dấu chỉ của tình yêu. Cũng thế việc thường đọc Thánh kinh phải dẫn người tín hữu tới chỗ khám phá ra rằng toàn thế giới đều là "phép lạ", là dấu chỉ của tình yêu trù mền của Thiên Chúa.

CHƯƠNG V

TIN MỪNG THEO THÁNH MATTHÊU

Khi bước từ Marcô sang Matthêu ta có cảm tưởng như đang chuyển qua một cảnh khác hẳn, như miền núi chuyển sang miền đồng bằng. Với Marcô đôi khi ta còn ảo tưởng có thể khám phá được Đức Giêsu Nazareth bằng cặp mắt của Phêrô. Nhưng với Mt ta chẳng hề bao giờ biết mình đang đứng trên bờ hồ Tibériade ở năm 30 hay là đang ở trong một cộng đoàn Kitô những năm 80 đang cử hành phụng vụ. Nói đúng hơn Mt đặt chúng ta vào 2 nơi cùng một lúc: ông chủ ý đặt lên trên bức hình Đức Giêsu-lich-sử một tờ "giấy đồ" có hình Đức Chúa đang sống trong Giáo hội. Chính vì vậy khuôn mặt của Đức Giêsu Nazareth hiện ra trước mắt chúng ta xuyên qua những nét vinh quang của Đấng Phục sinh mà Giáo hội đang cử hành phụng vụ tôn kính.

I. MỘT QUYỀN TIN MỪNG VỀ GIÁO HỘI:

Người ta đã gọi Tin mừng Mt như thế, vì hơn các Tin mừng kia, Tin mừng Mt mang đậm dấu vết của Kitô giáo phương Tây. Chỉ có ông nói

lên chữ "Giáo hội" (Ekklesia 16,18; 18,17) ông quan tâm đến việc tổ chức Giáo hội, đến cuộc sống huynh đệ, đến giáo lý mà ông trình bày thành 5 bài diễn từ được kết cấu rất kỹ.

Mt đưa ta vào sống trong lòng một Giáo hội cử hành phụng vụ tôn kính Đức Chúa của mình: trên bức hình các môn đệ của Đức Giêsu, Mt đặt thêm "tờ giấy đỏ" có hình các Kitô hữu đang tôn thờ Đấng Phục sinh và hát Kyrie sêon giữa lúc phong ba bão táp... Đây cũng là một Giáo hội có nguy cơ bị đứt hơi và chỉ còn có một chút đức tin (8,26).

II. GIÁO ĐOÀN CỦA MATTHÊU:

Hoàn cảnh của những giáo đoàn trong đó Mt rao giảng có ảnh hưởng rất lớn tới lời chứng của ông. Khi đọc văn bản, ta sẽ thấy hiện ra 3 phương diện chính như sau:

1) Đây là những giáo đoàn gồm đa số là các Kitô hữu xuất thân từ Do thái giáo. Họ thông thuộc các sách thánh: các chuyên viên đã tìm được 130 chỗ Mt trích dẫn Cựu ước. Luật đối với họ là nguyên tắc sống: "Ta không đến để huỷ bỏ Luật mà để hoàn thiện nó" Đức Giêsu trong Mt đã

tuyên bố như thế (5,17). Họ cũng quen với cách các Rabbi giải thích sách thánh và một số câu hỏi của họ (về ăn chay, bố thí, ly dị...) là đặc trưng của tâm thức Do thái. Không phải tình cờ mà Mt trình bày Đức Giêsu là Môisen mới.

2) Những giáo đoàn này đang xung đột với Do thái giáo chính thức đã được tái sinh tại Jamnia (xem bài Hội nghị Jamnia). Các Kitô hữu đã bị trục xuất khỏi Hội đường của họ, tức là Do thái giáo chính thức. Những lời cứng cỏi của Đức Giêsu công kích những người Pharisiêu (Nt 23) có lẽ không phải của Đức Giêsu trong những năm 30 cho bằng những lời của Đấng Phục sinh đang sống trong giáo đoàn vào những năm 80 chống lại các người Pharisiêu của Jamnia.

3) Những giáo đoàn này đang mở rộng cửa cho lương dân. Xác tín về đạo của mình khi suy nghĩ về sức bật truyền giáo của Giáo hội trong những năm đầu, những người Kitô hữu gốc Do thái ấy đã khám phá trong những lời Đức Giêsu ý Ngài muốn sai các môn đệ đi khắp thế giới.

III. TÁC GIẢ:

Một truyền thống của thế kỷ II không thể xác minh được nói rằng Mt một nhân viên thuế vụ ở Capharnaum và sau đó trở thành một người trong nhóm 12 (9,9) đã viết ra bằng ngôn ngữ Aram những lời nói của Đức Giêsu.

Còn tác giả của quyển Tin mừng hiện tại là một người mà ta không biết tên. Có lẽ ông đã dựa vào quyển Tin mừng Aram kia để viết một Tin mừng bằng tiếng Hy Lạp, khoảng các năm 80-90, có lẽ tại Antioche.

BÀI 1

ĐỌC TRỌN TÁC PHẨM

Cũng như khi học Mc, nay tốt nhất là ta nên bắt đầu đọc Tin mừng Mt bằng cách đọc trọn tác phẩm từ đầu tới cuối. Sau đây là một số tiêu điểm hướng dẫn bạn:

I. ĐỊA DƯ CỦA MATTHÊU:

Mt dùng sơ đồ của Mc nhưng không nhấn mạnh như Mc về sự đối chọi giữa Galilêa và Giêrusalem. Galilêa là một vùng quan trọng theo 2 phương diện:

- Trong thời Đức Giêsu thi hành sứ vụ, nó được coi là lãnh thổ Do thái mà ít khi Đức Giêsu vượt ranh giới đi ra ngoài. Nếu Ngài có đi về hướng Tyr và Sidon thì Mt ghi chú rõ rằng người phụ nữ Canaan "ra khỏi lãnh thổ của mình" (15,21), Đức Giêsu chỉ rao giảng cho người Do thái, và cấm các môn đệ đến với những người lương và Samaria (10,6-6).

- Sau ngày Phục sinh, Galilêa trở thành "vùng đất mở rộng cửa cho cả thế giới" như lời Isaia tiên báo (Mt 4,14-16). Đức Giêsu Phục sinh đã hiện ra cho các môn đệ ở Galilêa chứ không phải ở Giêrusalem, và cũng từ Galilêa Ngài sai họ đi rao giảng khắp thế giới (28,16-20).

QUYỀN TIN MỪNG CÓ TÍNH DO THÁI NHẤT:

- Mt thường xuyên quy chiếu về sách thánh: hơn 130 lần trong đó có 43 lần trích dẫn minh nhiên, 11 lần trích dẫn với công thức dẫn nhập "việc

này xảy ra để ứng nghiệm lời Chúa phán qua miệng ngôn sứ rằng...". Như một Rabbi thực thụ, đôi khi Mt gom nhiều đoạn Cựu ước lại trong chỉ một câu trích dẫn một cách rất tài tình, chẳng hạn ông đã gom Gcr 11,12 và Gr 18,2 để giải thích cái chết của Giuđa (27,9), hoặc gom 9,9 và Is 62,11 để cho thấy ý nghĩa Messia của việc Đức Giêsu tiến vào thành Giêrusalem (21,1-19).

- Cách diễn tả của Mt là Do thái. Ông nói "Nước trời" (royaume des cieux) chứ không nói "Nước Thiên Chúa", bởi vì người Do thái không dám nói tới tên Thiên Chúa. Ông thích lặp đi lặp lại và đặc biệt ông thích những câu gọng kìm (inclusions), tức là dùng lại kiểu nói đầu một đoạn ở phần kết của đoạn đó (5,3.10; 6,25.34...) ông cũng thường dùng hình thức sóng đôi (parallélisme, 16,25; 7,24-27) ông hay gom nhiều sự kiện lại thành nhóm theo số như: 7 lời xin trong kinh Lạy Cha, 7 dụ ngôn, 7 chiếc bánh và 7 cái giỏ... 3 cơn cám dỗ, 3 việc lành (6,1t), 3 thứ thuế thập phân (23,23), v.v...

II. NƯỚC THIÊN CHÚA VÀ GIÁO HỘI:

Đức Giêsu khánh thành Nước Thiên Chúa (bài "các phép lạ và triều đại của Thiên Chúa"), Giáo hội không đồng hoá với Nước Thiên Chúa, mà là nơi thuận tiện nhất cho Nước Thiên Chúa thể hiện trong thế giới. Chủ đề trung tâm của Mt là: Nước Thiên Chúa và bước đầu thực hiện Nước ấy trong thế giới.

Mt triển khai chủ đề ấy thế nào? một số yếu tố đặc thù sẽ giúp chúng ta được điều đó.

1) Những tường thuật về thời thơ ấu (1-2): đây là phần tiền ngôn Thần học cho toàn tác phẩm.

2) Mt dùng một công thức kết (7,28; 11,1; 13,53; 19,1; 26,1) để cho thấy 5 diễn từ lớn cắt tác phẩm thành 6 tổng thể tường thuật: liên hệ giữa các tổng thể và các diễn từ ấy thế nào? Chúng tạo thành những tập hợp gồm từng cặp diễn từ và một tường thuật. Chẳng hạn tập hợp thứ nhất mà ta nhận ra được nhờ một "gọng kìm" (4,23 và 9,35) gồm một diễn từ trong đó Đức Giêsu đưa ra một chủ đề và một tường thuật sau đó Đức Giêsu thực hiện chủ đề Ngài đã đưa ra.

3) Có 2 bản lề: một ở đầu (3-4) và một ở giữa tác phẩm (16,13-17,27) chúng giống nhau và đóng vai trò làm chuyển tiếp. Cùng một công thức mà ta chỉ gặp ở đây dẫn nhập 2 thời kỳ nối tiếp nhau của sứ vụ Đức Giêsu: "Từ bảy giờ Đức Giêsu bắt đầu công bố rằng: Triều đại Thiên Chúa đã đến" (4,17), hoặc "Từ bảy giờ Đức Giêsu bắt đầu tỏ cho các môn đệ biết Ngài phải chịu đau khổ" (16,21). Trong cả hai trường hợp đều có một tước hiệu của Đức Giêsu (do Phêrô tuyên xưng); trong cả 2 trường hợp Đức Giêsu đều bị cám dỗ: bởi satan hoặc bởi Phêrô mà Đức Giêsu gọi là satan.

Từ những nhận xét trên, ta có thể thấy Mt triển khai chủ đề Nước Thiên Chúa và Giáo hội như sau:

- Trước tiên Đức Giêsu công bố cho mọi người biết triều đại Thiên Chúa đã đến, đến là do những việc Ngài làm đã khánh thành nó. Ngài chuẩn bị cho các môn đệ tiếp tục công trình của Ngài bằng cách sai họ đi truyền giáo. Nhưng thực ra là chính Ngài đi! Các môn đệ chỉ sẽ thực sự sẵn sàng ra đi truyền giáo sau ngày phục sinh mà thôi.

- Khi ấy Đức Giêsu chuyên lo huấn luyện các môn đệ. Phêrô vừa tuyên xưng Ngài là Messia! Đức Giêsu đưa một quy luật sống cho Giáo hội. Tiếp đó Ngài loan báo Nước Thiên Chúa đến, ngày khánh thành Nước ấy bằng cái chết và phục sinh của Ngài, rồi sai các môn đệ đi truyền giáo khắp thế giới.

Tiền ngôn: giới thiệu mầu nhiệm Đức Giêsu (1-2).

Phần I: *Đức Giêsu giảng cho mọi người về triều đại Thiên Chúa và chuẩn bị Giáo hội (3-4).*

Chuyển tiếp: Cha tuyên xưng Con sau khi Con bị satan cám dỗ (3-4).

1) Nước Thiên Chúa đã đến (509):

Đức Giêsu công bố điều này bằng:

- Lời nói: bài giảng trên núi (5-7)

- Việc làm: 10 phép lạ (8-9).

2) Đức Giêsu sai các môn đệ đi truyền giáo và chính Người đi rao giảng Nước Thiên Chúa (10-12):

- Diễn từ sai đi truyền giáo (10).
- Đức Giêsu đi truyền giáo (11-12).

3) Chọn lựa dứt khoát trước lời giảng về Nước Thiên Chúa (13,1-16,2):

- Diễn từ gồm 7 dụ ngôn (13,1-52).
- Hướng về việc Phêrô tuyên xưng (13,53-16,12).

Phần II: *Đức Giêsu chuẩn bị cho Giáo hội có vai trò trong Nước Thiên Chúa (17-18).*

Chuyển tiếp: Giáo hội tuyên xưng và thử thách Chúa mình (16,13-17,27).

4) Nước Thiên Chúa chuyển từ dân Do thái sang Giáo hội (18-23)..

- Diễn từ: "quy luật sống cộng đoàn" (18).

- Từ Galilêa tới Giêrusalem (19-23)

5) Chính thức khánh thành Nước Thiên Chúa trong biến cố Phục sinh (24-28).

- Diễn từ cánh chung: cuối cùng trong Đức Giêsu Kitô nước Thiên Chúa đã đến (24-25)>

- Việc Đức Giêsu chịu chết và được tôn vinh khánh thành ngày chính thức nước Thiên Chúa đến (26-28) Giáo hội ra đi rao giảng khắp thế giới.

III. TẬN THẾ:

Marcô kết thúc Tin mừng với ý tưởng: mọi sự vẫn còn phải làm, ta sẽ chỉ thấy được Đấng phục sinh vào lúc tận cùng lịch sử! Nhưng Mt thì cho rằng: với Đức Giêsu, mọi sự đã hoàn thành, tận cùng của thời gian đã đến, chiến thắng đã đạt được, chỉ còn lo chiếm đất nữa thôi. Đây là một chi tiết rất có ý nghĩa, chúng ta hãy dừng lại để suy nghĩ.

Trong diễn từ cánh chung, Đức Giêsu đưa ra một dấu chỉ về lúc tận thế: sẽ có những séismes (Mc 13,8; Lc 21,11; Mt 24,7). Đây không phải là một hiện tượng lịch sử (động đất) mà là một hình ảnh tượng trưng.

Một mình Mt sử dụng chữ Séisme này ở 6 lần khác. Lúc Đức Giêsu chết trên thập giá thì có séisme, khi đó những người chết sống lại (27,51), khi thấy séisme ấy (27,54) những người lương nhìn nhận Đức Giêsu là Con Thiên Chúa. Vào buổi sáng phục sinh cũng có séisme khiến cho bốn lính canh trở thành như chết (28,2.4). Như vậy, sự chết và vinh quang của Đức Giêsu là dấu chỉ lúc tận thế đã đến!

Khi Đức Giêsu vào thành Giêrusalem, cả thành "bị chấn động" (dịch sát chữ là "bị séisme nhập" saisis-de-séisme), đây là hình ảnh nói về việc Đức Giêsu vinh quang tiến lên trời (21,10).

Như thế, một trong những dấu chỉ để nhận ra lúc tận thế đã được thực hiện trong cuộc thụ nạn và phục sinh. Nghĩa là cuối cùng thì Triều đại Thiên Chúa được khánh thành bởi biến cố ấy. Nhưng Giáo hội, một

chiếc thuyền nhỏ mong manh đang lắc lư vì cơn séisme (8,29) còn phải sống cơn khủng hoảng này trong suốt dòng lịch sử của mình.

VÀI NÉT VỀ MATTHÊU:

Mt là người có khuynh hướng thuyết giảng. Ông đã gom những lời nói Đức Giêsu lại thành 5 diễn từ lớn, có lẽ nhằm mục đích trình bày Ngài là một Môisen mới. Ông nhấn mạnh rằng cần phải hiểu Lời Chúa chứ không được chỉ nghe suông (13,19-23). Ông tóm lược những tường thuật phép lạ, thường ông chỉ giữ lại có 2 nhân vật là Đức Giêsu và đương sự, làm như vậy những bài tường thuật ấy tuy có mất đi sự thi vị nhưng lại rõ nét giáo huấn.

Mt là một ký lục rất thành thạo các phương pháp giải thích Sách Thánh của người Do thái, ông biết "rút từ trong kho ra cái mới và cái cũ" (13,52).

Đức tin Kitô của ông đã giúp ông thấy được Đức Giêsu Nazareth là một Đức Chúa được tôn vinh. Ngay từ đầu và sau đó thường xuyên trong

tác phẩm ông hay gọi Ngài là "Con Thiên Chúa" trỗi vượt về vẻ uy nghi và uy quyền.

Toàn thể tác phẩm Mt diễn tiến trong bầu khí phụng vụ: các môn đệ tôn thờ Đức Chúa trong cộng đoàn cũng là hình ảnh của các môn đệ đã từng đi theo Đức Giêsu trên những nẻo đường Palestine.

Vì tác phẩm này qui về Nước Thiên Chúa và Giáo hội (phác thảo của Nước Thiên Chúa) nên nó được gọi là "Tin mừng về Giáo hội", mang đậm dấu vết của Kitô giáo phương Tây.

Bài 2

VÀI BẢN VĂN CỦA MATTHÊU

I. ĐỨC GIÊSU CHỊU CÁM DỖ: 4,1-11

Chúng ta hãy suy nghĩ về một điểm: cuộc đời của Đức Giêsu và của chúng ta có được ý nghĩa là nhờ Sách Thánh như thế nào?

Có thể Đức Giêsu bắt đầu sứ vụ bằng một cuộc "tĩnh tâm" trong đó Ngài đã chịu cám dỗ (hãy đọc thêm Mc 1,12-13). Nhưng thực ra Ngài

chịu cám dỗ suốt đời bởi các đối thủ và bởi Phêrô nữa (thí dụ Mt 16,23 27,42 Ga 6,15). Các Kitô hữu đã khổ công tìm hiểu xem những cơn cám dỗ ấy có ý nghĩa gì. Một truyền thống mà Mt và Lc sử dụng lại, đưa ra lời giải thích sau đây.

Mời bạn đọc bản văn của Mt. Những chữ sau đây khiến bạn nghĩ gì: "sa mạc", "40", "cám dỗ"? Hãy để ý xem mỗi cơn cám dỗ được kết cấu ra sao?

- Quỷ đặt Đức Giêsu vào một trong những tình huống của dân Do thái ngày xưa trong sa mạc (c.4: Xh 16,14 c.7: Xh 17,1-7 c.10: Xh 23,20-30 34, 11-14). Nghĩa là Đức Giêsu đi lại lộ trình của dân Do thái ngày xưa. Phần họ thì đã không đạt được mục tiêu là Đất hứa vì họ đã không vượt qua được những cơn cám dỗ ấy.

- Mỗi lần trả lời, Đức Giêsu đều trích một câu trong sách Đệ Nhị Luật. Nghĩa là Ngài thấy dân Do thái lẽ ra phải làm như Ngài khi những gặp cơn cám dỗ ấy thì mới thành công. Đức Giêsu đã sống lại cái lịch sử của dân Ngài và lịch sử ấy thành công, từ nay việc vào Đất hứa là việc

có thể được, cho nên Đức Giêsu mới tuyên bố "Nước Thiên Chúa đã đến" (4,17).

Như vậy, những cơn cám dỗ mà Đức Giêsu đã chịu vừa là những cơn cám dỗ của chính Ngài mà cũng vừa là của dân Ngài (phần Lc, khi ghi gia phả của Đức Giêsu lên tận ông Adam, có lẽ ngụ ý Đức Giêsu chịu lại những cám dỗ của cả nhân loại).

Phaolô cũng thuật lại những cám dỗ của dân Do thái (1 Cr 10,1-11) để chứng minh rằng đó cũng là những cám dỗ của chúng ta: "Việc đó xảy đến cho họ để làm mô hình cho chúng ta" (c.6,11). Mô hình không phải là gương, cũng không phải là mẫu, mà là một phác thảo cho thấy trước điều mà người ta sẽ làm sau. Những cám dỗ của dân Do thái cũng là của chúng ta nhưng trong dạng mô hình, và Đức Giêsu đã sống thực những cám dỗ ấy. Ngày nay chúng ta không chỉ bắt chước Đức Giêsu để làm y như Ngài, mà còn phải sống chính những cám dỗ của chúng ta trong Ngài bởi vì Ngài đã chịu và đã chiến thắng chúng rồi.

II. BÀI GIẢNG TRÊN NÚI: (5-7)

Bắt đầu, bạn hãy đọc kỹ bản văn và trả lời những câu hỏi sau:

- Ai giảng? Dĩ nhiên là Đức Giêsu rồi. Nhưng hãy xem Mt trình bày Ngài thế nào? Ngài ở "trên núi", nhưng núi nào? Ngài đang ở vị trí của nhân vật nào trong Cựu ước?

- Giảng cho ai? Cho quần chúng và các môn đệ. Đây không phải là lời loan báo đầu tiên để mời người ta trở lại đạo (kerygma), mà là một loại giáo lý dạy cho những người đã khám phá ra "viên ngọc quý" và đã sẵn sàng bán tất cả để mua cho được viên ngọc ấy. Sự có mặt của các môn đệ cho thấy điều này có thể thực hiện được bởi vì đã có một số người (tức các môn đệ) đã chọn lựa như thế để theo Đức Giêsu.

Bạn hãy lưu ý những điệp khúc và những kiểu nói lặp đi lặp lại: "Các ngươi đã được dạy rằng...", "Cha các ngươi Đáng nhìn thấu bí mật...". Hãy gạch dưới chữ "Cha": nó có ở trong Mt 21 lần, trong Mc chỉ 2 lần, trong Lc chỉ 5 lần và trong Ga chỉ 3 lần. 16 lần của Mt là trong bài giảng này. Tìm xem chúng ở phần nào? Khiến cho giáo huấn của bài giảng này có ý nghĩa gì?

Hãy để ý câu Mt chuyển từ chữ "chúng con" (hoặc "ai") sang chữ "con". Những câu mang chữ "chúng con" là những nguyên tắc chung có giá trị cho mọi người và khắp nơi: còn những câu mang chữ "con" là những thí dụ áp dụng giúp mọi người nghĩ ra cách thức riêng của mình để thực hiện nguyên tắc chung theo hoàn cảnh (chính Đức Giêsu cũng không giữ đúng y nguyên tắc ở Mt 5,8: bạn hãy đọc Ga 13,23). Căn cứ vào cách Mt dùng chữ như trên bạn thử tìm ra đâu là những nguyên tắc và đâu là những thí dụ áp dụng, rồi cũng thử nghĩ ra những cách áp dụng cho ngày hôm nay.

Tìm xem Đức Giêsu hoàn thiện Luật Môisen như thế nào: Ngài không huỷ bỏ nó, mà đưa nó tới chỗ tuyệt đối. Ngài nội tâm hoá nó: không cần hình thức bề ngoài mà cần tình yêu. Ngài bản vị hoá nó: phải sống dưới cái nhìn của Cha và từ nay sống như vậy là có thể được bởi vì Đức Giêsu là Con và Ngài cũng mời chúng ta đi vào tình hiếu tử ấy như Ngài.

III. NHẬN BIẾT VÀ ĐI THEO ĐỨC GIÊSU: 16,13-28

Đây là 3 câu chuyện tạo thành một khúc quanh trong Tin mừng Mt (xem lại bố cục Tin mừng Mt ở phần trước và những chú thích của TOB và BJ).

So sánh câu trả lời của Phêrô trong Mt 16,16 với Mc 8,29, Lc 9,20 và Ga 6,69. Câu trả lời thực sự của Phêrô có lẽ là gì? Mt đã tô điểm cho nó ra sao khi đặt thêm lên đó "tờ giấy đề" về niềm tin Kitô hữu? Vai trò quan trọng của Phêrô trong cộng đoàn đầu tiên đều được mọi Kitô hữu công nhận. Vai trò này có được chuyển lại cho những kẻ kế vị Phêrô không? Về điểm này lập trường của các giáo phái Kitô không như nhau (xem TOB chú thích Mt 16,18 chữ f).

IV. QUY LUẬT VỀ NẾP SỐNG CỘNG ĐOÀN: chương 18

Đức Giêsu đưa ra 2 nhóm quy luật và minh họa chúng bằng 2 dụ ngôn (18,10-14.23.35). Vậy Đức Giêsu muốn Giáo hội Ngài phải sống theo những quy luật nào?

Câu 18,20 rất mạnh, một vị rabbi (chết năm 135) đã tuyên bố: "Khi có 2 người ngồi lại nói với nhau về Luật, thì Shekinah (sự hiện diện thánh

thiện của Thiên Chúa) ngự giữa họ". Nghĩa là ở đây Mt đặt Đức Giêsu thay chỗ cho Luật và cả Thiên Chúa!

V. NHỮNG TƯỜNG THUẬT VỀ THỜI THƠ ẤU: chương 1-2

Cũng như trong Lc, những tường thuật này không phải là truyền thuyết dân gian mà chính là Thần học như Mc 1,1 và Ga 1,1-18. Cũng như khi dàn dựng cuốn phim, đôi khi đạo diễn dựa lên ngay đầu phim những hình ảnh sau cùng của chuyện phim, đó là những hình ảnh chủ yếu, rất quan trọng. Mt cũng làm thế trong 2 chương đầu ông giới thiệu những nhân vật chính và cho biết Đức Giêsu là ai (Môisen mới) và sứ mạng của Ngài là gì.

Mời bạn đọc kỹ 2 chương này dưới ánh sáng của những gì bạn đã biết trong bài "đọc trọn tác phẩm" trang 195 (sách gốc) để biết ở đây Mt trình bày trước về cuộc đời Đức Giêsu như thế nào.

Sau bài gia phả, có 2 tập hợp xếp xen kẽ nhau thành một chuỗi liên tục gồm 5 chuyện, mỗi chuyện chứa một câu trích dẫn Cựu ước:

1) Báo tin cho Giuse (1,18-25) trích dẫn Is 7,14.

a) Các đạo sĩ (2,1-12) trích dẫn Mk 5,1 và 2 Sm 5,2.

2) Trốn sang Ai cập (2,13-25) trích Hs 11,1-15.

b) Tàn sát các hài nhi (2,16-18) trích Gr 3,15.

3) Trở về Nazareth (2,19-23) trích Is 42,6; 49,6 (?)

Tập hợp thứ nhất quy về Thiên sứ của Thiên Chúa và Giuse, và sử dụng một sơ đồ giống nhau: hoàn cảnh - sứ điệp của Thiên sứ và giao sứ mạng - trích sách thánh - thực hiện sứ mạng. Tập hợp thứ 2 đối chọi nhau 2 vị vua là Hêrôđê và Đức Giêsu.

- Bản gia phả cho biết Đức Giêsu là ai: là Kitô, con vua Đavít là khởi sự của cuộc tạo dựng mới (so sánh 1,1 với St 5,1).

- Chuyện báo tin cho Giuse cho biết làm thế nào mà Đức Giêsu là con của Đavít mặc dù Ngài được đầu thai đồng trinh. Vì là người công chính nên Giuse không muốn nhận đứa trẻ để làm cho nó gia nhập dòng dõi ông theo pháp luật.

- Chuyện các đạo sĩ là cách tìm một ý nghĩa trong sách thánh (văn thể Midrash Peshar trang 47). Từ những ký ức về bạo vương Hêrôđê, Mt xây dựng một câu chuyện dựa theo Is 60 và 62 nói về một ngôi sao trong Ds 24,17 để cho thấy được rằng Đức Giêsu sẽ bị các vị chức trách Do thái và chính quyền từ chối nhưng lại được lương dân công nhận.

- Chuyện trốn sang Ai cập là một cách biểu tượng cho thấy Đức Giêsu thực hiện thành công cuộc Xuất hành mới. Lối vào Nước Thiên Chúa được khai mở.

(xem bảng trong trang 207 và 208)

BÀI 3

CUỘC THỤ NẠN THEO MATTHÊU

Mt viết cho những Kitô hữu đã có đức tin mà còn muốn đào sâu thêm, vì thế ông tìm cách vén màn ý nghĩa cái chết của Chúa Kitô.

Ông viết cho những người Kitô hữu gốc Do thái để chứng minh rằng Đức Giêsu, Thiên Chúa giữ lời Ngài đã hứa với dân Ngài, rằng Đức

Giêsu đã thực hiện sách thánh. Dân Do thái thông qua các thủ lĩnh của họ, đã từ chối Đức Giêsu nên bây giờ lời hứa được chuyển sang cho một dân mới là Giáo hội. Nhưng Giáo hội phải tỉnh thức vì cả Giáo hội cũng có thể từ chối đi theo Đức Giêsu!

Nhất là khi trình bày những sự việc xảy ra, Mt muốn cho ta thấy được thế lực và uy quyền của Đức Giêsu.

Đức Giêsu là Con Thiên Chúa: Ngài biết điều gì sắp xảy đến cho Ngài, Ngài chấp nhận và thậm chí những biến cố sớ dĩ xảy ra là cũng vì Ngài đã thấy trước.

Đức Giêsu là Đức Chúa được đặt lên ngự trị cả thế giới, Cha đã trao quyền cho Ngài và Ngài có thể sử dụng quyền ấy để tránh cái chết. Tuy nhiên Ngài không tránh, bởi vì cái chết ấy đánh dấu lúc tận cùng của thời gian và khánh thành nước Thiên Chúa mà bây giờ chúng ta đang sống.

Tường thuật về cuộc mưu hại Đức Giêsu (26,1-5):

Muốn trả lời cho 2 cơ vấp phạm có thể nổi lên. Vấp phạm thứ nhất là: tại sao Con Thiên Chúa mà có thể bị giết chết? Khi đặt những lời tường thuật vào miệng của chính Đức Giêsu Mt cho thấy rằng chính Ngài dẫn dắt những biến cố, còn các lãnh tụ Do thái chỉ là người thừa hành mà thôi (chữ "bấy giờ" trong câu 3). Vấp phạm thứ hai là: tại sao các lãnh tụ tôn giáo là những người có trách nhiệm phải nhận ra đấng Messia mà lại kết án Ngài? Tại vì họ xấu xa, họ là những người theo Tv 2 "liên minh lại" để chống đấng Messia. Vì thế Mt muốn nói rằng ngay từ bây giờ đấng Messia ấy sắp được tấn phong làm Đức Chúa của cả thế giới. Và Đức Giêsu coi việc xúc dầu tại nhà ông Simon (26.6-13) là cử hành trước nghi lễ tẩm liệm Ngài.

Tường thuật bữa tiệc ly (26,26-29) được đóng khung trong lời loan báo Phêrô chối Thầy: nghĩa là Đức Giêsu hoàn toàn biết rõ ngài trao mình và máu Ngài vào tay những ai. Và như thế cũng là Ngài thực hiện sách thánh (câu 31).

Từ trước tới giờ, Đức Giêsu đã cử hành cuộc thụ nạn một cách trang trọng như một chủ tế trên bàn thờ. Nhưng tường thuật về cơn hấp hối

(26,36-46) lại cho thấy một hình ảnh rất người của Ngài; 3 lần Mt ghi thêm những chữ "với họ", "với ta" (c.36.38.40). Cũng như bất cứ ai đang đau khổ, Đức Giêsu thấy cần sự hiện diện của bạn hữu. Nhưng điều này cũng bị chối từ: họ ngủ... tuy nhiên khi đọc kinh Lạy Cha, Ngài tìm lại được sức mạnh để thi hành ý Cha; khi người ta đến bắt Ngài (26,47-56) Ngài lên tiếng giảng dạy một lần nữa và từ chối không sử dụng quyền lực đã được Cha ban cho.

Trong phiên xử trước toà án Do thái (26,57-68) Đức Giêsu tuyên bố rằng "từ nay, kể từ bây giờ" (câu 64) Ngài được Cha đưa vào quyền lực của Con-Người-được-nâng-lên của một Đấng Messia vừa đăng quang. Những tường thuật về việc Phêrô chối Thầy (26,69-75) và về cái chết của Giuđa (27,3-10) là một lời nhắc nhở bi thảm rằng cả chúng ta cũng có thể từ chối không nhìn nhận Đức Chúa bị sỉ nhục đến mức ấy. Nhất là Mt chứng minh rằng đó là ứng nghiệm lời sấm của Giacaria; dân chúng đã từ chối Thiên Chúa và sỉ nhục Ngài bằng cách trả mạng Ngài bằng cái giá rẻ mạt đủ chỉ mua một tên nô lệ. Nghĩa là trong Đức Giêsu chính Thiên Chúa bị bán...

Trong phiên xử trước toà án Rôma (27,11-26) Mt ghi thêm cuộc can thiệp của vợ ông Philatô: ngay cả những người Rôma còn nhận thấy Đức Giêsu là công chính. Philatô đã rửa tay và dân đòi lãnh trách nhiệm về cái chết ấy: "máu của nó hãy đổ trên chúng tôi..." từ nay, mọi người dù là Do thái hay dân ngoại nếu muốn được cứu độ thì đều phải đi vào giao ước được đóng dấu bằng máu của Đức Giêsu.

Cái chết của Đức Giêsu (27,32-54) được Mt coi là đánh dấu sự tận cùng của thế giới cũ và khánh thành thế giới mới. Như thế nó hoàn thành sách thánh mà biết bao lần Mt trích dẫn.

Đức Giêsu chết bề ngoài như bị mọi người bỏ rơi, kể cả Thiên Chúa. Nhưng cái chết của Ngài là sự sống lại: séisme là một hình ảnh về lúc tận cùng của thời gian; ngay từ lúc đó các thánh sống lại và vào thành Giêrusalem trên trời, và những người ngoại nhận ra rằng Đức Giêsu là Con Thiên Chúa.

Các thượng tế niêm phong ngôi mộ và đặt lính canh (27,55-61) làm như vậy chỉ khiến quyền lực của Đấng Phục sinh càng hiển hách thêm!

chính bọn họ loan tin Phục sinh! Xem ra tất cả đã chấm dứt, nhưng Mt cho ta biết rằng tất cả mới bắt đầu và trong đêm tối của năm mò đang nảy mầm bình minh của sự sống lại.

BÀI 4

ĐỨC GIÊSU CỦA MATTHÊU

I. ĐỨC CHÚA ĐANG SỐNG TRONG CỘNG ĐOÀN:

Với Mc chúng ta khám phá trước tiên là một Đức-Giêsu-người; còn Mt tức khắc đặt chúng ta trước một Đức Giêsu là Đức Chúa vinh quang đang được Giáo hội cử hành lễ nghi tôn thờ. Khi gặp Đấng Phục sinh, các môn đệ đã "thờ lạy Ngài" (28,17). Nhiều người khác cũng đã làm thế, như các đạo sĩ (2,2.11), người cùi, viên sĩ quan, các môn đệ sau cơn bão táp. Ta phải lưu ý rằng người ta chỉ được thờ lạy một mình Thiên Chúa mà thôi (4,10).

Như thế nghĩa là qua sự phục sinh, Đức Giêsu thực sự là Thiên Chúa ở cùng chúng ta (Emmanuel). Tên này được loan báo ngay từ lúc được

sinh ra (1,23) nhưng chỉ được ban cho Ngài thực sự vào ngày phục sinh: "Ta là (kiểu nói mà Cựu ước chỉ gán cho Thiên Chúa) với chúng con" (28,20).

Ngài là Con yêu dấu của Thiên Chúa: Mc ít khi dùng tước hiệu này và còn cho chúng ta thấy các môn đệ không nhận ra Đức Giêsu là Con Thiên Chúa. Còn trong Mt, chính Đức Giêsu tự giới thiệu mình là Con Thiên Chúa (11,27; 26,63-64). Còn các môn đệ thì rất nhiều lần tuyên xưng Ngài như thế (thí dụ 14, 33; 16,16).

Như thế hình ảnh Đức Giêsu trong Mt thật là trang trọng, thánh thiêng. Mt loại bỏ những chi tiết nói về cảm xúc hoặc sự không biết của Đức Giêsu (so sánh Mt 13,58 với Mc 6,5) và nhấn mạnh tới quyền năng của Ngài (4,23; 8,24; 15,30...) nhưng có một lần Đức Giêsu tỏ ra rất người, đó là khi tìm kiếm chút tình cảm nơi các môn đệ trong cuộc hấp hối.

Đức Giêsu là Đấng cứu tinh của cộng đoàn. Các phép lạ cho thấy Ngài là Người tô tở trong Is chịu khổ để "gánh lấy những yếu đuối của chúng ta" (8,17). Bằng cách sắp xếp các phép lạ theo một sơ đồ có chủ

ý, bằng cách xoá bỏ những nét người phạm của Đức Giêsu và bằng cách trình bày nhạc mẫu của Phêrô (8,15) và các môn đệ trong cơn bão (8,25) dưới những nét của các Kitô hữu thời của cộng đoàn mình, Mt chứng tỏ rằng Đức Giêsu vẫn tiếp tục hoạt động cứu độ trong hiện tại của cộng đoàn.

Đức Giêsu là chủ của cộng đoàn: Ngày xưa Môisen đã ban luật cho dân Do thái, ngày nay Đức Giêsu là Môisen mới, ban luật mới cho dân mới trên núi Sinai mới (núi mà Đức Giêsu công bố các mối phúc, núi mà Ngài hẹn gặp các môn đệ sau ngày phục sinh). Luật mới này chủ yếu là "hãy nên hoàn thiện như Cha" Đức Giêsu đã đưa Luật cũ trở về tình trạng nguyên thủy của nó, vì thế Ngài chờ đợi "lòng thương xót chứ không phải các lễ vật" (9,13; 12,7), Ngài trao lại cho Giáo hội cũng lòng thương xót ấy và sự tha thứ, coi như là quy luật của Giáo hội (18,21-35) Ngài muốn các môn đệ phải hiểu về đức tin của mình, nhiều lần Ngài đã nhấn mạnh điều đó (thí dụ 13,19.23.51; 15,10).

Đức Giêsu còn là gương mẫu của cộng đoàn. "Chúng ta phải làm trọn sự công chính" Ngài nói với Gioan như thế (3,15), và trong một đoạn

văn riêng Mt ghi lại, ông trình bày cuộc sống của Đức Giêsu như là con đường duy nhất dẫn tới sự hiểu biết Cha (11,27-30).

II. ĐÁNG MESSIA CỦA ISRAEL:

Đối với Mt Đức Giêsu là Đấng Messia mà dân Israel mong đợi và sách thánh đã loan báo. Như một rabbi thực thụ, Mt đã trích dẫn Cựu ước rất tài tình để chứng minh rằng Đức Giêsu làm trọn những lời Cựu ước ấy. Ông thường xuyên ban cho Đức Giêsu những tước hiệu chính thức như Messia (Kitô), con vua Đavít, vua của Israel. Tùy thái độ chấp nhận hoặc từ chối của Ngài mà ta sẽ được quyết định cho gia nhập vào dân Israel đích thực hay không: các đạo sĩ tuy là người lương nhưng đã tôn thờ Ngài trong khi Giêrusalem lại từ chối Ngài; các tư tế và ký lục kết án Ngài trong khi viên sĩ quan Rôma và binh lính của ông lại tuyên xưng Ngài là Con Thiên Chúa. Vì thế nước Thiên Chúa sẽ bị cất khỏi những người trước để ban cho những người sau (dụ ngôn những người thợ làm vườn nho 21,41), Đấng Messia của Israel trở thành Đấng Messia của hết mọi người.

III. CON NGƯỜI:

Trong đường hướng của các sách Khải huyền (xem Đn 7) người ta chờ mong Con Người đến vào lúc tận thế để phán xét. Đối với Mt Đức Giêsu chính là Con Người ấy; Ngài đã long trọng tuyên bố như thế trước Đại công nghị và còn loan báo rằng "từ nay người ta sẽ thấy Ngài" (26,64) Phục sinh quả là ngày quang lâm của Con Người "đến" trên mây trời (26,64) đến với các môn đệ đang thờ lạy Ngài (28,18) sau khi Ngài "đã nhận mọi quyền năng" (28,18; Đn 7,14). Một mình Mt nói tới cuộc Quang lâm này đánh dấu lúc triều đại Thiên Chúa được thành lập trong lịch sử chúng ta. Điều này được thực hiện trong biến cố Phục sinh; cuộc quang lâm cũng được thực hiện mỗi khi chúng ta gặp thấy Con Người hiện thân cách mẫu nhiệm trong những kẻ bé mọn mà Đức Giêsu tự đồng hoá với họ (25,31-36).

IV. ĐỨC GIÊSU SAI PHÁI CỘNG ĐOÀN:

Được tấn phong làm Con Người, làm thẩm phán tối cao và làm Đức Chúa của cả thế giới, Đức Giêsu thực sự đoạt được chiến thắng cuối

cùng . Bây giờ chỉ còn có việc "chiếm lĩnh lãnh thổ" nữa thôi: do đó Ngài sai các môn đệ đi thiết lập chiến thắng của Ngài trên toàn thế giới. Trước đây Ngài đã chuẩn bị cho họ sứ mạng này (10) nhưng khi đó chính là Ngài ra đi rao giảng, còn bây giờ Ngài sai họ đi thực sự (28,18-20).

BÀI 5

GIÁO LÝ CÁC DIỄN TỪ

Khi các thánh giả đã nghe bài giảng truyền đạo (kegygma) và đã trở thành môn đệ Đức Giêsu Kitô qua đức tin và phép rửa thì còn phải tiếp tục hoàn thiện giáo huấn họ. "Họ chăm chỉ nghe giảng huấn của các Tông đồ" (Cv 2,42) khi học về cách sống Kitô hữu, chúng ta đã khám phá được giáo lý ấy qua các thư tông đồ. Còn trong bài này chúng ta sẽ khám phá nó qua các diễn từ của Đức Giêsu trong các Tin mừng.

Đức Giêsu có giảng, điều này đã rõ ràng. Thế nhưng Ngài có giảng những bài diễn từ dài như các Tin mừng trình bày không? Có thể, nhưng dù sao các diễn từ dài ấy đa số là công trình làm việc của các

giáo đoàn. Họ đã gom nhiều lời của Đức Giêsu lại để làm thành một thứ giáo lý.

Trường hợp rõ ràng nhất là Bài giảng trên núi trong Mt tương ứng với Bài giảng trên cánh đồng trong Luca. Chúng ta đã học bản văn của Mt. Bây giờ chúng ta so sánh 2 bản văn của Mt và Lc.

I. VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG:

Trong Mt, bài giảng này là một diễn-từ-chương-trình (discours-programe) của Đức Giêsu, diễn từ đầu tiên của Ngài gồm 107 câu. Trong Lc nó chỉ có 30 câu. Trong Mc diễn từ chương trình là diễn từ Đức Giêsu giảng tại Hội đường Nazareth (Lc 4,16-30). Còn trong Mc thì không có bài giảng này.

II. HƯỚNG VỀ MỘT VĂN BẢN CÓ TRƯỚC:

Chúng ta không có tham vọng tìm lại được chính xác những lời của chính Đức Giêsu, nhưng cũng thử tìm xem Mt và Lc có dựa theo một

bản văn nào đó mà họ đã gặp trong nguồn tài liệu họ sử dụng không, nếu có thì họ đã sửa đổi hoặc thêm thắt gì vào bản văn có trước ấy?

Khi xem những chi tiết quy chiếu (références) in bên cạnh bản văn của Lc, bạn sẽ thấy rằng toàn thể diễn từ trong Lc đều có nằm trong diễn từ trong Mt, mặc dù đôi khi không đúng cùng một thứ tự, trừ 6,24-26 và 4 câu khác 38a.40.45.

Trong một bài nghiên cứu tỉ mỉ, J.Dupont đã đi đến giả thuyết sau đây: Mt đã viết lại đúng theo nguồn tư liệu của mình nhưng còn cho thêm một số lời giáo huấn. Lc cũng viết theo nguồn tư liệu vốn đã được thêm sẵn 4 câu nhưng ông đã bỏ bớt một số chi tiết và chuyển một số câu giáo huấn trong đó sang những nơi khác của tác phẩm ông.

Chính xác thì không biết như thế nào, nhưng dù sao có điều chắc chắn là bài diễn từ này trong tình trạng đầu tiên cũng là một công trình cấu tạo của cộng đoàn đã gom lại những lời dạy rải rác của Đức Giêsu; một số lời có thể đã là những toát yếu của những bài giảng huấn của Ngài; một số lời khác là cô đọng lại một bài giảng huấn dài được Đức Giêsu

giảng lúc người ta hỏi hoặc xin ý kiến về một vấn đề nào đó, khi tập họp lại như vậy, các môn đệ muốn đưa ra một trình bày tổng quát về Kitô giáo (một loại giáo lý) bằng cách so sánh với giáo lý của Do thái giáo được những người pharisiêu của Jamnia trình bày.

III. BÀI GIẢNG TRONG MATTHÊU:

Mt đã ghi lại giáo lý ấy cách trung thực. Ông nhấn mạnh đến những áp dụng thực hành và sau đó đưa ra những thí dụ.

Theo ánh sáng của bài phía trước, bạn hãy cố tìm những nét mới của giáo lý ấy nói về hạnh kiểm của một người môn đệ hoàn hảo.

IV. DIỄN TỪ TRONG LUCA:

Diễn từ trong Lc ngắn hơn nhiều và giữ được tính cách "Phúc âm" (công bố Tin mừng) hơn (xem phần dưới đây, mục "những lời chúc phúc"). Nghe theo Tin mừng này thì sẽ cảm thấy cần phải sống một cách khác: Luca quy chiếu giáo lý của mình vào tình yêu đó.

So sánh Lc 6,36 với Mt 5,48 có gì khác nhau? điều đó mang lại ý nghĩa gì cho cách sống Kitô hữu.

So sánh Lc 6,33-35 với Mt 5,47: có gì khác nhau? Chỉ có Lc và 1 P dùng chữ "làm điều lành" hoặc "hạnh kiểm tốt" (1 P 2,14.15.20; 3,6.17; 4,19). Vậy Lc dạy ta một quan niệm gì về cách sống Kitô?

So sánh điệp khúc Lc 6,32.33.34 với Mt 5,46 có gì khác nhau? chữ được dịch là "ơn" và "nghĩa" (dễ khiến hiểu sai là một sự thưởng công, trả ơn, trả lương) đúng ra là "ơn sủng" (grâce). Đáp ứng với tình yêu của ta, điều mà ta nhận được không phải là một phần thưởng mà là ân sủng.

Dưới ánh sáng của những nhận xét trên bạn hãy đọc lại diễn từ này. Hãy cố tìm những nét lớn của giáo lý về hạnh kiểm của người tự biết đã được Thiên Chúa yêu thương.

V. NHỮNG LỜI CHÚC PHÚC:

Bài giảng trên núi trong Mt và Bài giảng trên cánh đồng của Lc mở đầu bằng những lời chúc phúc. Nghĩa là sứ điệp của Đức Giêsu chủ yếu là loan báo hạnh phúc. Nhưng loan báo cho ai, và như thế nào?

Phải đau đớn nhận rằng các lời chúc phúc ấy đã bị hiểu sai và bị lợi dụng làm một thứ thuốc phiện nhằm ru ngủ nỗi khổ đau và sự nổi loạn của những người nghèo. Người ta muốn hiểu chúng như sau: "Hỡi những người nghèo, các người hạnh phúc lắm vì các người được Thiên Chúa yêu thương... vậy cứ tiếp tục nghèo đi! hãy chấp nhận thân phận của các người, rồi một nào đó ở trên trời các người sẽ được hạnh phúc". Nhưng thực ra Đức Giêsu nói ngược hẳn lại: "Hỡi những người nghèo, chúng con hạnh phúc, vì từ nay chúng con không còn nghèo nữa, vì triều đại của Thiên Chúa đã đến".

Trước tiên bạn hãy so sánh những lời chúc phúc này: những lời nào có chung trong Mt và Lc? chúng nhằm nói với ai (họ-các con)?

Trong Lc đó là một thứ nghèo gì? trong Mt hãy phân biệt 2 loại chúc phúc: 8 lời đầu trong Mt (cùng cú pháp, cùng cách diễn tả, "nước Thiên

Chúa" ở đầu và ở cuối), còn lời thứ 9 thì khác (đổi cú pháp, đổi đối tượng).

VI. NHỮNG LỜI CHÚC PHÚC CÓ TRƯỚC MATTHÊU VÀ LUCA:

Có lẽ Đức Giêsu đã nói lên những lời chúc phúc vào nhiều lúc khác nhau. Cộng đoàn đã gom chúng thành một tập đầu tiên mà J.Dupont đã nói. Vậy ý nghĩa của những lời chúc ấy vào giai đoạn đầu tiên là gì?

Muốn khám phá điều này, ta phải đặt chúng lại vào vị trí bài giảng của Đức Giêsu về triều đại Thiên Chúa. Hãy đọc lại những điểm đã viết ở bài "Đức Giêsu của Marcô" và so sánh những mối phúc chung trong Mt và Lc với câu Đức Giêsu trả lời các sứ giả của Gioan Tẩy giả. Trong câu trả lời này Đức Giêsu đã trích dẫn các ngôn sứ: tức là Ngài ý thức rằng, bằng những hành động của mình Ngài đang thực hiện lời mà các ngôn sứ đã báo trước. Bạn hãy đọc lại vài bản văn Is 49,9; 52,7; 60,5; 61,1; 35,5-6. Trong thời gian lưu đày hoặc ngay sau đó, các ngôn sứ tiên báo rằng Thiên Chúa sẽ cai trị và sau cùng sẽ tỏ mình ra là một vị

vua tốt. Ngài cho những dấu chỉ nào? Phải chăng đó là những dấu chỉ mà Đức Giêsu đã làm? Như thế nghĩa là Ngài xác nhận rằng nhờ Ngài mà triều đại Thiên Chúa đến, nên từ nay không còn người nghèo nữa, chính vì thế mà họ hạnh phúc?

Một vấn nạn: nếu thực sự ý nghĩa lời chúc phúc của Đức Giêsu như thế thì... Ngài đã làm, vì vẫn luôn còn những người nghèo, và bất công vẫn còn đây! Nhưng đặt câu hỏi như vậy thì hỡi ôi, những người Kitô hữu chúng ta đã không làm tròn bổn phận của mình. Chúng ta chỉ chờ một mình Đấng Messia thành lập triều đại Thiên Chúa. Đúng ra Đức Giêsu là người khánh thành nước Thiên Chúa và giao trách nhiệm cho chúng ta là các môn đệ của Ngài phải hoàn thành. Những Kitô hữu đầu tiên đã hiểu rõ điều ấy: họ để tài sản của họ thành của chung và không có người nghèo giữa họ (Cv 4,34). Không thể chỉ công bố suông những lời chúc phúc mà chẳng làm gì cả theo khả năng mình để cho sự nghèo khổ dưới mọi hình thức bị biến mất.

Như thế, trong ý nghĩa đầu tiên những lời chúc phúc đó có tính cách Thần học: chúng nói về Thiên Chúa, Thiên Chúa của những người

nghèo. Nhờ đấng Messia và các môn đệ của Ngài; Thiên Chúa ấy đến thành lập triều đại công chính và yêu thương. Rồi trong các sách Tin mừng, những lời chúc phúc ấy mang tính Kitô học: Mt và Lc mỗi người một cách khác nhau đều nhấn mạnh tới Đấng mà nhờ Ngài triều đại Thiên Chúa đến tức là Đức Kitô.

VII. NHỮNG MỜI PHÚC THEO LUCA:

Những lời chúc phúc nhắm đến ai? chữ "chúng con" chỉ các môn đệ. Nhắm tới những Kitô hữu nghèo, Đức Giêsu tuyên bố tình trạng khốn khổ của họ là bình thường vì đó là kết quả của lòng họ trung thành với Ngài. Nhưng khi họ chết, Thiên Chúa sẽ tái lập tình trạng của họ cho tốt hơn.

VIII. NHỮNG MỜI PHÚC THEO MATTHÊU:

Mt không nhắm tới những Kitô hữu mà là mọi người. Chỉ có điều là ông đã thiêng liêng hoá những lời chúc phúc thành những tình trạng tâm hồn. Đối với những người nào đang nỗ lực làm cho không còn những người nghèo nữa, Đức Giêsu hỏi họ: các bạn đang hoạt động với

tâm hồn nào? Phaolô đã hiểu rõ điều đó khi nói: dù tôi có ban phát hết mọi tài sản của tôi cho người nghèo nhưng không có tình thương thì cũng chẳng có giá trị gì cả (1.Cr 13,3). Dĩ nhiên phải tranh đấu để không còn người nghèo nhưng phải tranh đấu với tâm hồn của người nghèo. Chỉ những ai có tâm hồn như thế mới có thể giúp đỡ những người nghèo mà không khiến họ cảm thấy bọ chà đạp vì lòng thương hại của chúng ta. Những tình trạng tâm hồn như thế bắt nguồn từ Đức Giêsu, đáng "dịu hiền và nghèo trong lòng" (Mt 11,29) chỉ khi nào ta thấy mình được ban ơn dư tràn thì khi đó việc ta giúp người nghèo thoát khỏi cái nghèo của họ mới đúng là một việc loan Tin mừng.

IX. TIN MỪNG VỀ TRIỀU ĐẠI THIÊN CHÚA:

Tin mừng mà Đức Giêsu loan báo chủ yếu là: triều đại Thiên Chúa hoặc nước Thiên Chúa đã gần kề. Bằng những việc làm (các phép lạ, thái độ cư xử với những người nghèo, những người bé mọn, những người bị chê bỏ) và bằng những lời nói (các diễn từ, mà trung tâm chính là những lời chúc phúc) Đức Giêsu tỏ cho thấy rằng nước ấy đang đến. Ngài là người loan báo và khánh thành nước ấy.

Thế mà ta đã thấy cộng đoàn và các sách Phúc âm lại loan báo một Tin mừng về Đức Giêsu. Người loan báo nay trở thành điều được loan báo. Đây đúng là đôi mục tiêu, nhưng ý nghĩa cũng như nhau. "Những người chết được sống lại" cũng là xác nhận rằng trong Ngài triều đại Thiên Chúa đã đến. Con người vinh quang ấy chính là biểu tượng của con người đã vào Nước Trời.

Các môn đệ còn hiểu rằng: chính nhờ Ngài mà triều đại Thiên Chúa đến. Công bố Đức Giêsu sống lại cũng là một cách khác, càng rõ ràng hơn, để công bố rằng triều đại Thiên Chúa đã ở đây.

X. CÁC MỐI PHÚC: MỘT CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH TRỊ:

Công việc của Đức Giêsu là khánh thành Nước Thiên Chúa. Nếu thế thì các lời chúc phúc (và những giáo huấn triển khai các mối phúc ấy) đối với các Kitô hữu là một chương trình hành động trong sinh hoạt cụ thể của họ về chính trị, kinh tế, gia đình...

Chúng nhắc chúng ta nhớ rằng động cơ hành động của chúng ta chỉ là phục vụ tha nhân và trước tiên là những người nghèo, chứ không bao giờ được là tiền bạc hoặc quyền lực.

Chúng còn ban một ý nghĩa sâu sắc cho những việc người Kitô hữu làm: một y sĩ chiến đấu với bệnh tật, một công nhân đem sản phẩm của mình làm cho đời sung túc hơn, một giáo viên cố gắng giúp giới trẻ nên người... tất cả những người ấy đều có quyền nghĩ rằng mình đang thực hiện Nước Chúa.

XI. TẠI SAO ĐỨC GIÊSU ĐÒI HỎI NHIỀU THẾ?

Khi đọc những lời chúc phúc, Bài giảng trên núi và những diễn từ của Đức Giêsu ta sẽ thấy Ngài đòi hỏi quá nhiều: phải cho đi tất cả và cho đi tức khắc! làm sao có thể được!

Ta đã thấy Mt nhấn mạnh tới Cha trên trời. Ta phải hoàn thiện như Ngài vậy. Sự nhấn mạnh tới Cha trên trời. Ta phải hoàn thiện như Ngài vậy! Sự nhấn mạnh này thay đổi tất cả. Luân lý, cách sống Kitô hữu không phải là một bộ luật phải thi hành mà là một đòi hỏi của tình yêu.

Khi ta thấy mình được yêu thương nhiều đến thế thì ta không thể không ao ước được nên giống như kẻ yêu thương mình. Đòi hỏi này thì vô tận, cũng như tình yêu của Thiên Chúa là vô tận. Dù vô tận, nhưng khi đó là đòi hỏi của tình yêu thì mọi sự đều trở thành có thể.

Điều Đức Giêsu đề nghị không phải là một sự từ chối bỏ mà là hạnh phúc. "Phúc cho... phúc cho..." những dụ ngôn về kho báu và viên ngọc (Mt 13,44-46) nói rõ ý đó: Đức Giêsu nói với những người đã có cảm nghiệm về tình yêu đã khám phá rằng Nước Thiên Chúa tuyệt diệu dường nào và đang sẵn sàng bỏ tất cả để chiếm, được nước ấy. Luật Phúc âm có thể mang tính tuyệt đối bởi vì nó mời ta tiến đến đỉnh tuyệt đối, đó là hạnh phúc.

Lời chứng của những người đã thực hiện sự chọn lựa ấy là chủ ấy. Lúc Đức Giêsu giảng trên núi, có các môn đệ chung quanh Ngài (Mt 5,1): những người nghe lời Đức Giêsu dạy hôm ấy thấy rằng có thể làm theo lời Ngài được bởi vì kia đã có những người chọn lựa như thế (các môn đệ) và cũng không phải tình cờ mà các lời chúc phúc kết thúc bằng 2 so sánh: "Chúng con là muối đất... Chúng con là ánh sáng thế gian" (Mt

5,13-16). Không còn định nghĩa nào về Giáo hội đẹp hơn thế. Giáo hội không phải là một bình hoa cho những người đã được cứu độ mùa chung quanh ("ngoài Giáo hội không hề có ơn cứu độ"). Giáo hội chính là một đèn báo, một ánh sáng đặt trên đỉnh núi toả chiếu lên một ý nghĩa cho cuộc đời, soi đường cho những kẻ "bước đi trong tăm tối" (Is 60) một ánh sáng không xuất phát từ chính mình nhưng quy chiếu về Đấng là nguồn sáng của nó: Cha trên trời.

CHƯƠNG VI

TÁC PHẨM CỦA LUCA - TIN MỪNG VÀ CÔNG VỤ TÔNG ĐỒ

Điểm độc đáo của Luca là đã viết một tác phẩm gồm 2 tập: Tin mừng và Công vụ các Tông đồ. Vì thế ta phải đọc chung hai tập này. Chúng ta đã đọc lướt qua sách Công vụ các Tông đồ, dùng nó làm tài liệu "hướng dẫn du lịch". Bây giờ chúng ta hãy đọc lại nó chung với quyển Tin mừng để khám phá chương trình soạn tác của Luca.

Nếu bạn chịu khó đọc lại tiết mục "tờ giấy đề", bạn sẽ thấy rằng cũng như các Phúc âm gia khác Luca đã đặt thêm lên cuộc đời Đức Giêsu một "tờ giấy đề" về sinh hoạt của Giáo hội; nhưng với quyển công vụ các Tông đồ ông đã muốn trình bày riêng về "tờ giấy đề" ấy.

I. MỘT SỬ GIA CÓ ĐỨC TIN:

Một cách khiêm tốn, Luca không tham vọng viết một quyển sách Tin mừng, mà chỉ một tường thuật về các biến cố nhằm giúp người môn đệ

an tâm về đức tin của mình: chính ông đã nói thế trong một bài tiên ngôn được viết theo kiểu một sử gia thời ông (1,1-4).

Nhưng sử gia Luca là một tín hữu: ông coi điều ông viết là một tin mừng mà ông muốn chia sẻ. Ông không ngừng nhắc nhở độc giả rằng: Bạn không thể đọc sách này mà không cảm thấy bị liên can, bạn phải chọn lập trường, hoặc theo hoặc chống lại và ngay cả trong ngày hôm nay. Vì thế tường thuật của ông không phải là một bài mô tả lạnh lùng mà đúng hơn là một bài khuyến dụ: hình ảnh người môn đệ là trọng tâm của mọi sự chú ý của ông, ông nói với người đó, ông thúc giục người đó bước vào thế giới tuyệt vời mà ông đã khám phá...

II. GIÁO ĐOÀN CỦA LUCA:

Ta không thể biết chính xác Luca viết cho giáo đoàn nào nhưng ta cũng dễ tưởng tượng ra loại giáo đoàn trong đó có sứ điệp của Luca được thành hình: đó là những cộng đoàn sinh ra ở đất lương dân, chịu ảnh hưởng văn hoá Hy Lạp, chẳng hạn các cộng đoàn Antioche, Philipphê. Đọc tác phẩm của Luca ta có thể thấy được vài nét về các cộng đoàn ấy.

Họ là những Kitô hữu gốc lương dân, Luca bản thân cũng theo văn hoá Hy Lạp, tự thích nghi với tâm thức của họ. Ông nhấn mạnh đến thực tại của việc Đức Giêsu sống lại (người Hy Lạp khó chấp nhận việc sống lại) nhưng ông dùng loại ngữ vựng có ý nghĩa nhất đối với họ, là "Đức Giêsu còn đang sống". Ông dùng chữ "Đấng cứu tinh" để giải thích trực hiệu Messia/Kitô hơi tối nghĩa đối với họ. Họ thường gọi các hoàng đế là "Chúa" (Seigneur) vì thế Luca cũng gọi Đức Giêsu nhưng cẩn thận xác định thêm: Ngài là Chúa "duy nhất". Ông tránh dùng chữ "biến hình" (tiếng Hy Lạp là métamorphose) vì chữ này thường được dùng để nói về những cuộc biến hình của các thần linh.

Những Kitô hữu này hiểu rằng chính nhờ ơn Chúa chứ không phải do bẩm sinh mà họ được nhận vào giao ước của Thiên Chúa với Israel. Họ thích đọc sách thánh để khám phá trong đó kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa.

Họ đã có cảm nghiệm về Thánh Linh: các giáo đoàn của họ sinh ra ngoài quỹ đạo Giêrusalem, sinh ra nhờ Lời Thiên Chúa và Thánh Linh. Họ biết rằng đức tin vào Đức Giêsu Kitô đã đưa họ vào truyền thống

các Tông đồ, một truyền thống mà Luca đã tìm hiểu rất kỹ. Nhưng họ cũng muốn sống truyền thống ấy trong tinh thần tự do của Thánh Linh là đáng thúc đẩy họ hướng về anh em lương dân của họ. Khác với những cộng đoàn của Mt những cộng đoàn của Luca đương nhiên đã có sẵn tính đại đồng.

III. TÁC GIẢ:

Truyền thống từ thế kỷ II quen coi tác giả là Luca, "người y sĩ thân mến" (Cl 4,14) từng tháp tùng với Phaolô từ Troas đến Philipphê là nơi ông lưu ngụ có lẽ từ năm 50 đến 58. Ông cũng theo Phaolô đến Milet, Cesarée và Rôma (dựa theo những đoạn trong Công vụ viết: chúng tôi). Có lẽ là người Antioche nên ông thuộc dòng dõi dân ngoại (hoặc Hy Lạp hoá) là người có văn hoá, Luca đã sử dụng khá thành thạo ngôn ngữ Hy Lạp quen được nói thời đó (ngôn ngữ Hy Lạp: Koiné).

BÀI 1

ĐỌC TRỌN TÁC PHẨM

Cũng như khi học Mc và Mt tốt nhất là ta nên bắt đầu bằng cách đọc từ đầu tới cuối tác phẩm của Luca như đọc một quyển tiểu thuyết. Như vậy thì phải tốn thời giờ nhưng bạn sẽ thấy được "trả công" xứng đáng. **Sau đây là vài tiêu điểm giúp bạn đọc.**

I. ĐỊA DƯ CỦA LUCA:

1) Trong Tin mừng:

Trong tập I, Giêrusalem là trung tâm. Luca bắt đầu từ đó, trong Đền thờ, ông cũng kết thúc ở đó, trong Đền thờ (1,5s; 24,52-53). Thời thơ ấu của Đức Giêsu từ Nazareth đến Bêlem rồi Đức Giêsu lên Giêrusalem (muốn giữ ý nghĩa này Luca buộc phải thay đổi những lời nói của các thiên sứ ở ngôi mộ 24,6).

Đức Giêsu bắt đầu rao giảng ở Galilêa nhưng là để trở về Giêrusalem: phần trung tâm của Tin mừng được cấu trúc như một cuộc hành trình lên Giêrusalem (9,51; 19,28). Thành thánh là nơi phải diễn ra mầu nhiệm Vượt qua, bởi vì "chẳng lẽ một ngôn sứ mà phải chết ngoài thành Giêrusalem ư?" (13,53) Đức Giêsu hoàn thành kế hoạch của

Thiên Chúa do sách thánh tiên báo, mà Thành thánh là trung tâm của kế hoạch ấy. Tuy nhiên thành này lại chối từ Ngài.

2) Trong sách Công vụ Tông đồ:

Vì lý do trên, tập II cho thấy Lời Chúa từ Giêrusalem lan đến Giuđêa, Samaria và đến tận cùng thế giới mà bây giờ Rôma là thủ đô.

II. BA THỜI CỦA LỊCH SỬ CỨU ĐỘ:

Các Phúc âm gia khác thấy có 2 thời kỳ lịch sử cứu độ: thời của lời hứa và thời của Đức Giêsu với Giáo hội Ngài. Còn Luca viết tác phẩm gồm 2 tập; phân biệt rõ hơn về các thời: thời của lời hứa, thời của Đức Giêsu và thời của Giáo hội.

1) Thời của lời hứa:

Đây là thời Cựu ước, theo Luca nó chỉ kết thúc với tiếng "hôm nay" của bài giảng tại Nazareth (4,21), Gioan tẩy giả được giao trách nhiệm chuẩn bị dân-của-lời-hứa đón nhận Đấng ngôn sứ nhưng bản thân ông vẫn còn thời chuẩn bị (7,28). Chính Đức Giêsu cũng ở trong thời đó bởi

vì Ngài lãnh phép rửa của Gioan ở ngay giữa lòng dân (3,21) Ngài là dân ấy đang trở lại sa mạc để thực hiện cuộc xuất hành ngày xưa bị hồng (tường thuật các cơn cám dỗ), Ngài là toàn thể nhân loại, là Adam mới cuối cùng đã ở trong tương quan thật với Thiên Chúa (bảng gia phả lên tới tận Adam) Từ nay lối vào Nước Thiên Chúa đã rộng mở cho dân của lời hứa và cho tất cả mọi người: tiếng "ngày hôm nay của Thiên Chúa" có thể vang lên bên tai của chúng ta một cách lạ lùng (4,21).

Luca thường quy chiếu về sách thánh, nhưng một cách khác với Mt. Ông không nhằm trích dẫn những câu chính xác: đối với ông, sách thánh như một giòng nước ngầm ban sự sống và ý nghĩa cho các biến cố. Và Đức Giêsu hay uống giòng nước ấy trước khi mở trí cho các môn đệ hiểu sách thánh vào ngày phục sinh (24,45). Chính vì thế mà Đức Giêsu hay nói "cần phải": đây không phải là mù quáng tuân theo một chương trình đã vạch sẵn, mà đúng hơn đây là sáng tạo cho mình một cách sống bằng cách đặt nó vào dòng liên tục của kế hoạch Thiên Chúa.

2) Thời của Đức Giêsu: Tin mừng.

Lc sử dụng những chất liệu mà ông nhận từ truyền thống, tức là Tin mừng theo Mc (hoặc bản văn Mc trong tình trạng đầu tiên) và nguồn các logia mà ông có chung với Mt ("vấn đề Nhất lãm"). Nhưng ông sắp xếp chúng rất khéo bằng cách thêm vào đó những truyền thống mà ông có riêng, để trình bày kế hoạch Thiên Chúa theo quan điểm của ông.

Để riêng qua một bên những tường thuật về thời thơ ấu và thời chuẩn bị, lộ trình của Đức Giêsu gồm 3 giai đoạn lớn:

- Tại Galilêa, Đức Giêsu tiên báo mầu nhiệm Vượt qua của Ngài (4,14-9,50). Bài giảng ở Nazareth (4,14t) chính là diễn-từ-chương-trình của Đức Giêsu. Bằng cách gom lại 2 lần thăm viếng của Đức Giêsu, một lần Ngài được tiếp đón niềm nở và một lần bị từ chối. Luca trình bày phản ứng của người ta trước lời rao giảng của Đức Giêsu. Trong phần này ông theo rất sát Mc, chỉ trừ Bài giảng trên cánh đồng và đoạn 7,1-8,2; ông trình bày Đức Giêsu là Êlia mới, vị ngôn sứ bạn của các tội nhân.

- Đức Giêsu lên Giêrusalem hướng về mầu nhiệm Vượt qua (9,51-19,28) đây là phần độc đáo nhất của Lc: "Đường lên Giêrusalem" của Người Tôi tớ trong Isaia.

- Tại Giêrusalem, Đức Giêsu hoàn thành mầu nhiệm Vượt qua (19,29-24,53). Ngày phục sinh Đức Giêsu hiện ra sống động cho các môn đệ và lên trời.

3) Thời của Giáo hội: sách Công vụ Tông đồ.

Lc sử dụng nhiều chất liệu trong đó có những chất liệu rất cổ xưa ông viết lại hoặc hoà trộn với những chất liệu khác: những chủ đề rao giảng của Phêrô, Phaolô và Stêphanô (bài "Kerygma"); những tư liệu của các giáo đoàn Giêrusalem và Antioche, những ký ức về hoạt động của Phêrô và Phaolô, "Nhật ký du hành" của Lc trong thời gian ông tháp tùng Phaolô (những đoạn Cv viết "chúng tôi", xem chú thích của TOB và BJ về Cv 16,10).

Chương trình của sách Công vụ được Đức Giêsu trình bày rõ: các môn đệ phải làm chứng cho Ngài ở Giêrusalem, Giuđêa, Samaria và đến tận

cùng thế giới (1,8). Những vai chính là Phêrô, tiếp đến là những người Hy Lạp hoá và sau cùng là Phaolô, nhưng nhất là Thánh Linh và Lời Chúa.

Ta có thể lập sơ đồ của sách này như sau:

I. TỪ ĐẦU GIÁO HỘI CHO ĐẾN CÔNG ĐỒNG JÉRUSALEM: 1,1 - 15,35.

- Cộng đoàn Giêrusalem (1,1 - 5,42).
- Giáo hội mở cửa cho lương dân (6,1 - 15,34).

Tác giả trình bày tuần tự hoạt động truyền giáo của những người Hy Lạp hoá (6,1 - 9,31), của Phêrô (9,32 - 11,18 và 12,1 - 23) và của giáo đoàn Antioche (11,19 - 14,28). Hoạt động truyền giáo này dẫn đến Công đồng Giêrusalem (15,1 - 11) và tiếp theo là một cuộc họp dưới sự chủ tọa của Giacôbê (15,12 - 35).

II. TỪ GIÊRUSALEM ĐẾN RÔMA: Phaolô 15,36 - 28,31.

Trong những chuyến du hành truyền giáo, Phaolô thành lập nhiều giáo đoàn ở Tiểu Á và châu Âu. Rồi ông bị bắt điệu về Rôma, ở đó ông vẫn vững vàng rao giảng Tin mừng.

III. TIỀN NGÔN THẦN HỌC: Lc 1-2.

Cái mà chúng ta gọi là "Những tường thuật về thời thơ ấu" thực ra là một tiền ngôn Thần học cho toàn tác phẩm gồm cả Tin mừng và Công vụ. Cũng như Mt 1-2, đây là một loại dàn dựng phim mà Lc đưa lên trước tất cả những chủ đề chính của ông. Sau đây là những chủ đề ấy:

- Giêrusalem và Đền thờ: cầu nguyện (1,5t)
- Đức Giêsu, Con vua Đavít, Con Thiên Chúa, được đón nhận trong đức tin bởi Maria, nữ tử Sion. Vai trò của Thánh Linh (1,26-38).
- Vai trò của các phụ nữ, Thánh Linh, sự cầu nguyện, việc hạ những kẻ giàu có kiêu căng và nâng những người bé mọn (1,39-56).
- Tên của Gioan có nghĩa là "Thiên Chúa ban ơn", Thiên Chúa thăm viếng dân Ngài (1,57-80).

- Tin mừng cho những người nghèo (các mục tử), một Đấng cứu tinh, Kitô và Đức Chúa ngày hôm nay của Thiên Chúa. Vinh quang tỏ ra từ đứa trẻ ấy chiếu trên chúng ta. Và kết quả: niềm vui cho hết mọi người. Điểm chủ yếu của chương trình sách Công vụ được gọi lên ở đây, và vai trò của các vị thừa sai trong thế giới, của Phêrô, của Phaolô và của chúng ta (2,1-21).

- Lại nói đến Đền thờ và Thánh Linh, sự cầu nguyện, ánh sáng cho lương dân. Đức Giêsu, một dấu chỉ gây tranh luận, nhưng đối diện với Ngài ai cũng phải chọn lập trường (2,22-39).

Ở chóp đỉnh của thời thơ ấu ấy là Đền thờ và lời nói đầu tiên của Đức Giêsu gọi Cha chuyển đầu tiên Ngài lên Giêrusalem gọi lên chuyển lên đó lần cuối: Ngài biến mất trong 3 ngày, các phụ nữ đi tìm, cha, "cần phải" "tôi ở nhà Cha tôi" hoặc "Đức Kitô cần phải chịu khổ để vào trong vinh quang".

VÀI NÉT VỀ LUCA:

Luca là "hiện đại" nhất trong các Tin mừng. Do ảnh hưởng văn hoá Hy Lạp, tác giả thích viết rõ ràng. Ông sử dụng khá thành thạo ngôn ngữ Hy Lạp chung (hoặc koinè) người ta quen nói thời đó. Nhưng ông cũng có khả năng bắt chước loại ngôn ngữ Hy Lạp Thánh kinh chứa đầy cú pháp Sêmit, thí dụ trong những tường thuật thời thơ ấu.

Ông tùy tiện cắt bài tường thuật thành nhiều toát yếu nhỏ để tóm lược những điểm ông muốn người ta nhớ kỹ hoặc diễn tiến của hành động. Chẳng hạn 3 bài toát yếu về sinh hoạt của giáo đoàn Giêrusalem (TOB và BJ chú thích Cv 2,42), sự lớn mạnh của Lời Chúa được nhắc tới ở Cv 6,7; 12,24; 13,49; 19,20. Thuật ngữ "chúng ta lên Giêrusalem" đánh mốc cho biết phần trung tâm của Tin mừng.

Là một sử gia, ông quan tâm định vị những biến cố trong lịch sử (2,1-3; 3,1-2) nhưng mặt khác, ông biết ít về xứ Palestine, về cách cất nhà và khí hậu ở xứ này, nên ông đành đưa ra những chi tiết thời biểu rất mơ hồ "một ngày kia..." chứng tỏ quan tâm của ông thiên về Thần học hơn.

Chỉ cần đọc sơ qua ta cũng xúc động trước tình cảm tế nhị tác giả dành cho Đức Giêsu, những người nghèo, những phụ nữ và những tội nhân, Do đó Dante đã gọi ông là "Phúc âm gia về tình thương dịu dàng của Thiên Chúa".

BÀI 2

VÀI BẢN VĂN CỦA LUCA

I. CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỨC GIÊSU: Lc 4,14-44.

Trong Mt, Bài giảng trên núi tiếp nối bằng các phép lạ chính là diễn từ chương trình của Đức Giêsu. Còn trong Lc, đó là bài giảng của Đức Giêsu ở Nazareth.

Bắt đầu, bạn hãy đọc chăm chú bản văn này. Chú ý những nơi chốn: Galilêa, Giuđêa, Hội đường (nơi chốn của đạo Do thái), ngoài thành... những diễn viên là ai?

Tìm những từ chìa khoá: Thánh Linh, Tin mừng, người nghèo, hôm nay, Êlia, đi đường (hoặc đi lên), Lời...

Đặt lại câu trích dẫn Isaia vào bối cảnh lịch sử của nó. Trong bối cảnh ấy, những chữ như: nghèo, tự do... mang lại âm hưởng gì? Lc đã ngưng câu trích dẫn ở chỗ nào? tại sao?

Hãy tìm những "gọng kìm" (inclusion) xác định ranh giới của đoạn văn này. "Giảng dạy" hoặc "loan báo trong các Hội đường" (Lc câu 15.19.44); "mọi người", "đám đông" (c.15.42), "loan báo Tin mừng" (c.18.43); "được sai đi" (c.18.43). Như vậy 3 tường thuật phép lạ cùng với động từ "hăm dọa" (c.35.39.41) trở thành một sự thực hiện cụ thể chương trình của Đức Giêsu như thế nào? (xem mục "cách dàn dựng").

Hãy để ý tới sự không mạch lạc của bài tường thuật: tại sao đột ngột đổi thái độ ở c.22? Trong Tin mừng Lc phải chăng Đức Giêsu đã làm nhiều phép lạ ở Capharnaum (c.23)? Hãy xem lại "cách dàn dựng".

Sau khi nghiên cứu các điểm trên hãy đọc lại toàn thể bản văn rồi thử trả lời những câu hỏi sau:

- Đức Giêsu là ai? Hãy xem các tước hiệu của Ngài (c.18.34.41 Êlia mới); uy quyền của lời Ngài nói (c.32.36), được tôn vinh (c.15 cần nhớ rằng người ta chỉ tôn vinh Thiên Chúa mà thôi).

- Sứ mạng của Ngài là gì? (c.18.19) ở đây sự giải phóng được cụ thể hoá bằng 3 phép lạ (Cv 10,38) sứ mạng ấy nhắm đến ai: đến những người Do thái ("quê hương" của Ngài, "Hội đường"), đến lương dân (thí dụ về Êlia và Êlisê)? người Do thái sẽ tiếp nhận Ngài như thế nào?

- Đức Giêsu đã ý thức ra sao về sứ mạng của Ngài? xem động từ "lên" hoặc "đi con đường của mình" (c.30.42).

- Bạn thấy có liên hệ gì với những lời chúc phúc không?

II. CHƯƠNG TRÌNH CỦA GIÁO HỘI: Cv 1,12-2,47.

Bài giảng của Phêrô được đóng khung trong bài tường thuật lễ Hiện xuống, tạo thành diễn-từ-chương-trình của Giáo hội vừa mới sinh ra. Ở đây ta không đề ý tới chi tiết mà chỉ đề ý tới toàn thể.

Bạn hãy bắt đầu tìm những gọng kìm xác định biên giới của toàn thể này: "họ", "mọi người" (nhóm 12), "chuyên cần", "cầu nguyện" (1,14; 2,42); "họp nhau", "hiệp nhất", "cùng chung" (1,15; 2,44.47). Nghĩa là từ nhóm 12 người chuyên sang nhóm "120 người được Thiên Chúa cho thêm 3.000 người nữa" (2,41-47). Bản văn cho thấy điều gì cần thiết cho Giáo hội để rao giảng và lớn lên.

Hãy chú ý những chữ lặp đi lặp lại trong Cv 2 (tiếc rằng đôi khi bị dịch khác nhau trong các bộ Thánh kinh của chúng ta) như: "lưỡi" (hoặc "ngôn ngữ" c.3.4.11), "thở ngữ" (c.6.8); "tiếng" (c.6: voix có khi được dịch là "tiếng động", "tiếng ồn" c.14), "nói" (c.4.5.7.11.31).

Hãy tìm ra những diễn viên. Đặc biệt chú ý tới vai trò của Thiên Chúa, Đức Giêsu, Thánh Linh, các môn đệ.

Lễ Hiện xuống được coi như kết thúc của mùa nhiệm Đức Kitô, một dấu chỉ rằng Ngài đã được nâng lên - và như khởi đầu của mùa nhiệm Giáo hội.

Bạn sẽ diễn tả nó như thế nào?

Lễ Ngũ tuần Do thái tưởng niệm việc Thiên Chúa ban Luật trên núi Sinai. Bạn có thấy những điểm tương cận giữa lễ này như người ta quen thuật lại (xem khung sắp đến) với bài tường thuật của Luca không? Lễ này cũng là lễ mừng Giao ước mới (đọc lại Gr 31,31t; Ed 36,26), trong lễ đó người ta đọc Thánh vịnh 68 (xem lại mục "Suy gẫm từ một Thánh vịnh"). Thánh Linh là ơn Đức Giêsu phục sinh ban cho Giáo hội.

Tiếng Thiên Chúa phán ra ngày xưa trên núi Sinai, bây giờ phán ra từ Giáo hội, vì Giáo hội là tiếng nói của Thiên Chúa trong thế giới.

Những người Do thái đã suy gẫm câu Xh 20,18: "dưới chân núi Sinai, dân đã nghe thấy tiếng nói và sấm sét". Ông Philon một Triết gia Do thái đồng thời với Đức Giêsu, đã viết: "Thiên Chúa không có miệng, nhưng Ngài đã quyết định làm phép lạ cho có một tiếng động vô hình phát ra trong không trung, một hơi thở phát ra thành Lời, biến không khí thành lửa dưới dạng những ngọn lửa, làm vang lên một tiếng lớn đến nỗi những người ở xa cũng nghe rõ như những người gần nhất... một tiếng vang lên từ giữa ngọn lửa từ trời đáp xuống và phát âm trong

loại thô ngữ thông dụng của các thánh giả (De Decalogô 9 và 11) và Rabbi Johanan (giữa các năm 90 và 130) tuyên bố rằng tiếng của Thiên Chúa phân chia thành 70 ngôn ngữ theo quan niệm của người Do thái cho rằng có 70 dân ngoại trên thế giới. Đó là một cách nói rằng: Luật được gửi đến hết mọi người.

III. VINH QUANG CỦA CON THIÊN CHÚA: Lc 9,28-36.

Tường thuật về cuộc biến hình cũng được ghi lại trong Mt 17,1-9; Mc 9,2-10; Ga 12,28 và 2P 1,16-18. Bản văn này quan trọng cần phải nghiên cứu sâu. Nhưng ở đây ta chỉ có thể đưa ra một vài nhận xét.

Trong cuộc đời Đức Giêsu. Biến cố này được đặt vào cuối sứ vụ của Đức Giêsu ở Galiêa: các đám đông đã theo Ngài nay lại bỏ Ngài; các lãnh tụ Do thái gia tăng sức ép. Đức Giêsu hiểu rằng Ngài gây xáo trộn cho người ta nhiều quá: nếu cứ tiếp tục thì Ngài có thể chết. Và một cách sáng suốt Ngài chấp nhận cái giá đó như một phần Ngài trung thành với sứ mạng. Ngài lên Giêrusalem không hề ảo tưởng về số mạng đang chờ đón Ngài, và Ngài báo trước điều đó cho các môn đệ.

Trong bối cảnh như thế, việc biến hình là lời đáp trả của Thiên Chúa cho sự trung thành của Đức Giêsu và nỗi lo lắng của các môn đệ: trong một cảm nghiệm thiêng liêng, có lẽ diễn ra trong nội tâm, mà các môn đệ cũng tham dự vào, Cha chỉ cho Đức Giêsu thấy đoạn cuối trong việc "đi lên" của Ngài: bên kia cái chết có sẵn vinh quang chờ đón Ngài, vinh quang được hứa ban cho Con Người vào lúc tận thế (Đn 10).

Trong những lúc nghi ngờ, chúng ta không còn biết mình phải làm gì nữa. Khi đó chúng ta quay về với những giây phút tươi sáng khi mà ơn gọi và sứ mạng của chúng ta vẫn còn sáng ngời và nhờ thế chúng ta vẫn còn trung thành đứng vững. Cũng thế, Đức Giêsu và các môn đệ sẽ có thể múc lấy từ cảm nghiệm sáng ngời ấy nguồn sức mạnh để bước vào cơn hấp hối và cuộc thụ nạn. Và không phải tình cờ mà 2 cuộc biến hình và hấp hối mang nhiều điểm chung nhau.

Sau ngày phục sinh, các môn đệ hiểu ra rằng vinh quang Thiên Chúa đã ngập tràn Đức Giêsu ngay từ biến cố phục sinh. Bởi vậy những bài tường thuật này đã dùng ánh sáng phục sinh việc Đức Giêsu và các

môn đệ lên đường tiến về cái chết. Mt và Mc đặc biệt lưu ý tới phương diện này.

Còn Lc thì sử dụng tường thuật này theo một cách riêng. Đức Giêsu lên Giêrusalem để cầu nguyện (c.28): chính trong lúc cầu nguyện (c.29) suốt đêm (c.32) mà Ngài có cảm nghiệm ấy. Ngài suy nghĩ bắt đầu từ nguồn gốc con người của mình và nhận ra vinh quang đã dành cho mình ngay từ lúc mới sinh. Nhờ đó trong cuộc đàm thoại với 2 nhân vật thần bí lớn của Cựu ước, Môisen và Êlia, Ngài mới có thể bình thản đối diện với cuộc Xuất hành của mình, tức là cái chết và sự tôn vinh của Ngài.

Khi Lc cho thấy các môn đệ bước vào đám mây (c.34) và bằng cách nhấn mạnh đến việc cầu nguyện, ông muốn nhắc chúng ta rằng: "Các bạn cũng vậy, các bạn có thể phần nào chia sẻ cảm nghiệm đó, trong khi cầu nguyện, các bạn có thể tham dự vào vinh quang của Đức Giêsu chịu đóng đinh và sống cuộc sống hằng ngày của các bạn dưới ánh sáng niềm tin ấy".

IV. NGƯỜI TÔI TỚ TIẾN LÊN GIÊRUSALEM: Lc 9,51-62

Phần trung tâm của Tin mừng (9,51-19,28) được sắp xếp như một cuộc "tiến lên Giêrusalem". Đoạn nhập đề chỉ rõ ý nghĩa của nó đối với Đức Giêsu và các môn đệ.

"Đức Giêsu dứt khoát lên đường đi Giêrusalem", dịch sát chữ là "Ngài làm cho mặt Ngài cứng rắn để tiến lên". Ở đây Lc ám chỉ tới Is 50,7 để cho thấy Người Tôi Tớ đau khổ đang tiến bước một cách sáng suốt về cuộc cất đi của Ngài, tức là cái-chết-và-sự-phục-sinh của Ngài.

Ngài là Êlia mới (c.61, ám chỉ tới 1V 19,19), hết lòng vì sứ mạng, được Thánh Linh mang đi. Nhưng không phải là Êlia, mà theo một truyền thống Do thái, tuân lệnh của Thiên Chúa xuống trên các kẻ thù (c.55)

Đức Giêsu khuyến cáo trước cho các môn đệ biết: muốn đi theo Ngài thì phải hiến thân trọn vẹn bằng cách đặt đời của sứ mạng lên trên tất cả (c.57-62. Mt đã đặt những câu này vào đầu tường thuật về cơn bão).

V. 10 NGƯỜI CÙI: Lc 17,11-19

Trong bản văn này ta chỉ tìm những chủ đề lớn của Lc, đặc biệt những chủ đề ông khai triển trong chuyến "đi lên Giêrusalem".

Động từ "đi lên" xuất hiện ở đầu và ở cuối: "Khi Ngài đang đi lên"; "hãy đứng dậy, đi lên" (c.11 và 19), (cũng hãy xem 9,51-53-57; 10,1; 13,22-23). Chi tiết này cho thấy gì về cách nhìn của các môn đệ?

"Thưa ông Giêsu, thưa Thầy, xin thương xót chúng tôi". Đức tin của người cùi thật đáng ngưỡng mộ. Họ gọi Đức Giêsu bằng chính "tên gọi" của Ngài cũng như tên trộm trên thập giá (23,42), và cũng như họ, tên trộm sẽ được cứu độ. "Thưa Thầy" Lc là người duy nhất gọi Đức Giêsu bằng tước hiệu "Thầy", một tước hiệu gọi lên quyền lực (5,5; 8,24; 9,33.49). "Xin thương xót" là tiếng van xin kêu gọi đến điều sâu thẳm nhất trong lòng Thiên Chúa: lòng yêu thương dịu dàng và lòng thương xót của Ngài.

Tác giả gọi người cùi thế nào? Bắt đầu là 1 trong số 10 người, tiếp đến là người Samaria (c.16), người ngoại kiều (c.18). Ta thấy được khuynh

hướng đại đồng của Lc: những người Samaria (Cv 8) và những người lương sẵn sàng đón nhận sứ điệp hơn những người Do thái.

Đức Giêsu Con Thiên Chúa: người cùi sắp mình tạ ơn Ngài (anh đang cử hành "Thánh lễ tạ ơn", Eucharistie): thông thường người ta chỉ làm vậy với Thiên Chúa mà thôi.

Từ nay ơn cứu độ mở cửa cho hết mọi người cả Do thái lẫn người lương, duy nhất bởi đức tin và Đức Giêsu.

VI. TIỀN NGÔN THẦN HỌC: Lc 1-2

Đây là một tiền ngôn cho toàn thể tác phẩm Lc, cả Tin mừng và Công vụ cho nên 2 chương này rất phong phú. Sau đây là một vài gợi ý.

Bạn hãy tìm bố cục. Hãy ghi thành 2 cột tựa đề của câu chuyện. Bạn sẽ thấy có sự song song giữa thời thơ ấu của Gioan tẩy giả và của Đức Giêsu, cuộc thăm viếng nối kết 2 thời thơ ấu ấy.

Hãy nghiên cứu những bài cầu nguyện: Magnificat, Benedictum, Nunc dimittis. Bạn hãy đọc những chỉ dẫn quy chiếu trong quyền Thánh kinh

của bạn để xem lời cầu nguyện Kitô giáo được nuôi dưỡng bởi Cựu ước và được có ý nghĩa từ Cựu ước như thế nào?

Hãy tìm những chủ đề lớn mà Lc triển khai trong tác phẩm của ông (xem mục "tiền ngôn Thần học" Lc 1-2).

Ngay từ bây giờ bạn có thể nghiên cứu "tường thuật truyền tin".

VII. CUỘC GIÁNG SINH CỦA ĐỨC GIÊSU: Lc 2,1-20.

1) Biến cố (c.1-7) nếu loại bỏ đi những nét huyền thoại theo kiểu dân gian đã điếm tô thêm cho câu chuyện, thì sự kiện này tuy tuyệt diệu như bất cứ cuộc sinh ra nào, nhưng cũng bình thường thôi. Không thể sinh đẻ trong một gian phòng chung của cả gia đình, người mẹ phải rút vào một góc yên tĩnh và ấm cúng. Góc yên tĩnh và ấm cúng như thế đối với các nông dân chính là chuồng súc vật.

2) Phương diện vô hình của biến cố (c.8-20):

Các thiên sứ và các mục tử thay phiên nhau loan báo phương diện này, trong khi đó "vinh quang Thiên Chúa" chiếu sáng mọi người (c.9,14.20).

- Thiên sứ loan báo Tin mừng: chữ "tin mừng" này được dùng chừng 15 lần trong sách Công vụ để lược tóm công tác truyền giáo Kitô hữu (5,42; 8,4.12.25...) so sánh với c.12 với Cv 2,36; 5,42; 11,20; 13,33-36; Pl 3,20).

- Các mục tử: đọc kỹ các câu 15-19 và gạch dưới những chữ lặp đi lặp lại, chú ý tới các diễn viên: các mục tử làm gì? có 2 nhóm thánh giá (c.18: hết mọi người, c.19: Maria). Họ làm gì? thái độ của họ ra sao?

- Nói: động từ này rất nhiều trong sách Công vụ, nó chỉ việc rao giảng của các thừa sai. Như thế mục tử không phải đến để tôn thờ, nhưng để "giảng".

- Cho biết: hầu như động từ này luôn luôn chỉ việc Thiên Chúa hoặc Đức Giêsu mạc khải cho các môn đệ và đến lượt họ chuyển mạc khải

ấy lại cho mọi người. Thí dụ Ga 15,15; 1.Cr 15,1; 2.r 8,1; Ep 1,9; 3,3.5; 6,19.

Như thế Lc đã mô tả các mục tử bằng những nét của các thừa sai Kitô hữu. Họ trở thành gương mẫu cho bất cứ Kitô hữu nào sống trong thế giới phải làm theo.

- Hai nhóm thính giả được thành hình: đó là 2 thái độ mà Đức Giêsu và sau đó là các môn đệ phải gặp. "Mọi người" (tất cả những ai đón nghe sứ điệp của Đức Giêsu, tức là Giáo hội trở qua mọi thời) "đều ngạc nhiên": Chữ này trong Lc chỉ một thái độ đón nhận hời hợt không bền (4,22 x.8,13). Ngược lại "Maria" là đại diện cho những ai lắng nghe Lời Chúa và để cho Lời ấy chín chắn trong lòng mình.

Hãy lưu ý tới sự chuyển nghĩa của chữ "Lời" (tiếng Hy Lạp là rhéma): các mục tử đã nghe một lời được thốt ra (c.17), rồi họ đến và thấy một Lời đã tới, tức là một đứa bé (c.15). Như thế, Lời đã thành xác thể.

NHỮNG BẢN VĂN KHÁC CỦA LUCA ĐƯỢC PHÂN TÍCH

Lc 1,26-38 Truyền tin

4,38-39 Nhạc mẫu của Phêrô

6,20-40 Bài giảng trên cánh đồng.

6,20-26 Các lời chúc phúc.

8,22-25 Dẹp yên bão táp.

11,2-4 Kinh Lạy Cha.

14,16-24 Dụ ngôn bữa tiệc.

20,9-18 Dụ ngôn thợ vườn nho.

24,13-35 Các môn đệ Emmaus.

24,36-50 Những cuộc hiện ra của Đức Giêsu phục sinh.

Cv 8,26-40 Những bài giảng trong Cv: Philipphê và ông quan Êthiopia.

BÀI 3

CUỘC THỤ NẠN THEO LUCA

Muốn đi sâu vào bài tường thuật của Lc thì không phải chỉ đọc mà còn phải suy gẫm cũng như 2 môn đệ trên đường Emmaus khi lời nói và sự hiện diện của Đức Giêsu giải thích cho họ hiểu Sách Thánh và làm cho lòng họ cháy bừng lên. Ngày nay Đức Giêsu cũng đồng hành với chúng ta trên con đường khổ ải này mặc dù mắt chúng ta còn bị che mờ không nhận ra Ngài.

Toàn thể bài tường thuật của Lc thấm nhuần tình cảm tế nhị và triu mến ông dành cho Giêsu Đức Chúa của ông. Lc không đủ can đảm kể lại những chi tiết ô nhục: ông không nói tới việc Đức Giêsu bị đánh đòn, ông không nói Giuđa ôm hôn Đức Giêsu mà chỉ nói "hắn tới gần Ngài"...

Nhưng Lc rất hiểu tầm kích của cuộc chiến đấu khủng khiếp giữa Đức Giêsu và quyền lực sự dữ; thụ nạn là trận đánh cuối cùng có tính quyết định, Đức Giêsu chiến thắng nhờ sự nhẫn nhục của Ngài. Đây là chữ được dùng để dịch chữ Hy Lạp Hupomoné diễn tả thái độ của người tín

hữu dám đứng mũi chịu sào trong lúc thử thách vì được Thiên Chúa nâng đỡ (Lc 8,16).

Toàn thể cuộc thụ nạn được nội tâm hoá. Trận đánh quyết định diễn ra tại Giết-sê-mani chính trong trận đánh nội tâm này-cơn hấp hối-mà máu Đức Giêsu đã đổ ra. Nhưng Đức Giêsu được Thiên Chúa trợ lực (cũng như Êlia xưa kia. 1.V 19,5t) nên đã chiến thắng. Từ nay Ngài có thể quên đi những khổ đau riêng của Ngài để hoàn toàn lo cho những người khác: Ngài nhẹ nhàng đón tiếp Giuđa, Ngài chữa vành tai cho tên đầy tớ, Ngài đưa mắt nhìn Phêrô để chuyển lòng ông (22,61), Ngài an ủi các phụ nữ đang than khóc số phận của Ngài, Ngài tha cho các lý hình, Ngài hứa Thiên đàng cho tên trộm... Đức Giêsu là vị tử đạo có sức mạnh tâm hồn và tấm lòng nhân hậu lớn lao đến nỗi hoán cải được chính những tên lý hình và những người kết án Ngài: Philatô 3 lần tuyên bố Ngài vô tội, cũng như các phụ nữ, dân chúng, tên trộm, viên sĩ quan... tất cả đều hoán cải.

Đức Giêsu có thể chết an lòng. Tiếng kêu của Ngài trên thập giá không phải là tiếng la rống vì đau đớn theo kiểu nhân loại thường tình trước

khi chết, mà là lời kinh chiều mà người Do thái giáo nào cũng đọc: "Con phó linh hồn Con trong tay Ngài" nhưng có điểm khác biệt là Ngài mở đầu lời kinh ấy bằng một chữ diễn tả tình thân thiết độc nhất vô nhị của Ngài với Thiên Chúa (Lạy Cha...).

Như thế Lc mời chúng ta cùng Đức Giêsu bước vào cuộc thụ nạn, cùng Phêrô nhận ra sự yếu đuối của chúng ta và cảm nhận cái nhìn tha thứ của Đức Chúa, cùng Simon Cyrênê vác thập giá đi theo Ngài, và lại cùng với Đức Giêsu phó mình trong vòng tay của Cha.

1) Bữa tiệc ly (22,14-38) trước hết là "Bữa ăn giã từ" trong đó Đức Giêsu bày tỏ lòng cậy trông vào Thiên Chúa và dặn dò các môn đệ lần cuối. Đây cũng là một hành động tiên tri qua đó Ngài bày tỏ ý nghĩa cái chết tử đạo của Ngài: khánh thành Giao ước mới.

2) Con hấp hối: tiếp theo sau việc Đức Giêsu bị bắt (22,39-53) là thời điểm quyết liệt Đức Giêsu trở thành người chiến thắng quyền lực sự dữ. Êlia mới được Thiên Chúa trợ lực, Ngài chìm sâu vào đêm tối của cuộc thụ nạn, một cách an lòng hoàn toàn phó thác cho ý của Cha.

3) Phiên xử Do thái (22,54-71) mở màn với chuyện Phêrô chối Thầy. Lc muốn nói với chúng ta rằng: nếu như bạn không thể đi theo cuộc thụ nạn như một vị thánh, thì lúc nào bạn cũng có thể theo cuộc thụ nạn ấy như một tội nhân được Thiên Chúa ban ơn. Lúc nào cái nhìn của Đức Giêsu cũng có thể làm sinh ra trong bạn một con người mới.

Lc nhân đôi câu hỏi của vị thượng tế, để Đức Giêsu có dịp tuyên bố rõ ràng Ngài là Đức Kitô và là Con Thiên Chúa.

4) Trong phiên xử Rôma (23,1-25) Philatô 3 lần tuyên bố Ngài vô tội. Cảnh Ngài bị đưa đến Hêrôđê có lẽ muốn dạy chúng ta rằng ta không được chỉ coi Đức Giêsu như một nhân vật lạ lùng.

5) Trên núi Sọ (23,26-49), Đức Giêsu tuyên bố sự vô tội của Ngài với các phụ nữ đang than khóc Ngài và an ủi họ. Ngài xin Cha tha cho các lý hình. Ngài mở cửa Thiên đàng cho tên trộm có lòng tin nhiệm gọi tên Ngài và Ngài tắt thở trong bình an, trong tay Cha. 6) Cuộc an táng (23,50-57) được các phụ nữ chuẩn bị kỹ lưỡng. Nhưng với tất cả mớ thuốc thơm ấy họ muốn giữ mãi Ngài trong sự chết. Họ còn chưa biết

rằng "đã bùng lên ánh sáng của ngày sabbat" (c.54) hay đúng hơn "ánh sáng của ngày phục sinh".

7) Cuộc thụ nạn của các môn đệ. Ta phải đọc tiếp những cuộc thụ nạn của các môn đệ mà Lc đã xây dựng trên cùng một sơ đồ: cuộc thụ nạn của Giáo hội hiện tại hoá cuộc thụ nạn của Đức Kitô (Cv 4,23-31); Stêphanô bị kết án vì cũng những lý do, ông chết đang khi tha thứ và ngược mắt nhìn về Đấng phục sinh (Cv 6,8-15.54-60), Phaolô "đi lên Giêrusalem" như Thầy mình để làm chứng cho Ngài ở đây (Cv 20,22t; 21,11).

BÀI 4

ĐỨC GIÊSU CỦA LUCA

Bản thân Luca không biết Đức Giêsu. Vì thế Đấng mà ông khám phá trước tiên không phải là vị ngôn sứ đi rao giảng trên những nẻo đường Galilêa, mà là Đức Chúa vinh quang đã tỏ mình ra cho thầy ông là Phaolô trên đường Damas, là Đấng mà ông đã thấy mặt trong một giáo đoàn như giáo đoàn Philipphê vốn có một tình thương mạnh mẽ đến

nổi một mệnh phụ phu nhân như bà Lydia và những công nhân bên cảng gần đây có thể cùng chung sống với nhau, Đáng mà ông đã khám phá ra nhiều nét độc đáo qua những ký ức của các nhân chứng mà ông tìm kiếm.

I. ĐỨC CHÚA GIÊSU:

Lc là người duy nhất gọi Đức Giêsu là Đức Chúa. Vinh quang phục sinh bùng chiếu trên cuộc đời trần thế của Ngài. Ánh vinh quang này bao quanh Ngài từ lúc mới sinh (2,9.32). Cuộc biến hình không phải là tiền vị cho vinh quang tương lai của ngày phục sinh cho bằng đó là hiển lộ cho thấy vinh quang Ngài vốn có ngay từ lúc mới đầu thai, vì Ngài sinh ra bởi Thánh Linh (9,32). Vinh quang Ngài sẽ bày tỏ trong tư cách là Con Người vốn là sở hữu sẵn có của Ngài (9,26 so sánh với Mt 16,17; Mc 8,26), mọi người đều tôn vinh Ngài (4,15) trong khi đáng lý ra chỉ tôn vinh một mình Thiên Chúa.

Đức Giêsu là Vua (nói thế có lẽ rõ hơn cho các độc giả Hy Lạp), 6 lần Lc là người duy nhất nói lên điều đó (1,32-33; 19,12t.28t.67t; 23,40t).

Lc biết rằng Đức Giêsu lãnh nhận các nhiệm vụ làm Đức Chúa và Đức Kitô qua cuộc phục sinh (Cv 2,36), nhưng sở dĩ được như vậy là vì trong bản tính Ngài đã là thể đúng như lời xác nhận của các tường thuật về thời thơ ấu. Tước hiệu Con Thiên Chúa không đơn giản chỉ là nhìn nhận vai trò của Ngài (tương đương với tước hiệu Con vua Đavít), mà còn là xác nhận bản tính của Ngài (1,35; 22,70).

II. THÁNH LINH CỦA ĐỨC GIÊSU:

Kiểu nói này chỉ xuất hiện 2 lần trong Tân ước (Cv 16,7; Pl 1,19) cũng có 2 lần xuất hiện kiểu nói "Thánh Linh của Đức Kitô" (Rm 9,2; 1P 1,11). Thánh Linh của Thiên Chúa ngập tràn trong Đức Giêsu đến nỗi Ngài có thể nói đó là Thánh Linh của Ngài! Đức Giêsu đầu thai bởi quyền năng của Thánh Linh (1,35). Thánh Linh tỏ mình ra trong phép rửa (3,22) Thánh Linh dẫn Ngài vào sa mạc (4,1), Thánh Linh tấn phong Ngài làm người mang tin mừng (4,14.18), và chính trong Thánh Linh mà Đức Giêsu run lên vì vui sướng (10,21).

Qua sự sống lại vinh quang, Đức Giêsu lãnh nhận Thánh Linh từ nơi Cha để ban lại cho chúng ta (Cv 2,38) nếu chúng ta xin (Lc 11,13 so sánh với Mt 7,11). Sách Công vụ Tông đồ được coi là "Phúc âm về Thánh Linh" Đáng tác động cộng đoàn của ngày lễ Hiện xuống cũng như đã tác động Đức Giêsu và các chứng nhân đầu tiên của đời Ngài (Lc 1,15.41.67; 2,25-26).

III. ĐỨC GIÊSU LÀ NGÔN SỨ:

Lãnh nhiệm vụ mạc khải Thiên Chúa (7,16-39; 24,19; Cv 3,22.23) cái chết của Ngài là cái chết của một ngôn sứ (13,33; Cv 7,52). Lc cố ý trình bày Ngài như một Êlia mới.

Gương mặt Thiên Chúa mà Ngài mạc khải trước hết là một gương mặt người Cha yêu thương hết mọi người. Đoạn văn chính yếu trong đó Luca trình bày Đức Giêsu như một ngôn sứ (7,11-50) kết thúc với việc tha thứ người phụ nữ có tội. Cái tình thương đã "làm động lòng" Cha ấy chính Đức Giêsu cũng cảm nghiệm (7,13) và đó cũng là tình cảm của người môn đệ (10,33).

Đức Giêsu đến cũng là Thiên Chúa thăm viếng. Các ngôn sứ ngày xưa coi việc Thiên Chúa viếng thăm là lời loan báo xét xử, nhưng trong Lc thăm viếng ấy chính là Tin mừng cứu độ, là "năm hồng phúc" (4,19; 1,68.78; 716; 19,44). Bằng thái độ của mình Đức Giêsu đã làm cho tình thương ấy của Cha trở thành hữu hình: Ngài là bạn của phường thu thuế và tội lỗi (7,34), Ngài là Đấng cứu tinh giải thoát khỏi ách satan cầm buộc những con tim và khỏi ách sự dữ sâu xé những thể xác. Đức Giêsu là bạn của những kẻ tội lỗi, bởi vì họ cần đến Thiên Chúa như bệnh nhân cần đến thầy thuốc (5,31) nhưng hơn nữa, bởi vì Thiên Chúa cần đến họ để cho thấy sự tha thứ của Ngài (15) Đức Giêsu đặc biệt ưu ái các phụ nữ là những người thường bị khinh miệt thời đó (Maria, Isave-Madalêna, Matta và Maria, những phụ nữ đi theo Ngài...) một vài bà sẽ giữ một vai trò quan trọng trong Giáo hội (Cv 1,14; 12,12; 16,124; 21,9).

IV. MỘT NGƯỜI TRƯỚC MẶT THIÊN CHÚA:

Là Đức Chúa và là Đức Kitô, Đức Giêsu cũng toàn vẹn là người, Ngài đã sống điều Ngài loan báo một cách hoàn hảo đến nỗi Ngài trở thành

mẫu mực của một con người đích thực, một con người được Thánh Linh biến hình và sống trong vòng tay của Cha. Lời nói đầu tiên cũng như lời cuối cùng của Ngài là để kêu Cha (2,49; 23,46) Ngài không ngừng sống trước mặt Cha, lời cầu nguyện của Ngài chứng tỏ điều đó: những mạc khải lớn Ngài nhận được là đang lúc cầu nguyện (phép rửa, biến hình); Ngài nhiều lần thức suốt đêm để cầu nguyện (5,16; 6,12; 9,28), đến nỗi các môn đệ cũng muốn được Ngài dẫn vào bí mật của liên hệ thân tình giữa Ngài với Thiên Chúa như thế (kinh Lạy Cha 11,1).

V. NHƯ THỂ CHÍNH BẢN THÂN ĐỨC GIÊSU LÀ TRUNG TÂM CỦA TIN MỪNG:

Đứng trước Ngài ai nấy đều phải chọn lập trường. Vì con người đầy yêu thương ấy cũng là con người đòi hỏi khủng khiếp: Ngài đòi phải chọn Ngài, ngay hôm nay và duy nhất chỉ vì Ngài mà thôi. Một đức tin trọn vẹn như vậy sẽ đem lại ơn cứu độ và là nguồn vui chiếu sáng Tin mừng và làm cho người môn đệ được biến hình. **BÀI 5**

NHỮNG DỤ NGÔN

I. DỤ NGÔN LÀ GÌ?

Dụ ngôn chủ yếu là một sự so sánh mở rộng thành một câu chuyện. Mục đích trước tiên của nó không phải là dạy dỗ, mà là khiến thính giả phải suy nghĩ về cách sống của mình, khiến họ phải xét đoán chính mình và nhờ đó mà thay đổi cách sống. Ta thường xét đoán thiên lệch về chính mình cho nên dụ ngôn đưa chúng ta đến việc xét đoán mà không hay biết! Chẳng hạn như Đavít, ông đã phạm tội cướp vợ của Uria và giết ông này chết. Ngôn sứ Nathan được lệnh làm cho Đavít ý thức về tội của ông. Đây là một việc tế nhị Nathan kể cho Đavít nghe một chuyện tưởng như có thật (cần phải như vậy để Đavít chú ý), chuyện một tên trọc phú cướp đoạt con chiên độc nhất của một người nghèo. Đavít phẫn nộ hét lên: "Tên đó đáng chết!", thế là một cách không ý thức Đavít đã đưa ra một xét đoán về chính bản thân mình. Khi đó Nathan kết luận: "Ngài chính là tên đó, thưa ngài" (2Sm 12,1-15).

Như thế dụ ngôn là một so sánh đơn giản. Những chi tiết của dụ ngôn chỉ nhằm giúp cho câu chuyện mang vẻ có thực. Do đó ta phải cố gắng tóm câu chuyện thành 2 vế: cũng như... thì cũng thế. "Cũng như tên trọc phú kia đã phạm tội vì đã cướp đoạt con chiên của người nghèo... thì ngài cũng thế...".

Ta phải phân biệt dụ ngôn với một thể loại văn chương khác rất gần với nó: ngụ ngôn.

Ngụ ngôn cũng là một câu chuyện nhưng nhằm mục đích dạy dỗ. Đây là một câu chuyện hữu ý xây dựng để làm cho người nghe phải hiểu một cái gì đó, những chi tiết trong câu chuyện tương ứng với những thực tại rõ rệt. Chẳng hạn như Đức Giêsu nói: "Ta là cây nho, chúng con là cành nho...".

Phải phân biệt thật kỹ 2 văn thể trên và phải chống lại cám dỗ muốn giải thích các dụ ngôn theo lối giải thích ngụ ngôn như người ta rất thường phạm phải. Chẳng hạn dụ ngôn người Samaria tốt mời chúng ta theo một lối sống: "cũng như người Samaria đã làm kẻ thân cận của

người bị thương mà không cần để ý gì tới tôn giáo và quan điểm của người này... thì cũng thế bạn phải là người thân cận của bất cứ ai". Thế mà các giáo phụ đã biến dụ ngôn đó thành một ngụ ngôn, tuy rất đẹp nhưng quá xa văn bản: người bị thương chính là nhân loại bị quỷ dữ đánh, người Samaria là Đức Giêsu, quán trọ là Giáo hội...

Nhưng cũng không nên phủ nhận rằng Đức Giêsu có thể gài một số chi tiết ngụ ngôn vào một dụ ngôn. Có những chi tiết là tầm thường đối với chúng ta, nhưng đối với người Do thái gọi lên những chủ đề sách thánh quan trọng, chẳng hạn vì có đoạn Is 5 cho nên chi tiết "vườn nho" buộc phải nghĩ tới Israel...

II. ĐỌC LẠI NHỮNG DỤ NGÔN:

Ngày xưa Đức Giêsu nói những dụ ngôn là cho người Do thái. Nhưng trong cộng đoàn thì những dụ ngôn lại nói cho các Kitô hữu. Sự thay đổi thính giả như thế thường mang đến sự thay đổi ý nghĩa, diễn tả trong một kết luận mới.

Dưới ánh sáng phục sinh, Kitô hữu có khuynh hướng chuyển từ ý nghĩa Thần học sang ý nghĩa Kitô học: các dụ ngôn của Đức Giêsu nói về Thiên Chúa và Nước Thiên Chúa, nhưng các Kitô hữu lại muốn hiểu về Đức Giêsu là Đấng khánh thành nước Thiên Chúa.

Có khuynh hướng xếp lại gần nhau những dụ ngôn mà ngày xưa Đức Giêsu đã nói rời nhau nhằm mục đích khiến cho ý nghĩa của dụ ngôn này soi sáng ý nghĩa cho dụ ngôn kia.

Đôi khi văn mạch của Tin mừng cũng làm đổi ý nghĩa dụ ngôn. Điều này cũng xảy ra đối với những tông thể lớn. Mc và Lc đặt chương các dụ ngôn ở đầu giai đoạn Đức Giêsu rao giảng ở Galilêa: các dụ ngôn trở thành một cách đơn giản để trình bày nước Thiên Chúa. Còn Mt thì đặt chương ấy vào phần cuối giai đoạn ấy, vào lúc mà quần chúng đã bỏ Đức Giêsu: như thế các dụ ngôn trở thành một lời cảnh cáo cuối cùng của Đức Giêsu đối với họ. Nếu các người từ chối sứ điệp của Ta thì sẽ có mùa gặt và sự chọn lọc.

VÀI QUI LUẬT THỰC HÀNH:

- Đưa dụ ngôn về một câu đơn giản gồm 2 vế (cũng như... cũng thế...) nhưng phải coi chừng sao cho nó vẫn tương ứng với ý nghĩa câu chuyện.
- Hãy bỏ qua những chi tiết nào trong câu chuyện mà không được lấy lại ở phần kết luận.
- Đừng để ý tới những kết luận bề ngoài không tương ứng với ý nghĩa của câu chuyện.
- Hãy chú ý tới thánh giả: Đức Giêsu nói dụ ngôn này cho ai? các môn đệ dùng lại dụ ngôn này để kể cho ai? đối thánh giả như vậy có dẫn đến việc đổi ý nghĩa không?
- Văn mạch của dụ ngôn có làm thay đổi ý nghĩa của nó không?
- Tìm ra những chi tiết ngụ ngôn có thể có: chúng có được dùng để đưa ra một lối giải thích mới không?
- Dụ ngôn nói về ai: về Thiên Chúa? về Đức Giêsu?

III. NHỮNG NGƯỜI THỢ GIỜ THỨ 11: Mt 20,1-16

Bạn hãy đọc dụ ngôn này (cùng với câu 16b mà TOB và BJ có chú thích). Đọc luôn văn mạch phía trước 19,27-30.

Sử dụng những quy luật thực hành (phía trên) để tìm ra được những kết luận: dụ ngôn này đã được đọc lại như thế nào? và tại sao?

Sau khi đã làm xong những điều trên bạn mới đọc tiếp những dòng sau đây:

Bản văn này là một thí dụ điển hình về việc đọc lại một dụ ngôn. Chúng ta thấy Mt đưa ra 3 kết luận tuần tự như sau:

1) "Vì số người được gọi thì đông, nhưng số người được chọn thì ít" (c.16b). Câu này cùng với chữ "vì" có vẻ là một câu kết luận.

Nó đưa ta đến so sánh này: cũng như ông chủ đã gọi nhiều thợ nhưng chỉ một số ít đến... cũng thế... nhưng nói như thế là ngược với câu chuyện bởi vì tất cả những kẻ được gọi đều đã đến. Như vậy đó chỉ là một kết luận bề ngoài thôi. TOB và BJ phải chú thích câu này bởi vì nó

không có mặt trong nhiều thủ bản, có lẽ nó được mượn từ Mt 22,14 đặt nó vào đó thì đúng chỗ hơn.

2) Cũng thế, những kẻ sau hết sẽ nên trước hết và những kẻ trước hết sẽ nên sau hết (c.16a). Kết luận này có hợp với câu chuyện không? Thực ra những người thợ trước đã cần nhận không phải vì họ được trả lương sau những thợ khác nhưng vì cũng bằng họ. Cho nên đây cũng chỉ là một kết luận bề ngoài.

3) "... Bởi vì tôi tốt" (c.15) tác giả chỉ chú ý tới vấn đề trước và sau thôi, do đó những phạm trù trung gian chỉ nhằm làm cho câu chuyện có vẻ thật. Câu này đưa ta đến so sánh sau: cũng như ông chủ không hề bất công khi trả lương cho những người thợ sau bằng với những người thợ trước, vì ông tính công không theo năng suất, mà theo lòng tốt của ông. Cũng như thế, Thiên Chúa không hề bất công khi mở cửa Nước Thiên Chúa cho hết mọi người, vì Ngài không tính tới công nghiệp của chúng ta mà chỉ ban ơn do lòng tốt của Ngài thôi.

Bạn hãy suy nghĩ xem những kết luận trên tương ứng với những hoàn cảnh nào?

1) Đức Giêsu nói cho những người Do thái cách riêng là cho giới ưu tú trong tôn giáo, những người pharisiêu, họ bực bội khi thấy Ngài đón tiếp những kẻ tội lỗi. Họ đã khổ công thi hành Luật cho nên cảm thấy bất công vì không được phần thưởng lớn hơn theo công nghiệp của họ (xem dụ ngôn của giới rabbi ở trong khung dưới đây). Đức Giêsu trả lời với họ rằng: phần thưởng không tính theo công nghiệp của con người, mà tính theo lòng tốt của Thiên Chúa.

2) Trong cộng đoàn thì thính giả dụ ngôn đã thay đổi; không phải là người Do thái nữa mà là các môn đệ. Ý nghĩa thứ nhất vẫn có giá trị và vẫn được giữ lại (chỉ cần xem những phản ứng mà dụ ngôn này còn gây nên trong ngày nay: "nếu thế thì chẳng cần khổ công cũng vẫn được thưởng Nước Thiên Chúa") nhưng từ dụ ngôn nguyên thủy ấy, cộng đoàn đã ngụ ngôn hoá chi tiết để đưa ra một bài học. Thời đó những người lương gia nhập Giáo hội trước những người Do thái mà phần

đông đã từ chối gia nhập. Câu chuyện trở thành một lời cảnh cáo những người lương sẽ vào nước Thiên Chúa trước các người đó!

Khi thêm vào câu 16b (mượn từ 22,14) tác giả nhấn mạnh lời hăm dọa đó: tất cả các người đều được gọi vào nước Thiên Chúa, nhưng thực tế là rất ít người chấp nhận.

3) Mt đã đặt dụ ngôn này sau câu hỏi của Phêrô ((19,27) vì thế dụ ngôn này được dùng để minh họa câu trả lời của Đức Giêsu: nhóm 12 đã qua mặt các lãnh tụ Do thái mặc dù được gọi sau bọn họ.

Các giáo phụ và nhiều nhà giảng thuyết đã biến dụ ngôn này thành một ngụ ngôn khi quá chú ý tới những chi tiết phụ. Irênê hiểu đây là lời Thiên Chúa mời gọi 5 thế hệ nhân loại. Adam, Noê, Abraham, Môisen và sau cùng là hết mọi người trong Đức Giêsu Kitô, còn Origène và Grégoire thì giải thích rằng Thiên Chúa không ngừng mời gọi chúng ta trong 5 giai đoạn cuộc đời: mới sinh ra - tuổi thơ ấu - tuổi thành niên - tuổi chín chắn - và tuổi già. Cũng đúng, nhưng quá xa nghĩa chính của dụ ngôn!

Rabbi Zeira khoảng năm 300, thuật một dụ ngôn để giải nghĩa sự vấp phạm về cái chết của một rabbi trẻ như sau:

Cái chết của rabbi Boun khiến ta nghĩ gì? nghĩ tới một ông vua đã mướn nhiều thợ làm việc cho ông. Trong số đó có một người làm việc hăng say hơn những người khác. Khi thấy thế, nhà vua làm gì? ông dẫn anh thợ ấy đi dạo tới lui với ông. Đến chiều các thợ tới lãnh lương. Nhà vua trả trọn tiền lương cho anh thợ đã cùng ông đi dạo. Thấy thế các thợ kia cần nhằn rằng: "chúng tôi đã cực nhọc làm việc suốt ngày, còn anh kia chỉ làm việc suốt ngày, còn anh kia chỉ làm việc có 2 giờ vậy mà cũng lãnh lương bằng chúng tôi". Nhưng nhà vua trả lời: "anh ấy trong 2 giờ đã làm được nhiều hơn các anh làm suốt ngày".

Cũng thế rabbi Boun chỉ học Luật cho tới tuổi 28, nhưng ngài biết Luật rành hơn một nhà trí thức hoặc một người sốt sắng học Luật cho tới tuổi 100.

IV. NHỮNG KHÁCH ĐƯỢC MỜI DỰ TIỆC CƯỚI: Mt 22,1-14; Lc 14,15-24.

Nếu bỏ đi những chi tiết phụ thì dụ ngôn chung này của Mt và Lc trở thành rất đơn giản. Những người pharisiêu nghĩ rằng họ có quyền hưởng nước Thiên Chúa do công của họ đã thi hành Luật, còn những kẻ tội lỗi không có quyền. Vậy tại sao Đức Giêsu đón tiếp chúng? Đức Giêsu cũng thừa nhận rằng bữa tiệc được dọn là cho những người công chính, nhưng vì họ đã chối từ lời mời gọi cuối cùng có tính quyết định, nên họ đừng ngạc nhiên khi thấy chỗ của họ được ban cho những người khác.

Lc dùng dụ ngôn này để dạy các Kitô hữu một bài học: những câu 18-20 khai triển những lý do chính (nhất là lo lắng những việc trần thế) đã cản trở các Kitô hữu trong giáo đoàn của ông hoàn toàn đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa. Hãy xem văn mạch: 14,1-14, việc sắp xếp gần nhau những câu 21b và 12-14 rất có ý nghĩa: tác giả không quan tâm tới công nghiệp của những khách mới được mời sau. Mà quan tâm trước hết tới ý của Thiên Chúa không muốn thấy dự định của mình trở thành vô ích.

Mt đã gộp 2 dụ ngôn lại.

- Trong dụ ngôn tiệc cưới, ông thêm những chi tiết dụ ngôn nhằm giải thích lịch sử Israel: một ông vua (Thiên Chúa) mở tiệc cưới (biểu tượng của thời Messia). Việc sai các đầy tớ và những cách đối xử xấu muốn nói tới số phận của các ngôn sứ, việc thiêu đốt thành ám chỉ tới việc tàn phá thành Giêrusalem vào năm 70.

- Dụ ngôn chiếc áo cưới nếu ở riêng thì có ý nghĩa riêng còn nếu được gắn liền với dụ ngôn trước thì xem ra thiếu mạch lạc: sao lại trách một kẻ bá vơ được lôi đại vào tiệc cưới về tội không ăn mặc đàng hoàng? ở đây dụ ngôn trở thành một lời cảnh cáo các Kitô hữu: Thiên Chúa đã cho họ vào Giáo hội mặc dù họ không có công gì, nhưng như thế phải là một bảo đảm tự động đâu. Họ cũng phải Thiên Chúa xét xử. Thời của Giáo hội là thời gian người tốt và kẻ xấu (c.10) còn lẫn lộn trong khi chờ đợi tới cuộc chọn lọc sau cùng (xem dụ ngôn cỏ lùng, Mt 13,24-30).

V. NHỮNG THỢ VƯỜN NHO SÁT NHÂN: Mt 32,33-44; Lc 20,9-18.

Dụ ngôn này quan trọng, được ghi trong cả 3 Tin mừng Nhất lãm. Nó giúp ta thấy rõ hơn các dụ ngôn khác, ý thức của Đức Giêsu về chính bản thân Ngài. Ngài đã nói dụ ngôn này tại Giêrusalem vào lúc cuộc xung khắc giữa Ngài với các nhà chức trách Do thái đạt tới cao điểm vì thế nó là lời cảnh cáo cuối cùng của Ngài đối với họ.

Bạn hãy chịu khó ghi thành 3 cột những câu cuối của từng bản văn (Mt câu 42-45; Mc câu 10-12; Lc câu 16b-19). Bạn sẽ thấy ý nghĩa của dụ ngôn đã biến đổi từ Đức Giêsu sang các Phúc âm gia rồi tới các cộng đoàn.

VI. NHỮNG DỤ NGÔN VỀ NƯỚC THIÊN CHÚA: Mt 13.

Đa số các dụ ngôn đều nhằm trình bày Nước Thiên Chúa và cách sống phải có đối trước việc Ngài sắp đến. Mt đã tập hợp được nhiều dụ ngôn. Bạn có thể dùng tới cái khung dưới đây để giúp bạn dễ đọc chương 13 của Mt.

Người gieo giống:

- Cho quần chúng: nước Thiên Chúa đã được khánh thành và chắc chắn sẽ đến nếu ta đón nhận.

- Cho các môn đệ: giải thích ý nghĩa.

Cỏ lùng:

Hiện giờ người tốt kẻ xấu lẫn lộn, nhưng tới lúc tận thế thì Thiên Chúa sẽ chọn lọc.

Hạt cải và men:

- Cho quần chúng: sức mạnh của nước Thiên Chúa mặc dù bề ngoài khiêm tốn.

- Cho các môn đệ: Đức Giêsu giải thích ý nghĩa.

Kho bấu và viên ngọc:

- Cho quần chúng: niềm vui khi khám phá nước Thiên Chúa khiến người ta bỏ tất cả để được sống trong đó.

Lưới cá:

- Cho quần chúng: cùng ý nghĩa với dụ ngôn cỏ lùng.

- Cho các môn đệ: Đức Giêsu không cần giải thích vì họ đã hiểu.

Đức Giêsu nói các dụ ngôn này cho quần chúng, Ngài giải thích một số trong đó cho các môn đệ. 7 dụ ngôn này tóm lược những phương diện của nước Thiên Chúa. Đức Giêsu tuyên bố rằng nước Thiên Chúa đã được khánh thành do lời rao giảng của Ngài. Nước ấy sẽ phát triển. Nhưng với điều kiện là các thánh giả phải là mảnh đất tốt (người gieo giống). Đối với những kẻ kẻ ngạc nhiên về bước đầu khiêm tốn của nước Thiên Chúa. Đức Giêsu trả lời rằng hạt giống nước Thiên Chúa sẽ lớn thành một cây to hoặc làm dẫy tất cả thúng bột nhân loại (hạt cải, men). Nước Thiên Chúa kỳ diệu đến nỗi khi thấy nó người ta sẵn sàng bỏ tất cả để được sống trong đó (kho báu, viên ngọc). Trong thời gian Nước Thiên Chúa đang phát triển, tức là thời gian Giáo hội, người tốt kẻ xấu còn đang lẫn lộn vì đó là thời gian chờ đợi và cũng là thời gian của lòng thương xót nhưng tới lúc tận thế Thiên Chúa sẽ thực hiện sự chọn lọc (cỏ lùng, lưới cá).

Như thế chúng ta có thể phân biệt được ba thực tại:

- Nước Thiên Chúa là thực tại của lúc tận thế mà chỉ những người công chính mới được tham dự. Nhưng ngay từ bây giờ nó đã được khánh thành và đang hoạt động trong thế giới.

- Nước của Đức Kitô và của Con người hoạt động trong thời gian giữa biến cố phục sinh và lúc tận thế. Nó trải rộng khắp thế giới. Người thánh và người tội đều lẫn lộn trong đó. Đến lúc tận thế, Đức Kitô sẽ giao nó lại cho Cha (1.Cr 15,24).

- Giáo hội không đồng hoá với Nước Thiên Chúa (chỉ sẽ được thực hiện vào lúc tận thế), cũng không đồng hoá với nước của Đức Kitô (trải rộng đến hết mọi người dù tin hay không tin). Giáo hội là một môi trường đặc biệt trong nước của Đức Kitô. Trong Giáo hội nước của Đức Kitô đã phát huy (hay phải phát huy) trọn vẹn hoạt động của mình. Bình thường thì chính từ môi trường đặc biệt này Đức Kitô đã toả chiếu quyền năng của Ngài ra và mở rộng triều đại Ngài đến cả thế giới.

Mục đích của những dụ ngôn:

Nếu Đức Giêsu đã sử dụng ngôn ngữ đơn giản và quen thuộc của các thánh giả Ngài thì rõ ràng là để cho người ta dễ hiểu. Thế thì làm sao có thể nói ngược lại (Mt 13,13-15; Mc 4,12; Lc 8,10)? Ta phải thấy rằng đối với Đức Kitô cũng như đối với Isaia mà Đức Giêsu đã trích dẫn, vấn đề là lời giải thích dựa trên thực tế. Theo thực tế thì lời rao giảng này đã không được lắng nghe, các thánh giả đã không hoán cải. Lời giải thích này (của Đức Giêsu? của cộng đoàn?) là nhằm đặt sự từ chối ấy vào kế hoạch của Thiên Chúa ("Thiên Chúa sẽ phạt các ngươi").

Những dụ ngôn về cách sống trong Luca:

Hơn các Tin mừng khác, Luca dùng dụ ngôn để dạy người môn đệ phải sống cách nào. Họ phải coi chừng tiền bạc và những lo lắng trần thế bóp nghẹt sự sống thiêng liêng (Lazarô: 16, 19-23; người phú hộ 12,16-21; bữa tiệc 14,16-24). Họ phải cầu nguyện một cách tha thiết (người bạn quấy rầy 11,5-8; bà goá và thẩm phán 18,1-8; người pharisiêu và người thu thuế 18,9-14). Họ phải làm kẻ thân cận của bất cứ ai không cần xét đến quốc tịch hoặc tín ngưỡng (người Samaria tốt 10,30-37). Tóm lại: người môn đệ phải sống theo gương của Cha, Đấng

tha thứ (con chiên, đồng bạc, người cha và hai đứa con, 15; hai con nợ
7,41-43)

CHƯƠNG VII

TÁC PHẨM CỦA GIOAN - TIN MỪNG VÀ CÁC THƯ

Tin mừng của Gioan là một quyển sách lạ lùng. Từ ngữ thì rất đơn giản, chỉ là những từ thường dùng trong sinh hoạt hàng ngày, thế nhưng các chuyên viên không bao giờ hiểu hết ý nghĩa sâu sắc của chúng. Một quyển sách mà trẻ con đọc cũng thích, đồng thời cũng lại là sách gối đầu giường của những nhà thần bí... sách này cũng thuật lại cuộc đời của Đức Giêsu như những Tin mừng Nhất lãm nhưng lại rất khác xa chúng.

I. TIN MỪNG VỀ THÁNH LINH:

Người ta đã gọi nó là Tin mừng về Thánh Linh, bởi vì đúng nó là chứng từ của một người và một cộng đoàn đã suy gẫm lâu dài và được Thánh Linh giúp tiến bước về sự thật toàn vẹn (16,13). Sau đây chúng ta xem xét một số ảnh hưởng tác động lên cộng đoàn này. Ảnh hưởng thực sự chủ yếu là sự hiện diện của Đức Giêsu phục sinh được cảm nghiệm trong phụng tự. Trong sách này ta thường thấy nổi bật lên những ám chỉ

về việc cử hành các Bí tích - Bí tích Rửa tội và Thánh thể - và chính trong khung cảnh đó mà những lời nói và việc làm của Đức Giêsu trần thế có được ý nghĩa.

II. CỘNG ĐOÀN CỦA GIOAN:

Ý kiến chung là cộng đoàn Êphêxô, một cộng đoàn chịu nhiều ảnh hưởng:

1) Triết lý Hy Lạp.

Cũng như chúng ta bị ảnh hưởng của những nhà tư tưởng mà có thể chúng ta không biết nhưng tư tưởng của họ đã tạo nên bầu khí mà chúng ta thường hít thở. Cũng thế, người Hy Lạp "hít thở" không khí Hy Lạp cổ, một nền văn hoá lệ thuộc rất nhiều vào các triết gia như Socrate, Epictète, và trường phái Stoiciens, một nền văn hoá mà Philon ở Alexandrie đã cố gắng tổng hợp với đức tin Do thái giáo. Cộng đoàn của Gioan sống trong một môi trường như thế, như được chứng tỏ bởi một số chủ đề, hoặc bởi sự kiện gọi Đức Giêsu là Logos, "Lời".

2) Thuyết ngộ đạo:

Đây là một trào lưu rất khó xác định vì nó mang nhiều hình thức. Nền tảng chung là những người thuộc trào lưu này cho rằng họ có thể đạt được ơn cứu độ bằng sự hiểu biết (tiếng Hy Lạp là gnôse, tiếng nhà Phật là Ngộ), một sự hiểu biết dành cho những người khai tâm. Một thí dụ điển hình là quyển "Tin mừng theo Tôma" được tìm thấy tại Ai cập vào năm 1946. Gioan đã phải chiến đấu chống những khuynh hướng ngộ đạo trong cộng đoàn mình, cho nên có lẽ chẳng phải vì tình cờ mà Gioan trình bày Đức Giêsu là Đấng mặc khải những bí mật của Thiên Chúa.

3) Do thái giáo:

Gioan tùy thuộc trước hết vào đức tin Do thái giáo. Ông đã thấm nhuần những chủ đề lớn của các ngôn sứ và những hiền sĩ. Cuộc Xuất hành, Con Chiên Vượt qua, manna, nước, cây nho... được ông dùng để trình bày Đức Kitô. Đức Giêsu là mục tử, là sự sáng, và nhất là "Ta là" (kiểu

nói tương đương với chữ Yahvê), tức là những hình ảnh và tước hiệu dành riêng cho Thiên Chúa.

Từ ngày người ta tìm thấy những thủ bản tại Qumrân vào năm 1947, người ta biết nhiều hơn về phái Esséni và thấy có nhiều điểm liên hệ nhau

giữa giáo thuyết của Ga và của họ: Thánh Linh là Đấng dẫn tới sự thật, sự đối chọi giữa sáng và tối, sự thật và giả trá... Nhưng rõ nhất là Gioan và những người phái Esséni đều được nuôi dưỡng bởi những bản văn Cựu ước như nhau.

III. TÁC GIẢ:

Có lẽ tác giả ban đầu là Tông đồ Gioan. Nhưng tác phẩm của ông được hình thành qua nhiều giai đoạn mới đến lúc soạn thảo cuối cùng khoảng các năm 95-100. Do đó người ta nghĩ đến "trường phái Gioan" gồm các môn đệ của ông đã suy gẫm và đào sâu các giáo huấn ông dạy.

BÀI 1

ĐỌC TRỌN TÁC PHẨM

Bạn hãy khởi sự đọc trọn tác phẩm từ đầu đến sự hướng dẫn của một số tiêu điểm sau đây.

I. ĐỊA DƯ CỦA GIOAN:

Địa dư của các Tin mừng Nhất lãm thì đơn giản và nhất là có tính cách Thần học. Còn địa dư của Gioan trước hết là... địa dư! Tác giả thông thạo xứ sở, cho nên ngày nay khi người ta bất đồng với nhau về một chi tiết lịch sử nào đó (chẳng hạn thời biểu của cuộc thụ nạn) thì người ta có khuynh hướng tin cậy nơi Ga hơn. Khoa khảo cổ đã xác nhận nhiều chi tiết trong Ga, chẳng hạn như có một ao nước gồm 5 cửa ở phía Bắc Đền thờ.

Trong các Tin mừng Nhất lãm, Đức Giêsu khởi sự rao giảng ở Galilêa rồi lên Giêrusalem để dự lễ Vượt qua, như thế nghĩa là quãng đời công khai của Ngài chỉ kéo dài có vài tháng, còn theo Ga, quãng đời này kéo dài tới hơn 2 năm, vì Đức Giêsu lên Giêrusalem dự lễ Vượt qua 3 lần: 2,13 (5,1); 6,4; 11,55. Ga thường xuyên tường thuật những chuyến đi

từ Galilêa tới Giuđêa là nơi Đức Giêsu lưu lại lâu dài, đặc biệt là ở Giêrusalem (1,19-512; 2,13-3,36; 5,1-47; 7,14-20,31).

II. VÀI CHỦ ĐỀ:

Ta hãy cố tìm ra một vài chủ đề lớn có thể giúp chúng ta thấy được chìa khoá để hiểu cách soạn tác toàn tác phẩm.

1) Chữ "giờ" rất thường được dùng, trong đó 9 lần hình như có nghĩa riêng biệt: Đức Giêsu (hoặc Ga) tuyên bố rằng Giờ ấy chưa đến (2,4; 7,30; 8,20). Ngược lại trong ngày Lễ Lá Đức Giêsu lo âu vì Giờ ấy đã đến (12,23-27). Ch.13 mở đầu một cách trang trọng "Đức Giêsu biết rằng đã đến Giờ Ngài phải rời thế gian này để về cùng Cha..."(13,1). Điều này chính Đức Kitô cũng xác quyết với môn đệ (16,32) và lặp lại lần nữa trong lời cầu nguyện với Cha (17,1).

Như thế trong trọn một phần sách, Đức Giêsu tiến về Giờ, và Giờ này đến vào buổi tối Tiệc ly. Giờ này chính là Giờ Ngài đi lên Cha. Điềm vừa nói hướng chúng ta tới một chủ đề khác nữa.

2) Sự đối chọi cao/thấp. Có một vũ trụ trên cao của Thiên Chúa là Thánh Linh, tự do, yêu thương, sự sáng, và một "thế gian" dưới thấp, là xác thịt, sự nô lệ, hận thù, tối tăm.

Từ muôn đời, Đức Giêsu thuộc về vũ trụ trên cao, nhưng với tư cách Lời của Thiên Chúa, Ngài đã xuống thế gian để mạc khải cho chúng ta và để ban cho chúng ta sự hiểu biết thật (gnôse) về Thiên Chúa. Cuộc Vượt qua của Ngài là Giờ Ngài trở lên với Cha.

Trọn cuộc đời Ngài được đóng khung trong 2 bản thánh thi lớn: thánh thi ca tụng Lời từ trời xuống để thành người (1,1-18), và lời nguyện tự tế ca tụng Lời nhập thể trở lên với Cha (17). Nhưng nếu Ngài đã xuống một mình thì khi lên Ngài còn kéo theo hết mọi người tin vào Ngài (14,3).

3. Trong phần kết, Ga nói rõ mục tiêu của mình: "Những dấu chỉ này đã được viết ra để cho anh em tin rằng Giêsu là Đức Kitô, Con Thiên Chúa, và để khi tin thì anh em có được sự sống trong Danh Ngài" (20,30-31). Như vậy là Ga muốn khơi lên Đức tin: tin chủ yếu là nhìn

nhận Giêsu là Đấng Messia và Con Thiên Chúa. Đức tin này vừa là sống gắn bó với Đức Giêsu, vừa có một tên gọi khác là yêu thương. Tin là có sự sống của Con, còn chối không tin là chọn sự chết.

4. Sự sống, sự chết, yêu thương (và những kiểu nói tương đương) là 3 từ-chìa-khoá được tác giả phân bố trong tác phẩm theo một tỉ lệ rất có ý nghĩa: 3 phần tư những lần dùng chủ đề sự sống nằm trong Ga 1,6, những lần dùng chủ đề sự chết trong 7,12 và những lần dùng chủ đề yêu thương trong 13,20.

Vài chi tiết trên cho phép ta đề xuất một dàn bài, hay ít ra cũng là một diễn tiến trong Tin mừng Ga.

"NHỮNG NGƯỜI DO THÁI" VÀ "THẾ GIAN" TRONG GIOAN:

Phải rất thận trọng với ý nghĩa của chữ "Do thái" trong Ga. Đôi khi nó có nghĩa bình thường: những người cư ngụ trong nước Do thái. Đôi khi nó có nghĩa rất riêng biệt: những người không tiếp nhận sứ điệp của Đức Kitô. Theo nghĩa này Ga mặc dù thuộc dòng giống Do thái nhưng

không phải là "người Do thái", đồng thời một kẻ nào đó dù là dân ngoại nhưng từ chối Đức Giêsu thì cũng bị coi là "người Do thái". Sự lẫn lộn giữa 2 ý nghĩa ấy đã góp phần không ít vào chủ trương bài Do thái mà đương nhiên Ga không muốn.

Chữ "thế gian" cũng vậy. Nó chỉ nhân loại mà Thiên Chúa rất yêu thương đến nỗi ban chính Con mình cho họ (3,6), nhưng cũng thường đồng nghĩa với kẻ thù của Đức Kitô (12,31; 15,18).

III. NHỮNG DẤU CHỈ VÀ GIỜ:

Quyển Tin mừng này gồm 2 phần lớn: sách về những dấu chỉ (1,12), và Giờ của Đức Giêsu (13,20).

Ga đã bị choá mắt gì Giờ của Đức Giêsu mà ông trình bày một cách thống nhất như sau: sự chết của Đức Giêsu cũng đồng thời là sự Ngài được nâng lên, Đức Kitô được nâng lên trên thập giá như một ngai vinh quang; từ trên đó Ngài tuôn Thánh Linh xuống thế gian. Đó chính là sự biểu lộ yêu thương.

Nhưng mầu nhiệm này quá phong phú và lại diễn ra quá nhanh. Vì thế Đức Giêsu, trong Gioan biết rằng các môn đệ có thể không nắm được ý nghĩa cho nên trong suốt 2 năm trời Ngài đã triển khai trước ý nghĩa ấy cho họ hiểu bằng những dấu chỉ (bằng "bí tích"); những phép lạ của Ngài - nói rộng hơn "những công việc" của Ngài (lời nói và việc làm) - cho thấy rõ công việc mà Cha đã cho Ngài làm.

Những công việc ấy gây nhiều phản ứng khác nhau từ phía những người chứng kiến: có người thì tin và nhờ đó mà tiến đến sự sống; có người thì không tin và chọn sự chết.

PHẦN I: SÁCH VỀ NHỮNG DẤU CHỈ (1-12)

A. Những dấu chỉ loan báo sự sống mà Thiên Chúa ban (1,35-51):

Các môn đệ làm chứng: cộng đoàn (1,1-18), Gioan Tẩy giả (1,19-44), những môn đệ đầu tiên (1,35-51).

Một loạt những chuyện loan báo ơn ban sự sống ấy: dấu chỉ Cana biểu lộ vinh quang của Đức Giêsu (2,1-12), khi đuổi những người buôn bán

ra khỏi Đền thờ, Đức Giêsu cho một dấu chỉ Đền thờ thật chính là thân xác của Ngài (2,13-25) Ngài giải thích cho Nicôđêmô rằng đức tin là một cuộc sinh ra (3,1-21), và Gioan, bạn của tân lang, đưa ra lời chứng cuối cùng của ông (3,22-26).

Trong cuộc đàm thoại với người phụ nữ Samaria, Đức Giêsu dùng biểu tượng nước để nói về sự sống (4,1-12). Tiếp theo Ngài nói về Lời ban sự sống (4,43-5,47).

Chủ đề bánh sự sống được khai triển khá dài (6). Đoạn cuối chuẩn bị cho 2 tiểu đoạn tiếp sau; vài môn đệ từ chối không tin và như thế họ theo nhóm các đối thủ mà Đức Giêsu phải đương đầu trong tiểu đoạn 2 - Phêrô tuyên xưng đức tin của nhóm trung thành (tương đương với lời tuyên xưng ở Césarée trong các Tin mừng Nhất lãm); bây giờ nhóm trung thành ấy sắp xoá mình đi, để mình Đức Giêsu đương đầu với các đối thủ; nhóm này sẽ tái xuất hiện nhất là ở phần cuối.

B. Đức Giêsu và những kẻ muốn giết Ngài (7-12):

Trong tiểu đoạn này Đức Giêsu một mình đương đầu với các đối thủ, và Ga muốn cho ta thấy mấu chốt của cuộc đấu tranh ấy: họ muốn Ngài chết; nhưng khi từ chối Ngài như vậy là họ tự chọn cái chết cho họ.

Ta thấy được điều ấy qua những cuộc đụng độ lớn trong dịp Lễ Lều khi Đức Giêsu tuyên bố Ngài là Sự sáng và là nguồn Thánh Linh (7,1-8,2), việc chữa người mù bẩm sinh (9) cho thấy rạn nứt bắt đầu.

Tiếp đó Đức Giêsu xác nhận Ngài là mục tử hiến mạng sống cho đàn chiên (10,1-21), là Con Thiên Chúa (10,22-42), là sự sống lại và là sự sống (Lazarô 11,1-45).

Đến đây cộng đoàn có thể kết luận về phần I: đức tin chân thật là gì (12,37-50).

PHẦN II: GIỜ CỦA ĐỨC GIÊSU (13,20):

Ga coi bữa tiệc ly chủ yếu là một diễn từ già biệt trong đó Đức Kitô từ già các môn đệ và để lại cho họ những huấn dụ sau cùng: từ nay tình

thương huynh đệ của họ sẽ là cách làm cho Ngài vẫn còn hiện diện trong thế giới.

Cuộc xử án cho thấy rõ một sự lầm lẫn bi thảm: người ta kết án Đức Giêsu, thực tế thì chính Ngài là thẩm phán xét xử "thế gian". Cái chết của Ngài trở thành nguồn sự sống: từ cạnh sườn mở toang của Ngài vọt ra dòng nước mà Ed 47,2 và Gcr 13,1 đã tiên báo, biểu tượng của phép Rửa và Thánh Linh.

VÀI NÉT VỀ GIOAN:

Ga thích viết những tổng thể lớn thống nhất nhau: không có những tường thuật phép lạ nhanh chóng như các Tin mừng Nhất lãm, nhưng có những chuyện kể rộng lớn về 7 phép lạ được tuyển chọn (trong đó 4 phép lạ là của riêng Ga), thường những chuyện kể này được kèm theo những diễn từ và trở thành dịp để dạy giáo lý.

Tư tưởng tiến theo đường tròn ốc. Trong mỗi tổng thể ta có thể thấy trọn tư tưởng, nhưng khi đọc lại chung với tổng thể kế tiếp thì ta lại thấy tư tưởng ấy ở mức độ sâu hơn.

Ga bắt đầu từ những thực tại cụ thể: nước, bánh, sự sinh ra... Nhưng ông cho thấy chúng có thể đưa ta đến một bình diện cao hơn. Những thực tại thường ngày này đối với Ga là những biểu tượng giúp ta thấy được thế giới của Thiên Chúa, hoặc đúng hơn, chúng tạo nên một liên hệ với Ngài (đó là ý nghĩa của chữ Symbole: cái giúp liên kết lại).

BÀI 2

VÀI BẢN VĂN CỦA GIOAN

I. MỤC ĐÍCH CỦA TÁC PHẨM:

"Những dấu chỉ này được viết ra đây để anh em tin rằng Giêsu là Đức Kitô, Con Thiên Chúa, và để khi tin thì anh em có được sự sống trong danh Ngài"(Ga 20,31).

"Ta đã viết cho chúng con tất cả điều đó để chúng con biết rằng chúng con có sự sống vĩnh cửu, bởi chúng con là những người tin vào danh của Con Thiên Chúa"(1Ga 5,13).

Bạn hãy so sánh 2 kết luận trên. Gạch dưới những chủ đề chung. Mục đích mà mỗi tác phẩm nhắm là gì? Người ta đã gọi thư I Ga là "Sách viết về kinh nghiệm Kitô hữu" bạn nghĩ sao?

II. NHỮNG NGƯỜI TIN:

Ga không thích bàn về một chủ đề, đức tin chẳng hạn, một cách trừu tượng, nhưng muốn cho thấy một người tin và do đó trở thành mô hình gương mẫu cho người tín hữu. Bạn có thể đọc vài bản văn - không cần đi quá sâu vào các chi tiết - rồi lập ra một loạt những "bức tranh về những người tin".

- Đức tin phát sinh từ lời chứng: 1,35-51.

Bạn hãy xem mỗi người được người khác nắm tay dẫn đến Đức Kitô như thế nào.

- Biết hoặc tái sinh? 3,1-21

Nicôđê mô là người trí thức, một rabbi, có khả năng đối thoại tay đôi với Đức Giêsu. Đối với ông, tin chủ yếu là gì?

- Tin vào Đấng Messia, vị cứu tinh của thế giới 4,1-42

Khi đọc chuyện Đức Giêsu gặp gỡ người thiếu phụ Samaria, bạn hãy xem Đức Giêsu bắt đầu thế nào từ những thực tại cụ thể như nước, cuộc đời tình cảm của nàng, rồi Ngài dẫn nàng khám phá mầu nhiệm của Ngài như thế nào.

- Tin dựa trên lời của Đức Giêsu: 4,43-54

Hãy chú ý diễn tiến giữa 2 động từ Tin: ở c.50, viên sĩ quan tin vào lời của Đức Giêsu và nhờ đó ông sắp được phép lạ (vẫn còn thuộc lãnh vực tự nhiên); ở c.53 ông nhận thấy phép lạ và ông tin. Hãy chú ý tới tính cách liên tục: thấy (với cặp mắt thể xác) và tin - tin để thấy (với cặp mắt tâm hồn). Ta thường gặp ý tưởng này trong Ga.

- Những người mù thật: 9,1-41

Tác giả đặt đối chọi nhau một người mù nhưng thấy được điều chủ yếu và những người sáng nhưng lại không thấy điều chủ yếu đó. Bạn thử

tìm xem Đức Giêsu đã dẫn người mù tuần tự qua những giai đoạn nào để tới chỗ khám phá Ngài là ai.

- Thấy để tin: 20,1-10

Bạn hãy xem hành trình đức tin của "người môn đệ khác" ông đã thấy và đã tin vì họ còn chưa hiểu sách thánh... nghĩa là khi Đức Giêsu phục sinh đã mở trí khôn cho họ (và cho chúng ta) hiểu sách thánh thì sẽ không cần phải thấy nữa mới tin. Chỉ sách thánh thôi cũng sẽ đủ để làm cho ta biết Đức Giêsu là ai.

- Tin để thấy: 20,24-29

Ở đây Tôma được trình bày như mô hình của người hồ nghi. Đức Giêsu muốn dẫn ta tới đức tin nào? (xem câu trả lời của Phêrô ở 6,69).

II. DẤU CHỈ BÁNH: 6,1-71

Đây là một trong những tổng thể quan trọng và dài nhất của Ga. Được đặt vào cuối việc Đức Giêsu rao giảng ở Galilêa. Nó tóm lược điểm chủ yếu của sứ vụ Ngài. Chương 5 đã cho thấy sự không tin của những

người Do thái ở Giêrusalem. Chương 6 trình bày sự không tin của quần chúng ở Galilêa. Chỉ trừ nhóm 12 (nhưng cả trong số họ cũng sẽ có một người bội phản, c.71) tất cả Israel từ chối không tin.

- **Phép lạ bánh (6,1-15):** song song với 5 tường thuật trong Nhất lãm. Cũng như các Tin mừng. Ga xem cử chỉ Đức Giêsu tạ ơn và phân phát bánh là báo trước bữa tiệc ly. Nhưng nhất là ông coi đó là bữa ăn Messia: bữa tiệc mà đấng Messia ban và người ta vẫn chờ sẽ tới vào lúc tận thế. Ga nhấn mạnh tới sáng kiến của Đức Giêsu (chính Ngài làm mọi việc, chính Ngài phân phát), quần chúng thì coi Ngài là một ngôn sứ và muốn tôn Ngài làm vua.

- **Đức Giêsu bước đi trên nước (6,16-21):** chuyện này nhấn mạnh về con người của Đức Giêsu. Đây chính là bước đi vương giả của Đấng "Ta là" (Thiên Chúa) trong vinh quang trọn vẹn. Bằng cách tỏ bày quyền năng thần linh của Đức Giêsu, tường thuật này muốn chuẩn bị các môn đệ chấp nhận sứ điệp về bánh sự sống.

- **Bánh sự sống: 6,30-59**

Hãy gạch dưới những chữ lặp đi lặp lại và chú ý xem vị trí của chúng trong bản văn (các bản dịch thường dịch thành ăn 2 động từ khác nhau ở c.54.56.57.58b, đây là động từ nhai sống động và hiện thực hơn nhiều). hãy coi có vài thuật ngữ nào tạo thành một gọng kìm không?

Chú ý tới những vấn nạn ở cc.30.40.41.52 cho thấy Ga muốn khơi lại một cuộc tranh luận.

Bạn sẽ nhận thấy những chữ quan trọng của bản văn đều được lặp lại trong câu trích dẫn c.31. Diễn từ này có lẽ là một bài giảng (và lại Đức Giêsu đang giảng trong Hội đường, c.59) được xây dựng theo những quy luật của một bài giảng Do thái: bắt đầu từ trích dẫn sách thánh, thông thường rút từ Ngũ thư, sau đó lấy lại từng chữ để hiện thực hoá nhằm chứng minh chúng được áp dụng cho thánh giả như thế nào. Theo thói quen cũng có những câu trích dẫn thứ hai rút từ các ngôn sứ xuất hiện trong phần bình giải (c.43 trích Is 54,13). Người ta thích sử dụng kiểu trình bày tương phản: "không phải... nhưng... bởi vì..." chẳng hạn ở cc.32-33 và 46-47.

Sau câu trích dẫn ở c.31 và thể tương phản ở câu 32, một giọng tìm xác định biên giới cho tổng thể thứ nhất: c.35 và 48. Từ c.49 lấy lại c.31a là tổng thể thứ hai. Câu 58 được dùng làm câu kết cho tất cả.

Đức Giêsu nói tới thứ bánh gì ở c.35-48? hãy để ý số lần chữ "tin" (hoặc chữ tương đương của nó tức là "đến với") được tác giả dùng. Chủ đề về LờiChúa mà người ta tiếp thu mà người ta "ăn" bởi đức tin là một chủ đề quen thuộc. Thí dụ hãy xem "người ta không chỉ sống bằng bánh, mà còn bằng mọi lời phát ra từ miệng Thiên Chúa" (Đnl 8,3 hoặc Kn 26; Ed 3,1t...)

Đức Giêsu nói tới thứ bánh gì ở cc.49-58? so sánh "thịt Ta cho sự sống của thế gian" với "thân xác Ta được ban cho các con" (Lc 22,19).

Người ta tranh cãi nhiều về lịch sử hình thành đoạn văn này. Có thể nghĩ rằng Đức Giêsu chỉ tự trình bày như là Lời nhập thể mà các thánh giả phải "ăn", nghĩa là phải đón nhận bằng đức tin. Sau lễ phục sinh các môn đệ hiểu rằng Đức Giêsu trong bữa tối tiệc ly còn tự ban mình một cách khác nữa: ban chính Ngài (gồm cả thịt và máu) cho chúng ta để

làm lương thực, nghĩa là Ga đã đọc lại toàn bài diễn từ trong bối cảnh Thánh thể.

Những nhận xét trên giúp bạn thấy thế nào về liên hệ giữa Lời, Thánh thể, đức tin và sự sống...

IV. SÁCH CÔNG VỤ TÔNG ĐỒ CỦA GIOAN: 13-17

Có thể nói cách đại khái rằng: phần chủ yếu về sinh hoạt của Giáo hội mà Lc trình bày trong sách Công vụ Tông đồ thì Ga đặt vào chính miệng của Đức Kitô trong diễn từ sau bữa tiệc ly thực vậy, tổng thể này gồm 2 diễn từ lặp lại nhau ít nhiều.

Bạn hãy đọc bản văn và tìm xem tác giả nói gì về Thiên Chúa/Cha - và Đức Giêsu: Ngài từ Cha mà đến và sẽ trở về với Cha; sau khi sống lại, Ngài đến với các môn đệ để thực hiện một sự hiện diện mới; Ngài dẫn họ đến với Cha. Tác giả nói gì về Thánh Linh?

Hãy khám phá ra hoàn cảnh và những vấn đề của một cộng đoàn cụ thể: cộng đoàn của Ga và của bạn.

1) Diễn từ thứ nhất: 13,31-14,31:

Trước hết hãy tìm kết cấu: gọng kìm từ 13,33 tới 14,28 "Thầy ra đi/Thầy đến với chúng con"; từ 14,1 tới 14,27.

Gạch dưới những chữ lặp đi lặp lại: TIN và những thuật ngữ kèm theo như BIẾT, LÀM NHỮNG CÔNG VIỆC, SINH HOA TRÁI...; Động từ YÊU THƯƠNG và những thuật ngữ kèm theo như GIỮ CÁC LỆNH TRUYỀN, LỜI, LƯU LẠI... 14,1-14 tập trung về đức tin; 14,15-24 tập trung về yêu thương. Chú ý tới rất nhiều giới từ TRONG (dans,en); VỚI, Ở (chez)...

Ở đây chủ yếu của mâu nhiệm thăng thiên (sự tôn vinh Đức Giêsu) và hiện xuống (sự hiện diện mới của Đức Giêsu bằng Thánh Linh) được trình bày thế nào?

2) Diễn từ thứ hai: 15-17

Bạn có thể thấy diễn từ này triển khai cùng những chủ đề và bạn có thể dừng lại trên vài đoạn sau:

- **Cây nho (15,1-17):** tác giả sử dụng hình thức ngụ ngôn để trình bày giáo thuyết về Giáo hội là thân thể Đức Kitô.

- **Thánh Linh và cộng đoàn đương đầu với "thế gian"**

(15,18-16,15): Hãy xem những vai trò của Thánh Linh, giúp người ta biết Cha và Đức Giêsu bảo vệ Đức tin của tín hữu bằng cách cho họ thấy rằng Đức Giêsu là kẻ chiến thắng.

- **Cộng đoàn có trách nhiệm sinh ra Đức Kitô trong thế giới.**

(16,16-33). Để soi sáng c.21,22, bạn hãy đọc lại Is 27,17.20; 66,7.14 và một đoạn mà sau này chúng ta sẽ đọc: Kh 12,4-6. Cuộc thụ nạn được trình bày như sự đau đớn của cộng đoàn lúc sinh ra Đức Kitô trong dòng lịch sử của mình.

- Lời cầu nguyện của Đức Kitô trong cuộc thụ nạn, trong cuộc sống lại và trong cuộc sống của Ngài trong Giáo hội (17).

V. TIỀN NGÔN: 1,1-18

Đây là một Thánh thi tuyệt vời nhưng khó hiểu. Với những chữ rất đơn giản nó tích chứa cả một suy tư Thần học lâu dài.

Bước đầu tiếp xúc, bạn có thể thử tìm cấu trúc của nó và xem nó bám rễ trong Sách Thánh như thế nào.

1. Về cấu trúc

Khởi sự, bạn hãy tìm những chữ lặp lại và những câu tương ứng nhau. Xem ra bản Thánh thi này được cấu trúc theo dạng đồng tâm, theo một phương thức kết cấu thông dụng thời đó và rất thường gặp trong Thánh kinh.

1-5 Lời ở cạnh Thiên Chúa 16-18

6-8 Gioan Tẩy giả 15

9-11 Những lần Lời đến 14

12-13

Ở trung tâm (c.12-13) tác giả đặt ơn được làm con Thiên Chúa, được ban cho những người tin. Những vế kia tương ứng nhau nhưng không chỉ đơn thuần lặp lại nhau. C.9-11 trình bày những lần Lời đến trong thế gian và trong dân Do thái của Ngài ("những kẻ thuộc về Ngài"); c.14 tán dương việc nhập thể. C.1-5 định vị Lời trong vĩnh cửu và hoạt động sáng tạo của Ngài; c.16-18 nhấn mạnh về việc mặc khải do Đức Giêsu hoàn thành.

2) Về sự bám rễ trong Sách Thánh.

Hãy đọc những chú thích trong Thánh kinh của bạn. Sau đây chỉ là một vài điểm.

Từ ban đầu: Tin mừng cũng mở đầu giống Sáng thế ký. Việc Đức Giêsu đến là một sự bắt đầu mới của thế giới (cũng hãy xem Mc 1,11).

Đức Kitô được gọi là Logos (Lời): đó là cách đặt Ngài vào trào lưu Thánh kinh; Thiên Chúa tạo dựng bằng Lời của Ngài (St 1; Is 40,26; Tv 33,6) hoặc bằng sự khôn ngoan của Ngài đã cho hiện hữu trước mọi sự và sống bên cạnh Ngài (Cn 8,23-36; Kn 2,22-30). Sự Khôn ngoan này

tức là chính Thiên Chúa với tư cách là Đấng Khôn ngoan đã đến cư ngụ với loài người (Hc 24,1-22) và đôi khi được coi đồng hoá với Luật, sự hiện diện của Thiên Chúa ở giữa dân Ngài. Nhưng gọi Đức Kitô là Logos cũng là định vị Ngài trong tư tưởng Triết học Stoicien vốn coi Logos là nguyên lý làm cho thế giới được kết hợp.

Ngài đã ở: dịch từng chữ là "Ngài đã dựng lều ở giữa chúng ta (Hc 24,7-8), chữ Hy Lạp skènè (lều) hình như ám chỉ tới Schekinah, sự hiện diện thực của Thiên Chúa trong dân. Đức Giêsu là Đền thờ thực từ đó vinh quang Thiên Chúa toả ra cho chúng ta. VI. THƯ THỨ NHẤT CỦA GIOAN:

Công đoàn gặp những khó khăn: chia rẽ (4,3), các Kitô hữu không thương yêu nhau (2,9; 4,20), tự nghĩ mình không có tội (1,10), hoặc bị cám dỗ bởi thuyết ngộ đạo cho rằng có thể đạt đến Thiên Chúa bằng sự hiểu biết chứ không cần quan tâm tới cách sống (3,4); cũng có những người đã rời cộng đoàn và chối Đức Kitô (2,19-22).

Để trả lời cho những khó khăn trên, Ga nại tới 2 kinh nghiệm:

- Kinh nghiệm của chứng nhân (1,1-4). Bạn hãy đọc những câu này. Tác giả không nói ông đã thấy và đã nghe Lời, nhưng điều ông đã thấy về Lời (những lời nói và việc làm của một người) đã cho phép ông, bằng đức tin có thể đi vào tâm mâu nhiệm của người ấy để nhận ra người ấy là Con Thiên Chúa.

- Kinh nghiệm của các Kitô hữu (5-13). Tác giả kêu gọi tới điều mà các Kitô hữu đã nhận trong giáo lý và phép Rửa, và điều họ đang sống trong sinh hoạt hàng ngày. Bằng đức tin họ phải thấy ra rằng họ đã được gieo giống bằng Lời của Thiên Chúa (2,14; 3,19), rằng họ đã được thấy Lời ấy như dầu thấm vào nhờ ơn Thánh Linh (2,20.27).

Chủ đề căn bản luôn trở lại, như trong một bản giao hưởng là: "anh chị em được thông hiệp với Thiên Chúa". Đây là mâu nhiệm, nhưng mâu nhiệm này có chân đặt trên đất: sự thông hiệp với Thiên Chúa phải được thực hiện bằng những hoa trái mà nó sinh ra.

Khó tìm ra bố cục của th này (bố cục đề nghị trong TOB cũng khá).
Nhưng suy gẫm thì có cần bố cục chẳng? điều quan trọng hơn là với
xem có gì tương ứng với cảm nghiệm cá nhân của chúng ta.

Khi đọc, bạn hãy chú ý cách riêng tới những phương diện sau:

- Các diễn viên: Cha, Đức Giêsu, Thánh Linh, tác giả và cộng đoàn của
ông, các tín hữu, những người lạc lối... các diễn viên được trình bày thế
nào? vai trò của họ ra sao? họ được nối kết với những chủ đề nào?

- Những chủ đề chính: hãy tìm những chữ và những thuật ngữ lặp đi lặp
lại; thử gom những chữ và thuật ngữ đi chung nhau và lưu ý những nối
kết ấy có mang lại gì cho bộ ngữ vựng cơ bản không? thì dụ tình
thương yêu, biết thông hiệp, lưu lại trong... tội,, quỉ, thế gian, tinh thần
của sự dữ, phần Kitô... sáng/tối... sống/chết... công chính...

BÀI 3

CUỘC THỤ NẠN THEO GIOAN

Một thời gian lâu sau khi những sự việc xảy ra, dưới ánh sáng của Thánh Linh, của sinh hoạt Giáo hội và đặc biệt của việc cử hành các bí tích, Gioan mới suy gẫm lại về cuộc thụ nạn.

Trong bài tường thuật của ông, rất gần với bài tường thuật của Nhất lãm, ông đã chọn những chuyện nhiều ý nghĩa nhất. Ông trình bày cuộc thụ nạn này như "bước đi khải hoàn của Đức Giêsu về với Cha". Đức Giêsu biết mình sắp chết và chết cách nào và Ngài đã đi vào cái chết ấy cách tự do: "mạng sống Ta không ai lấy được mà là chính Ta ban" (10,18). Tất cả những chi tiết của cuộc thụ nạn hoàn toàn không chỉ sách thánh mà còn tất cả những lời tiên báo của Đức Giêsu nữa.

Gioan chú trọng tới vẻ uy nghi của Con Thiên Chúa đang chịu khổ. Khi bị bắt, Đức Giêsu không nói tới các đạo binh thiên sứ có thể giải thoát Ngài (như trong Mt), mà chỉ tuyên bố "Ta đây" (hoặc "Ta là"), thế là các kẻ thù ngã ra đằng sau. Ngài bị đóng đinh trong tư cách là Vua: Philatô biết điều đó nên đặt Ngài ngồi trên toà (19,13), và bảng viết trên thập giá cũng công nhận điều đó bằng nhiều thứ tiếng (19,19-20).

Ga không tách rời cái chết và sự nâng lên. Đức Giêsu trên thập giá cũng là lên trời trong vinh quang của Thiên Chúa và từ trên đó Ngài phái Thánh Thần xuống trần gian (19,30). "Khi Ta được nâng lên khỏi đất, Ta sẽ kéo mọi người lên với Ta" (12,32). Thập giá trở thành ngai vinh quang từ trên đó Đức Giêsu thành lập Giáo hội: từ cạnh sườn mở ra của Ngài, vọt ra máu và nước, 2 bí tích: Rửa tội và Thánh thể.

I) Đức Giêsu bị bắt trong vườn: 18,1-12

Ga không tường thuật cơn hấp hối (nhưng ông đã lấy lại phần chủ yếu trong chuyện Lễ Lá 12,23.27), cũng không nói tới sự chạy trốn của các môn đồ. Ông cho thấy vẻ uy nghi của Đức Giêsu mà thôi. "Ta là" được lặp lại 2 lần (c.5 và 8) chính là tôn thờ của Thiên Chúa trong sách thánh.

II. PHIÊN XỬ DO THÁI: 18,13-27

Ga không tường thuật việc Đức Giêsu bị điệu tới trước Đại công nghị, và chỉ có ông thuật cuộc thẩm vấn tại dinh Anna. Đức Giêsu trình bày như người mặc khải về Thiên Chúa giữa thanh thiên bạch nhật: động từ

"Tôi đã nói" được lặp lại 5 lần, và động từ "Tôi đã giảng dạy" một lần. Có một cảnh đối chọi bi thảm: đang lúc Ngài làm chứng lần cuối thì Phêrô chối Ngài. Và Caipha dù không ý thức đã đưa ra ý nghĩa của cuộc thụ nạn: Đức Giêsu chết thay cho toàn dân (c.14).

III. PHIÊN XỬ RÔMA: 18,28-19,16

Đây là màn chính của cuộc thụ nạn theo Ga. Những chuyển đi và lại của Philatô (đi từ Đức Giêsu ở phía trong tới những người Do thái ở phía ngoài) chia màn này thành 7 cảnh đối xứng nhau với trung tâm là cảnh đội mũ gai. Đây là phiên xử lớn giữa Đức Giêsu và những người Do thái. Đức Giêsu là bị cáo nhưng thực ra chính Ngài là quan tòa. Ngài là vua nhưng là một vị vua ngự trị trên những ai nghe Lời Ngài. Ở trung tâm, cảnh đội mũ gai, nếu lột bỏ những chi tiết phụ (khắc nhỏ, bái chào) thì cảnh này làm nổi bật tước hiệu vua. Và màn này kết thúc một cách huy hoàng: Philatô đặt Đức Giêsu ngồi trên toà để tuyên bố Ngài là vua (c.13).

IV. ĐỒI SỢ: 19,17-37

Cũng chính trong tư cách vua mà Đức Giêsu chịu đóng đinh: bằng chữ xác nhận điều đó. Những người Do thái cũng vẫn từ chối Ngài. Tấm áo không có đường may của Đức Giêsu không bị xé (chữ Hy Lạp là Skizô, từ đó sinh ra chữ skisma, cuộc ly khai): Ga thấy đây là biểu tượng của sự hợp nhất trong Giáo hội. Đức Giêsu chết để quy tụ lại thành một những con cái tản lạc của Thiên Chúa (11,52).

Ga là Phúc âm gia duy nhất chú trọng tới chi tiết Đức Maria dưới chân thập giá. Khi gọi người đó là Bà và khi trao người môn đệ làm con của Người. Ga hình như muốn gọi lên vai trò đặc biệt của Đức Maria trong Giáo hội.

"Đức Giêsu trao Thánh Linh lại" (chương 30). Đây là một kiểu nói về sự chết, nhưng Ga dùng công thức ngắn này để nói rằng Đức Giêsu phái Thánh Linh xuống trần gian.

Cảnh cuối, riêng của Ga, biểu lộ ý nghĩa cái chết của Đức Kitô đối với chúng ta. Ngài là Con chiên Vượt qua của Giao ước mới. Hơn nữa, Ngài là chính Thiên Chúa bị đâm như Gcr 12,10t tiên báo Đức Giêsu là

Đền thờ thật nơi Thiên Chúa ngự, Đền thờ mà Ed 47,1-12 thấy từ đó chảy ra giòng nước từ cạnh bên phải, nước là biểu tượng của Thánh Linh. Và trong Giáo hội, nước và máu sẽ trở thành biểu tượng của 2 bí tích Rửa tội và Thánh thể.

V. TÁNG XÁC (19,38-42).

Đức Giêsu được mai táng bởi hai bậc vị vọng: ông Giuse người môn đệ nhút nhát, và ông Nicôđêmô người đã đi tìm gặp Đức Giêsu ban đêm. Họ an táng Ngài "trong một khu vườn" - một mình Ga nói điếm này, và nói 2 lần - nghĩa là trong một nơi gieo mầm sự sống.

BÀI 4

ĐỨC GIÊSU CỦA GIOAN

"Điều chúng tôi đã nghe, mắt chúng tôi đã thấy, đã chiêm ngưỡng, điều tay chúng tôi đã sờ thấy về Lời của sự sống..." (1.Ga 1,11). Lời tâm sự này tóm lược rõ cảm nghiệm của Ga. Trong cuộc đời của Phaolô, có một giai đoạn trước và một giai đoạn sau: đối với Phaolô, Đức Giêsu từ

một tay bịp bợm đã trở thành Đức Chúa Con. Còn Ga thì không biết tới một sự đứt đoạn như vậy. Trong nhiều năm ông đã là môn đệ của một Con người, một ngôn sứ và dần dần ông khám phá con người ấy và ngôn sứ ấy chính là Đức Kitô. Sau đêm thụ nạn ông kinh ngạc khám phá người bạn của ông chính là Con Thiên Chúa! và đó chính là nghịch lý về Đức Giêsu của ông: một con người hết sức bình thường mà ta có thể thấy và sờ mó, nhưng với cặp mắt đức tin do Thánh Linh soi sáng, ông thấy trong con người ấy cả một mầu nhiệm khôn lường về Lời, và về Con Thiên Chúa.

I. MỘT NGƯỜI THƯỜNG:

Đức Giêsu của Ga là người, Ngài cũng có thân xác và tâm lý như chúng ta, Ngài cũng biết mệt, ngồi nghỉ trên bờ giếng và xin nước của một phụ nữ không quen (4,6t). Ngài cũng có một chỗ trọ cho kẻ khác tới ở suốt buổi chiều (1,38; 3,2). Ngài cũng có bạn bè như Lazarô, Matta và Maria (11-12). Ngài cũng biết xúc động và khóc khi bạn Lazarô chết (11,33.35). Ngài cũng đi dự tiệc cưới (2,1t). Ngài còn biết nổi giận lật nhào bàn ghế của bọn buôn bán (2,15).

Là một nhà tâm lý tinh tế, Ngài hiểu lòng người (2,25). Bằng một cung cách khéo léo tôn trọng người khác, Ngài có thể làm cho một phụ nữ Samaria nhớ lại cuộc sống ồn ào của nàng nhưng không để nàng bị mặc cảm thấy mình đang bị xét xử hay kết án. Đối với người phụ nữ ngoại tình cũng thế. Ngài là người có khả năng giúp người khác, dù là người tội lỗi, khám phá được cái đẹp nhất về bản thân họ.

II. MỘT NGƯỜI CỦA THIÊN CHÚA:

Ta có thể làm thử một bảng trắc nghiệm về nhân cách của Đức Giêsu. Bất cứ đặt câu hỏi nào, Ngài cũng chỉ đưa ra một câu trả lời duy nhất: Cha. Ông từ đâu tới? Từ Cha. Ông đi đâu? Đi về Cha. Ông làm gì? Làm những công việc của Cha, làm theo ý Cha. Ông nói gì? Chẳng nói gì về tôi cả mà chỉ nói điều tôi đã thấy được nơi Cha... hơn những lý luận trừu tượng về Ba Ngôi, bản trắc nghiệm này dẫn chúng ta tới tận trung tâm mầu nhiệm Thiên Chúa. Đức Giêsu vừa hoàn toàn tự do, vừa hoàn toàn là chính mình và đồng thời là cũng vừa hoàn toàn là liên hệ với Cha, "hướng về Cha" (1,1).

III. ĐĂNG MẠC KHẢI VỀ THIÊN CHÚA:

Từ muôn thuở vốn ở gần Thiên Chúa, là Lời và Khôn ngoan của Thiên Chúa, Đức Giêsu biết rõ bí mật của Thiên Chúa và Ngài đến để làm cho người ta biết Thiên Chúa. Đức Kitô của Ga trước tiên là Đăng mạc khai cho chúng ta biết về Cha.

Ngài đã mạc khai bằng lời nói, Ngài mạc khai nhất là bằng những dấu chỉ, tức là những phép lạ, những việc làm và cách sống của Ngài: "Philipphê ơi, ai thấy Thầy là thấy Cha" (14,9).

Ngài còn mạc khai Cha bằng cách ban Thánh Linh xuất phát từ cạnh sườn mở rộng của Ngài cho chúng ta (7,38.19,30.34). Thánh Linh sẽ dẫn chúng ta đến sự thật toàn vẹn (16,13).

IV. CON NGƯỜI:

Trong tác phẩm huyền bí này, ta ngạc nhiên thấy mình như bị đẩy vào một phiên toà trong đó đầy những từ ngữ pháp lý như: làm chứng, xét xử, kết tội, thuyết phục, bào chữa viên (paraclet, trạng sư)... bởi vì Đức

Giêsu là Con người tức là khuôn mặt trong Đaniên mà người ta mong sẽ đến vào lúc tận thế để xét xử. Với Nicôđêmo, Đức Giêsu tuyên bố Ngài là Đấng duy nhất từ trời xuống (3,11-13); Ngài không muốn làm quan toà kết tội, nhưng chỉ làm Con cứu độ. Nhưng vì Ngài là sự sáng nên Ngài buộc kẻ đối thoại phải tự lột mặt nạ và phải chọn. Ngài gọi lên lời xét xử. Nhưng Ngài là một trạng sư đứng bên cạnh người tín hữu.

Cuộc xét xử này vẫn tiếp tục cho tới lúc tận thế, do đó Ngài đã phải một Đấng bào chữa khác đến (14,16), Đấng ấy là Thánh Linh được giao sứ mạng bào chữa cho Ngài trong lòng của tín hữu (16,7-11).

V. CON THIÊN CHÚA:

Sau cùng, Đức Giêsu có thể mạc khải Thiên Chúa bởi vì chính Ngài là Con của Thiên Chúa. Công thức "Ta là", ít nhất trong Nhất lãm, rất thường xuất hiện trên miệng Đức Giêsu của Ga, và thậm chí có 4 lần nó được dùng theo nghĩa tuyệt đối (8.24.28.58; 13,19). Công thức này tương đương với tên của chính Thiên Chúa Giavê (Xh 3,6.14).

VI. CUỘC SỐNG CỦA TÍN HỮU:

Là tất cả những gì được nói ở trên, nhưng Đức Giêsu đã đến trong xác thịt của chúng ta chỉ vì để phục vụ cho người tín hữu: Ngài là mục tử hiến mạng sống cho bạn hữu mình, Ngài là sự sáng, Ngài là sự sống lại và là sự sống.

BÀI 5

PHỤNG TỰ HAY LÀ SỐNG TRONG THÁNH LỄ

Đối với Kitô hữu ngày nay, chữ "phụng tự" thường gọi lên những lễ nghi. Nhưng đối với các Kitô hữu đầu tiên cũng như với người Do thái chữ này gọi lên trước hết sinh hoạt hằng ngày. Thi hành phụng tự hay phụng sự Thiên Chúa không có gì khác hơn sống cuộc đời hằng ngày bằng cách cho nó một ý nghĩa. Và ý nghĩa này biểu lộ trong một số cử chỉ phụng tự. Lấy thí dụ như những cặp vợ chồng. Họ cũng làm việc không khác gì những kẻ độc thân, nhưng cả cuộc sống của họ được tô điểm bằng tình yêu, những cử chỉ họ dùng để biểu lộ tình yêu chính là biểu hiệu của cả cuộc đời họ và chúng góp phần làm cho cuộc đời ấy có ý nghĩa. Cũng thế những cử chỉ của phụng tự là biểu hiệu của cuộc đời

được sống trong thánh lễ tạ ơn, và làm cho cuộc sống ấy thật sự là một thánh lễ tạ ơn.

Xin bạn đọc lại Rm 12,1-2; 1P 2,5 (và những gì được nói ở bài "Cách sống Kitô hữu"): lễ tế của Kitô hữu chính là bản thân của họ, cuộc đời của họ được sống như một sự vâng phục của đức tin (Rm 1,5; 16,26; Pl 2,17; 1 P 1.2.14.22).

I. PHỤNG TỰ THIÊN LIÊNG TRONG CỰU ƯỚC:

Phụng tự đích thực mà các ngôn sứ đòi đó là chính trực và công bình đối với tha nhân (Am 5,21; Is 58) là yêu thương chứ không phải lễ tế (Hs 16,6 được Đức Giêsu trích dẫn lại trong Mt 9,13; 12,7). Xin bạn đọc lại câu tóm lược rất khéo của Mk 6,8.

II. TÁN TẠ TRONG DO THÁI GIÁO:

Cuộc sống của người Do thái đầy đầy những lời tán tạ.

Một ngày được đánh mốc bằng những lời cầu nguyện ở Hội đường vào buổi sáng, giữa trưa và buổi chiều. Những lời cầu nguyện tạ ơn rất dài

kèm theo những bài đọc và những Thánh vịnh. Mỗi hành động đều được thánh hoá bằng một trong "100 lời tán tạ", tức là những câu ngắn được xây dựng cùng một kiểu: "chúc tụng Chúa là vua vũ trụ, Chúa là...". Chẳng hạn lúc thức dậy: "...Chúa là Đấng trả lại linh hồn cho thân xác khả tử"; khi rửa tay: "...Chúa là Đấng thánh hoá chúng con bằng những lệnh truyền của Ngài và truyền cho chúng con phải rửa tay"; khi mặc đồ: "...Chúa là Đấng mặc áo cho kẻ trần tròng"; khi đi vệ sinh: "...Chúa là Đấng nắn nê con người một cách khôn ngoan và tạo cho nó có những lỗ thoát và những ống nước".

Như thế tất cả sinh hoạt thường ngày, thậm chí trong những phương diện hèn hạ nhất đều được sống như một việc tạ ơn. Đây chính là điều Phaolô nhắc lại khi trả lời cho những Kitô hữu chê bỏ một số thức ăn và cả hôn nhân nữa: "mọi sự Thiên Chúa tạo dựng đều là tốt và chẳng có gì phải chê bỏ nếu ta dùng nó với tâm tình tạ ơn (hoặc tán tạ); vì nó đã được thánh hoá bởi Lời Thiên Chúa và sự cầu nguyện" (1 Tm 3,4-5).

Những bữa ăn, nhất là những bữa ăn ngày lễ, đều là những hành vi tôn giáo. Người cha của gia đình hoặc người chủ sự đọc lời tán tạ, bẻ bánh

và phân phát. "Đọc lời tán tạ" không phải là làm phép bánh mà là đặt nó vào trào lưu sự sống phát xuất từ Thiên Chúa: Thiên Chúa là sự sống; do lời tán tạ mà ta được tháp vào sự sống ấy. Như thế, bánh được mang sự sống thần linh, được bẻ ra và phân phát cho những người trong bàn. Khi ăn, họ lại được lôi vào trong trào lưu sự sống thần linh ấy.

Để đáp lại ơn được Thiên Chúa ban sự sống, con người tạ ơn, tức là nhìn nhận rằng tất cả mọi ơn, bắt đầu từ ơn ban sự sống, đều xuất phát từ Thiên Chúa.

III. PHỤNG TỰ KITÔ GIÁO:

Vì sinh ra trong Do thái giáo nên Kitô giáo tiếp thu thái độ và những cách sống đó, đồng thời làm cho nó có thêm một màu sắc mới, vì Kitô giáo biết rằng tất cả đến với ta là nhờ Đức Giêsu, và mọi việc tạ ơn đều qua Ngài mà lên đến Cha.

Khi đọc sách Khải huyền, ta sẽ thấy rằng phụng vụ Kitô giáo lấy lại phụng tự Do thái giáo. Các Thánh vịnh được đọc lại dưới ánh sáng Đức

Kitô: chẳng hạn mời bạn xem một lễ nghi phụng vụ được thuật trong Cv 4,23-31.

Chúng ta sẽ thấy các Kitô hữu cũng đặt ra những lời nguyện riêng của mình, và chúng ta sẽ học kỹ kinh Lạy cha.

Còn bây giờ thì chúng ta xem xét tới trung tâm và đỉnh cao của lễ tạ ơn Kitô giáo: bữa ăn cuối cùng của Đức Giêsu. Những tường thuật về bữa ăn này quá phong phú không thể trình bày trong một trang: do đó chúng ta đề ý nhiều nhất tới một phương diện thôi: xem 2 lối giải thích về bữa ăn này trong các Tin mừng, nhờ đó ta sẽ thấy được sinh hoạt thường ngày và phụng tự nối kết nhau như thế nào; Đức Giêsu vẫn còn hiện diện bằng chính con người của Ngài được dâng hiến và bằng cộng đoàn Kitô hữu thương yêu nhau.

IV. ĐỨC GIÊSU LẬP BÍ TÍCH TẠ ƠN:

1) Văn mạch.

Một trong những tường thuật đầu tiên được viết ra là tường thuật về cuộc thụ nạn, bắt đầu từ lúc Đức Giêsu bị bắt cho tới lúc táng xác Ngài, nghĩa là diễn tiến bên ngoài của cuộc thụ nạn. Chẳng bao lâu sau, các môn đệ thấy cần phải đặt trước có thêm 2 bài tường thuật khác giúp hiểu được diễn tiến bên trong của các sự kiện đó: tường thuật về cơn hấp hối cho thấy Đức Giêsu với đầy đủ tính người, đã đau đớn chấp nhận cái chết như thế nào và đã làm thay đổi ý nghĩa cái chết ấy như thế nào: Ngài đã biến nó từ một sự thất bại thành một lễ hiến dâng. Tường thuật về bữa tiệc ly cho thấy Đức Giêsu đã cử hành trước cuộc thụ nạn của mình như thế nào. Tiệc ly, hấp hối, đường thập giá. Đó là 3 cách trình bày về cuộc thụ nạn, mỗi cách đều nói đủ tất cả nhưng theo một quan điểm khác nhau.

2) Những bản văn:

Bản Nhất lãm đưa ra 4 tường thuật về bữa tiệc ly. Ga không có nhưng ông cũng có nói về lễ tạ ơn.

Hãy đọc Mc 14,23-25; xem cuối câu 23 và 24: cái được đựng trong chén ("cái này là", câu 24) có chỉ cùng một thực tại với "sản phẩm của cây nho" (c.25) không? Bạn thử đọc bản văn nhưng bỏ qua câu 24b ("cái này là...cho nhiều người"): đây là loại bữa ăn nào? Rồi hãy đọc bản văn có câu 24b ấy: đây là loại bữa ăn nào?

Hãy đọc Lc 22,15-18 + 21-38, kể đến 22,19-20. Bạn có thấy 2 loại bữa ăn không?

Ký ức về bữa ăn cuối cùng của Đức Giêsu đã được giải thích: như một bữa ăn giã từ, trong đó Đức Giêsu làm một cử chỉ tiên tri cử hành cái chết của mình như một lễ nghi phụng vụ. Lấy một thí dụ: một buổi tối 2 đứa con tới nhà của người cha già. Người cha này lợi dụng bữa ăn để chia tài sản. Hai con ra về và ít lâu sau người cha chết. Có thể mỗi đứa con thuật lại bữa ăn ấy mỗi cách khác: đứa con thứ nhất coi đó là bữa ăn cuối cùng với cha mình trong đó cha đã căn dặn phải đoàn kết yêu thương nhau. Đứa con thứ hai thực tế hơn coi đó chỉ là cuộc chia gia tài.

3) Bữa ăn giã từ:

Diễn từ giã biệt là một loại văn thể rất thông dụng trong Cựu ước và văn chương Do thái (St 49; 1V 2; Tb 4,14). Ai đó biết mình sắp chết nên tập hợp con cái hoặc môn đệ lại, huấn dụ chúng phải sống đạo đức nhất là phải thương yêu nhau, đưa cuộc sống quá khứ của mình ra làm gương và tiên báo về tương lai. Đôi khi việc này diễn ra trong một bữa ăn.

Xin bạn đọc lại Lc 22,15-18 + 21-38; Mc 14,25; Mt 26,29; Ga 13-17. Ở đây bữa tiệc ly được coi như một bữa ăn giã từ của Đức Giêsu Ngài ban huấn dụ: "Cứ dầu này mà người ta sẽ nhận ra chúng con là môn đệ của Thầy, là chúng con thương yêu nhau..."; Ngài cũng tiên báo về tương lai: xác nhận hoàn toàn trông cậy vào Thiên Chúa và bên kia cái chết chắc chắn Ngài sẽ vào trong Nước Thiên Chúa; Ngài cũng tiên báo tương lai của cộng đoàn Ngài: mong sao các môn đệ Ngài vẫn hiệp nhất cho tới khi rốt cục nước Thiên Chúa sẽ đến. Cách làm cho Đức Giêsu vẫn còn hiện diện trong thế giới chính là cộng đoàn gồm những người đang chia nhau tấm bánh của Ngài và cũng biết sống chia sẻ với nhau như vậy.

4) Bữa ăn phụng tự - hoặc cử chỉ tiên tri:

Các ngôn sứ quen có những hành động không những nói lên một sứ điệp mà còn thực hiện trước các hành động ấy nói.

Cử chỉ Đức Giêsu bẻ bánh ban bánh và rót rượu chính là thực hiện trước việc Ngài ban thịt và máu. Và bởi vì cử chỉ này là một bữa ăn nghĩa là một việc có thể làm lại, với những thức người ta có thể ăn, cho nên chúng ta có thể làm lại bữa ăn này và tiêu chuẩn hoá chính bản thân của Đức Giêsu đã hiến mình chịu chết và sống lại.

Mt và Mc, Lc đã đặt bữa tiệc ly trong khung cảnh bữa ăn Vượt qua Do thái (năm ấy được cử hành vào chiều thứ sáu tuần thánh) nhưng đã nhận ra ý nghĩa cách khác nhau.

- Mc-Mt: bạn hãy đọc Xh 24,4-8 cái chết của Đức Giêsu tỏ ra trước nhất là việc thực hiện lễ tế phụng tự hoàn thành giao ước.

- Lc và Phaolô: bạn hãy đọc Gr 31,31-34 và Is 42,6; 49,8; 53,12 cái chết của Đức Giêsu tỏ ra trước tiên là vị ngôn sứ tử đạo ban hiến thân mình. Nhờ Ngài mà sau cùng giao-ước-mới được thực hiện.

Dưới ánh sáng của bài nghiên cứu này, bạn thấy bữa tiệc ly có thể mang ý nghĩa gì đối với chúng ta hôm nay.

V. NHỮNG LỜI NGUYỆN KITÔ GIÁO - KINH LẠY CHA:

Trước hết bạn hãy đọc bản kinh này trong Mt 6,9-13 và Lc 11,2-4.

Bản văn của kinh này đôi khi khó hiểu: chữ "hằng ngày" là chữ độc nhất trong văn chương Hy Lạp, công thức về "sự cảm dỗ" tối nghĩa (hãy xem các chú thích của TOB, đúng là một lời chú giải). Các bản văn của Mt và Lc khác nhau: chúng tỏ các môn đệ đã chú trọng sao cho trung thành với tư tưởng của Đức Giêsu hơn là lặp lại chính xác từng chữ của Ngài.

Hãy so sánh 2 bản, chú ý những chi tiết giống nhau và khác nhau.

"Lạy Cha chúng con, Đấng ở trên trời". Chữ "chúng con" gọi lên ý gì? Hai ý tưởng gần gũi (Cha của chúng con) và siêu việt (ở trên trời) được xếp gần nhau như thế muốn nói lên điều gì? Chữ "Cha" có lẽ là chữ "Abba" (ba ơ) giúp ta thấy nét độc đáo trong thái độ của Đức Giêsu và của các Kitô hữu (Mc 14,36; Rm 8,15; Cl 4,6).

"Thánh hoá" Thánh hoá Thiên Chúa là thế nào? xem Ed 20,41; 36,20t.

"Xin cho nước Cha đến": lời này muốn xin điều gì? xem lại bài "các phép lạ và triều đại Thiên Chúa".

"Ý của Thiên Chúa" là gì? xem Mt 14,18; Ep 1,9-10; 1Tm 2,4; Ga 6,39-40.

"Bánh" về nhiều ý nghĩa có thể có chữ "hằng ngày", hãy xem những chú thích trong sách Thánh kinh của bạn. Bánh này là bánh gì? chỉ lương thực trần thế hay là bánh của nước Thiên Chúa.

"Sự tha thứ": đây là nét đặc trưng chủ yếu của Do thái giáo và Kitô giáo; bởi vì Thiên Chúa đã tha thứ cho chúng ta, nên chúng ta không thể không tha thứ.

"Cám dỗ": ta không xin Thiên Chúa đừng để chúng ta gặp thử thách (như Ngài đã thử thách Abraham; St 22,1 và dân Ngài; Đnl 8,2) mà là xin Ngài đừng để chúng ta rơi vào cơn thử thách quá sức chúng ta.

Hãy xem văn mạch: lý do Đức Giêsu dạy kinh này theo Mt và Lc. Chủ đề nào được triển khai tiếp trong Mt 6,14-15 và trong Lc 11,5-13?

NHỮNG LỜI NGUYỆN KHÁC:

Tân ước đã lưu giữ cho chúng ta được khá nhiều lời nguyện. Bạn có thể đọc chúng và nghiên cứu vào lời. Sau đây là một số lời nguyện:

Magnificat: Lc 1,46-55; Benedictus Lc 2,68-79; Nunc dimittis Lc 2,29-32; Lời nguyện của cộng đoàn trong Cv 4,23-31; Những thánh ca do Phaolô soạn tác hoặc sưu tập Pl 2,6-11; Cl 1,12-20; Ep 1,3-9; 3,4-21; 1.Tm 4,16; 6,15-16; 2.Tm 2,8; 2,11-13; Dt 13,20-21...; Thánh

thi của 1P 1,3-9; rất nhiều lời tung hô phụng vụ trong sách Khải huyền...

CHƯƠNG VIII

SÁCH KHẢI HUYỀN

Đây là một quyển sách đầy máu lửa làm ta bối rối khó hiểu. Mọi sự trong đó đều lạ lùng, từ cú pháp tới hình ảnh và lý luận... Đứng trước một bức tranh không gợi hình ta đừng có hỏi "nó vẽ gì vậy" tốt nhất nên hỏi "nó đã tạo nên ấn tượng gì trong tôi" thì đối đối với sách Khải huyền cũng vậy. Tuy nhiên cũng cần một vài chìa khoá để tìm hiểu chúng.

I. MỘT QUYỂN SÁCH KHẢI HUYỀN:

Quyển này là quyển của Daniên là những sách Khải huyền duy nhất của bộ Thánh kinh, nhưng đây là một văn thể rất thông dụng trong Do thái giáo. Dưới đây là một vài đặc tính chủ yếu của loại văn thể này.

Để duy trì đức tin và niềm trông cậy của tín hữu trong thời kỳ khủng hoảng, một tác giả nào đó cố vén màn lịch sử (đó là ý nghĩa của chữ Khải huyền, tiếng Latin là re-velare, tiếng Hy Lạp là Apocaluptein "vén

màn") để cho người ta thấy lúc tận cùng của thời gian. Và sự vén màn này vừa là bi quan trước hiện tại (thế giới chúng ta đang sống dưới sự kèm kẹp của sự dữ, vô phương cứu chữa) vừa lạc quan trước tương lai (nhưng sau cùng Thiên Chúa sẽ chiến thắng và tái tạo thế giới này).

Bằng kỹ thuật của một vận động viên nhảy xa, tác giả lùi lại về phía sau lưng làm bộ như một nhân vật nổi danh trong quá khứ để "tiên báo" về tương lai gần (giữa thời gian giả định và thời gian mà tác giả đang sống) và về tương lai cùng tận mà tác giả chưa biết rõ lắm, do đó mà ông phải dùng những hình ảnh mơ hồ. Nhờ lùi lại như vậy tác giả mới có thể khám phá được cách thức Thiên Chúa thường dùng để hướng dẫn lịch sử và từ đó ông rút ra những quy luật lớn giúp ông tưởng tượng tương lai. Lấy một hình ảnh khác làm thí dụ: tác giả làm một cuộc "nghiên cứu về quỹ đạo".

Tác giả sách Khải huyền viết có lẽ khoảng năm 95-100 nhưng làm bộ như viết vào khoảng năm 60.

II. MỘT QUYỀN SÁCH TIÊN TRI:

Vì là một quyển sách Khải huyền Kitô giáo cho nên văn thể có thay đổi lớn. Kitô hữu nhìn nhận Đức Giêsu là một Messia, nghĩa là cùng với Đức Giêsu thì cùng tận của lịch sử đã đến đó là chìa khoá để giải thích về thế giới. Do vậy quyển sách này tuy cũng sử dụng được những phương thức soạn tác của các sách Khải huyền nhưng trước hết nó là một quyển sách tiên tri.

Tác giả không cần núp dưới một tên giả mà tự xưng tên rõ ràng: Gioan, tự xác định nơi chốn: ở đảo Patmos và tự giới thiệu: là nhân chứng của Đức Kitô Đấng còn đang sống.

Bề ngoài thì xem ra tác giả bi quan về hiện tại và đang mong chờ một thế giới được tạo dựng lúc tận thế thay cho thế giới cũ của chúng ta. Nhưng một Kitô hữu không thể bi quan mà chỉ có thể lạc quan: Kitô hữu biết rằng Đức Kitô đã chiến thắng và đang hoạt động trong thế giới. Do đó tác giả cũng làm như các vị tiên tri giải thích lịch sử hiện tại để từ đó khám phá ra ý nghĩa cho tương lai.

III. MỘT QUYỂN SÁCH PHỤNG VỤ

Phụng vụ là nơi mà ngay từ bây giờ ta có thể gặp Chúa y như Ngài sẽ xuất hiện vào lúc tận thế. Các Bí tích làm cho Ngài ngay từ bây giờ hiện diện trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta. Đây là xác tín vui tươi mà phụng vụ công bố và cử hành. Chúng ta sẽ thấy tác giả mượn lại phụng vụ Do thái để diễn tả sứ điệp của mình.

IV. TÁC GIẢ

Có phải là người đã viết quyển Tin mừng thứ IV không? Hiện có đủ lý lẽ (về cú pháp, về tư tưởng) để trả lời phải và không phải! Nhưng dù sao vấn đề này chỉ là phụ tùy.

BÀI I

ĐỌC TRỌN TÁC PHẨM

Sao ta không bắt đầu bằng cách đọc trọn tác phẩm này từ đầu đến cuối? Nhiều đoạn sẽ khó hiểu đối với bạn, nhưng chẳng hề gì. Cũng như khi ta bước vào một viện bảo tàng trưng bày nhiều tấm thảm thời xưa, có

rất nhiều điều khiến ta phải kinh ngạc không hiểu. Thì cũng thế, hiện ta đang "sống" trong "viện bảo tàng" Khải huyền.

Dù sao chúng tôi cũng đưa ra vài chỉ dẫn để hướng dẫn bạn, trong đó có một số rất chắc chắn (chẳng hạn tác phẩm này chia thành 3 phần), và một số ít chắc chắn hơn (chẳng hạn những tựa đề và kết cấu của phần trung tâm) Bạn hãy sử dụng chúng nếu thấy chúng có ích, nhưng đừng nghĩ rằng bạn bị bó buộc phải chấp nhận tất cả chúng.

Trong hình thức hiện tại, sách này được trình bày như một bài suy gẫm về Giáo hội: cuộc sống của Giáo hội tùy thuộc vào Thiên Chúa là chủ tể của lịch sử, vào Đức Giêsu vị chứng nhân trung thành, và vào Thánh Linh là Đấng cầu nguyện trong Giáo hội.

I. GIÁO HỘI NHẬP THỂ: 1-3

Sau vài lời dẫn nhập (1,1-3) Ga nói với 7 giáo đoàn ở Tiểu Á. Số 7 là con số biểu tượng của toàn thể. Nghĩa là tác giả nói với toàn thể Giáo hội, nhưng là Giáo hội nhập thể một cách cụ thể trong các giáo đoàn với những khuyết điểm và những đức tính cụ thể. Đây không phải là

Giáo hội lý tưởng trong mơ mà là một Giáo hội rất người như chúng ta biết, một Giáo hội hình thành bởi những nỗi lo sợ, những tội lỗi của chúng ta, và bởi ước muốn phụng sự Chúa của chúng ta.

Ba chương này dễ hiểu và cũng là chủ yếu bởi vì phần nào nhờ chúng mà các chương khác sẽ bớt vẻ trừu tượng và thêm liên quan với chúng ta hơn.

II. GIÁO HỘI DÂN THÂN: 4-20

Đến đây bắt đầu phần Khải huyền đúng nghĩa... cùng với những khó khăn của nó!

Chúng ta thấy Giáo hội chiến đấu và vùng vẫy giữa những vấn đề của thời ấy và của mọi thời. Những vấn đề thuộc 2 loại: tương quan giữa Giáo hội với Do thái giáo (4-11); Giáo hội đối đầu với những thế lực chính trị độc tài (12-20).

1) Giáo hội và Israel (4-11)

Giữa Giáo hội tự nhận là Israel mới, dân đích thực của Thiên Chúa, với Do thái giáo đang bách hại Giáo hội, tương quan như thế nào? Ga trả lời: Giáo hội đúng là "thieu số dư tồn" của Israel, tức là những người trung thành với Thiên Chúa khi tin vào Đức Giêసు, nhưng thieu số dư tồn ấy chính là một dân mở rộng cửa đón hết mọi dân nước.

- Phụng vụ trên trời (4-5)

Hai chương này mở đầu bằng một thị kiến hùng vĩ về Thiên Chúa, chủ tể của lịch sử, đang ngự giữa trung tâm vũ trụ, và về Thánh Linh (4). Chiên Con, Đức Kitô đã bị tế hiến nhưng hiện đang sống, có quyền mở 7 ấn niêm phong Cựu ước (5).

- Những biến cố được thấy từ trên trời: (6,1-8,1)

Thị kiến về 7 ấn cho ta thấy được ý nghĩa ấn dấu (ý nghĩa "Thiên giới") của những biến cố sẽ được kể ra sau đó.

Bạn có thể đọc kỹ thị kiến về dân Thiên Chúa vào lúc tận thế, gồm bởi những người được chọn từ 2 phía khác nhau:

o Những người từ Do thái giáo (7,1-8). Họ có 144.000 người, nghĩa là không phải một số lượng giới hạn như nhiều giáo phái đã tưởng, mà trái lại là một đám đông không đếm nổi. 12 là một con số chỉ Israel (vì có 12 bộ lạc). Số những người được chọn là tích số của $12 \times 12 \times 1000$.

o Những người khác từ ngoại giáo (7,9-17) ở đây Ga bô không sử dụng ngôn ngữ quy ước nhưng nói rõ ra: họ là một đám đông không đếm xuể.

- Những biến cố được sống dưới đất (8,6-11,19).

7 hồi kèn loan báo tai hoạ không phải là những biến cố cộng thêm vào các biến cố phía trước, mà là cho thấy phương diện trần thế của chúng. Sự kiện Israel được chuyển qua Giáo hội được đánh dấu bằng thảm hoạ Giêrusalem sụp đổ vào năm 70: Israel "bị ném ra ngoài cho lương dân giày đạp" (11,1-2). Nhưng Giáo hội thay phiên cho 2 chứng nhân uy tín của Cựu ước (Môisê và Êlia 11,6) và nhất là cho Đức Giêsu (11,7-12) mang sứ điệp đi loan báo đến tận cùng thế giới.

Chuyện "ăn quyền sách nhỏ" (10) báo trước ở đây điều sẽ được nói lại ở chương 14.

"NHỮNG VỞ TUỒNG MÀU NHIỆM" THỜI TRUNG CỔ:

Đó là những vở tuồng được viết ra ở các cổng vòm nhà thờ. Không có thay đổi cảnh. Khán giả được xem toàn cảnh: một bên là những biến cố ở trần gian và bên kia là triều đình thiên quốc đang phán xét những biến cố ấy.

Dường như Ga cũng sử dụng phương thức ấy. Ông dùng hình ảnh để trình bày một biến cố, sau đó cho thấy ý nghĩa vô hình của nó mà ông thấy được nhờ đức tin. Chẳng hạn những biến cố xảy ra sau khi mở 7 ấn (6-7) được tiếp nối bởi những biến cố khác sau 7 hồi kèn (8-11). Đây không phải là những biến cố thêm vào nhau, mà là hai mặt hữu hình và vô hình của cùng những biến cố.

2) Giáo hội và những thế lực độc tài (12-20).

- Thị kiến người phụ nữ với con rồng (12,1-6):

Thị kiến này đánh dấu một chỗ ngoặt. Nó cho biết điểm chủ yếu của tất cả những gì sẽ xảy ra tiếp: Giáo hội sinh ra Đấng Messia trên Đồi Sọ, Đức Giêsu được tôn vinh và satan bị đánh bại, satan tìm cách làm hại Giáo hội nhưng Thiên Chúa che chở Giáo hội. Các thị kiến tiếp sau triển khai quang cảnh tổng quát này.

- Các lực lượng có mặt (12,7-14,5):

Ở đây tác giả cũng trình bày mấu chốt bí mật của cuộc chiến đấu "trên trời" Micae đánh bại con rồng, nghĩa là Thiên Chúa chiến thắng sự dữ (12,7-18).

Nhưng cụ thể thì đó là cuộc chiến đấu dưới đất giữa các thế lực do satan giật dây với những kẻ trung thành với Chiên Con. Các thế lực gian tà được trình bày bằng 2 con thú: "con thú dưới biển" (13,1-10) là biểu tượng của những đế quốc độc tài (khi đó là Rôma), và "con thú trên đất" phục vụ con thú kia (13,11-18) là biểu tượng của những ý hệ phục vụ các đế quốc độc tài. Đối diện với chúng là Chiên Con và những người theo Ngài (14,1-5).

- Loan báo án xử (14,6-19,10).

Việc loan báo được thực hiện trong 4 thời:

- Trước tiên là công bố Tin mừng và án xử (14,6-13): đoạn này lấy lại cảnh "quyển sách nhỏ của ch.10. Quyển sách nhỏ ấy là Phúc âm. Còn án xử là Babylone bị sụp đổ tức là sự sụp đổ của Rôma và tất cả những đế quốc độc tài-và những kẻ trung thành được nghỉ yên.

- Nhưng trước khi chiến thắng thì những kẻ trung thành phải qua cuộc thụ nạn: các vị tử đạo được trình bày như những trái nho phải bị đập trong bồn vào mùa gặt hái (14,14-20). Tuy nhiên chiến thắng là chắc chắn nên đã có thể hát mừng (15).

- Sự sụp đổ của các đế quốc độc tài (16-17) được tiêu biểu bởi Babylone (18) và một thánh ca hát mừng chiến thắng của những kẻ được chọn (19,1-10)

- Chiến thắng cuối cùng của Messia (19,11-20,15) cũng được trình bày ở 2 bình diện:

+ Trên trời: Đức Kitô xuất hiện, mặc áo đỏ, không còn phải là nhuộm máu của các kẻ thù nữa mà bởi máu của chính Ngài.

+ Dưới đất: "1.000 năm" của lịch sử Giáo hội.

II. GIÁO HỘI BIẾN HÌNH 21-22:

Sau những chương đầy máu lửa trên, phần cuối giống như một bản hợp xướng vui tươi kết thúc vở tuồng, dẫn chúng ta vào cảnh thái bình của địa đàng. Đây cũng là địa đàng của sách Sáng thế, nhưng Ga khuyên cáo chúng ta rằng đây không phải là tiếc nuối một thời vàng son đã mất, mà là hi vọng ở phía trước chúng ta.

Giáo hội từ trời ngự xuống. Nói thế nghĩa là Giáo hội vừa là ở dưới thế mà chúng ta đang sống. Nhưng đồng thời cũng đã được Thiên Chúa hoàn toàn tái tạo. Giáo hội này thực sự trở thành nước Thiên Chúa, trong đó Thiên Chúa cùng với Chiên Con đặt chỗ ở đây, một nước phổ quát khắp vũ trụ trong đó mọi dân tộc đều cảm thấy như đang ở nhà mình và Thiên Chúa trở thành tất cả trong mọi người.

Thế nhưng đó chỉ mới là "thị kiến": nó vừa là điều đã được sống một cách tối tăm mù mịt trong sinh hoạt thường ngày của Giáo hội mà cũng vừa là điều mà Giáo hội đang hướng tới và phải thăng tiến, Vì thế nên Thánh Linh không ngừng khơi lên lời cầu nguyện "Vâng, lạy Chúa Giêsu, xin hãy đến".

Ý NGHĨA BIỂU TƯỢNG CỦA NHỮNG CON SỐ:

7: con số hoàn hảo, sự tròn đầy.

3,5: (phân nửa số 7) sự bất toàn, đau khổ, thời gian thử thách và bách hại.

Chú ý: 3,5 có thể xuất hiện dưới nhiều dạng nhưng giá trị biểu tượng vẫn giữ nguyên, chẳng hạn "một thời, vài thời và nửa thời", "ba năm rưỡi", "ba ngày rưỡi", "42 tháng"; "1260 ngày"...

12: Israel (vì có 12 bộ lạc).

4: thế giới (4 phương hướng).

1000: một số lượng không thể đếm...

BÀI 2

VÀI BẢN VĂN KHẢI HUYỀN

I. NHỮNG BỨC THƯ GỬI CÁC GIÁO ĐOÀN 1-3:

Tất cả những bức thư này đều được xây dựng theo cùng một sơ đồ:

- o Địa chỉ (gọi tên giáo đoàn ấy)

- o Người gởi: Đức Kitô được mô tả bằng một hình ảnh được mượn lại từ thị kiến mở đầu (1,9-20).

- o Kiểm điểm những cái tốt và xấu của giáo đoàn và kêu gọi hồi cải.

- o Một điệp khúc kết thúc mỗi bức thư: "Đó là điều Thánh Linh nói cho các giáo đoàn", và một ơn được hứa ban cho kẻ chiến thắng, mượn từ thị kiến kết thúc (21-22).

Khi đọc những bức thư này, bạn hãy tìm ra cấu trúc của chúng. Sau đó bạn có thể nghiên cứu chi tiết một bức thư, hoặc là quan tâm đến toàn bộ nhưng chú ý riêng tới 2 phương diện sau đây:

- Hoàn cảnh cụ thể của một giáo đoàn là nơi mà giáo đoàn ấy sống đức tin: Thực ra khi đọc phần kiểm điểm giáo đoàn, ta dễ bị ám ảnh bởi một khía cạnh nào đó của một thành phố (chẳng hạn thành Laodicée có một trường thuốc chế tạo một loại thuốc xức mắt) hoặc một biến cố cụ thể xảy ra ở thành phố đó (chẳng hạn thành Sardes nhiều lần bị chiếm bởi một kẻ thù "đến như kẻ trộm"). Hãy đọc các chú thích trong quyển Thánh kinh của bạn: hoàn cảnh cụ thể ấy chỉ là một "dấu chỉ của thời đại", qua đó bạn phải tìm cho ra bản chất của giáo đoàn.

- Việc Đức Kitô đến trong phụng tự: hãy đọc lại những ơn được ban cho kẻ chiến thắng (ở cuối mỗi bức thư). Nếu đặt chúng lại vào văn mạch của những văn phẩm Do thái và Kitô giáo (các chú thích của TOB sẽ rất hữu ích giúp bạn hiểu) ta sẽ khám phá rằng hầu hết ám chỉ đến tới các Bí tích. Áo trắng (3,5), triều thiên (2,10; 3,11), tên mới (2,17), khiến ta nghĩ tới Bí tích Rửa tội; manna (2,17), trái cây sự sống (2,7), bữa ăn (3,20) khiến ta nghĩ tới Bí tích Thánh thể.

Bạn cũng có thể tìm xem có liên hệ gì không giữa những ơn ấy và sự kiện chúng được nhắc lại ở các chương 21-22. Bạn sẽ thấy có những

điều giống nhau, nhưng cũng có một điều khác nhau: các bức thư nhắm tới những cử hành phụng vụ bình thường của các giáo đoàn; còn chương 22 nhắm tới bữa tiệc ly cuối cùng, khi đó Đức Kitô sẽ xuất hiện như thẩm phán và Đấng cứu tinh. Nhưng ngay bây giờ, trong phụng vụ, chúng ta được mời vào bàn của Đức Chúa ấy, trong đó Ngài ban mình cho chúng ta.

II. LỄ TẠ ƠN VĨ ĐẠI: 4-5

Hãy đọc kỹ đoạn văn này, một trong những đoạn đẹp nhất của tác phẩm. Các diễn viên là ai? Họ có liên hệ gì với nhau? Những nơi chốn?

Các qui chiếu về Cựu ước và những chú thích trong sách Thánh kinh sẽ giúp bạn tìm được ý nghĩa của một số hình ảnh. Sau đây là những hình ảnh chính: các kỳ lão là những vị hữu trách trong dân Thiên Chúa, tạo thành một loại "Linh mục đoàn" quanh Thiên Chúa và gọi cho thấy các bộ lão quanh vị Giám mục trong một buổi lễ phụng vụ. Bốn sinh vật tượng trưng cho thế giới thụ tạo, họp lại thành ngai Thiên Chúa ngự. Bảy ngọn đèn dường như có nghĩa là Thánh Linh. Quyển sách là Cựu

ước còn bị niêm ấn chưa hiểu được, bao lâu mà Đức Giêsu chưa mở nó ra.

Hãy tìm những Thánh ca tán tụng. Tán tụng ai? Về cái gì? Hãy lưu ý đến cái nghịch lý diễn tả rất đúng mầu nhiệm Đức Kitô: tác giả loan báo "con sư tử" thế nhưng lại xuất hiện "Chiên Con như đã bị sát tế" (4,5-6).

Có liên hệ gì giữa trời và đất? Giữa Thiên Chúa-Chiên Con-Thánh Linh với vũ trụ-nhân loại?

Hình như đây là nửa đường giữa phụng vụ Do thái giáo và những kinh nghiệm tạ ơn của chúng ta.

o Buổi kinh sáng của phụng vụ Do thái giáo gồm 3 bài tán tạ đóng khung

Bài kinh chema có vai trò tương đương với kinh Tin kính của chúng ta. Bài I tán tạ Thiên Chúa tạo hoá, và cộng đoàn hợp tiếng với các thiên sứ hát bài Thánh Thánh (sanctus - xem một trích đoạn trong khung

dưới đây). Bài II tạ ơn Thiên Chúa đã biểu lộ tình thương với dân Ngài bằng cách ban Luật cho họ. Sau khi đọc kinh Shema thì tới bài II tán tạ Thiên Chúa đã giải phóng dân trong cuộc Xuất hành, là bảo đảm cho ơn cứu độ mà Ngài sẽ còn thực hiện.

o Phụng vụ của Kh 4-5 cũng theo diễn tiến ấy. Hãy tìm các yếu tố của phụng vụ này: tán tạ Thiên Chúa tạo hoá, tán tạ Đức Kitô mở sách Luật cho chúng ta hiểu, tán tạ Chiên Con đã thực hiện cuộc Xuất hành chung cục khiến dân Ngài trở thành một vương quốc tư tế.

o Lễ tạ ơn của chúng ta: Bạn có thể đọc những kinh nguyện Thánh thể mà Giáo hội đang dùng và cũng hãy tìm xem có cùng những yếu tố ấy không.

Lạy Chúa là Thiên Chúa của chúng con và là Vua của vũ trụ, xin tán tạ Chúa vì Chúa tạo nên sự sáng và tối tăm, Chúa làm nên hoà bình và tạo thành vạn vật, Chúa thương xót ban ánh sáng cho trái đất và cho mọi người sống trên đó, Chúa lòng lành không ngừng canh tân công trình tạo dựng mỗi ngày. Lạy Chúa, thật nhiều biết bao những việc Chúa

làm! Chúa đã làm ra tất cả một cách khôn ngoan... Lạy Chúa là Thiên Chúa của chúng con, xin tán tạ Chúa trên trời và dưới đất. Tán tạ Chúa là đá tảng, là Vua và là Đấng cứu độ chúng con, là Đấng tạo thành các thánh. Xin tán tạ Danh Chúa tới muôn đời, Chúa là Đấng tạo dựng các thiên sứ phục vụ Chúa. Và các thiên sứ ngự trên cao thăm của vũ trụ run sợ lớn tiếng công bố Lời Thiên Chúa hằng sống và vĩnh cửu. Tất cả các vị ấy đều được Chúa yêu thương, đều tinh tuyền, quyền năng, tất cả đều run sợ chu toàn ý Chúa là chủ tể của các ngài, tất cả đều tán tụng, ngợi khen và thánh hoá danh của Vua Cả...

Trong niềm vui và an bình của tâm trí, trong một thứ ngôn ngữ tinh tuyền và bằng một khúc ca thánh thiện, tất cả các vị ấy đều đồng thanh tôn kính hát rằng: Thánh Thánh Thánh, Chúa là Chúa cơ binh, toàn trái đất đầy tràn vinh quang Chúa. Rồi các Ophanim và các Thánh hằng sống cùng cất lên một tiếng như thác đổ và nhìn nhau mà chúc tụng rằng: Tán tạ vinh quang của Chúa và nơi Chúa ngự.

Kinh Tán tạ (Yôtzer) của phụng vụ Do thái.

III. NGƯỜI PHỤ NỮ ĐỘI TRIỀU THIÊN CÁC NGÔI SAO: 12,1-6

Chương 12 là bản tóm lược của toàn tác phẩm. Ta cần thấy rõ các diễn viên.

o Con rồng là ai? xem 12,9.

o Đứa trẻ là ai? Câu trích dẫn (c.5) để soi sáng bạn. Tv 2 được áp dụng trong Tân ước để nói tới biến cố nào trong đời Đức Giêsu?

o Người phụ nữ là ai? Trước khi trả lời, bạn hãy nghĩ tới điều mà bạn đã tìm thấy về chi tiết "đứa trẻ". Sau đó bạn hãy đọc Is 54,1; 66,7 và Ba 16,21-22 (mục "diễn từ thứ hai").

o Số phận của người phụ nữ này như thế nào (12,13-14)? Chi tiết "sa mạc" khiến bạn nghĩ gì? (Về ý nghĩa biểu tượng của các con số).

Hình như đây là bản tóm lược mầu nhiệm Vượt qua và tình trạng Giáo hội còn đang xuất hành cho tới lúc tận thế. Bạn có thể nói rõ hơn

không? Điều này có đem lại cho cuộc sống Kitô hữu ý nghĩa nào không?

IV. GIÁO HỘI BIẾN HÌNH: 21-22

Những chương này tuyệt đẹp. Sao bạn không khởi sự bằng cách đọc chúng, đơn giản chỉ để thưởng thức những nét thi vị và tâm tình tôn giáo sâu sắc?

Để đi xa hơn ta phải xem coi những chương này cho thấy mọi niềm hi vọng của Cựu ước và một ngày kia sẽ được đong đầy như thế nào và điều ấy đang trên đường thực hiện như thế nào. Vì đây là những chương cuối cùng của bộ Thánh kinh, nên cuộc hành trình của bạn tới đây cũng đồng thời là một trắc nghiệm cho biết mức độ hiểu biết của bạn về sách thánh. Số lượng những chỉ dẫn quy chiếu in bên lề bản văn có thể làm bạn nản lòng... nhưng bạn có thể chỉ ưu tiên vài chủ đề sau đây:

- Cuộc tạo dựng thứ 2 giống cuộc tạo dựng thứ nhất nhưng không có con rắn và tội lỗi. Bạn hãy đọc St 2-3 và tìm xem chi tiết nào được lấy lại chi tiết nào bị bỏ đi (St 2,9; 3,9).

Cuộc tạo dựng thứ 2 này hoàn thành lời các ngôn sứ thời lưu đày tiên báo về một cuộc tạo dựng mới: hãy xem Is 25,8; 35,10; 40,2; St 3,2. Điều này cũng được diễn tả bởi sự biến mất của biển, sào huyết của những thế lực sự dữ (BJ chú thích Gp 7,12).

- Thành thánh ở đây cũng là tiếp nối của Giáo hội trần thế (Giêrusalem) và vũ trụ, nhưng được hoàn toàn tái tạo (từ trời ngự xuống). Nó là "nơi cư ngụ của Thiên Chúa giữa loài người" như niềm mong chờ của 2.Sm 7,14; Is 7,14; Ed 37,27; Lv 26,11-12... nó là "hôn thê của Thiên Chúa" rạng ngời ánh sáng của Ngài: Is 52,1; 60, 61,10... Is đã từng mô tả các tường lũy của thành này (Is 54,11) và Êdêkiên đã từng dựng lại Đền thờ của thành này (Ed 40). Tuy nhiên trong thành có 12 cổng này (tương đương với số các Tông đồ cột trụ của Giáo hội, nhưng chỉ có nền móng duy nhất là Đức Kitô, 1.Cr 3,11) không có Đền thờ nữa, vì Thiên Chúa là tất cả trong mọi người.

- Địa đàng mới ở đây được đặt trước chúng ta như một nhiệm vụ phải làm và một món quà phải nhận từ Thiên Chúa. Nó được tưới bởi nguồn nước trường sinh vọt ra từ cạnh sườn của Chiên Con bị hiến tế, và nguồn nước ấy mang tên là Thánh Linh. Hãy xem Is 47,1-12; Gcr 13,1-3; Ga 19,34.

- Và tất cả điều ấy hiện đã có mặt trong lời cầu nguyện của Giáo hội và của Thánh Linh, hiện đã được ban cho kẻ chiến thắng trong các bí tích.

BÀI 3

ĐỨC KITÔ CỦA SÁCH KHẢI HUYỀN

I. AI ĐÓ:

Khi trời mở ra Gioan thấy một chiếc ngai, "và trên ngai đang ngự...". Không nêu tên vì không được gọi tên Thiên Chúa. Nhưng chỉ mình Ngài có thể ngự trên tạo vật, vì Ngài là Đấng tạo hoá. Trước mặt Ngài là vũ trụ với 4 phương mà Ed đã nói, nhưng ở đây được chuyển thành 4 séraphim của Isaia để ca tụng Ngài. Hơn nữa Ngài còn là Thiên Chúa

của những cuộc xuất hành: "Đấng đang có, đã có và sẽ đến" (1,4) ta đang chờ tác giả viết "sẽ có". Những chữ "sẽ đến" này dẫn Ngài vào lịch sử. Ngài là Đấng đồng hành với chúng ta qua tất cả những lần "đến" mà sách thánh nói. Và sau cùng trong Con, Ngài đến với chúng ta.

II. ĐỨC KITÔ:

"Chiên Con như đã bị tế hiến" đây hầu như là tên riêng của Đức Giêsu, nó tóm lược tất cả mầu nhiệm của Ngài. Chiên Con chính là người ấy, Giêsu Nazareth vẫn còn đang mang những vết tích - nhưng từ nay những vết tích ấy đã trở thành vinh quang - của cuộc chiến đấu trên thập giá và tấm áo nhuộm thắm máu Ngài đã đổ ra (19,13) Nhưng Chiên Con đứng thẳng (tư thế của Đấng phục sinh) và được tôn vinh ngay trong lòng Thiên Chúa là Đấng cho Ngài ngồi chung ngai. Thánh Linh có 7 ngọn lửa (sự chiếu toả sức sống của Thiên Chúa) đã trở thành sự sáng chiếu soi trong lòng Chiên Con và nhờ 7 mắt ấy cho phép Chiên Con thấy được mọi sự trong ánh sáng của Thiên Chúa (5,6).

Ngôi thứ Hai của Ba Ngôi là người đưa vào vinh quang toàn thể nhân loại - và vũ trụ bao quanh Ngài như hào quang.

Ngài là Chiên Vượt qua mà xưa kia trong cuộc Xuất hành đã bị giết làm lễ tế nhưng nhờ đó mà đem ơn cứu độ cho dân, Ngài là Con chiên đã đổ máu ra để đóng ấn giao ước. Chiên Con ấy được nhìn qua lăng kính cuộc xuất hành mới mà Isaia hát mừng, đã trở thành Người Tôi tớ chịu khổ của Is 53 đã hiến dâng mạng sống để trở thành ánh sáng và giao ước cho mọi dân. Trong Ngài rút cuộc loài người có thể trở thành dân tư tế khiến cho toàn thế giới có được ý nghĩa bằng cách kéo thế giới vào lời ca ngợi Thiên Chúa đã cứu nó.

Nhưng nghịch lý thay, Chiên Con ấy lại biến thành Mực tử, người Mực tử của Ed 34,23 mà thực ra chẳng gì khác hơn là chính Thiên Chúa, Đấng nuôi sống đoàn chiên bằng tình yêu thương (Kh 7,16-17).

Con Người: chính như thế đấy mà Đức Giêsu đã hiện ra với Gioan trong thị kiến đầu tiên (1,12-20) Con Người là nhân vật huyền bí mà Đn 7 tiên báo và chờ sẽ đến vào lúc tận thế. Nay Con Người đã đến

thật. Đức Giêsu vừa là tư tế (mặc áo trắng dài), vừa là vua (thắt đai lưng vàng), tóc Ngài trắng (tượng trưng cho sức trẻ vĩnh cửu); tiếng Ngài hùng mạnh, và chẳng sự gì thoát được khỏi cặp mắt của Ngài, phừng phừng như ngọn lửa và xuyên thấu tận đáy lòng. Từ miệng Ngài phát ra Lời Chúa như lưỡi gươm sắc bén phân cách sự lành khỏi sự dữ.

Cũng như Thiên Chúa, Ngài là trước hết và sau hết, Alpha và Ômêga. Sự phục sinh của Ngài đã đưa Ngài vào sự sống thật. Đáng hằng sống này từ nay nắm giữ chìa khoá Hédès: Ngài đã phá tung cửa âm phủ để cho cuộc sống Kitô hữu trở thành niềm mong đợi của sự sống thật.

Là chứng nhân trung thành - như Đệ nhị Isaia đã thấy - Đức Giêsu có thể làm chứng một cách trung thành bởi vì Ngài đã đi vào cõi bí mật của Thiên Chúa. Trong Ngài chúng ta được biết Thiên Chúa vô hình. Đáng không-ai-biết-được đã trở thành một gương mặt loài người và vẻ đẹp của Ngài từ nay phản phát trên gương mặt của mọi người, vì người môn đệ tiếp bước Ngài phải mang lời chứng của Ngài đến khắp thế giới. Theo đệ nhị Isaia vị tử đạo làm chứng bằng cái chết nhiều hơn bằng lời nói.

Đức Giêsu còn là người bạn trung thành gõ cửa để chúng ta mời Ngài vào ăn cùng bàn với chúng ta, và để mời chúng ta cùng ngự trị trên ngai với Ngài (3,14.21).

III. THÁNH LINH:

Ngài là Lửa 7 ngọn không ngừng cháy rực trước nhan Thiên Chúa, Ngài là ánh nhìn có 7 mắt của Đức Kitô, nhưng trước hết Ngài là Đấng nói cho ta những lời của Đức Kitô: mỗi bức thư của Đức Kitô gửi đều kết thúc bằng câu "Đó là Lời Thánh Linh nói" (1,3). Thánh Linh như người mẹ hiền đưa ta vào giấc an nghỉ (14,13) nhất là Ngài chính là tình yêu thương thì thầm nói vào trái tim của Hôn thê những lời nàng phải nói: "Vâng lạy Chúa Giêsu xin hãy đến".

BÀI 4

"THEO LỜI SÁCH THÁNH"

Lắm khi trong lúc học Tân ước chúng ta nhắc tới Sách Thánh (tức là Cựu ước đối với chúng ta). Sách Thánh tạo thành môi trường văn hoá

và tín ngưỡng cho những Kitô hữu đầu tiên cũng như những người Do thái. Nó giúp ta phần nào đi vào thế giới biểu tượng của họ và hiểu được ý nghĩa sâu sắc của một số thuật ngữ thoát mới nhìn thì xem ra rất tầm thường, như "ngày thứ ba", hoặc của những thực tại trong cuộc sống hằng ngày như "mục tử", "vườn nho"...

Sâu sắc hơn nữa, Sách Thánh còn và vẫn còn là biểu lộ lời hứa của Thiên Chúa và niềm mong đợi của con người. Đối với các môn đệ cũng như đối với chúng ta, Đức Giêsu chỉ được hiểu khi Ngài được đặt vào bối cảnh của lời hứa ấy và như câu trả lời cho niềm mong đợi của chúng ta.

Để thêm xác tín, sau đây chúng ta sẽ xem lại một cách vắn tắt một vài bản văn đã học, và nghiên cứu thêm một bản văn khác.

I. NHỮNG TỪ ĐẦY Ý NGHĨA:

Ai trong chúng ta cũng đều có những từ mà do giáo dục, học hỏi và những biến cố trong đời, chúng mang một ý nghĩa rất riêng tư của

chúng ta, một người khác không có cùng kinh nghiệm sống như chúng ta khó mà hiểu được.

Cũng vậy, những người Do thái và những Kitô hữu đầu tiên, do thường đọc các Sách Thánh, nên đối với họ một số từ mang nặng ý nghĩa mà chúng ta ngày nay khó cảm nhận được; ngay cả những bản dịch cũng không thể lột được ý nghĩa đó. Dưới đây là 2 thí dụ:

Lc bắt đầu tường thuật cuộc hành trình lên Giêrusalem như thế này: "Khi tới lúc sắp được cất lên khỏi thế gian, Đức Giêsu cương quyết lên đường đi Giêrusalem" (9,51 TOB). Trạng từ "cương quyết" có lẽ gợi lên trong trí chúng ta sự quyết định dứt khoát và can đảm của Đức Giêsu, nghĩa là nó hướng chúng ta đến một lối giải thích tâm lý: may thay câu này được chú thích như sau: dịch sát chữ là "Ngài làm cho mặt mình cứng lại" để lên đường (Is 50,7). Thuật ngữ lạ lùng trên là mượn từ một bài thơ nói về Người Tôi tớ của Isaia. Mặc dù Người Tôi tớ ấy bị bách hại, bị khắc nhổ vào mặt và bị giạt râu, nhưng vẫn làm cho mặt mình cứng lại để khỏi chùn bước, vì có Chúa giúp sức cho người. Như thế, "cương quyết" trong bản văn của Lc mang một ý nghĩa khác hẳn,

không còn phải là tâm lý nữa mà là Thần học. Điều mà Lc quan tâm trước hết không phải là tâm trạng của Đức Giêsu mà là cho thấy Đức Giêsu xác tín mình chính là Người Tôi tớ của Isaia, Ngài biết mình có trách nhiệm đối với sứ mạng đã lãnh nhận, nên sẽ không chùn bước dù phải chịu đau khổ bởi vì Thiên Chúa sẽ giúp sức Ngài.

Trong lời nhập đề tường thuật thụ nạn, Mt kể rằng chính Đức Giêsu báo tin Ngài sắp chết, tiếp đó Mt viết "khi đó các thượng tế và kỳ lão của dân tụ họp lại trong dinh của vị thượng tế..." (Mt 26,3 TOB). Ta có cảm tưởng đang đọc một bài tường thuật đơn thuần. Nhưng BJ ghi bên lề 4 qui chiếu. Quy chiếu thứ nhất là Ga 11,47-53 chỉ ta đọc một bài tường thuật chi tiết hơn của Ga. 3 qui chiếu kia rất lạ: Tv 2,1-2; Cv 4,25-27; 31,14. Trong cả 3 ta đều gặp động từ "tụ họp lại" và động từ này không được dùng trong tường thuật thụ nạn của các Tin mừng khác. Hơn nữa Mt còn dùng động từ này ở 26,57; 27,62; 28,12 khi nói về "sự tụ họp" của các thượng tế để chống lại Đức Giêsu. Ta lại gặp nó ở Cv 4,25-27 là những câu trong đó tác giả trích dẫn Tv 2. Như vậy có thể nghĩ rằng

khi chọn động từ này, Mt muốn ám chỉ tới Thánh vịnh ấy. Và nếu đúng thế thì ý nghĩa của cuộc thụ nạn được soi sáng nhờ Tv 2.

Khi bắt đầu bài tường thuật của mình, Mt đã cảm thấy khó khăn: ông muốn thuật lại cuộc thụ nạn của Đức Giêsu, nhưng làm sao mà độc giả có thể chấp nhận được? Nếu Đức Giêsu thực sự là Đấng Messia thì làm sao mà Ngài có thể bị chối bỏ bởi những chức trách Do thái vốn được Thiên Chúa đặt lên để nhận ra Đấng Messia khi Ngài đến? Khi nói những ông này "tụ họp lại" y như những kẻ thù trong Tv 2 tụ họp lại để chống Thiên Chúa và Đấng Messia của Ngài, Mt tuyên bố rằng: nếu các ông ấy chối bỏ Đức Giêsu thì đó chính là vì họ là những người hung ác mà Tv 2 và Tv 31 đã nói. Như vậy Đức Giêsu chính là Đấng Messia. Và nếu bây giờ Ngài đang sống, về đầu của Thánh vịnh (kẻ thù tụ họp lại mưu hại Ngài) thì có thể chắc chắn rằng các vế kia cũng sẽ được thực hiện: Thiên Chúa sẽ can thiệp và tấn phong đấng Messia của Ngài làm Đức Chúa trên khắp thế giới.

II. NHỮNG THỰC TẠI ĐẦY Ý NGHĨA:

Một nhân vật hoặc một biến cố quá khứ có thể mang đầy ý nghĩa để diễn tả điều gì đó của thực tại chúng ta đang sống. Chẳng hạn như ta nói về một đứa trẻ "nó đúng là hình ảnh của cha nó".

Cũng thế người Do thái và những Kitô hữu đầu tiên đã khám phá trong lịch sử quá khứ của họ nhân vật (Môisê, Đavít, Êlia...) và những biến cố (xuất hành, thoát cảnh lưu đày...) có khả năng làm cho điều họ đang sống có được ý nghĩa. Nhưng cách khám phá của họ sâu sắc và phức tạp hơn chúng ta. Đối với chúng ta những nhân vật và biến cố chỉ là những thí dụ, những hình ảnh đơn thuần. Còn đối với họ, chúng thực sự mang một ý nghĩa, một niềm hi vọng; một cách nào đó chúng chính là biểu hiệu trước cho điều chỉ sẽ là thực tại vào lúc tận thế hoặc trong Đức Giêsu Kitô. Còn hơn là những thí dụ, chúng chính là những mô hình.

Tiếc thay ở đây chúng ta không thể khai triển khía cạnh rất quan trọng ấy. Chúng ta sẽ có một thí dụ khi học cuộc truyền tin cho Đức Maria: Lc trình bày bức tranh như con gái Sion và Đức Giêsu như Con vua Đavít. Nhưng ta cũng còn phải xem Đức Giêsu đã được trình bày như

Adam mới (Rm 5,12t; Lc 3,38), Môisê mới, Êlia mới, hòn đá bị loại bỏ nhưng lại được nâng lên, Đền thờ, Con Người... như thế nào.

***** TRUYỀN TIN CHO ĐỨC MARIA:**

1) Một tường thuật truyền tin:

Hãy đọc bản văn này và chú ý xem nó gồm bao nhiêu phần. Tiếp đến hãy đọc bài truyền tin cho Zacaria (Lc 1,5-25) và truyền tin cho Ghêđêon (Tl 6,11-24) bạn sẽ thấy cùng một sơ đồ, cùng những yếu tố và cùng những câu hỏi như nhau! nghĩa là ở đây Lc sử dụng một văn thể rất thông dụng. Mà trong văn thể này điều tác giả nhấn mạnh không phải là đức độ hay tâm lý của đương sự mà vì lợi ích của dân Thiên Chúa.

Nếu cái khuôn là chung thì những lời thiên sứ nói với Đức Maria có thể cá biệt không? bạn hãy so sánh những lời ấy với những bản văn Cựu ước (c.28: Xp 3,14-16c.30-31; Is 7,14 Xp 3,14-16c.32-33; 2Sm 7c.35; Xh 40,35; Ds 9,18.22c.37-38; St 18,14. Đặt những lời Cựu ước vào

miệng thiên sứ, đó là một cách Lc nói rằng Đức Maria và Đức Giêsu nằm trong kế hoạch của Thiên Chúa.

2) Đức Maria là ai đối với Lc?

- "Con gái Sion" Thiên sứ lấy lại lời tiên tri của Sôphônia hoặc những lời khác rất tương tự như Ge 2,21-27; Gcr 2,14-17; 9,9-10. Trình bày Maria như con gái Sion vào thời cùng tận, tức là xem người lãnh sứ mạng gì? điều này có liên quan gì tới bản thân chúng ta?

- Tên mới đặt cho Maria xuất phát từ một động từ mà ta chỉ gặp 1 lần trong Tân ước, đó là Ep 1,6 trong đó tên ấy được gán cho Giáo hội của thời tận thế. Chi tiết này soi sáng gì thêm cho tước hiệu được gán cho Đức Maria "hình ảnh của Giáo hội"?

- Thân mẫu của Emmanu-El: Is 7,14

- Người đầu tiên của những kẻ tin, là nguồn gốc của một dân mới, cũng như Abraham do đức tin nên là tổ phụ của dân cũ (St 18,14).

Như vậy Lc không quan tâm trước tiên đến tâm trạng và đặc ân của Đức Maria, ông quan tâm đến sứ mạng của người trong Dân Thiên Chúa, trong Giáo hội, bạn thử nói rõ hơn về sứ mạng này?

3) Đức Giêsu là ai đối với Lc?

- Con vua Đavít hoặc Con Đấng Tối cao. Ngài là Emmmanu-El của Is 7,14 nhất là Con của Thiên Chúa theo nghĩa Con của Đavít được tấn phong làm vua trong 2Sm 7. Như vậy Đức Giêsu làm trọn sự mong chờ của Israel. Nhưng một cách kì diệu hơn người ta có thể tưởng. Vì thực ra Ngài còn là:

- Con của Thiên Chúa. Động từ "rọp bóng" (tiếng Hy Bá Lai là shakan) chỉ xuất hiện trong vài bản văn Cựu ước với 1 nghĩa rất mạnh: chính bản thân Thiên Chúa đến ngự trong Đền thờ Ngài. Động từ này sinh ra chữ Shekinah diễn tả sự hiện diện thực sự của Thiên Chúa giữa dân Ngài. Nghĩa là bây giờ Đền thờ thật, duy nhất chính là lòng của Đức Maria, và chữ "Con của Thiên Chúa" mang một nghĩa hoàn toàn khác với chữ "Con Đấng Tối cao" (c.32).

Bạn thử nói rõ hơn xem bằng cách nào Lc đã sử dụng sách thánh để diễn tả đức tin của ông, một đức tin được khám phá dưới ánh sáng phục sinh; và bằng cách nào chúng ta sử dụng sách thánh để thấy mình cũng có liên quan trong việc này?

III. CẦN PHẢI:

Một vài bản văn có thể cho ta cảm tưởng rằng Đức Giêsu không được tự do, vì đời Ngài đã được viết sẵn trong Sách Thánh và Ngài chỉ có thực hiện cho trọn mà thôi: "Con Người cần phải bị nộp... Cần phải ứng nghiệm Sách Thánh..." (Lc 24,7; Cv 1,16). Thực ra đây không phải là bó buộc, mà là một cách giải thích nhờ dựa vào Sách Thánh.

Thí dụ một người nói "Điều đó phải đến", người ấy không có ý nói "Điều đó đã được viết sẵn rồi, chẳng còn làm gì khác được", nhưng đúng ra là nói "Điều đó xảy đến là hợp lý thôi, theo kinh nghiệm của biết bao điều đã xảy ra trước đó". Để tìm hiểu một biến cố, người ấy đã dựa vào quá khứ để giải thích và thấy rằng bây giờ thì sự việc rõ ràng phải xảy ra như thế thôi chứ không cách nào khác được.

Cũng thế để hiểu tại sao Đấng mà hiện giờ mình coi là Messia; là Con Thiên Chúa lại có thể bị dân mình chối bỏ và cuối cùng bị giết chết; các Kitô hữu đặt cái chết ấy vào luân lý của đời Ngài, thái độ Ngài, lập trường Ngài (chống các nhà cầm quyền và đứng về phía Thiên Chúa và những người nghèo). Họ nhận thấy rằng sứ điệp của Đấng Messia này rất khác với người ta tưởng, cho nên "Điều đó phải xảy ra thôi", nghĩa là Ngài phải bị chối bỏ và giết chết. Nhưng các Kitô hữu còn truy tầm xa hơn nữa, đến tận Sách Thánh, để định vị cuộc đời và cái chết của Đức Giêsu trong luân lý của thái độ Thiên Chúa. Trong bài "Triều đại của Thiên Chúa" chúng ta đã thấy Thiên Chúa không trung lập, Ngài đứng về phía kẻ bị áp bức và do đó chính Ngài cũng bị dân Ngài chối bỏ. Như thế, các Kitô hữu giải thích số phận của Đức Giêsu theo ánh sáng của Người công chính bị bách hại trong các Thánh vịnh, của Người Tôi tớ chịu khổ trong Isaia, Thiên Chúa thế nào thì Đức Giêsu cũng thế ấy. Ngài cần phải bị chối bỏ và bị giết chết...

Rất có thể các môn đệ chỉ đi theo một lối giải thích được chính Đức Giêsu khơi mào, vì thực ra người ta không chờ cho biến cố xảy ra rồi

mới giải thích. Thí dụ Martin Luther King: Ông đã đấu tranh cho mọi người được bình đẳng. Thế rồi vào một lúc nào đó trong đời, ông phải hiểu rõ rằng nếu cứ tiếp tục đấu tranh như thế thì có thể mất mạng. Vì trung thành với sứ mạng, ông cứ tiếp tục, nhưng ông phải chấp nhận có thể chết và phải tìm ra một ý nghĩa của cái chết đó.

Hình như lúc bắt đầu sứ vụ, Đức Giêsu nghĩ rằng Ngài có thể hoàn thành sứ mạng một cách dễ dàng, những người Do thái vui vẻ đón nhận sứ điệp của Ngài. Thế nhưng sau đó Ngài đã phải thừa nhận rằng Ngài đã làm cho người ta thấy khó chịu quá. Nếu cứ tiếp tục thì tương lai sẽ rất nguy hiểm. Ngài không hề muốn chết (thậm chí có lần Ngài lánh đi để khỏi chết Ga, 11,54). Tuy nhiên vì trung thành với sứ mạng Ngài phải đương đầu với cái chết và tìm cho nó một ý nghĩa. Ý nghĩa ấy Ngài đã tìm được khi suy gẫm sách thánh: Ngài sẽ lên Giêrusalem như Người Tôi tớ của Isaia. Ngài đặt cái chết của mình vào giòng tiếp nối cái chết của các ngôn sứ (dụ ngôn những người thợ vườn nho sát nhân Mt 21,33-44; Mc 12,1-11; Lc 20,9-18).

IV. SÁCH THÁNH HAY ĐỨC GIÊSU?

Các Kitô hữu đầu tiên cũng như những người Do thái đã chăm chỉ đọc lại sách thánh để tìm trong đó một ý nghĩa cho đời mình. Phương pháp giải thích của họ cũng như nhau nhưng lại rất khác nhau.

Đối với người Do thái, sách thánh là trước hết. Họ vận dụng nó, hiện thời hoá nó để tìm những bài học cụ thể áp dụng vào đời sống. "Lẽ sống của tôi chính là Luật", Phaolô đã có thể nói thế. Còn đối với Kitô hữu từ nay Đức Giêsu phục sinh là trung tâm, là chìa khoá của tất cả. Để hiểu rõ hơn mầu nhiệm và sứ mạng của Ngài họ đặt Ngài vào sách thánh, như thế tức là sách thánh phục vụ cho Đức Giêsu Kitô. "Lẽ sống của tôi chính là Đức Kitô".

Sai lầm của một vài lối giải thích của một số Kitô hữu là dựa vào các lời tiên tri để lập luận: "Đức Giêsu đã thực hiện các lời tiên tri, như thế chứng tỏ Ngài là Thiên Chúa". Những người này đi từ sách thánh để tới Đức Giêsu. Còn các Kitô hữu đầu tiên thì đi từ Đức Giêsu để ngược về sách thánh. Ta hãy lấy một thí dụ: theo Mt 26,15 Giuđa đã được trả cho 30 nén bạc, điều này thực hiện lời "tiên tri" Gcr 11,12. Nhưng Mc và Lc không nói tới chi tiết 30 nén bạc, mà chỉ nói đơn giản "người ta thoả

thuận trao tiền cho hắn" ta phải hiểu Mt cố tìm một ý nghĩa: ông thấy Đức Giêsu đã bị dân mình chối bỏ cũng như chính Thiên Chúa đã bị. Khi sử dụng chi tiết 30 nén bạc của Zacaria, ông không có ý ghi ra một chi tiết đúng lịch sử mà là đưa ra một giải thích Thần học: Đức Giêsu là chính Thiên Chúa bị dân mình chối bỏ.

Bằng cách thức đó, các môn đệ mở cho chúng ta một con đường: ngày nay cũng thế, để cho đời mình có một ý nghĩa phục vụ Đức Kitô chúng ta phải đặt nó vào sách thánh.

CHƯƠNG CUỐI

BẮT ĐẦU TIN MỪNG

"Bắt đầu" thực là một tựa đề lạ lùng cho chương kết thúc! Thực ra như bạn đã thấy, chữ "bắt đầu" này có 2 ý nghĩa. Chúng tôi muốn kết thúc cuộc hành trình Tân ước này theo 2 hướng: "bắt đầu" vừa có nghĩa là khởi hành vừa có nghĩa mở lối về tương lai.

Điểm khởi hành là Tin mừng, chính là Đức Giêsu Nazareth. Qua những bản văn Tân ước, chúng ta có thể thực sự biết gì về Ngài?

Đức Giêsu đã mở một tương lai cho Tin mừng: cho những bản văn Tân ước mà cũng là cho cuộc sống của các Kitô hữu từ 2000 năm nay. Phải chăng Tin mừng đã bị đóng lại? hay là ngày nay chúng ta vẫn còn phải tiếp tục viết Tin mừng?

I. ĐỨC GIÊSU - BẮT ĐẦU TIN MỪNG:

Ta hãy nhìn lại cuộc hành trình ta đã đi qua. Có lẽ chúng ta đã bắt đầu với ý tưởng này là các sách Tin mừng giúp ta tiếp xúc trực tiếp với Đức

Giêsu: chỉ cần mở Tin mừng ra là có thể nghe được những Lời Ngài nói như thể chúng được ghi vào máy thu âm, và có thể thấy những việc Ngài làm như thể chúng được chụp hình vậy... thế nhưng, đến cuối hành trình thì rõ ràng là sự việc không đơn giản như thế: chẳng có ai đã ghi âm và chụp hình Đức Giêsu cả.

Như vậy phải chăng là ta đã đánh mất một cái gì đó? Trái lại tôi xác tín rằng bạn đã khám phá rõ hơn tất cả những điều bạn thu lượm được. Chúng ta không có được những lời nói và những hình chụp tuy chính xác nhưng không thể hiểu được bởi vì ý nghĩa của chúng vượt khỏi chúng ta. Tuy nhiên những nhân chứng uy tín đã thuật lại và giải nghĩa cho chúng ta hiểu những lời nói và việc làm của Đức Giêsu. Như thế Tân ước đưa chúng ta vào một cộng đoàn sống động và chính với cộng đoàn sống động ấy chúng ta được mời đến gặp gỡ Đức Chúa Giêsu.

Nhưng có thể bạn còn thắc mắc: qua những lời giải thích ấy, liệu chúng ta có thể thực sự đạt tới chính bản thân của Đức Giêsu Nazareth hay không?

1) Phục sinh không phải là một bức tường:

Đã có một thời - đại khái là khoảng các năm 1920-1950 - các chuyên viên vì quá choá mắt trước khám phá về tầm quan trọng của các cộng đoàn Kitô và về công việc giải thích Tin mừng của các cộng đoàn ấy nên đã cho rằng biến cố Phục sinh là một bức tường không thể vượt qua được: Tân ước đã giúp ta hiểu rõ đức tin của các môn đệ Đức Kitô Phục sinh, nhưng không giúp ta biết được nhiều hơn về Đức Giêsu lịch sử . May thay là thời ấy đã qua rồi!

Từ một vài thập niên trở lại đây người ta đã trở lại những lập trường lành mạnh hơn. Phục sinh không phải là một bức tường mà là một lăng kính phản chiếu những nét đẹp huy hoàng của mầu nhiệm Đức Giêsu. Xuyên qua lăng kính này ta có thể thực sự gặp lại Đức Giêsu Nazareth.

Sau đây chỉ nhằm giúp bạn an tâm và không cảm thấy lạc lõng khi tình cờ bạn đọc những bài chú giải chuyên môn hơn, chúng tôi sẽ kê ra một vài tiêu chuẩn mà các chuyên viên sử dụng để tìm lại những lời nói và

việc làm đích thực của Đức Giêsu. Chúng tôi sẽ dừng lại lâu hơn trên những kết quả thu lượm được.

2) Làm thế nào để đạt tới Đức Giêsu Nazareth?

Người ta sử dụng nhiều nhất 2 tiêu chuẩn sau đây đồng thời với nhau: tính độc đáo và tính tương đồng.

a) Độc đáo: là không giống với trước đó và sau đó.

Nếu Đức Giêsu tuyên bố: "Thiên Chúa là Cha của Ta" câu này không độc đáo so với đức tin Do thái, vì Cựu ước cũng đã nói thế rồi. Vậy thì có thể Đức Giêsu có nói câu đó, nhưng cũng có thể người ta đã lấy câu nói thông dụng trong Cựu ước ấy để đặt vào miệng Đức Giêsu. Trái lại nếu Đức Giêsu gọi Thiên Chúa là abba nghĩa là "Ba ơi", tiếng gọi này rất độc đáo vì chẳng có người Do thái nào dám gọi Thiên Chúa như vậy. Vậy thì lời này thật là của Đức Giêsu.

Sau ngày phục sinh, các môn đệ đã nhận ra rằng Đức Giêsu là Kitô, là Đức Chúa, là Con Thiên Chúa. Nếu buổi chiều phục sinh Tôma tuyên

xung "Lạy Đức Chúa của con, Lạy Thiên Chúa của con" thì đó chỉ là đức tin của Giáo hội, nó không độc đáo so với niềm tin của các Kitô hữu sau ngày phục sinh. Cho nên chưa chắc đó là câu nói của Tôma. Trái lại nếu Đức Giêsu tuyên bố "Thậm chí con cũng không biết giờ phán xét" thì đây là một câu xem ra mâu thuẫn với niềm tin của Giáo hội theo Đức Giêsu vì là Thiên Chúa nên phải biết hết mọi sự. Đây là một câu độc đáo không thể do các môn đệ bịa ra. Vì vậy rất có thể đó là câu nói của Đức Giêsu. Cũng thế các môn đệ không thể nào bịa ra cảnh hấp hối trong đó Đấng mà nay họ nhìn nhận Con Thiên Chúa lại sợ chết, hoặc cảnh Ngài xin lãnh phép Rửa của Gioan, một phép Rửa dành cho kẻ tội lỗi.

b) Tương đồng: là giống với trước và sau đó.

Nghĩa là phải có một sự mạch lạc nào đó giữa điều được nói về Đức Giêsu với điều người ta biết được về thời đại của Ngài. Nếu một bài viết bảo rằng Napoléon đã đi duyệt binh dưới tháp Eiffel thì rõ ràng đó là bịa đặt. Khi Đức Giêsu nói "Chúng con đừng đi vào những Hội đường của họ" thì ta biết câu này đã được soạn lại sau khi có dứt đoạn

giữa các Kitô hữu với Do thái giáo, chứ vào thời Ngài chưa có sự đứt đoạn đó cho nên Ngài không thể nói như vậy.

Cũng phải có một sự mạch lạc nào đó giữa những lời của Đức Giêsu với nhau hoặc những thái độ của Ngài với nhau. "Tin mừng của Tôma" (một nguy thư của phái ngộ đạo vào thế kỷ II) kết thúc như sau: "Simon Phêrô nói: Maria Mađalêna phải ra khỏi chúng ta, bởi vì những phụ nữ không đáng sống! Đức Giêsu đáp: Thầy sẽ làm cho nàng thành đàn ông để nàng là Thánh Linh sống động như những nam nhân chúng con; phụ nữ nào trở thành đàn ông thì sẽ được vào Nước Thiên Chúa". Câu này hoàn toàn lạc điệu so với tất cả những gì ta biết về Đức Giêsu, cho nên chắc chắn không phải do Đức Giêsu nói. Hay khi "Tin mừng Ả rập về thời thơ ấu của Đức Giêsu (một nguy thư thế kỷ VII) tả trẻ Giêsu phạt chết tức khắc một thằng bạn đã đụng Ngài té; thì ta cũng biết chuyện này chẳng chút nào giống tính kín đáo của Đức Giêsu khi làm phép lạ, cũng chẳng hợp với lòng yêu thương của Ngài đối với hết mọi người...

Các chuyên viên còn dùng nhiều tiêu chuẩn khác nữa, nhưng những tiêu chuẩn trên là chính. Tuy nhiên ta cần xác định kết quả của công

trình nghiên cứu ấy: nó có khả năng cho biết lời nào và việc nào có thể gán cho Đức Giêsu, nhưng nó hoàn toàn không có ý kết luận rằng những lời nói và việc làm khác chưa thể xác lập chắc chắn là không phải của Đức Giêsu. Công trình nghiên cứu này có thể xác định một vài điểm, nhưng không có ý phủ nhận những điểm khác mà các chuyên viên không thể xác định.

3) Những giai đoạn lớn trong đời Đức Giêsu.

Ở đây chúng ta không đi vào chi tiết những sự kiện và những việc làm của Đức Giêsu mà chỉ trình bày những giai đoạn lớn trong đời Ngài theo kết quả các chuyên viên đã nghiên cứu được.

Đức Giêsu bắt đầu sứ mạng bằng việc lãnh phép rửa bởi tay Gioan, người mà có lẽ Đức Giêsu đã làm môn đệ một thời gian. Sau đó Ngài rời ông.

Ở Galilêa Đức Giêsu rao giảng triều đại Thiên Chúa sắp đến. Dân chúng hồ hởi theo Ngài, nhìn nhận Ngài như một ngôn sứ và có lẽ như đấng Messia. Nhưng niềm mong chờ của họ rất mơ hồ và đầy tham

vọng chính trị nên họ đã thất vọng về Đức Giêsu. Dần dần những đám đông ấy bỏ Ngài. Trong khi đó sức ép của các đối thủ ngày càng mạnh thêm. Đức Giêsu dự đoán rằng nếu cứ tiếp tục theo hướng ấy thì có thể phải chịu một cái chết thê thảm.

Thế là Ngài lên Giêrusalem (nhiều lần, nếu ta tin Tin mừng Ga). Những lời Ngài công kích hệ thống tôn giáo bấy giờ mà Đền thờ là trung tâm đã càng ngày càng khơi thêm sức chống đối của các đối thủ. Cách Ngài đối xử với những kẻ tội lỗi, với dân đen không biết Luật, với phụ nữ, và cách Ngài giải thích Luật một cách tự do nhằm đưa Luật trở về sự tinh tuyền nguyên thủy (chẳng hạn về ngày sabbat) khiến các đối thủ quyết định khử trừ Ngài.

Các vị chức trách tôn giáo (không phải tất cả) kết án tử cho Ngài. Họ đã thành công trong việc lôi kéo các đám đông ở Giêrusalem theo họ. Họ giao Ngài cho chính quyền dân sự để xử tử Ngài. Philatô tìm cách cứu Ngài, không hẳn vì quan tâm tới công lý cho bằng để làm ngược với ước muốn của các chức trách Do thái, nhưng cuối cùng ông phải

nhường bước. Đức Giêsu bị đóng đinh chết vào ngày 7 tháng 4 năm 30 (hoặc ngày 3-4-33).

4) "Thiên Chúa thật và người thật":

"Đức Giêsu ý thức thế nào về chính mình và về sứ mạng?". Đặt câu hỏi này có thể làm bạn ngạc nhiên bởi vì Ngài là Thiên Chúa mà, Ngài phải biết tất cả chứ! Thế nhưng một số bản văn cho phép ta đặt câu hỏi ấy, chẳng hạn bản văn kể Đức Giêsu tuyên bố Ngài không biết về ngày phán xét (Mc 13,32).

Ở đây chúng ta đứng trước một mâu thuẫn: ta chỉ có thể nắm chắc 2 đầu sợi dây mà không biết 2 đầu đó nối với nhau ra sao: Đức Giêsu hoàn toàn là Thiên Chúa và hoàn toàn là người.

Đứng trước một mâu thuẫn cam đoan của chúng ta là luôn bỏ sót một khía cạnh hoặc ít ra chú trọng hơn đến một khía cạnh. Và cách ta nói về mâu thuẫn ấy như thế nào cũng nhấn mạnh nhiều về một khía cạnh. Từ nhiều thế kỷ qua, các nhà Thần học có khuynh hướng "đi xuống": khi trình bày mâu thuẫn Con Thiên Chúa làm người, họ bắt đầu bằng xác

định "Đức Giêsu là Thiên Chúa" rồi sau đó chứng minh Ngài cũng hoàn toàn là người. Thần học ngày nay theo khuynh hướng "đi lên": khởi sự bằng cách nhìn nhận Đức Giêsu hoàn toàn là người, rồi sau đó nghiên cứu Phúc âm để tìm trong thái độ và lời nói của Ngài có gì biểu lộ một liên hệ riêng biệt và độc nhất với Cha không, từ đó kết luận Ngài là Thiên Chúa.

Các môn đệ đầu tiên đã nhấn mạnh nhiều nhất khía cạnh Thiên Chúa này. Theo họ là những người đã từng biết Đức Giêsu và sống với Ngài thì sự kiện Ngài là người đã hiển nhiên. Điều mà họ muốn chứng minh, đó là: con người ấy chính là Thiên Chúa.

Trong lịch sử tiếp theo của Giáo hội (và hiện nay trong cách dạy giáo lý cũng thế) người ta đã lấy điểm tới của các môn đệ làm điểm khởi hành: Đức Giêsu là Thiên Chúa. Từ đó gây nên phản ứng hiện nay: thiên hạ càng khẳng định Ngài là người!

Phản ứng này có thể đưa tới chỗ thái quá, chẳng hạn trào lưu Thần học được gọi là "Thần học về cái chết của Thiên Chúa" hoặc một vài cách

trình bày Đức Giêsu rất bình dân, chỉ là một vị anh hùng, một nhà cách mạng hay một người bò của mình. Chúng ta phải coi chừng cái thái quá ấy, nhưng cũng đừng rơi vào cái thái quá ngược lại!

Kitô hữu xác quyết rõ ràng, cùng với Tân ước và Thánh truyền rằng Đức Giêsu là Con Thiên Chúa ngay từ giây phút đầu tiên nhập thể. Việc đặt câu hỏi về ý thức của Đức Giêsu đối với chính Ngài không phải là hồ nghi về tín điều đó, mà chỉ là cố gắng đặt tín điều ấy trong bước tiến triển của Đấng hoàn toàn là người.

Xưa nay người ta vẫn nhìn nhận rằng Đức Giêsu cũng lớn lên, cũng biết đói, biết lạnh, biết khổ, cũng phải học nói, học cầu nguyện... như mọi người. Mà đã là người thì cũng là có tự do, nghĩa là có thể lựa chọn, phải tìm một con đường của mình, phải mạo hiểm chọn một giải pháp... nếu Đức Giêsu là người đầy đủ thì Ngài cũng phải có một tâm lý và phải có tự do như chúng ta.

Chúng ta đã thấy phía trước (mục "cần phải") rằng hình như ban đầu Đức Giêsu có nghĩ sẽ có thể hoàn thành sứ mạng chỉ nhờ lời rao giảng;

rồi khi gặp chồng đối Ngài đã phải nhìn thẳng vào thực tế có thể bị chết thê thảm và Ngài đã cho cái chết đó một ý nghĩa. Ngài đã không giả bộ đóng kịch hấp hối trong vườn Cây Dầu, nhưng thực sự Ngài đã dấn thân vào cuộc thụ nạn với một niềm tin (theo niềm tin của người Do thái thời đó) rằng Thiên Chúa sẽ làm cho Ngài sống lại vào lúc tận thế ("ngày thứ ba" theo ngôn ngữ Thánh kinh). Hãy lấy một thí dụ so sánh dễ hiểu: khi một đức bé sinh ra, ai cũng biết đó là một "người" nhưng chính nó thì sẽ chỉ ý thức điều đó một cách dần dần thôi. Chúng ta cũng có thể suốt dọc cuộc đời chúng ta, chúng ta gặp nhiều biến cố và nhờ suy nghĩ mà chúng ta dần dần khám phá rõ hơn chúng ta là ai và trách nhiệm của chúng ta là gì. Đối với Đức Giêsu cũng vậy dù hoàn toàn là Con Thiên Chúa ngay từ lúc mới đầu thai, nhưng điều đó Ngài sẽ chỉ ý thức dần dần nhờ những cảm nghiệm mà Thiên Chúa ban cho Ngài sống (chẳng hạn phép rửa và cuộc biến hình), và cũng nhờ Ngài khám phá ra quyền lực có trong Ngài khi Ngài chữa bệnh thể xác và hoán cải tâm hồn người khác.

Khi chúng ta nói "Đức Giêsu đã sống phận người như chúng ta trong mọi sự, chỉ trừ tội lỗi" thì chẳng phải chúng ta giảm nhẹ Thiên tính của Ngài chút nào cả mà trái lại, chúng ta càng thấy rõ hơn "sự khiêm tốn của Thiên Chúa", một Thiên Chúa đã làm người, trọn vẹn làm người, để cho chúng ta trở thành Thiên Chúa.

II. TIẾP TỤC VIẾT TIN MỪNG HÔM NAY?

Phải chăng Tin mừng và Tân ước đã đóng cửa? hôm nay chúng ta có tiếp tục viết nữa không? trước khi trả lời những câu hỏi trên chúng ta hãy xác định xem thư quy là gì và đã được hình thành ra sao?

1) Thư quy Tân ước:

"Thư quy" phát xuất từ một chữ Hy Lạp có nghĩa là "quy định", định ra những quy tắc lý tưởng về một lĩnh vực nào đó. Vào thế kỷ V trước CN, một nhà điêu khắc Hy Lạp phải khắc "theo quy định", nghĩa là phải theo những kích thước chính xác của cơ thể con người: các triết gia thời cổ đưa ra "qui định về các đức tính", nghĩa là ấn định quy tắc chỉ đạo nếp sống luân lý; "quy luật" (droit canon) là những luật được

dùng làm quy tắc cho các tín đồ Công giáo; còn "thư quy" nói ở đây tức là bản liệt kê những sách được Giáo hội công nhận là quy tắc của đức tin.

Không nên lẫn lộn tính hợp quy (canonicite) của một quyển sách (quyển ấy được ghi trong danh mục của thư quy) với tính-tác-quyền (authenticité) của nó (một quyển sách có tính-tác-quyền khi nó được viết bởi chính tác giả được gán cho nó). Phần cuối của Mc (16,9-20) không có tính-tác-quyền bởi vì không do Marcô viết mà là được thêm vào, nhưng vẫn có tính-hợp-quy.

Còn chữ "Giao ước" (Testament) là dịch từ một chữ Hy Bá Lai diathéké có nghĩa là "những thoả thuận giữa 2 bên". Vào đầu thế kỷ III, Tertulien dịch chữ diathéké ra tiếng Latin thành Testamentum, từ đó sinh ra tiếng Pháp là Testament.

Việc ấn định thư quy Tân ước (Giao ước mới) được thực hiện dần dần một cách dò dẫm bằng cách chấp nhận một số sách và loại bỏ một số khác.

Những sưu tập được thực hiện cũng khá nhanh: ban đầu có sưu tập những thư của Phaolô, tiếp đến có lẽ là một sưu tập các sách Tin mừng và những Thư Công giáo (Gcb 1,2; P 1,2,3; Ga và Giuđa).

Đến thế kỷ II do phản ứng chống 2 lạc thuyết nên cần phải định rõ giới hạn của thư quy: thuyết ngộ đạo đã tạo ra rất nhiều Phúc âm (trong đó có Phúc âm của Tôma) và nhiều thư giả mạo của các Tông đồ; ngược lại Marcion (ở Rôma khoảng năm 150) loại bỏ Cựu ước và một phần Tân ước.

Giữa các năm 150 và 300, thư quy hầu như đã cố định trong tình trạng như hiện nay. Sau đây là vài chứng từ của thời đó: "Thư quy Muratori" (do tên người khám phá ra nó) là một văn bản thuộc thế kỷ VIII, có ghi lại bảng liệt kê được Rôma công nhận khoảng năm 180; các văn bản của Irênê (chết khoảng 202), của Clément d'Alexandrie (chết trước năm 215) và của Origène (chết năm 254).

Những sách được công nhận trong những văn bản trên gần giống với thư quy hiện nay. Trong đó có vài quyển đôi khi bị tranh cãi. Như Dt,

Gcb, 1 và 2 P. Ngược lại đôi khi trong đó có thêm vào vài quyển mà ngày nay không còn được công nhận như: Didaché, Pasteur Hermas, Phúc âm của Phêrô...

Đến thế kỷ IV thư quy được cố định hẳn với một vài uyển chuyển tùy các giáo phái.

Trong Giáo hội Hy Lạp, Eusebe de Césarée (chết năm 340) nhìn nhận thư quy như hiện nay, trừ Khải huyền. Nhưng vào năm 367, Athanase cố định thư quy Cựu ước và Tân ước như chúng ta có hiện nay.

Trong Giáo hội Syria bản dịch chính thức (bản Pshitta) không có 2.P; 2 và 3 Ga, Giuđa và Khải huyền.

Trong Giáo hội Latin; Giêrôm - người có công dịch Thánh kinh sang tiếng Latin (bản Vulgate) từ 384-395 - chấp nhận bảng liệt kê của Athanase.

2) Dựa vào đâu để chọn các sách vào thư quy?

Người ta sử dụng nhiều tiêu chuẩn để chấp nhận hoặc loại bỏ các quyền sách: chúng phải có nguồn gốc là các Tông đồ, phải có tính Công giáo nghĩa là được toàn thể các Giáo hội chấp nhận. Những tiêu chuẩn trên đã được sử dụng, nhưng chưa đủ để thành lập thư quy của chúng ta: một vài quyền lúc đó được tưởng là do các Tông đồ, nhưng về sau được biết là do môn đệ của các vị ấy viết.

Tiêu chuẩn tối hậu là như sau: vì Giáo hội được Thánh Linh linh hứng cho nên khi Giáo hội đánh giá một quyền nào là hữu ích, xây dựng... thì quyền đó được cho vào thư quy.

Từ đó trở đi, thư quy kể như đóng cửa, mặc khải đã hoàn tất. Nhưng nói thế phải chăng là ngày nay chúng ta không còn viết Phúc âm nữa?

3) Viết Phúc âm ngày nay:

Có lẽ chúng ta có một ý tưởng khá ngây ngô rằng: các Tông đồ đã nghe Đức Giêsu, các vị ấy đã viết lại những lời nói và việc làm của Ngài. Rồi sau Lễ Hiện xuống, các vị ấy ra đi truyền giáo khắp thế giới, mang theo những sách Phúc âm đã viết sẵn... Thực ra Đức Giêsu đã tập họp các

môn đệ, đã thành lập Giáo hội, nghĩa là Giáo hội đã có trước khi có các Phúc âm và chính Giáo hội đã soạn các Phúc âm ấy.

Chúng ta đã đi theo hướng cuộc hành trình trong sách này bởi vì nó phù hợp với thực tế. Nhưng từ đó cũng phát sinh một hệ quả quan trọng đối với chúng ta ngày hôm nay.

Nếu chúng ta có những hình chụp và những băng ghi về Đức Giêsu thì chúng ta không thể làm gì khác hơn là cứ lặp đi lặp lại như con vẹt. Trái lại nếu Đức Giêsu như được trình bày trong Tân ước là một Đấng được các cộng đoàn Kitô khám phá dần xuyên qua cuộc sống và suy tư của họ thì điều ấy mở cho ta một cánh cửa về tương lai. Những cộng đoàn của chúng ta ngày nay phải tiếp tục công việc khám phá Đức Giêsu xuyên qua cuộc sống và những vấn đề đặt ra ngày hôm nay. Cuộc sống của các Giáo hội ngày nay và dung mạo của Đức Giêsu Phục sinh mà các Giáo hội biểu lộ cho thế giới thấy, đó chính là các Phúc âm mà ngày nay chúng ta phải tiếp tục viết.

Thư Êphêsô (và nhiều bản văn khác) nhắc chúng ta nhớ đâu là công việc mà các cộng đoàn Kitô phải làm: xây dựng nhiệm thể Đức Kitô cho đến khi nhiệm thể ấy đạt tới mức hoàn chỉnh. Nhằm đạt được điều đó, Đức Giêsu Phục sinh đã trang bị cho Giáo hội tất cả những gì cần thiết: Thánh Linh và những tác vụ là những món quà Ngài ban. Các Kitô hữu phải "sinh ra" Đức Kitô cho thế giới (Kh 12,1-6; Ga 16,21-22) và sinh hoạt của các Kitô hữu được biểu lộ trong nhiều văn bản từ những lời cầu nguyện cá nhân hoặc phụng vụ cho tới vô số những cách làm chứng cho Ngài. Đó chính là Phúc âm của thế kỷ XX-XXI này.

Tuy nhiên có một khác biệt cơ bản giữa các Phúc âm mà chúng ta viết với những tác phẩm của Tân ước. Những tác phẩm này được nhìn nhận là Lời của Thiên Chúa làm thành quy luật đức tin cho các Kitô hữu mọi thời và mọi nơi. Với những tác phẩm ấy mạc khải đã đóng cửa: Thiên Chúa đã nói hết với chúng ta trong Con của Ngài. Còn những "Phúc âm" mà chúng ta viết không thêm gì vào những tác phẩm ấy cả: chúng chỉ biểu lộ cho thấy sứ điệp nguyên thủy kia được vang tiếng như thế nào ở một phần đất nào đó của thế giới, và vào một thế kỷ nào đó mà

thôi. Nghĩa là chúng không có tính phổ cập, vả lại chúng cũng chỉ có giá trị trong mức độ chúng phát ra cùng một âm thanh như những tác phẩm Tân ước để làm thành một hợp âm hài hoà cho thế giới ngày nay.

Như thế, các Kitô hữu không bị buộc phải sống rập khuôn một cách thụ độ theo Tân ước, mà được mời gọi sinh ra Đức Kitô cho thế giới và sáng tạo-trong sứ vụ trung thành với sứ điệp đầu tiên-dung mạo của Đấng Phục sinh cho thế giới ngày nay.